

anh
chồng
của
vợ tôi

LUIGI
PIRANDELLO





ANH CHỒNG CỦA VỢ TÔI

Luigi Pirandello

Making Ebook Project
BOOKAHOLIC CLUB





Bookaholic
Making Ebook Project CLUB

Tên sách: **ANH CHỒNG CỦA VỢ TÔI**

Tác giả: **Luigi Pirandello**

Dịch giả: Quỳnh Dung *theo bản tiếng Nga*

Nhà xuất bản: Tác phẩm mới

Năm xuất bản: 1989

Số trang: 229

Khổ sách: 13 x 19 cm

Giá bìa: 1.600 VND

Đánh máy: Mỹ Linh, Văn Định, Thu Hoài, Vân Thu
Soát lỗi: Đức Đăng
Chế bản ebook: Hồng Sơn
Ngày thực hiện: 22/10/2012
Making Ebook Project #284 - www.BookaholicClub.com

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM

TẤM KHĂN CHOÀNG MÀU ĐEN

I

II

III

IV

ĐIỀU KHÔNG NÓI TRẮNG RA

CHUYẾN VIỄN DU

CHIẾC KHUY ÁO KHOÁC

NỮ THẦN SỐNG KHỎA THÂN

HÃY SUY NGHĨ ĐI, GIACÔMÔ!

ĐÊM TÂN HÔN

THÔI CŨNG ĐƯỢC!

Chương 1 BẢN LÝ LỊCH

Chương 2 QUẢ THÔNG

Chương 3 GIÓ

ANH CHỒNG CỦA VỢ TÔI

NGƯỜI ĐANG SỐNG VÀ NGƯỜI ĐÃ CHẾT

CON RÙA

HỜI THỜI

I

II

GIỚI THIỆU TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM



Luigi Pirandello (1867 - 1936) là một trong những nhà văn đặc sắc nhất của phương Tây nửa đầu thế kỷ này. 15 cuốn sách tập hợp những truyện ngắn và truyện vừa đã nhắc ông lên vị trí cây bút số một của đất nước Italia hiện đại. Tiếp đó những vở kịch độc đáo đã đem vinh quang cho ông trên khắp châu Âu. Đến năm 1934 giải thưởng Nôben về văn học lại đưa tên tuổi ông ra toàn thế giới.

Mỗi khi bàn đến văn học Italia hiện đại, người ta không thể bỏ qua **Pirandello**. Ảnh hưởng của ông vô cùng to lớn. Có thể nói toàn bộ nền văn học Italia thế kỷ 20 đã phát triển dưới bóng của cây đại thụ này.

Tuy nhiên văn chương **Pirandello** không dễ mà hiểu được ngay như ở nhiều cây bút cùng thời với ông. Sự đánh giá của giới phê bình văn học, của công chúng rộng rãi đối với ông cũng lại hết sức khác nhau.

Xưa nay người ta thường xếp ông vào dòng hiện thực phê phán. Nhà sáng lập Đảng Cộng sản và lãnh tụ của giai cấp công nhân Italia Antônô Gramsci (1891 - 1937) đã viết vào năm 1917 những dòng nhận xét như sau: “Những vở kịch của ông (của **Pirandello** - N.D) chính là những trái lựu đạn

tạo nên tiếng nổ trong trí óc người xem, phá hủy những ý nghĩ và tình cảm đê hèn”.

Muốn hiểu đúng nhà văn độc đáo này, chúng ta nên biết qua về tình hình văn học và các trào lưu của Tổ quốc ông thời cuối thế kỷ 19 đầu 20. Italia bước vào giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa sớm hơn các nước, nhưng đến thời kỳ này lại bị một loạt nước châu Âu khác vượt lên trên, đẩy Italia xuống hàng những quốc gia lạc hậu và trì trệ, do những giáo lý của Tín ngưỡng cơ đốc còn quá mạnh ở bán đảo này. Nền văn hóa Italia nổi lên rực rỡ vào những thế kỷ 15 - 18 thì nay mờ nhạt. Cuối thế kỷ 19 văn học Italia bắt đầu khởi sắc. Xuất hiện trào lưu “duy thực”. Các nhà văn thuộc dòng văn học này hướng ngòi bút vào việc miêu tả cuộc sống tăm tối, đơn điệu, bất hạnh của dân nghèo nông thôn và thành thị theo kiểu tự nhiên chủ nghĩa. Họ khai thác những sự kiện tụn mủn trong cuộc đời, thậm chí những tin vặt vãnh trên báo chí. Khi mới cầm bút, **Pirandello** chịu ảnh hưởng của dòng văn học này. Nhưng chỉ ít lâu sau, không thỏa mãn với cương lĩnh của nó, ông tách khỏi và đề ra hướng đi khác mà ông mệnh danh là chủ nghĩa “duy hài” và viết cả một cuốn sách để trình bày quan điểm của mình.

Ông cho rằng dòng “duy thực” mới thể hiện vẻ ngoài của cuộc sống, chưa khám phá được bản chất. Nhà văn cần sử dụng thủ pháp phóng đại hài hước và miêu tả cuộc sống dưới hình dạng một tấn hài kịch đáng buồn. Những truyện của **Pirandello** chế giễu sâu cay cả nhưng sự vô lý, bất công trong xã hội, đặc biệt những định kiến tôn giáo hạn chế quyền được hưởng hạnh phúc của mỗi con người.

Dưới ngòi bút hài hước của ông, các nhân vật hiện ra vừa đáng thương vừa đáng giận. Một cô gái hy sinh gần hết cuộc đời, tận tụy chăm lo cho đứa em trai, mãi đến khi em đã thành đạt, mới nhận một mối tình. Nhưng do những định kiến tôn giáo, cô đã tự dần vật mình và chịu một cái chết bi thảm. (*Chiếc khăn choàng đen*). Một ông chồng sắp chết rồi vẫn băn khoăn khi mình chết vợ sẽ lấy ai và đau khổ với ý nghĩ kẻ cướp quyền của mình sẽ là ông giáo dạy nhạc (*Anh chồng của vợ tôi*). Một giáo viên cần cù tận tụy suốt đời chỉ biết nhẫn nhục chịu đựng mọi tai họa, không dám phản kháng bao giờ. (*Thôi cũng được*). Một thanh niên thông minh, tài giỏi, đẹp trai, trung thực chỉ vì sợ hãi dư luận độc miệng mà trở thành kẻ vô ơn đối với

thầy giáo đồng thời là ân nhân của mình. (*Hãy suy nghĩ đi, Giacôminô!*)”
V.V...

Pirandello bao giờ cũng đặt nhân vật của ông vào những tình huống oái ăm, hết sức khác thường, nhằm làm nổi bật hiệu quả tương phản và hài hước. Ông ít khi miêu tả một vài sự việc mà thường nêu cả một số phận, một cuộc đời. Chính vì vậy mà ông hay nói đến cái chết, thích miêu tả quãng đời cuối cùng của nhân vật, như để người đọc thấy rõ hơn đâu là ý nghĩa cuộc sống, sự khờ dại của những kẻ đặt thứ gì đó cao hơn hạnh phúc trần tục.

Có những cái chết do dại dột, do bị cầm tù bởi những định kiến tôn giáo, nhưng không phải không có những người, sắp rời khỏi cõi đời đã nhận ra được sự thật và đã được hưởng hạnh phúc trong thời gian cuối cùng. Đó là Adriana, một phụ nữ nhẫn nhục, cam chịu, theo đúng mọi quy tắc đạo đức nghiêm ngặt nơi tỉnh nhỏ, đến lúc bị bệnh nặng, biết không thể qua khỏi, mới nhận ra được vẻ đẹp của thế giới, mới dám tự cho phép mình hưởng tình yêu, mà lại là một tình yêu tuyệt đẹp tràn đầy hạnh phúc và niềm cuồng nhiệt (*Chuyến viễn du*). Hoặc một cô gái xinh đẹp, mơ mộng, giàu có, sau khi chồng chưa cưới bị tai nạn chết, nhất quyết giữ “chung thủy” với người đã khuất, tự nguyện giam mình trong ngôi biệt thự tuyệt đẹp mà người yêu đã tậu dành cho cuộc sống của họ sau này. Cô thích thú “phóng đại” nỗi đau khổ của mình, cảm thấy trong hành động điên rồ ấy một vẻ “cao thượng”! May thay một họa sĩ khôn khéo và thực dụng đã thức tỉnh cô ra khỏi mơ tưởng hão huyền kia, trở về với cuộc đời vốn tươi đẹp (*Nữ thần sống khỏa thân*). Trong truyện vừa dẫn, tác giả chế giễu cả quan điểm “nghệ thuật vì nghệ thuật” của anh bạn nhân vật chính, cũng là một họa sĩ điêu khắc. Đây là một thí dụ rõ ràng, chứng tỏ những ai bảo **Pirandello** bi quan là không đúng. Ông tin cuộc đời là đẹp, tin rằng ai tỉnh táo và sáng suốt sẽ được hưởng bao niềm vui của cuộc sống.

Cách nhìn đời của **Pirandello** tràn đầy nhân đạo, và rất gần với cách nhìn đời của Sêkhốp, Lỗ Tấn, Brét. Cả bốn văn hào này cũng như nhiều nhà văn nhân đạo khác luôn dùng ngòi bút kêu gọi con người nâng cao hiểu biết, tự giải phóng bản thân mình ra khỏi xích xiềng của những định kiến tôn giáo tai hại, hoặc nói như Sêkhốp, hãy “nặng hết chất nô lệ còn sót lại

trong cơ thể mỗi chúng ta, nặn từng giọt, từng giọt”. Chất nô lệ này tích tụ trong đầu óc mỗi chúng ta, do quá lâu phải sống trong xiềng xích của những giáo điều hủ lậu, những huyền thoại bịp bợm và nguy hiểm về tình yêu mơ mộng, về nghệ thuật cao siêu vân vân và vân vân, những thứ cản trở con người phát huy hết năng lực của bản thân, đồng thời hưởng đầy đủ những niềm vui lành mạnh và hợp lý mà cuộc đời ban cho. **Pirandello** chế giễu cả thói sùng bái sự thật. Sự thật đáng quý nhưng phải được sử dụng hợp lý. Lời nói thật không đúng chỗ có thể dẫn đến những tai họa khôn lường. Ông già Phiorinanzi cả đời thờ phụng sự công bằng. Mỗi lần nhìn thấy hiện tượng gì không hợp lý, ông rất khổ tâm, nhưng với bản chất nhút nhát ông không dám nói ra. Một lần ông quyết định phải tố cáo một “sự thật” xấu xa. Ông chuẩn bị cực kỳ chu đáo, tỹ mỹ để có đủ sức thuyết phục với người sẽ nghe. Không ngờ, người nghe ông tố giác lại đã biết cái sự thật ấy rồi, thậm chí còn biết rõ ràng, và đầy đủ hơn ông nhiều! (*Cái khay áo khoác*). Hoặc trong truyện ngắn khác, việc nói ra sự thật không phải do tôn thờ nó, mà là do ngây thơ. Bác Tarara chắt phác kia đã phải trả giá cho điều bác nói toạc ra bằng 13 năm tù! (*Điều nói trắng ra*).

Văn hào Sécchia đã có lần viết, cuộc đời là một bi kịch với những ai sống bằng trái tim, là một hài kịch với những ai sống bằng khối óc! **Pirandello** là người có trí tuệ nên ông nhìn đời bằng cặp mắt hài hước. Nhưng ông cũng sống bằng cả trái tim, cho nên ông đau xót cho những con người do dại dột, u mê nên phải chịu đau khổ.

Pirandello là nghệ sĩ, không phải nhà lý luận. Do đấy đọc tác phẩm, chúng ta dễ hiểu ông hơn khi ta đọc lý luận của ông. Bởi một lẽ đơn giản là nhà văn, nghệ sĩ rất ít khi đánh giá được chính xác và thật khách quan những sáng tạo của bản thân họ.

Trong cuốn *Chủ nghĩa duy hài* ông có trình bày quan điểm và phương châm của mình. Ông tiếp nhận khái niệm về “mặt nạ” của dòng “duy thực” nhưng phát triển thêm khá nhiều. Sống trong xã hội, mỗi con người đều mang một mặt nạ. Công việc nhà văn là lật cái mặt nạ ấy ra để người đọc thấy được bản chất của nhân vật. Ngay cái gọi là bản chất ấy cũng không nhất quán, mỗi lúc mỗi khác, bởi vì con người là một hiện tượng phức tạp, chịu tác động cùng một lúc của nhiều nhân tố, trước hết là lý trí và tình

cảm, mà hai thứ này ở mỗi con người lại khác nhau và liên tiếp xung đột với nhau.

Pirandello xứng đáng được xếp vào loại nhà văn triết gia. Tác phẩm của ông bao giờ cũng gợi lên những suy nghĩ về cuộc đời và con người.

Tính triết lý đậm đà nhất, sâu sắc và cũng xót xa nhất nằm trong truyện ngắn *Hơi thổi*, có thể coi là viên ngọc sáng chói trong toàn bộ sáng tác của ông. Truyện được viết bằng giọng điệu đùa cợt, nhưng nâng lên đến mức truyền thuyết. Đến truyện này, chúng ta thấy **Pirandello** không còn rơi rớt chút vết tích nào của phương pháp “duy thực” mà ông chịu ảnh hưởng trong thời non trẻ. Nhân vật chính trong truyện có được một phép lạ: chỉ cần thổi phù nhẹ một cái cũng đủ khiến một con người phải chết. Anh ta cứ thổi, và người xung quanh cứ chết. Chẳng luật pháp nào kết án anh ta được. Và bản thân anh ta cũng chẳng áy náy gì, bởi vì “mình có làm gì đâu? Chỉ thổi phù một cái thôi mà! Bao nhiêu người vẫn thường thổi phù một cái nhẹ nhàng như thế!”. Phải chăng tác giả muốn nói rằng, trên đời có những người chỉ làm vài động tác rất đơn giản, nói một câu, giơ tay một cái, luật pháp không thể căn cứ vào đó mà trừng trị, bản thân họ cũng chẳng băn khoăn, chẳng thấy lương tâm cắn rứt gì hết, nhưng câu nói ấy, cái giơ tay ấy lại gây ra chết chóc cho bao nhiêu kẻ khác! Truyện này ông viết vào những năm 30 khi nạn phát xít đã xuất hiện và bắt đầu đe dọa nhân loại, như một lời nhắc nhở trách nhiệm của mỗi chúng ta...

Rất đáng tiếc trong tập sách này chúng tôi chưa giới thiệu được một kịch bản nào của **Pirandello**. Trong sáng tác của ông, những vở kịch chiếm phần quan trọng, và được chú ý nhiều hơn. Những kiệt tác như *Hãngri IV*, *Sáu nhân vật đi tìm tác giả...* đã trở thành kinh điển trong kho tàng kịch bản thế giới. Vở *Sáu nhân vật...* trong những thập kỷ 20 và 30 của thế kỷ này đã được hầu hết những Đoàn sân khấu nổi tiếng nhất của phương Tây dàn dựng và biểu diễn. Những năm đó tên tuổi của **Pirandello** đặc biệt lừng lẫy. Cũng chính thành công lớn lao này đã quyết định việc ông được tặng giải Nôben về văn học ở giữa thập kỷ 30.

Cuối cùng xin được phép nói đôi chút về bản dịch. **Pirandello** chuyên viết bằng thổ ngữ miền Nam nước Italia. Ngay bản in bằng tiếng Italia cũng

chỉ là bản dịch. Bên cạnh đó, văn phong của ông rất dân dã và khó truyền đạt sang một thứ tiếng khác. Chúng tôi đã cố gắng rất nhiều để bản dịch giữ được phong vị độc đáo của ngòi bút tác giả. Nhưng khả năng có hạn, chúng tôi vẫn còn thấy bản dịch này còn xa mới đạt tới mục tiêu chúng tôi tự đề ra. Rất mong bạn đọc lượng thứ.

NGƯỜI DỊCH

TẤM KHĂN CHOÀNG MÀU ĐEN

/

- Khoan đã, - Bãđi nói với bạn anh là Andrêa. - Để mình nói thêm lần nữa. Nếu chị ấy vẫn không chịu thì cậu cứ vào, không cần chị ấy đồng ý.

Cả hai người đều cận thị, cho nên khi nói chuyện với nhau họ đứng sát, hai khuôn mặt gần như chạm vào nhau. Nhiều người tưởng họ là anh em ruột. Trạc tuổi như nhau, họ giống nhau về đủ mọi thứ. Cả hai đều cao, gầy gò và thẳng đuốn. Bất cứ việc gì họ cũng làm tử mỹ chu đáo. Trong lúc nói chuyện, họ luôn tay sửa lại cho nhau khi thì cặp kính cận, khi thì chiếc cà vạt. Nếu như không còn gì phải sửa thì họ mân mê chiếc khuy áo đuôi tôm của nhau. Họ ít trò chuyện với nhau. Và cuộc sống đơn điệu nhàm chán được phản ánh lên khuôn mặt tái xanh của họ.

Họ kết bạn với nhau từ thuở nhỏ, lớn lên cùng vào trường đại học, luôn giúp đỡ nhau. Chỉ có điều một người theo khoa luật, một theo khoa Y. Bây giờ vì mỗi người công tác một cơ quan nên họ chỉ có thể gặp nhau vào các buổi tối, và tối nào họ cũng dạo bước trên con đường chạy dài men theo sườn núi, ở ngoại ô thành phố.

Họ thân thiết nhau đến nỗi, chỉ một cử chỉ nghiêng đầu, một ánh mắt, một lời thốt ra là họ đã hiểu nhau đầy đủ. Trong những cuộc dạo chơi, lúc mới cất bước họ trao đổi với nhau vài lời ngắn ngủi, rồi sau đấy không nói gì nữa, lặng lẽ đi bên nhau, tưởng chừng như mấy lời ngắn ngủi kia đã đủ cung cấp cho họ chất liệu để họ suy ngẫm. Họ bước rất chậm, đầu hơi cúi, giống như hai con ngựa mệt mỏi. Cả hai không lúc nào muốn nghiêng đầu bên trên hàng lan can để ngó xuống phía dưới vực, nhìn những ngọn đồi thấp, cánh đồng và đưa mắt ra mặt biển đỏ rực dưới những tia nắng cuối cùng của buổi hoàng hôn. Diệu kỳ biết bao và cũng khó tưởng tượng biết bao, khi hai con người chân bước đều đặn, không hề dừng lại ngoái đầu nhìn bất cứ thứ gì xung quanh.

Mấy ngày trước đó Băndi bảo bạn:

- Hình như chị Elêônor không được khỏe.

Andrêa ngược mắt nhìn bạn và hiểu ngay rằng bệnh không có gì nặng.

- Chị ấy có muốn mình xem cho không? - Anh hỏi.

- Không. Chị ấy bảo không cần.

Rồi đôi bạn lại đi tiếp, về mặt cau có, như thể bực bội với người phụ nữ đã làm thay nhiệm vụ người mẹ đối với họ và họ chịu ơn của chị về mọi thứ.

Andrêa mồ côi cả cha lẫn mẹ từ khi anh còn nhỏ và được ông bác đem về nuôi. Nhưng ông bác không cho anh ăn học được. Chị Êlêônor và cậu em Băndi cũng mồ côi cha mẹ từ lúc chị mới mười tám tuổi. Hết sức dè sẻn trong chi tiêu, chị đã kéo dài đến mức tối đa thời gian sử dụng khoản thừa kế eo hẹp do cha mẹ để lại. Sau đấy chị đã phải kiếm ăn bằng cách mở lớp dạy âm nhạc và ca hát. Bằng cách ấy chị đã nuôi nấng đứa em và đã giúp cậu cùng với bạn được học hành chu đáo.

- Thế nhưng chị thì béo còn hai chú thì gầy còm, - chị thường vui vẻ nói như vậy với hai chàng trai. - Chị đã rút hết cả mỡ của hai chú.

Quả chị béo thật và ngày càng phát phì ra. Nhưng khuôn mặt chị vẫn xinh xắn, hiền dịu như mặt những pho tượng bằng đá cẩm thạch của các vị thiên thần trong nhà thờ. Cặp mắt đen huyền với hàng lông mi dài cùng giọng nói êm ái khiến những ai mới tiếp xúc với chị giảm đi ngay cảm giác ban đầu. Khi có người nhìn chị, chị rất đau khổ. Chị hơi mỉm cười buồn bã nghĩ đến hình dáng xấu xí của chị.

Chị chơi đàn pianô và hát, tuy không có kỹ thuật, nhưng rất xúc động. Nếu được học hành đầy đủ, nếu như không có những định kiến hẹp hòi tinh nhỏ, nếu như không vướng đứa em, chắc chị đã thành ca sĩ. Đã có thời chị

mơ trở thành nghệ sĩ sân khấu. Nhưng chị chỉ mơ ước thế thôi. Bây giờ chị đã gần bốn mươi tuổi. Dân trong thành phố rất quý trọng tài năng của chị. Dù sao đây cũng là một niềm an ủi. Ngoài ra chị đã nuôi nấng nên người hai đứa trẻ cô đơn và bất hạnh. Đây chính là phần thưởng cho những năm dài hy sinh tận tụy.

Bác sĩ Andrêa đợi khá lâu mà vẫn chưa thấy bạn bước ra.

Phòng khách nơi anh đang ngồi sáng sủa tuy trần hơi thấp. Những bàn ghế kiểu cổ, cũ kỹ và bạc màu khiến cho không khí ở đây gợi lại thời dĩ vãng xa xưa. Những bàn tủ ấy soi hình dạng vào hai tấm gương lớn, như thể luyến tiếc thời huy hoàng đã qua. Phòng khách này treo toàn chân dung những tổ tiên đã khuất. Các vị giương những cặp mắt giận dữ nhìn thứ đồ đạc duy nhất mới mẻ trong gian phòng này. Đó là chiếc đàn dương cầm của chị Elêonor.

Anh bác sĩ sốt ruột quá, đứng dậy, bước đến cạnh cửa lắng nghe. Thấy tiếng khóc tấp tức từ bên trong đưa ra, anh kẽ gõ vào cánh cửa.

- Cậu vào đi, - Băndi mở cửa nói. - Mình không hiểu tại sao chị ấy lại khó tính đến thế.

- Bởi vì chị không ốm đau gì hết! - Chị Elêonor vừa khóc vừa hét lên.

Chị ngồi thu mình trong chiếc ghế bành to bọc da, phì nộn, mặt tái xanh, trong bộ quần áo màu đen như thường lệ. Có điều lạ là lúc này nét mặt chị giống như nét mặt trẻ thơ. Một vẻ thiếu trang nghiêm, đặc biệt thể hiện ra trong cặp mắt vừa ngơ ngác vừa bướng bỉnh mà chị như thể cố che giấu.

- Chị không ốm đau gì thật mà, - chị nhắc lại câu nói, lúc này đã bình tĩnh hơn. - Lạy Chúa, các chú để mặc chị. Đừng bấn khoăn gì về chị.

- Thôi được! - Cậu em lạnh lùng đáp. - Andrêa đã đến đây, cậu ấy sẽ khám cho chị, - nói xong anh bước ra ngoài, đóng sập cửa lại.

Chị Elêonor úp hai bàn tay che mặt rồi khóc thổn thức. - Andrêa nhìn chị. Anh cảm thấy ngượng ngịu và lúng túng. Cuối cùng anh hỏi:

- Có chuyện gì vậy? Với em mà chị cũng không chịu nói ra ư?

Elêonor vẫn khóc. Andrêa nhẹ nhàng nhưng kiên quyết kéo hai bàn tay của chị ra khỏi mặt.

- Chị đừng khóc nữa, - anh năn nỉ. - Chị nói đi... Đừng ngại...

Elêonor lắc đầu. Rồi đột nhiên chị nắm chặt bàn tay anh, mặt chị méo xệch đi và chị rên rỉ:

- Andrêa! Chú Andrêa!

Andrêa cúi xuống (điều này trái với tính nết thận trọng quá đáng của anh).

- Chị hãy kể em nghe...

Elêonor áp bàn tay lên má, nói khẽ, giọng van vãn đến thảm hại:

- Chị muốn chết. Em hãy giúp chị, Andrêa. Hãy giúp chị. Chị không biết chết bằng cách nào và chị cũng không đủ can đảm.

- Chị muốn chết ấy ư? - Andrêa mỉm cười. - Sao lại thế? Tại sao chị muốn chết?

- Chị phải chết! - Elêonor xụt xịt nhắc lại. - Em hãy bảo chị phải làm gì để có thể chết được. Em là bác sĩ kia mà. Chị không thể chịu nổi nữa! Chị phải chết. Không còn cách nào khác. Chỉ có chết mà thôi.

Andrêa sửng sốt nhìn người phụ nữ. Elêonor cũng nhìn anh, nhưng lập tức nhắm nghiền mắt lại, mặt nhăn nhúm, chân tay co quắp lại như sợ hãi điều gì đó.

- Đúng thế, - lát sau bình tĩnh trở lại, chị nói giọng quả quyết. - Chị coi như đã chết rồi, Andrê! Chết rồi.

Andrê bắt giắc rụt bàn tay lại.

- Chuyện gì nào? Chị vừa nói cái gì thế? - Anh lúng búng.

Đưa mắt đi chỗ khác, chị đặt một ngón tay lên môi rồi hất đầu về phía cửa ra phòng khách:

- Đừng để Băđi biết! Chú đừng nói với nó, chị van chú. Đầu tiên hãy giúp cho chị chết đã. Cho chị một thứ thuốc độc nào đó. Chị sẽ uống trà và sẽ coi như đây là thuốc chú cho để chữa bệnh. Nhưng chú phải cho chị ngay bây giờ! Chị nhát lăm, cho nên để lúc khác chị sẽ lại không dám nữa. Đã hai tháng nay rồi chị rất đau khổ mà vẫn chưa dám. Andrê, em giúp chị chứ?

- Em giúp chị thế nào được? - Andrê bối rối hỏi lại.

Elêonor lại nắm bàn tay của anh rồi vừa nhìn thẳng vào mắt anh vừa khẩn khoản:

- Thế nếu em không muốn cho chị chết... thì em có cách gì cứu chị không? Có cách gì không?

Andrê đứng thẳng người lên rồi chau mày:

- Andrê, chị van em! - Elêonor lại năn nỉ. - Chị không lo cho chị mà chị làm thế này vì... nhưng không được để thằng Băđi biết. Nếu như em nghĩ đến những việc chị đã làm vì hai đứa các em, thì hãy giúp chị, hãy cứu chị, Andrê! Em định bắt chị phải chịu đựng nỗi nhục nhã, đau khổ này ư? Chị ngần này tuổi đầu rồi! Ôi, khủng khiếp quá! Khủng khiếp quá!...

- Chuyện đã xảy ra như thế nào? Chị Elêonor, anh ta là ai? - Kinh ngạc quá trước lời thú tội của người phụ nữ, Andrê chỉ thốt ra được có thế.

Elêonor lại đưa mắt ra phía cửa, rồi úp hai bàn tay lên mặt:

- Đừng bắt chị phải nói! Chị không thể nghĩ đến chuyện ấy lúc này! Em không thương thằng Băđi hay sao! Chuyện này sẽ làm nó xấu hổ đến mức nào!...

- Nhưng làm sao không để cậu ấy biết được? - Anđrêa hỏi. - Đây là một tội ác. Một tội ác gấp đôi. Thế nhưng cũng có thể giúp chị bằng cách khác chứ?

- Không! - Elêonor quả quyết nói, giọng đau đớn. - Thôi, đủ rồi. Chị hiểu rồi. Chú ra ngoài đi. Chị đang thấy khó chịu trong người...

Chị thả đầu xuống lưng ghế bành, người xiu đi.

Anđrêa lúng túng nhìn người phụ nữ qua đôi mắt kính cận. Anh vẫn chưa hoàn hồn sau sự phát hiện đột ngột kia. Anh thấy thương xót và ngượng ngùng khi nghĩ rằng, người phụ nữ vị tha kia, một mẫu mực của sự trong trắng và quên mình, lại có thể sa ngã đến mức ấy. Chẳng lẽ chuyện có thật hay sao? Chị Elêonor mà lại thế ư? Hồi trẻ chị đã từng từ chối bao nhiêu đám tuyệt vời đến như vậy? Thế mà bây giờ, khi từ lâu chị đã không còn trẻ trung gì nữa... Hay chính vì thế, chính là vì như thế?

Anh đưa mắt nhìn chị, và bởi vì chị phục phịch quá đáng, anh bỗng thấy ý nghĩ vừa rồi là láo lếu và nhơ bẩn.

- Ra ngoài đi! - chị nhắc lại giận dữ. Tuy không nhìn thấy anh, chị như cảm thấy nỗi khủng khiếp hiện lên trên nét mặt nghi ngờ của cậu bạn đưa em. - Ra rồi kể cho thằng Băđi biết. Nó muốn làm gì tôi thì làm. Ra đi!

Anđrêa bước chân như cái máy. Hơi ngẩng đầu, chị nhìn theo anh ta. Cửa vừa khép lại, chị bất tỉnh.

//

Sau cuộc viếng thăm của Andrêa, Elêonor thấy nhẹ được nỗi lòng, lần đầu tiên sau hai tháng buồn bã đau đớn. Chị cảm thấy giây phút khủng khiếp nhất đã qua rồi.

Chị không còn sức mà tự dần vặt nữa. Bây giờ thì chị sẵn sàng đón đợi bất cứ điều gì xảy ra miễn là càng sớm càng tốt.

Rất có thể cậu em sẽ vào và sẽ giết chị. Cũng được thôi. Chị không còn đáng để ai tôn trọng, thậm chí thương xót nữa. Đúng là chị đã tận tụy với em và với bạn của nó vượt cả bốn phận người chị. Nhưng bây giờ thì chính chị đã để mất đi mọi quyền được nhận sự biết ơn.

Chị lại thấy hoảng sợ và chị nhắm nghiền mắt lại.

Trong thâm tâm Elêonor tự kết án mình. Đúng, chính chị, chính chị đã có lỗi. Suốt ngàn ấy năm trời chị nén đi những cơn đòi hỏi, cố ép bản thân bằng những tình cảm cao thượng. Chị coi hy sinh là bốn phận của mình. Thế rồi đột nhiên chị sa ngã! Thật khủng khiếp!

Cái lý do duy nhất đáng kể giảm nhẹ tội lỗi cho chị thì đứa em không thể hiểu nổi. Chị có thể bảo anh ta rằng: “Băndi, lỗi một phần cũng do em!” Thật ra cũng đúng là như thế.

Chị đã thế chân người mẹ. Và đáp lại lòng hy sinh của chị, đáp lại bao nhiêu việc chị đã làm vì họ, cậu em chị cũng như thằng bạn của nó không hề mỉm một nụ cười đối với chị. Dường như tâm hồn của chúng đã bị nhiễm thói lạng lẽ và buồn tẻ. Sau khi tốt nghiệp Đại học cả hai đều lao đầu vào công việc. Chúng làm việc nhiều đến nỗi không còn biết đến ai, cần đến ai ngoài bản thân chúng. Bây giờ chúng nóng lòng muốn giẫy chị ra cho khỏi vướng chân, và đều ấy làm chị tủi thân vô cùng. Chị bỗng thấy cuộc sống của chị vô nghĩa. Chị còn việc gì nữa, khi không ai cần đến chị? Tuổi trẻ thì đã trôi qua, không bao giờ trở lại.

Ngay đến tháng lương đầu tiên nhận được cũng không làm mặt mày cậu em trai của chị tươi tỉnh lên. Phải chăng do chịu ơn to lớn của bà chị, cậu cảm thấy đau khổ. Bởi vì như thế là suốt đời cậu không bao giờ được thực sự tự do? Chị rất muốn nói với Băndi một cách đơn giản:

- Đừng lo cho chị. Chị chỉ mong em được sung sướng... Em hãy hiểu như thế.

Nhưng chị sẽ chỉ nghe được câu trả lời cau có:

- Sao chị lại nói thế? Em rất hiểu bổn phận của em. Đến một ngày nào đó em sẽ trả ơn cho chị đầy đủ.

“Trả ơn ư? Nhưng chị có đòi em trả ơn đâu?” - Chị muốn thốt lên như thế.

Bởi vì trong khi hy sinh tận tụy, có lúc nào chị suy tính, có lúc nào chị sa sút tinh thần đâu, bao giờ chị cũng tươi tắn.

Chị biết tính bướng của cậu em nên không nói thêm gì. Nhưng chị rất khổ tâm phải sống trong không khí tẻ lạnh và xa lạ này.

Lương Băndi tăng dần. Anh tạo cho Elêonor một cuộc sống đầy đủ tiện nghi và anh năn nỉ chị thôi không dạy học nữa. Rồi đến một lần, vào giờ khắc bất hạnh, một trong những giờ khắc vô công rồi nghề do bị ép buộc và khiến chị tui phận, chị đã thoáng một ý nghĩ, lúc đầu hơi ngộ nghĩnh: “Hay ta lấy chồng quách đi cho rồi!”

Khốn nỗi chị đã ba mươi chín tuổi rồi, lại béo phục phịch, kiếm đâu ra anh chồng thích hợp bây giờ. Nhưng chỉ cách đó chị mới giải thoát được cậu em khỏi gánh nặng của sự hàm ơn.

Từ đó Elêonor bắt giác chăm sóc đến thân hình, dung nhan, đến cách ăn mặc, giống như một cô gái đến tuổi lấy chồng. Công việc này trước kia chị không bao giờ nghĩ đến.

Những người đàn ông trước kia đã từng ngỏ lời với chị, bây giờ đều đã có vợ có con. Ngày trước chị không hề quan tâm đến họ. Nhưng bây giờ chị lại hay nghĩ đến và luôn bực dọc. Chị đâm ghen với những bạn gái thuở trẻ, bây giờ họ đã có gia đình.

Riêng mình chị vẫn cô đơn...

Nhưng biết đâu, vẫn chưa phải là muộn? Chẳng lẽ cuộc sống hoạt động đã kết thúc rồi và số kiếp bắt chị phải chịu nổi trống rỗng khủng khiếp này ư? Chẳng lẽ chị đành dập tắt ngọn lửa lòng, cam chịu cuộc sống âm thầm hay sao?

Một nỗi buồn vô hạn xâm chiếm tâm hồn chị. Bao thèm muốn xâu xé Elêonor. Chị mất đi vẻ vô tư lự. Tiếng cười, thậm chí giọng nói của chị cũng đổi khác. Câu nào chị thốt ra cũng chua chát. Chị biết tính tình mình thay đổi và chị căm ghét bản thân, giận hờn tất thân phận của chị, oán trách những đòi hỏi ngấm ngầm đột nhiên xuất hiện ngày càng làm chị đau khổ.

Thời gian đó, cậu em chị đã dành dụm được một khoản tiền đủ để tậu được một miếng đất và xây một tòa nhà trên đó. Băđi thuyết phục được chị ra đây ở trong một tháng. Nhưng chị cảm thấy có vẻ như Băđi muốn tách chị ra, thế là Elêonor quyết định dọn ra ở hẳn ngoài cái trại ấy để cậu em được hoàn toàn tự do. Chị sẽ không làm vướng gì cậu em nữa. Và bản thân chị cũng thoát được cái ý nghĩ dờ dẩn đi lấy chồng, đã ám ảnh chị thời gian qua: lấy chồng gì vào cái tuổi gần bốn chục này.

Những ngày đầu chị thấy dễ chịu, có lẽ sống ở đây cũng không đến nỗi nào.

Ít hôm sau Elêonor đã quen với cái lệ dậy từ lúc mặt trời mọc rồi ra cánh đồng. Chốc chốc chị lại dừng bước, say sưa lắng nghe không khí tĩnh mịch diệu kỳ của đồng ruộng, nơi mỗi ngọn cỏ đều đang run rẩy trong không khí mát mẻ buổi sớm mai, lắng nghe tiếng gà gáy trong xóm, ngấm

nghĩa những nhánh cây mọc trong kẽ đá cũng như đám rêu mượt mà phủ trên thân những cây dương.

Nơi đây, cách xa thành thị, tâm hồn, ý nghĩ chị sẽ đổi thay và chị sẽ trở nên giống như người phụ nữ niềm nở vợ bác tá điền. Bác ta dịu dàng kể chị nghe bao nhiêu chuyện thú vị ở thôn quê... Trong những câu chuyện đơn sơ ấy, Elêonor cảm thấy mình bắt đầu khám phá ra một ý nghĩa mới mẻ, bất ngờ và sâu sắc của cuộc sống.

Bác tá điền thì ngược lại, tính nết cực kỳ khó chịu. Bác ta vênh váo tự xưng là tư tưởng tiên tiến. Mà bác ta cũng từng trải thật, đã từng sang Mỹ, tám năm liền ở *Bênôxario*. Và bây giờ bác rất không muốn cậu con trai bác sau này sẽ nối nghề tá điền. Khi cậu bé tròn mười ba tuổi, bác ta xin cho vào trường học để “kiếm chút văn hóa” rồi có thể sẽ sang Mỹ. Đây là một bước rất lớn, thằng bé có thể làm nên.

Bây giờ cậu bé Giéclandô đã mười chín tuổi. Sau bao nhiêu năm mài dũa quần ở trường trung cấp dạy nghề, cậu ta mới leo lên được năm thứ ba. Cậu ta vụng về, cục mịch và lúc nào cũng khổ vì sự chăm sóc quá kỹ của ông bố. Học ở trường, cậu nhiễm vài thói tật thành phố cho nên trông cậu lại càng lố bịch hơn.

Sáng nào cậu cũng dập nước lên mớ tóc cứng và lờm chờm để rẽ đường ngôi, nhưng rồi tóc khô và dựng đứng khiến trông đầu cậu như có cái bướu. Lông mày cậu mọc thành chùm không đều nhau. Ria mép mới nhú và một chòm râu cằm nhỏ nhọn hoắt. Cái cậu Giéclandô ấy sao mà thảm hại đến thế. Trông dáng người thô thiển của cậu gục đầu xuống cuốn sách thật tội nghiệp. Ông bố luôn phải dỗ mồi hôi mới đánh thức được con trai, bởi vì cậu chàng đã đặt lưng ngủ thì say như chết. Con vẫn đang ngái ngủ bác ta đã kéo lên xe, chở ra ngoài thành phố để cậu ta chịu những sự hành hạ mới.

Khi bà chủ áp mới dọn đến, Giéclandô năn nỉ bà nói với mẹ cậu ta để bà mẹ nói với ông bố. Cái sự học chết tiệt ấy! Đến khổ với nó! Nghĩ đến học mà rã rời cả chân tay.

Elêonor thử giúp cậu ta. Nhưng bác tá điền nhất định không chịu! Tôi rất kính trọng bà chủ, nhưng xin bà chủ đừng can thiệp vào chuyện gia đình nhà tôi! Thế là, phần vì thương hại, phần vì cũng rỗi rãi, phần vì để giải trí, Elêonor bắt đầu giúp đỡ thằng bé mọi cách có thể được.

Hàng ngày, sau bữa ăn trưa, bà gọi thằng bé vào phòng riêng. Cậu ta bước vào ngưỡng nghịu, lúng túng, sách vở cặp chặt dưới nách. Cậu ta bối rối, nghĩ bụng bà chủ chắc muốn trêu chọc cậu, giễu cợt sự dốt nát của cậu. Nhưng cậu có lỗi gì đâu? Mọi chuyện đều do ông bố ra lệnh, bắt cậu phải học. Chứ cậu học hành gì được. Giá như cần trồng cái cây hay trị con bò thì cậu làm được ngay. Chỉ cần giơ hai cánh tay lực lưỡng, nhìn thẳng vào mắt nó, rồi nhe răng ra cười, hai hàm răng rắn chắc, trắng nhớn...

Nhưng không hiểu tạo sao, càng ngày Elêonor càng thấy sự có mặt của thằng bé Giéclandô kia làm bà khó chịu. Năm học đã kết thúc. Bà nhả vào thành phố để người ta chở đàn pianô về đây. Bây giờ suốt ngày bà ngồi nhà đọc sách và chơi đàn. Một buổi tối, bà nhìn thấy cậu bé kia đứng nép bên ngoài cửa sổ. Do đột nhiên không được bà chủ săn sóc giúp đỡ, không được ngồi với bà, thằng bé thấy nhớ và mò đến nghe trộm bà hát và chơi đàn. Bà định bắt quả tang nó. Với dụng ý độc ác, bà ngừng chơi đàn, chạy nhanh xuống thang gác.

- Mà làm gì ở đây?

- Cháu nghe bà đánh đàn...

- Mà cháu có thích không?

- Cháu rất thích, thưa bà chủ! Y như cháu đang trên thiên đường ấy!

Elêonor cười vang. Tiếng cười như tát vào mặt thằng bé, thế là nó chồm tới, đè bà xuống ngay cạnh nhà, trong bóng tối, phía bên kia luồng ánh sáng rọi từ trên bao lơn xuống.

Sự việc đã xảy ra như thế.

Bị bất ngờ, Elêonor không kịp đẩy thẳng bé ra, mà cảm thấy như ngạt thở dưới thân thể nó đè chặt xuống. Và bà đã chịu! Mặc dù không hề muốn.

Ngày hôm sau Elêonor đáp xe về thành phố.

Bây giờ thì sao? Tại sao không thấy Băđi vào? Hay Andrêa không kể cho nó biết? Mà cũng có thể là em bà đang tính cách giúp chị thế nào đây?

Elêonor úp hai bàn tay lên che mặt, dường như sợ phải nhìn thấy vệt thẳm đang hiện ra trước mắt.

Không còn đường nào khác. Đành phải chết thôi. Nhưng chết bằng cách nào? Và bao giờ thì thực hiện? Cửa mở, Băđi bước vào, nhợt nhạt, lúng túng mà mắt đỏ hoe. Andrêa đỡ bạn.

- Em chỉ muốn biết một điều, - Băđi rít lên, dần từng tiếng một. - Em muốn biết, *người đó là ai?*

Elêonor không ngẩng lên, chỉ lắc đầu và khóc nức nở.

- Chị phải nói! - Băđi hét. - Dù người đó là ai, chị cũng phải lấy anh ta.

- Không! - Elêonor rên rỉ, đầu càng cúi thấp hơn và hai bàn tay nắm chặt, run rẩy. - Không thể được! Không thể nào như thế được.

- Anh ta có vợ à?

- Không! - Bà vội vã đáp. - Nhưng chị không thể lấy người đó được. Em phải hiểu cho chị!

- Nhưng ai vậy? - Băđi khăng khăng. - Ai? Chị nói đi!

Elêonor co rúm người lại trước cặp mắt điên cuồng của đứa em. Bà vất vả lắm mới ngẩng đầu lên được và rên rỉ:

- Chị không thể nói ra được...

- Chị không nói em sẽ giết chị! - Băđi gào lên, đưa nắm tay lên trên đầu người chị.

Andrê can bạn rồi nói nghiêm nghị:

- Cậu ra ngoài đã. Chị ấy sẽ nói cho mình biết. Cậu ra đi. Rồi đẩy Băđi ra ngoài.

///

Cậu em đã nhất quyết.

Trước ngày cưới Bãđi tìm mọi cách thổi phồng vụ tai tiếng này lên. Do sợ bị dư luận chê cười, anh chủ động đem kể với tất cả mọi người câu chuyện nhục nhã của mình bằng những lời lẽ thô bỉ nhất. Anh gần như phát điên. Và mọi người ai cũng thông cảm với anh.

Thì ra việc điều đình với ông bố của Giéclandô không đơn giản chút nào.

Mặc dù tự xưng là tư tưởng tiên tiến, bác tá điền cũng vẫn choáng váng. Thoạt đầu bác không sao tin được là chuyện xảy ra thật. Nhưng sau đó bác tuyên bố:

- Các ông tin lời tôi nói. Tôi sẽ bóp chết nó. Các ông có thấy người ta giẫm đạp lên nho để làm rượu không? Hay tốt hơn hết là thế này: tôi trói tay trói chân nó lại rồi giao cho các ông, các ông muốn làm gì nó thì làm. Còn về chuyện thương tích thì các ông yên tâm, tôi sẽ đắp thuốc cho nó trong ba ngày liền, vì vậy các ông cứ quát cho thật mạnh vào.

Khi bác ta hiểu ra rằng ông chủ hoàn toàn không muốn trừng phạt, trái lại còn đề ra việc cưới, thì bác ta lại sững sốt thêm lần nữa:

- Các ông nói gì vậy? Tôi chẳng hiểu gì hết... Một bà chủ quý phái như vậy mà chịu lấy thằng bé con của một tá điền bình thường được ư?

Rồi bác ta từ chối thẳng thừng:

- Các ông tha thứ cho. Bà chủ đâu còn thơ dại gì. Bà thừa hiểu thế nào là hay thế nào là dở. Không việc gì phải đối xử với cái thằng con ngu ngốc của tôi như thế. Tôi định không nói, nhưng cũng đành phải nói thật. Ngày nào bà cũng lôi thằng bé vào phòng riêng. Các ông cũng thừa hiểu rồi... Nó

còn khờ dại lắm... Bà lớn tuổi như thế chúng tôi đâu dám ngăn cản? Vậy mà bây giờ tôi đâm thành mất con. Bao nhiêu tiền bỏ ra chăm sóc nó. Nói các ông đừng giận, chứ bà ấy đáng tuổi mẹ nó...

Bãndi đành hứa của hồi môn sẽ là cái ấp, kèm thêm một khoản tiền khá lớn nữa.

Việc tiến hành hôn lễ thế là thỏa thuận xong. Dân thành phố nơi bà Elêonor đã từng sống coi đây là một sự kiện trọng đại.

Hình như ai cũng cảm thấy thực sự thích thú được công khai chế giễu người phụ nữ mà họ đã từng kính trọng trong suốt bao nhiêu năm trời. Như thể giữa thái độ kính nể trước kia và thái độ chê bai ngày hôm nay không có chỗ cho sự thông cảm bình thường nhất.

Mọi người đều thương ông em trai. Và như mọi người đều dự đoán, Bãndi không tham dự lễ cưới. Andrêa cũng không đến, viện cớ không thể bỏ mặc bạn trong cái ngày đáng buồn này.

Ông bác sĩ già xưa đã từng chữa bệnh cho cha mẹ của Elêonor (nhân tiện cũng nói thêm rằng ông đã mất khá nhiều khách hàng vào tay Andrêa do anh chàng này sau khi tốt nghiệp đại học đã áp dụng những phương pháp điều trị mới mẻ) tự nguyện làm nhân chứng. Ông dẫn đến một ông bạn già nữa, làm nhân chứng thứ hai cho cuộc kết hôn.

Cùng hai ông già, ngồi trong xe ngựa che kín, Elêonor đến Tòa thị chính, rồi từ đó đến ngôi nhà thờ Thiên chúa ở ngoại ô thành phố.

Chú rể mặt mũi cau có, ngồi chiếc xe ngựa khác, cùng với cha mẹ cậu.

Họ ăn mặc diêm dúa vì lễ cưới, nhưng mặt mũi lại nặng như chì. Muốn nói gì đi nữa, con trai họ cũng kết hôn với một bà mệnh phụ thực sự, chị của vị luật sư, và của hồi môn là khá nhiều ruộng đất, một tòa nhà khang trang và tiền bạc nữa. Bây giờ cần phải nghĩ đến chuyện phát triển sau này. Đắt đi thì bác ta tự lo lấy việc canh tác, bác khá đủ hiểu biết công việc này. Hơi tiếc là bác gái hơi già. Nhưng không chừng như thế lại càng hay. Cậu

con trai đang gặp vận... mà theo đúng những quy luật bất di bất dịch của tạo hóa thì bà Elêonor sẽ chết trước, khi ấy thằng Giéclandô không bị ràng buộc gì nữa mà vẫn lăm tiền.

Nhưng nhân chứng của họ nhà trai ngồi cỗ xe thứ ba cũng đang suy nghĩ những điều tương tự: đây là mấy ông bà già nông dân, bạn thân của bác tá điền và của vợ bác. Những họ hàng khác cùng bè bạn của chú rể thì đợi sẵn ở áp. Hôm nay họ đều diện quần áo đẹp. Đàn ông thì xúng xính trong những chiếc áo xa tanh màu xanh lam. Đàn bà thì khoác những tấm áo choàng màu sặc sỡ mới may. Chẳng là bố chú rể vốn tư tưởng tiên tiến, rất biết cách tổ chức đám cưới cho long trọng.

Lúc đám cưới kéo vào Tòa thị chính, Elêonor òa khóc. Họ hàng đẩy chú rể đến bên cạnh bà, nhưng ông bác sĩ già bảo, tốt hơn nên để cô dâu yên.

Vẫn còn sụt sịt, Elêonor bước vào gian phòng lớn dành cho việc tiến hành nghi lễ kết hôn dân sự. Bà nhìn thấy cậu bé kia bên cạnh. Do xấu hổ và bối rối, cậu Giéclandô càng có vẻ ngốc nghếch và thô kệch. Trong lòng bà nổi lên một làn sóng phẫn nộ. Suýt nữa bà thét lên: “Không!”, rồi bà liếc nhìn thằng bé, hy vọng nó từ chối không chịu lấy bà. Nhưng cả hai đều nói “Vâng!” như thể cùng chứng nhận một lần nữa vào bản án ác nghiệt. Lễ cưới trong nhà thờ được tiến hành vội vã và mọi người quay trở về áp. Elêonor không muốn rời xa bạn bè của bà, nhưng bà vẫn buộc phải sang ngồi cùng xe với chú rể và bố mẹ chồng.

Suốt dọc đường không ai nói một lời.

Bác tá điền và vợ vẫn lúng túng. Thỉnh thoảng họ liếc trộm nàng dâu, rồi đưa mắt nhìn nhau và lại cúi đầu xuống. Giéclandô nhìn ra ngoài cửa sổ và nghĩ gì đó không biết, mặt mũi cau có.

Đến áp, đám rước dâu được đón tiếp tung bùng. Tiếng súng bắn, tiếng gào thét và tiếng vỗ tay vang lên. Nhưng vừa nhìn thấy cô dâu mọi người đều ngừng bật, mặc dù bà cố tươi cười với những khách khứa tốt bụng này. Họ đang nói những lời chúc mừng theo cách của họ.

Lát sau Elêonor xin đi nghỉ. Bà cầu được ngồi một mình. Nhưng khi bước vào căn phòng ngày trước, nay được kê chiếc giường cưới bà đứng sững trên bậc cửa. Chung chạ với thằng bé ấy ư? Không! Không và không! Nỗi ghê tởm làm bà run rẩy và bà vội chạy sang một phòng khác khóa trái cửa lại. Rồi bà gieo mình xuống ghế bành, ôm mặt.

Bà nghe thấy tiếng la hét cười đùa ở bên ngoài. Khách khứa đang trêu chọc Giéclandô, khen cậu ta cưới được cô vợ sang và nhất là khen cậu ta đã trở nên giàu có.

Giéclandô không đáp, quay mặt ra phía cửa sổ, thỉnh thoảng nhún hai bả vai lực lưỡng.

Đúng thế, cậu ta xấu hổ. Cậu xấu hổ vì phải lấy một bà sang trọng như vậy. Nhưng lỗi tại bố cậu. Bác ta đã bắt cậu phải học những thứ văn hóa chết tiệt ấy, khiến bà kia đem cậu ra chế giễu làm cậu uất ức. Chà chỉ do đùa giỡn mà bà ta đâm thành thế này. Bố cậu thì sướng rồi, được bao nhiêu ruộng đất. Nhưng cậu thì được cái gì? Cậu làm sao chung sống với cái bà mệnh phụ kia được? Cậu vẫn thấy sợ bà ta. Cậu phải cưới bà ta chỉ do sợ xấu hổ, sợ mang tiếng. Bây giờ cậu làm sao dám nhìn thẳng vào mặt bà? Thêm nữa, bố cậu vẫn bắt cậu phải theo học tiếp cái trường khốn kiếp kia! Bọn học sinh ở đó sẽ cười cậu đến thối mũi! Bà kia hơn cậu hai chục tuổi, vợ lại già hơn chồng nhiều đến thế. Bà to béo nữa chứ, trông đồ sộ như quả núi vậy.

Trong lúc Giéclandô mãi suy ngẫm những điều ấy, hai bố mẹ cậu nóng lòng đợi bữa tiệc. Rốt cuộc họ kéo vào gian phòng lớn, nơi đã bày sẵn tiệc. Thức ăn họ không phải nấu mà họ mời một tay chủ quán ở ngoài thành phố về. Ông ta đem theo một đầu bếp và hai người giúp việc.

Bác tá điền bước ra bao lơn, ra lệnh cho con trai:

- Anh vào gọi vợ anh ra dự tiệc.

- Con không vào đấy đây! - Giéclandô giậm chân càu nhàu. - Bố vào mà gọi.

- Đồ ngu! Bà ấy đang chờ mày vào chứ không phải chờ tao! - Ông bố quát con. - Mày mới là chồng của bà ấy. Nào, nhanh lên. Bà ấy có bốn phận phải có mặt trong bữa tiệc cưới.

- Con không vào đâu, bố muốn làm gì tùy bố - Giéclandô bướng bỉnh nhắc lại.

Không nhịn được, bác tá điền túm cổ áo thằng con trai, đá vào mông cậu ta một phát.

- Mày xấu hổ à? Chính mày gây nên kia mà, thằng ngu! Bây giờ lại còn xấu hổ! Vào đây đi! Bà ấy là vợ mày, hiểu chưa?

Khách khứa kéo vào, can hai bố con và giục Giéclandô vào mời cô dâu ra.

- Cháu cứ vào, mời bà ấy ra uống một ly rượu thì đã sao nào?

- Nhưng cháu không biết gọi bà ấy là gì? - Giéclandô hét lên đau khổ.

Mọi người cười rộ lên. Vài người giữ chặt lấy bác tá điền vì bác ta sắp sửa tát thẳng con trai về tội làm hỏng cả bữa tiệc cưới.

- Gọi bằng tên bà ấy chứ gì nữa, - bà mẹ chú rể nói chen vào. - Tên bà ấy là gì nhỉ? Elêonor à? Con cứ gọi Elêonor. Bà ấy là vợ của con kia mà. Vào đi, con! Vào đi...

Giéclandô gõ vào cánh cửa. Lúc đầu cậu gõ rất khẽ, lắng nghe. Không thấy gì. Xung hô với bà ấy là gì bây giờ? Chẳng lẽ gọi ngay bằng “em” ? Không được, ngượng lắm. Mà sao bà ấy không trả lời gì cả? Chắc không nghe thấy. Cậu gõ lần nữa to hơn. Rồi đọi. Vẫn không thấy gì.

Lúng túng, cậu khẽ gọi, theo cách bà mẹ bảo. Nghe thật buồn cười “Elêonor”. Rồi như để sửa chữa sai lầm, cậu hét lên giọng như ra lệnh:

- Elêonor!

Và cậu nghe thấy tiếng bà đáp nhưng ở phòng bên cạnh.

- Ai đấy!

Cậu sang cánh cửa bên cạnh.

- Tôi đây... - Cậu nói. - Tôi là... Giéc... Giéclandô. Ngoài này tiệc đã sẵn sàng rồi.

- Tôi không ra được, - Bà đáp. - Anh ngồi tiếp khách hộ cả tôi nữa.

Giéclandô quay ra phòng tiệc, nhẹ cả người.

- Bà ấy không ra! Bà ấy bảo không ra được. Không đi được.

- Thằng ngu! - Bác tá điền gắt (bác ta chỉ có một từ đó để gọi thằng con trai). - Mà phải bảo bà ấy rằng đây là tiệc cưới. Cô dâu phải có mặt. Nếu bà ấy không ra thì cũng phải lôi bà ấy ra.

Bác tá điền gái góp ý là tạm thời cứ để cô dâu yên đã. Khách khứa cũng tán thành ý kiến ấy.

- Phải rồi. Bà ấy bị xúc động quá... Xấu hổ mà...

Bố chú rể rất muốn được khoe với Elêonor là khi cần, bác ta rất biết cách tổ chức các thứ nghi lễ, cho nên bây giờ bác ta nổi cáu, bực bội ra lệnh nhà bếp bung thức ăn lên.

Mọi người đều thêm thưởng thức những món ăn thành phố, nhưng cách bày biện bàn tiệc làm họ ngỡ ngàng. Để làm gì những bốn thứ ly cốc khác nhau, rồi đã nữa lớn lại nữa nhỏ, dao lớn lại dao nhỏ, và những cái lông chim bọc trong giấy cuốn thuốc lá?

Khách khứa ngồi cách xa bàn tiệc, người nào người nấy mồ hôi đầm đìa do phải mặc những bộ lễ phục nặng như cùm. Họ đưa mắt cho nhau, nhìn những khuôn mặt thô thiển, rúm nắng bị méo mó do cách rửa mặt quái quỷ. Nhưng bàn tay nông dân sần sùi lúng túng trước những cái nĩa bằng bạc (dùng cái nĩa nào nhỉ) và những con dao ăn cũng bằng bạc. Nhưng điều khiến họ ngượng ngùng hơn cả là những người phục vụ lại ăn mặc quá sang trọng, tay đeo găng màu trắng.

Bác tá điền nhìn chú rể, gái gáy, vừa nhau vừa nói, miệng bác nhăn lại vẻ vừa giễu cợt và đau xót:

- Kia, mày ngồi thế kia à? Ngu như lừa ấy! Bà ấy làm sao dám nhìn vào mặt mày! Bà ấy xấu hổ là phải. Tao mà vào địa vị của mày ấy ư, tao sẽ cư xử không ai chê được hết.

Bữa tiệc diễn ra quá tẻ nhạt. Khách khứa viện cớ này cớ khác cáo lui dần. Trời bên ngoài đã tối.

- Giờ thì mày định làm gì? - Ông bố chú rể hỏi, sau khi những người hầu bàn thu dọn bát đĩa ra khỏi phòng và không khí yên tĩnh trở lại. - Mày định làm gì? Bây giờ thì mày phải tự lo liệu lấy!

Bác bảo vợ theo bác về nhà của họ, cũng không xa ngôi biệt thự này là mấy.

Khi bố mẹ đi rồi, Giéclandô hoảng hốt nhìn quanh. Làm gì bây giờ đây?

Cậu cảm thấy sự có mặt vô hình căm lạng của người phụ nữ lúc này đang ở trong căn phòng khóa kín từ phía trong. Liệu lát nữa bà ta có ra đây không? Bởi vì mọi người về hết cả rồi. Cậu phải làm gì bây giờ?

Ôi, giá như được theo chân mẹ về nhà, hay ít nhất cũng được nằm lăn ra dưới gốc cây trong vườn.

Mà cũng có thể bà ấy đang chờ mình gọi? Biết đâu bà ấy đã chịu nhịn nhục và bây giờ đang chờ mình gọi một tiếng... Đúng rồi, bà ấy chờ mình

vào để...

Giéclandô lắng tai nghe, nhưng không thấy động tĩnh gì hết. Hay bà ấy ngủ rồi. Đêm đã khuya. Ánh trăng rọi vào phòng qua ô cửa ra bao lon.

Không châm đèn, Giéclandô bắc một chiếc ghế tựa ra ngoài bao lon. Ngồi đó có thể nhìn thấy quang cảnh khắp làng, cả sườn đồi thoải thoải và thậm chí thấy cả bờ biển ngoài xa nữa.

Trời trong vắt. Những vì sao to sáng rực trên bầu trời. Ánh trăng bạc lấp loáng trên mặt biển. Tiếng đé trên lớp ra ngoài đồng đua nhau kêu inh ỏi.

Đột nhiên một tiếng cú kêu nghe chói tai và buồn bã ở ngay gần. Một con cú khác đậu ở rất xa kêu đáp lại, giống như tiếng vọng. Rồi chúng vừa bay vừa kêu tìm đến với nhau trong không trung tịch mịch của đêm khuya.

Tựa người trên thành bao lon, cậu lắng nghe tiếng cú kêu và cậu cảm thấy nổi lúng túng khôn khổ kia cứ tăng dần trong lòng. Rồi cậu ngấm khá lâu bức tường bao quanh dinh cơ, thầm nghĩ rằng cả cái cơ ngơi này đã thuộc quyền sở hữu của cậu: tất cả những cây ăn quả kia, những thửa ruộng trồng nho nữa.

Thì ra bố cậu hơn hờ là có lý. Từ nay bác không phải phụ thuộc vào chủ ấp nữa.

Ngay việc bố cậu bắt cậu không được bỏ học cũng có cái hay. Cậu sẽ không phải suốt ngày loanh quanh bên cạnh vợ. Còn nếu như ở trường có đũa nào chế giễu cậu, cậu sẽ cho nó một trận biết tay. Bây giờ cậu đã là ông chủ và không sợ ai đuổi không cho học nữa. Với lại họ cũng không đuổi đâu. Cậu sẽ học hành chăm chỉ để không thua kém gì những vị chức sắc trong cái làng này. Chẳng bao lâu cậu sẽ ngang hàng với họ. Sau bốn năm học tập cậu sẽ thành nhân viên nông học hoặc nhân viên đo đạc. Ông em vợ của cậu, cái ông luật sư ấy, tưởng gả chị gái cho cậu là hạ thấp phẩm giá của bà ấy hẳn? Không đâu, rồi sẽ đến lúc ông ta phải cúi đầu kính nể mình ấy chứ. Và đến lúc nào đó cậu sẽ bảo ông ta rằng: “Ông gán cho ta một mục già ư? Cái mục già khú đế này ấy à? Không được đâu. Ta là người có văn hóa

cao, ta cần một cô vợ trẻ, đẹp, giàu có và con nhà danh giá kia!...” Cậu ngủ thiếp đi từ lúc nào, đầu đặt lên cánh tay để dọc theo bao lon.

Hai con cú vẫn kêu, một ở ngay gần, một ở xa như than vãn với nhau. Ánh trăng vẫn loang lổ trên mặt đất. Tiếng dế kêu vẫn râm ran. Và thỉnh thoảng tiếng sóng biển từ xa vọng lại.

Đêm đã khuya lắm. Elêonor mới lặng lẽ như cái bóng bước ra đứng trên bậu cửa.

Bà không ngờ Giéclandô lại đang ngủ. Bà thấy thương hại cậu ta, đồng thời cũng sờ sợ. Bà đứng lại, không biết có nên đánh thức cậu để nói về quyết định của bà và dẫn cậu vào trong nhà không. Nhưng bà không đủ can đảm đụng vào người cậu cũng như gọi cậu bằng tên. Thế là bà lại lặng lẽ quay trở vào phòng mình.

IV

Mọi sự được dàn xếp khá dễ dàng.

Sáng hôm sau Elêonor nói chuyện với Giéclandô, hiền từ như mẹ nói với con. Bà bảo rằng, cậu là chủ nhân toàn quyền của ngôi nhà này và muốn làm gì tùy thích, coi như hai người không có liên quan gì với nhau. Bà chỉ đề nghị có một điều: cậu để cho bà sống tách riêng trong một căn phòng nhỏ, cùng với chị hầu phòng đã già, mà bà quen thuộc từ hồi còn nhỏ.

Mãi nửa đêm Giéclandô mới được người nhà dìu khỏi bao lon đưa vào đặt nằm trên chiếc divăng trong phòng ăn. Lúc này cậu vẫn còn ngái ngủ. Cậu cố hé mở cái miệng làm ra vẻ cáu kỉnh để đối phương biết, muốn thuyết cậu điều gì không phải chuyện dễ. Cậu trịnh trọng gật gù cái đầu sau mỗi câu bà Elêonor nói. Nhưng khi bố mẹ cậu biết được câu chuyện, cả hai đều nổi giận đùng đùng, bất chấp lời trình bày của Giéclandô rằng cách bà Elêonor đề nghị là thuận tiện cho cả đôi bên.

Để xoa dịu ông bố, cậu hứa sẽ tiếp tục đi học vào đầu tháng Mười tới. Bà mẹ cậu thì trừng phạt con dâu bằng cách ra lệnh cho con trai phải chiếm những phòng đẹp đẽ nhất, ngủ ở phòng sang nhất, học ở phòng thứ hai, và ăn cũng ở một phòng thật sang!

- Con không được dễ với nó! Nếu không thì mẹ sẽ sang và dạy cho nó biết phải hầu hạ chồng nó như thế nào?

Rút cuộc bác ta đành phải thề sẽ không thềm nói một cậu nào với cái bà mệnh phụ kiêu hãnh kia. Có đời thuở nào vợ mà đối xử với chồng như vậy? Mà con trai bác ta thua kém gì ai? Lấy được một tám chồng như thế là may mắn quá đi rồi.

Sau đấy Giéclandô lại vùi đầu vào sách vở lo học thi. Tất nhiên thời gian còn quá ít, được mỗi ba tuần lễ. Nhưng họa có Chúc mới biết được. Rất có thể cậu ta miệt mài, tự nhồi nhét được vào óc tất cả những kiến thức

mà cậu đã học qua quít trong suốt ba năm trời và biết đâu sẽ giật được cái bằng tốt nghiệp thì sao?

Khi những ngày đầu tiên buồn bã tuyệt vọng đã qua đi, nghe theo lời khuyên của chị giúp việc già, Elêonor bắt tay vào việc chuẩn bị tã áo cho đứa con sắp ra đời.

Trước đó bà không hề nghĩ đến chuyện ấy.

Chị giúp việc tên là Giêda giúp đỡ bà trong cái việc lạ lẫm này, chỉ dẫn cho bà chủ cách khâu tã, khâu mũ. Số phận ban cho bà niềm an ủi mà trước kia bà không hề nghĩ rằng mình sẽ được hưởng. Bà sẽ có một đứa con, trai hoặc gái, và bà sẽ hiến dâng cả cuộc sống của mình cho nó! Giá như Thượng đế ban cho bà đứa con trai thì hay nhất. Bà đã lớn tuổi, chẳng bao lâu sẽ chết, để đứa con gái ở lại trên đời bên cạnh một người bố như thế kia thật chẳng yên tâm chút nào! Bởi vì nếu là gái, con bà sẽ tiếp nhận tính nết của bà. Con trai bà thì đỡ hơn vì nó dễ thích ứng với hoàn cảnh xung quanh, dù bị số phận đưa đẩy đến đâu đi nữa.

Nhưng ý nghĩ ấy làm bà lo lắng, công việc khâu vá lại làm bà mệt mỏi. Mỗi khi cần giải trí, bà cầm lấy cuốn sách mà bà đem từ nhà ở ngoài thành phố về. Thỉnh thoảng ngừng tay bà hát đầu về phía cửa phòng, hỏi chị giúp việc:

- Cậu đang làm gì ngoài ấy?

Chị Giêda nhăn mặt khó chịu, nhún vai, bĩu môi đáp:

- Đang gục đầu trên cuốn sách, chắc ngủ. Cũng có thể đang nghĩ ngợi. Ai mà biết được.

- Giéclandô suy nghĩ. Cậu thấy rằng, thì ra rút cuộc, đời cậu như thế này cũng chẳng hay ho gì.

Đúng thế... Bây giờ cậu là chủ nhân thật, nhưng quyền hành làm gì có. Có vợ cũng bằng không. Lại thêm chuyện lục đục với bố mẹ. Sau hết là cậu

giận cái đầu mình quá, học không sao vào nổi!

Cậu như phát điên lên, không thể làm được công việc gì. Rồi những cơn thèm muốn cháy bỏng hành hạ cậu. Cậu càng thèm vào với vợ nhất là khi thấy vợ cố tình xa lánh. Cậu bực bội, sao lại có sự thỏa thuận như vậy được kia chứ. Cậu là chồng, cậu phải là người quyết định chứ không phải bà ta.

Cậu đứng dậy ra khỏi gian phòng, bước đến trước phòng vợ. Nhìn thấy bà ta qua khung cửa hé mở, cơn giận dữ của cậu bỗng tan biến mất. Cậu thở một hơi thật dài, rồi không dám thú nhận với bản thân là mình sợ, đành tự an ủi bằng cách nghĩ thầm rằng, chẳng bỏ mất công.

Một lần, sau khi làm hỏng bài thi ở trường, từ thành phố trở về, cậu quyết định: thế là đủ rồi, không học hành gì nữa! Cậu vợ tất cả sách vở, bảng vẽ, giấy nháp, thước kẻ, bút chì đem xuống sân, chắt thành một đồng định đốt.

Bác tá điền bố cậu vội chạy sang ngăn lại. Cậu hét lên:

- Không phải việc của bố! Bố đừng có dính vào. Bây giờ con là ông chủ rồi!

Bà mẹ cậu chạy sang. Rồi những bà con nông dân làm ở cánh đồng gần đấy cũng chạy lại. Đồng sách vở đã bắt đầu bốc khói. Làn khói mỗi lúc thêm dày đặc và bay lên cao. Lửa cháy bùng bùng. Thấy tiếng ồn ào, Elêonor chạy ra bao lon, chị giúp việc chạy theo sau.

Giéclandô đứng đó, không mặc áo vét, chỉ mỗi chiếc somi, đang giận dữ quăng nốt những thứ đã hành hạ cậu bao lâu nay.

Elêonor phì cười, quay trở vào phòng. Nhưng bà mẹ chồng đã nhìn thấy nụ cười trên môi con dâu, bèn quát con trai:

- Nó vui sướng kia kìa! Nó cười mày đấy.

Giéclandô quay đầu nhìn lên bao lon, hét:

- Rồi sẽ đến lúc bà ta phải khóc cho mà xem!

Elêonor nghe thấy và tái mặt. Bà hiểu được rằng, cuộc sống buồn tẻ kéo dài từ trước đến nay của bà sắp chấm dứt. Cuộc ngưng chiến vừa qua sao ngắn ngủi đến thế. Con dã thú kia muốn gì ở bà? Bà cảm thấy không còn sức lực gì nữa. Chỉ cần một nhát đánh nhẹ cũng đủ kết liễu cuộc đời bà.

Vừa lúc quay mặt ra, bà nhìn ngay thấy Giéclandô. Cậu ta thở phì phò, mặt đỏ bừng lên giận dữ:

- Bà chế nhạo tôi thế đủ rồi! - Cậu ta tuyên bố. - Bỏ tôi là nông dân và tôi cũng sẽ là nông dân. Bà thôi cái trò ra vẻ mệnh phụ ấy đi. Con tôi không cần gì những tã những mũ rơm đời kia! Nó cũng sẽ là nông dân như tôi. Tổng cổ cái chị giúp việc đi. Bà xuống bếp mà nấu nướng, mà quét dọn nhà cửa. Mẹ tôi thu vén nhà cửa thế nào thì bà cũng phải làm như thế. Rõ chưa nào?

Elêonor không nhin được:

- Tôi không cần biết đến mẹ cậu, - bà nói, mắt nhìn thẳng vào mặt cậu ta, kiêu hãnh. - Tôi là tôi và cậu đừng hòng biến tôi thành một con mụ nông dân.

- Bà là vợ của tôi! - Giéclandô hét lên rồi túm cánh tay Elêonor. - Tôi bảo gì bà phải làm thế. Nghe chưa?

Rồi cậu ta quay sang chị giúp việc, trở ra cửa:

- Cút ngay! Tôi không cần người ở!

- Đợi tôi cùng đi với chị, chị Giêda! - Elêonor hét lên, cố gỡ ra khỏi bàn tay của Giéclandô.

Nhưng cậu không buông, càng nắm chặt hơn, ấn bà ngồi xuống.

- Không được. Không đi đâu hết! Đừng hòng thoát khỏi tay tôi! Tôi nhìn bà như thể là đủ rồi, đem các thứ đồ đạc ra khỏi cái căn phòng ấy! Tôi chịu đựng thế đủ rồi. Tôi khóc thế cũng đủ rồi!

- Cậu khóc chuyện gì vậy? - bà nói, cố ghìm nước mắt cho khỏi trào ra.
- Tôi có đòi hỏi cậu thứ gì đâu nào?

- Lại còn không à? Bà đòi tôi không đụng đến người bà? Không được đến gần bà? Như thể tôi là cái thằng cha căng chú kiết nào ấy, còn bà là quý tộc vậy. Bà thuê chị giúp việc để chị ta com nước hộ. Lẽ ra chính bà, bà phải bung com rót nước cho tôi như tất cả những người vợ khác!

- Cậu cần tôi làm những gì nào? - Elêonor hỏi, cố ghìm mình lại. - Được! Tôi sẽ bung com rót nước cho cậu, nếu cậu muốn.

Đến lúc này bà không nhìn được nữa, nước mắt trào ra, bà thấy hoa mắt và ngã xuống bất tỉnh. Bị bất ngờ, Giéclandô luống cuống chạy lại, vội vã đỡ cho bà khỏi ngã rồi cùng với chị giúp việc Giêda dìu bà ngồi vào ghế bành.

Tôi hôm ấy bà đau quặn bụng.

Vừa sợ hãi vừa hối hận Giéclandô chạy sang gọi mẹ. Một thằng bé được phái ngay ra thành phố mời bà đỡ. Bác tá điền trai thì hoảng hốt cực độ; nếu như nàng dâu làm sao, số phận cái dinh cơ này sẽ thế nào? Bác quát con trai:

- Mà đúng là thằng ngu! Tại sao mà dám nói bà ấy như thế? Lỡ bà ấy chết thì sao? Mà sẽ mất tất. Mà dám bỏ học! Trong khi ấy thì cái cuộc mà cũng cầm không chặt! Mà sẽ không ra gì đâu, sẽ chẳng hơn gì con chó hoang!

- Ôi thôi, con mặt tất! - Giéclandô gào lên. - Cái quan trọng là làm thế nào cho bà ấy sống.

Mẹ cậu ta chạy như điên, vừa giơ tay lên trời vừa rít lên.

- Gọi bác sĩ! Gọi bác sĩ mau! Bà ấy sắp chết!

- Bà ấy làm sao? - Giéclandô hỏi, mặt tái xanh tái xám.

Nhưng bố cậu ta đẩy con trai ra phía cửa:

- Chạy đi mau! Nhanh lên!

Giéclandô run lẩy bẩy. Cậu chạy nhưng nước mắt trào ra khiến cậu không nhìn thấy gì. Được nửa đường cậu gặp chiếc xe ngựa chở thằng bé và bà đỡ.

- Nhanh lên! Nhanh lên! - Cậu quát to. - Tôi đi mời bác sĩ. Bà ấy sắp chết rồi.

Cậu loạng choạng, ngã rồi đứng dậy đi tiếp, quần áo lấm lem, hai hàm răng cắn chặt vào ống tay áo rách tung.

Lúc cậu dẫn được bác sĩ về đến nhà thì Elêonor đã chỉ còn thoi thóp. Bà bị băng huyết.

- Quân giết người! Quân giết người! - Chị giúp việc Giêda nghiêng rãnh rữa trong lúc vẫn tất bật bên cạnh bà chủ. - Tại cậu ấy hết! Dám đang tâm hành hạ bà chủ tôi!

Nhưng Elêonor lắc đầu phản đối. Bà cảm thấy cùng với máu, cuộc sống của bà cũng đang thoát ra ngoài, sức lực đang tàn dần và thân thể bà mỗi lúc một lạnh thêm. Thế càng hay. Bà thấy cái chết không đáng sợ. Thậm chí lại đáng mừng. Nó giải thoát cho bà bao nỗi đau khổ mấy tháng qua. Mặt xanh như tàu lá, bà ngược cặp mắt nhìn lên trần, chờ cho đến khi chúng nhắm lại lần cuối cùng, nhắm lại vĩnh viễn... Như qua một làn sương mỏng bà lơ mơ nhìn thấy ông bác sĩ già đã làm nhân chứng trong đám cưới ngày nào. Và bà mỉm cười với ông.

Giéclandô không rời xa giường bệnh của bà vợ một lúc nào, ngày cũng như đêm, suốt thời gian bà chiến đấu với Tử thần.

Đến lúc cuối cùng, khi người ta khiêng bà đặt lên ghế bành, bà thay đổi đến mức không nhận ra được nữa: da trắng bệch, như không còn giọt máu nào trong người. Bà nhìn thấy Giéclandô (cậu ta cũng như thể vừa trải qua một trận ốm thập tử nhất sinh), nhìn thấy hai vợ chồng bác tá điền đang cúi xuống nhìn mình thương xót. Bà nhìn họ bằng cặp mắt đen huyền, cặp mắt lúc này càng có vẻ như to hơn, và bà hiểu rằng giữa bà với những con người kia không có gì chung, tưởng như bà vừa mới từ một nơi nào đó xa lắc trở về, đã thành một con người khác hẳn. Bao mối quan hệ thắt buộc bà vào với họ đã đứt tung, và không phải chỉ với họ mà với cả quãng đời của bà trước đó.

Bà thấy khó thở. Chỉ một tiếng động nhỏ cũng làm tim bà ngưng lại, lát sau mới tiếp tục đập mạnh mẽ gấp bội. Bà kiệt sức đi rất nhanh.

Bây giờ, ngửa đầu lên lưng ghế bành, mắt nhắm nghiền, bà tiếc sao mình đã không được chết. Sau đây sẽ sống như thế nào? Liệu mình có chịu nổi sự tra tấn này không, có nhìn nổi vào mặt những con người kia và những đồ đạc kia nữa không? Bởi vì lúc này sao bà thấy mình xa lạ với tất cả những thứ đó đến thế! Nhưng hình ảnh ghê tởm của thời gian qua áp sát vào bà, như thể có kẻ nào dùng bạo lực túm chặt lấy bà, buộc bà phải nhìn, không cho bà được quên đi tất cả những thứ xa lạ mà bà thù ghét kia!

Bà đinh ninh rằng mình không dậy nổi và sẽ chết và vỡ tim, nhưng lại không như thế... Mấy hôm sau bà ngồi dậy được, bắt đầu đi lại trong phòng, tựa trên cánh tay của chị Giêda. Vào hôm sau nữa, bà xuống thang gác được và đi dạo ngoài vườn. Rồi chiều chiều bà ra chỗ mỏm đất cao ở phía Nam dinh cơ. Đứng đấy, có thể nhìn xuống bờ biển. Lúc đầu chị Giêda và cậu Giéclandô đi theo, về sau chỉ mỗi chị Giêda và cuối cùng bà tự đi một mình.

Bà ngồi lên phiến đá, dưới một góc liểu cô thụ, ngắm mép biển chạy mềm mại, hơi lượn vòng. Bà nhìn thấy mặt trời như một cái đĩa lửa chìm dần xuống làn sương nhẹ trên mặt biển màu xám, những đợt sóng chồm lên

hân hoan, những đám mây vàng rực huy hoàng và thần diệu, ánh sáng tinh khiết và thanh thảo của Thiên vương tinh rơi xuống mặt đất và vàng trắng mỗi lúc một sáng thêm. Đắm say trong vị ngọt ngào man mác của đêm đang tiến dần lại, hít thở không khí thơm mát, bà cảm thấy sự yên tĩnh và mát mẻ đang ngấm dần vào đáy tâm hồn mình, giống như một niềm hoan lạc thần kỳ.

Trong lúc đó, gia đình người tá điền đang tranh luận theo hướng có hại cho bà. Hai vợ chồng bác ta tìm mọi cách thuyết phục Giéclandô về chuyện người thừa kế, lỡ rồi có sự bất trắc xảy ra.

- Mà ý để bà ta thờ thần một mình như thế là không nên, - bác trai nói. - Mà phải nhớ rằng bà ấy đang biết ơn mà đã chăm sóc lúc bà ấy đau ốm. Phải bám sát bà ta và chiếm được lòng tin của bà ta... Rồi lại phải tìm cách để con mụ giúp việc không được ngủ trong phòng bà ấy. Bà ấy khỏe rồi, không cần có người giúp việc túc trực ban đêm nữa.

- Ôi, lạy chúa! Ngay trong ý nghĩ cũng không bao giờ con dám làm chuyện ấy. Sao bố mẹ lại bảo thế nhỉ? Bà ấy đối xử với con chẳng khác gì người mẹ đối xử với con trai. Bố mẹ chưa nghe thấy cách bà ấy ăn nói với con...! Như thế bà ấy đã già lắm rồi, chẳng còn sống được bao lâu nữa... Đúng thế, xin Chúa chứng giám!

- Già ấy à? - bác tá điền gái chen vào. - Tất nhiên bà ấy chẳng còn bé bỏng gì, nhưng già thì chưa đâu. Chính anh chẳng đã...

- Đúng mà là thằng ngu! - Bác tá điền trai ngắt lời. - Tao đã nói rồi. Mà cứ như thế thì sau này chỉ có đi ăn mày. Bà ấy mà chết đi, không để lại cho mày đứa con nào thì của hồi môn sẽ phải trả lại cho gia đình nhà họ. Luật pháp quy định như thế. Đến khi ấy mày không còn một chút gì trong tay. Học vấn thì chẳng có! Nghĩ đi, mày phải suy nghĩ đi, kéo rồi hối không kịp đấy!... Phải làm ngay đi!

- Con hãy khéo léo với nó, - mẹ cậu khề khàng khuyên con trai. - Dịu dàng nói với nó: “Tôi sẽ chiều theo ý bà. Bây giờ bà cũng nên nghĩ đến tôi.

Bà mà làm sao thì tôi sẽ lấy gì để sống?”. Con sợ gì mà không dám nói với nó như thế? Đây có phải nơi trận mạc đâu mà sợ thế?

- Và mà nói thêm thế này nữa, - bố cậu lại chen vào. - “Bà định làm tốt cho ông em bà ư? Bà đã thấy ông ta đối xử tàn tệ như thế nào rồi. Bây giờ bà lại muốn ông ấy tổng cổ tôi ra ngoài đường hay sao?”. Mà thật như thế ấy chứ. Mà bị ông ta tổng cổ ra ngoài đường như con chó thì chúng tao cũng sẽ bị tổng cổ theo.

Giéclandô không đáp. Những lời khuyên nhủ của mẹ làm cậu khó chịu nhưng đồng thời cũng làm cậu khoan khoái như được gãi nhẹ vậy. Những lời dọa dẫm về tương lai của bố làm cậu sợ. Cậu phải làm thế nào bây giờ? Cậu thấy trước rằng cuộc nói chuyện với bà Elêonor sẽ rất khó khăn nhưng vậy không thể không nói được. đành cứ thử xem sao.

Bây giờ Elêonor đã ra ngồi ăn với chồng. Một lần, trong bữa ăn tối bà nhận thấy cậu ta đắm chiêu nhìn xuống tấm khăn trải bàn, bà bèn hỏi:

- Sao cậu không ăn đi? Cậu làm sao thế?

Mặc dù Giéclandô chờ đợi câu hỏi ấy, thậm chí cậu cố tình làm ra vẻ đắm chiêu cốt để Elêonor hỏi như thế, nhưng lúc này cậu vẫn không thể nói cái câu mà bố mẹ cậu đã dạy, cậu chỉ vẩy tay một cách mơ hồ.

- Cậu làm sao? - Elêonor gặng hỏi.

- Không làm sao cả, - Giéclandô lúng túng đáp. - Bố tôi vẫn cứ nhất định.

- Bắt cậu đi học chứ gì? - Elêonor mỉm cười, gợi chuyện.

- Không, tệ hơn nữa ấy chứ, - cậu đáp. - Ông cụ cứ nhất định... nhất định buộc tôi phải lo đến tương lai. Bố tôi bảo cụ già rồi mà tôi thì chẳng có nghề nghề gì hết... Lúc này bà còn ở với tôi thì chưa sao, nhưng nếu... nếu tôi chỉ có một mình...

- Cậu bảo với ông ấy, Elêonor nghiêm giọng trả lời, tay che mắt để khỏi nhìn thấy mặt cậu ta đang đỏ ửng lên. - Cậu hãy nói với ông ấy rằng không phải lo. Tôi đã tính trước hết cả rồi. Bây giờ cậu đã nhắc thì tôi xin nói luôn: nếu như tôi chết - mà cuộc đời chúng ta nằm trong tay Chúa - cậu mở ngăn kéo thứ hai trong chiếc tủ kê trong phòng của tôi, cậu sẽ thấy một lá thư gửi cho cậu.

- Một lá thư? - Giéclandô hỏi lại, mặt đã chín nhừ.

Elêonor gật đầu.

- Đúng thế. Vì vậy cậu hãy yên tâm.

Sáng hôm sau, mặt mũi tươi tỉnh, Giéclandô sang gặp bố mẹ thuật lại cuộc trò chuyện giữa cậu và bà Elêonor tối hôm trước. Nhưng hai vợ chồng bác tá điền, nhất là bác trai rất không bằng lòng.

- Mà bảo lá thư ấy à? Chuyện vợ vắn.

Bức thư ấy là cái gì? Rất có thể là bản chúc thư. Nghĩa là để lại tài sản cho chồng. Nhưng lỡ bản chúc thư ấy được viết không theo đúng thủ tục thì sao? Không có người tòa án chứng nhận thì nó không có hiệu lực, biết đâu như thế? Ông em bà ta lại là luật sư, ông ấy rất có thể bác bản chúc thư kia!

- Đừng có hy vọng Tòa án bên vực lẽ phải. Đừng có làm gì để phải viện đến tòa án. Nông dân nghèo chúng ta không thạo việc chạy chọt ở Tòa. Bọn họ hay làm cái trò đổi trắng thay đen, lật ngược vấn đề lăm đấy.

Mà đã chắc gì trong tủ có cái lá thư ấy thật? Bà ta nói như vậy để hoãn binh thôi. Mà đừng có cả tin như thế. Nghe chúng tao đây này! Mà còn dại lắm, con ạ.

Và thế là vào một buổi tối, trong lúc Elêonor ngồi chơi ngoài dải đất trên cao như thường lệ, Giéclandô đột nhiên xuất hiện.

Elêonor thấy ớn lạnh, co quắp người lại và choàng lên vai tấm khăn rộng màu đen, mặc dù tiết tháng hai ấm áp và mùa xuân đã đang tới. Bên dưới chân đồi, đồng lúa xanh rờn. Biển và chân trời nhuốm một màu hồng, tuy rất nhạt nhưng đẹp vô cùng. Những xóm làng xa xa, không được mặt trời chiếu sáng, lấp lánh như những đồ chơi trẻ con.

Ngắm chán những màu sắc diệu kỳ của thiên nhiên buổi hoàng hôn tĩnh mịch, Elêonor gục đầu vào thân cây liễu. Tấm khăn quấn đầu khiến khuôn mặt bà càng xanh xao.

- Bà ngồi đây làm gì thế? - Giéclandô hỏi. - Trông bà lúc này giống như Đức Thánh mẫu Đồng Trinh đang đau khổ vậy.

- Tôi vừa mới ngắm phong cảnh. - bà đáp, thở dài rồi nhắm hai mắt lại.

Nhưng cậu ta lại dở chuyện cũ ra:

- Bà biết không, bà choàng tấm khăn này trông bà rất đẹp...

- Đẹp à? - Elêonor mỉm cười buồn bã. - Có tôi lạnh thì đúng.

- Không. Tôi bảo bà rất hợp với chiếc khăn này, - Giéclandô hỏn hển nói, cậu ta ngồi xuống mặt đất bên cạnh bà.

Bà nhắm mắt và mỉm cười để nước mắt khỏi trào ra. Bao kỷ niệm về tuổi trẻ đã trôi qua vô ích xóa vào tâm can bà. Năm mươi tám tuổi bà đã từng xinh đẹp, xinh đẹp thật sự.

Nhưng một bàn tay đụng chạm thô lỗ vào người bà khiến bà bừng tỉnh.

- Đưa tay cho tôi, - cậu ta nói, mắt ngược từ dưới lên, cặp mắt long lanh đầy thèm muốn.

Bà hiểu cậu ta muốn làm gì nhưng làm ra vẻ như không hiểu.

- Tay à? Để làm gì? - Bà hỏi. - Tôi nhắc cậu dậy sao được. Tôi còn yếu lắm. Chân bước còn chưa vững nữa là... Thôi, muộn rồi, ta về đi.

Rồi bà đứng dậy.

- Không phải thế, - cậu cố giải thích. - Hai chúng ta ngồi đây một lát đã, trong bóng tối này.. Ở đây dễ chịu quá.

Cậu choàng tay ôm hai đầu gối bà, mím một nụ cười bằng cặp môi khô khốc.

- Không được! - Bà kêu lên. - Cậu điên à? Buông tôi ra!

Để khỏi ngã, bá nít lấy vai Giéclandô rồi đẩy ra. Cậu ta đang quỳ xuống và tấm khăn choàng đen tuột khỏi vai bà, rơi xuống trùm kín người cậu.

- Tôi thèm! Tôi thèm bà, - cậu lẩm bẩm như người say rượu, một tay ghì chặt đầu gối Elêonor, một tay đưa lên quàng ngang eo bà, dồn dập hít mùi hương từ da thịt bà tỏa ra.

Elêonor đẩy mạnh cậu ta, chạy vụt ra chỗ bờ vực. Đến đó bà đứng lại quay đầu về phía sau quát:

- Không được đến gần tôi!

Giéclandô điên cuồng lao tới. Bà nghiêng người tránh rồi lao xuống vực.

Cậu ta đứng sững lại hoảng hốt. Tiếng một cành cây gãy khô khốc vọng lên. Cậu nghiêng người nhìn xuống, thấy một đống áo quần màu đen nằm bất động trên sườn vực xanh màu cỏ. Tấm khăn choàng màu đen tuột ra vẫn còn đang bay lượn phía trên, từ từ xuống thấp dần, thấp dần.

Cậu ôm chặt hai tay lên đầu, quay nhìn về phía nhà. Cặp mắt cậu phản chiếu tia sáng của mặt trăng đang lên cao bên trên rặng liễu. Cậu đứng lặng,

nhìn mặt trăng không chớp mắt, như thể vàng trăng kia đã thấy tất cả và bây giờ đang kết tội cậu.

ĐIỀU KHÔNG NÓI TRẮNG RA

Xara Acgienta, biệt danh là Tarara, vừa được dẫn đến ngồi vào chiếc ghế dài dành cho bị can, cách phần còn lại của phòng xử án bằng một hàng rào cao, thì việc đầu tiên của anh là móc trong túi ra chiếc khăn to màu đỏ in hoa vàng cẩn thận trải xuống chỗ ngồi để khỏi làm bẩn bộ comlê chỉ để mặc ngày lễ ngày Tết bằng vải len thô màu tím xẫm. Cả bộ comlê lẫn chiếc khăn đều mới toanh.

Ngồi thoải mái xong, Xara mới quay đầu nhìn đám nông dân đang chen chúc đằng sau hàng rào, ở phần bên kia của phòng xử án, dành cho nhân dân đến xem xử. Anh mỉm cười. Bộ mặt xưa nay vẫn râu ria tua tủa hôm nay được cạo nhẵn nhụi khiến anh giống như một chú khỉ. Tai anh đeo khuyên vàng.

Từ chỗ đám nông dân tỏa ra mùi phân ngựa, mùi mồ hôi, mùi cừu nồng nặc.

Một chị phụ nữ mặc đồ đen, quàng khăn len kéo xuống tận lông mày, nhìn thấy bị can chị hoảng sợ thét lên. Trong khi đó thì bản thân bị can lại vui vẻ ngắm từ trong cái lồng kia ra, khi thì giơ cao bàn tay sần sùi do lao động nặng nhọc, khi thì hất đầu sang trái rồi sang phải, không chỉ để ra dấu chào mà còn ra dấu cảm ơn những bạn bè cùng làm. Thậm chí anh còn tỏ vẻ như thông cảm với họ nữa.

Sau bao nhiêu tháng trời tạm giam, buổi xử án hôm nay đối với anh là một ngày hội. Bởi vậy anh mới ăn mặc như đi lễ ngày chủ nhật. Vì nghèo, Tarara không có tiền thuê luật sư, mà đành bằng lòng với thầy cãi do tòa chỉ định. Nhưng còn những gì thuộc phạm vi của riêng anh thì Tarara rất chu đáo: áo quần sạch sẽ, râu ria cạo sạch, tóc chải rẽ ràng:

Sau phần thủ tục và sau phần công bố thành phần xét xử, chủ tọa phiên tòa ra lệnh cho bị can đứng dậy.

- Tên anh?

- Tarara.

- Đây là biệt danh. Tên thật kia?

- Xin Tòa tha lỗi. Tên tôi là Acgienta. Xara Acgienta, thưa tòa. Nhưng mọi người đều gọi tôi là Tarara.

- Thôi được. Bao nhiêu tuổi?

- Thưa Tòa, tôi không biết ạ.

- Sao lại không biết?

Tarara nhún vai rồi nhăn mặt như để mọi người hiểu rằng, việc tính tuổi đối với anh bao giờ cũng là việc làm xấu thói hoặc ít nhất cũng vô nghĩa. Nhưng anh vẫn nói thêm:

- Thưa Tòa tôi là người nhà quê. Ai lại đi tính tuổi.

Dưới hàng ghế người nghe có tiếng cười rộ. Chủ tọa phiên tòa cúi xuống những giấy tờ đặt mở rộng trước mặt Ngài.

- Anh sinh năm một ngày tám trăm bảy mươi ba. Nghĩa là năm nay anh ba mươi chín tuổi.

Tarara giơ cả hai tay lên trời, vẻ nhịn nhục:

- Thưa tòa, vâng.

Để khỏi làm công chúng ngồi xem bên dưới rộ lên những đợt cười mới, ngài chủ tọa vội vã đưa ra những câu hỏi khác rồi lại tự trả lời lấy:

- Đúng không? Đúng.

Khi đã hỏi xong, Ngài nói:

- Anh ngồi xuống. Bây giờ ông thư ký phiên tòa tuyên đọc bản luận tội.

Ông thư ký bắt đầu đọc, nhưng mới được một đoạn, ông ta phải dừng lại, bởi vì mùi khăm khắm nồng nặc của gian phòng xử án khiến các vị thẩm phán nhức đầu. Lính gác được lệnh mở các cửa.

Và bây giờ thì mọi người đều thấy rõ sự ưu việt không thể chối cãi được của bị cáo trước những vị ngồi xử án.

Ngồi oai vệ trên tấm khăn đỏ chói. Tarara không hề nghĩ thấy cái mùi ấy, bởi vì anh đã quá quen với nó. Anh chỉ khẽ mỉm cười. Anh không cảm thấy cái nóng ngọt ngào, mặc dù đánh cả một bộ comlê len màu tím thẫm. Anh cũng không hề thấy khó chịu với đàn ruồi đang quấy rối các vị thẩm phán, ngài biện lý của đức Vua, các vị luật sư, những người lính gác và thậm chí cả mấy anh chàng pháp thủ hoa chân múa tay để xua chúng đi. Ruồi bậu kín hai cánh tay anh, vo ve bên tai anh, bậu cả vào trán, vào môi, vào mắt. Tarara không cảm thấy khó chịu, không thèm đuổi chúng đi mà vẫn tùm tùm cười.

Viên luật sư trẻ tuổi được Tòa chỉ định, đã quả quyết từ trước với bị cáo rằng tội anh nhẹ thôi, vì anh giết vợ thật nhưng việc chị ta phản bội chồng đã có đủ bằng chứng.

Vẻ mặt hồn nhiên và thơ ngây giống như một con vật không biết suy nghĩ, Tarara lúc nào cũng bình thản. Không hề có bóng dáng của nỗi hối hận, lương tâm cắn dứt nào hết. Anh hoàn toàn không hiểu được, tại sao người ta lại bắt anh phải nhận tội, khi cái sự việc ấy chẳng liên quan đến bất cứ ai trên cõi đời này ngoài cá nhân anh. Anh coi luật pháp chỉ là một điều tất yếu chẳng vui vẻ gì. Trong công việc làm ăn sinh sống thì có chuyện mất mùa, còn trong cuộc đời thì có chuyện luật pháp. Cũng y hệt nhau thôi!

Tòa án với tất cả vẻ trịnh trọng của nó: những hàng ghế nặng nề, những chiếc mũ quan tòa, những chiếc áo thụng, những trang sức phù phiếm đối

với Tarara chỉ là một cái trò giống như việc khánh thành xưởng xay bột bằng máy hơi nước năm ngoái. Cách đây đúng một năm Tarara cùng với một đám vô công rồi nghề đứng xem cái máy kỳ quặc ấy với đủ thứ bánh xe lớn nhỏ, đủ thứ thanh sắt dài ngắn với những tấm kim loại đủ kiểu, anh cảm thấy trong lòng một nỗi ngạc nhiên kèm theo nghi hoặc. Mọi người đem hạt mì của mình đến đổ vào máy, nhưng ai dám quả quyết rằng số bột chảy từ máy ra mà mình nhận lại chính là bột của đúng thứ hạt mình đã đem đến, chứ không phải số hạt của người khác? Thôi thì cũng đành nhắm mắt bỏ qua, nhận số bột cái máy trả lại cho mình vậy.

Bây giờ cũng tựa như thế, Tarara cũng nghi hoặc và nhẫn nhục giao phó số phận của anh cho cái máy luật pháp.

Anh chỉ biết rõ một điều là anh đã bỏ một riu vỡ đôi cái sọ của vợ. Đầu đuôi câu chuyện như thế này. Tarara tuần nào cũng đi làm thuê cho những gia đình ở gần thị trấn Môngtapécô suốt từ thứ hai đến thứ bảy. Thứ bảy hôm ấy anh về đến nhà, người ướt đầm mồ hôi và lấm lem bùn đất, thì nghe được chuyện xô xát dữ dội vừa mới xảy ra trong làng Accô đi Xpôô, tức là nơi anh ở.

Trước đây vài tiếng đồng hồ, vợ anh bị bắt quả tang đang ngủ với ngài sĩ quan kỵ binh Agatinô Phiorica. Bà Graxiela, vợ ngài sĩ quan, hai tay đầy vòng và nhẫn, má đỏ hây hây, mặt trát bột phấn giống như con lừa chở bột, đích thân dẫn hai cảnh binh do ngài cảnh sát trưởng Xpanô chỉ huy đến tận xóm Accô đi Xpôô để ba vị quan chức này chứng kiến vụ ngoại tình là xảy ra thật.

Hàng xóm của Tarara không thể giấu anh nỗi bất hạnh, bởi vì chị vợ anh cùng với ngài sĩ quan đã bị cảnh sát giữ lại ngoài đồn suốt đêm hôm đó. Sáng hôm sau, chị ta vừa mới về đến cửa thì Tarara nhảy bổ đến. Hàng xóm chưa kịp ngăn thì anh đã bỏ vỡ đôi cái sọ của vợ rồi.

Ông thư ký phiên tòa đang lấp bấp những gì có trời hiểu.

Khi thư ký đọc xong, ngài chủ tọa phiên tòa lại ra lệnh cho bị cáo đứng lên và trả lời tiếp những câu hỏi khác.

- Bị cáo Acgienta, anh hiểu anh bị buộc về tội gì chứ?

Tarara chỉ khẽ đung đậy bàn tay và vẫn với nụ cười quen thuộc đáp:

- Thưa tòa, thú thật tôi nghe không được rõ lắm.

Ngài chủ tọa phiên tòa giận dữ mắng:

- Anh bị kết tội là sáng ngày mùng mười tháng mười hai năm một ngàn chín trăm mười một đã dùng rìu giết chết chị Rêxaria Phêminela, vợ anh. Anh sẽ cãi lại thế nào? Quay mặt về phía các ngài thẩm phán và nói cho rành rọt, kính cẩn với Tòa.

Tarara đặt bàn tay lên ngực ý để nói rằng anh không hề có ý nghĩ thiếu tôn kính với Tòa. Công chúng ngồi xem vốn đã được khởi đầu thú vị và vui vẻ lúc này rất muốn được cười câu trả lời của bị can. Tarara nhìn thấy thế, anh hơi ngượng nghịu chưa đáp.

- Anh trả lời Tòa đi! - Ngài chủ tọa phiên tòa giục. - Anh hãy thưa với các vị thẩm phán những gì anh cần nói.

Tarara nhún vai rồi quyết định nói:

- Thưa Tòa, các ngài đều học thức cao và những gì ghi trong giấy tờ, các ngài đều đọc được cả. Thưa Tòa, tôi chỉ là đứa thất học. Nhưng nếu trong những giấy tờ kia có ghi tôi giết vợ thì cũng có nghĩa là đúng như thế. Tôi chẳng có gì để nói thêm nữa.

Đến lúc này thì chính ngài chủ tọa phiên tòa cũng không nhịn được cười.

- Chẳng có gì để nói thêm nữa à? Không đâu, anh bạn thân mến ạ, có điều cần phải nói đấy...

- Thưa Tòa, tôi chỉ định nói rằng. - Tarara lại đặt bàn tay lên chỗ trái tim giằng giãi. - Rằng tôi đã giết vợ, có vậy thôi. Tôi đã giết nó, đúng thế, thưa Tòa, thưa các vị thẩm phán, tôi đã giết bằng chính hai bàn tay này, bởi vì tôi không thể không giết nó. Có vậy thôi ạ.

- Tôi yêu cầu các vị giữ trật tự cho! Không ai cười nữa! - Ngài chủ tọa phiên tòa nổi cáu, rung chuông liên tiếp. - Các vị quên đang ở đâu à? Đây là phòng xử án. Tòa đang xử một kẻ sát nhân. Nếu các vị còn cười tôi yêu cầu tất cả ra ngoài hết. Thưa các vị thẩm phán, còn các vị, tôi cũng xấu hổ thay cho các vị, vì tôi bắt buộc phải nhắc các vị tôn trọng không khí nghiêm túc của việc xét xử?

Rồi cau mày giận dữ, ngài chủ tọa quay về phía bị can:

- Anh vừa bảo không thể không giết được, nghĩa là sao?

Gian phòng trở lại im lặng. Tarara ngượng nghịu nói:

- Thưa Tòa, ý tôi muốn nói rằng tôi không có lỗi trong chuyện này.

- Sao lại không có lỗi?

Đến đây viên luật sư trẻ tuổi, do Tòa chỉ định không nhìn được, cảm thấy bồn chồn của mình là phải đứng lên phản đối giọng nói gay gắt của ngài chủ tọa.

- Xin lỗi, thưa ngài chủ tọa phiên tòa. Ngài làm như thế sẽ làm bị can bối rối! Tôi cảm thấy anh ta nói rằng không có lỗi là nói đúng, bởi vì kẻ có lỗi là chị vợ anh ta, chị đã phản bội chồng đi lại với ông sĩ quan kỵ binh Phiorica. Điều này đã rõ ràng.

- Xin lỗi ông luật sư, nhưng tôi yêu cầu ông không cản trở công việc của những người xét xử! - Ngài chủ tọa giận dữ ngắt lời viên luật sư. - Hãy để bị can phát biểu. Tarara, anh nói tiếp đi. Anh đồng ý với ý kiến người bào chữa của anh không?

Lúc đầu Tarara lắc đầu, sau đó anh nói rõ thêm:

- Thưa Tòa không ạ. Con vợ bất hạnh của tôi cũng không có tội. Chỉ mỗi một người có tội... chính là bà vợ ngài sĩ quan Phiôrica. Bà cứ nhất định không chịu để mặc cho cái chuyện kia diễn ra thầm kín, như trước đó vẫn diễn ra. Thưa Tòa, bà ta làm ầm ĩ đến nỗi những hòn đá lát trên đường cũng phải xấu hổ khi nhìn thấy ngài sĩ quan đáng kính - mà tất cả dân làng chúng tôi đều nhìn ngài xưa nay như thế - vậy mà lúc ấy ngài chỉ có mỗi chiếc áo lót trên người, cởi truồng, nằm trong túp lều rách của một con mụ nhà quê bản thổ. Thưa Tòa, chỉ có Chúa mới biết chúng tôi nghèo khổ đã phải vất vả như thế nào, nhẫn nhục đến đâu để có được miếng bánh mì.

Trong khi Tarara nói tất cả những điều ấy bằng giọng run run vì xúc động, cặp mắt nhòa lệ, hai bàn tay co quắp ôm lấy ngực, thì dưới hàng ghế khán giả, tiếng cười rộ lên. Người ta cười không thể ghìm lại được, nhiều người ôm bụng lăn ra đất mà cười. Nhưng ngay cả trong tiếng cười ấy, ngài chủ tọa phiên tòa cũng vẫn nhận ra được chiều hướng mới của cuộc xét xử do bị can tạo nên. Viên luật sư trẻ tuổi cũng hiểu ra được như thế. Anh thấy rằng toàn bộ kế hoạch bào chữa cho bị can do anh công phu chuẩn bị lúc này tan ra thành mây khói. Anh quay sang nhìn bị can và ra hiệu cho bị can ngừng lại.

Nhưng muộn mất rồi. Ngài chủ tọa phiên tòa giậm dũ rung chuông, hỏi bị can:

- Nghĩa là anh thú nhận có biết từ trước chuyện vụng trộm của vợ anh với ngài sĩ quan Phiôrica?

- Thưa ngài chủ tọa, - viên luật sư trẻ tuổi chồm dậy nói chen vào. - Xin lỗi, nhưng tôi... nhưng tôi...

- Tôi làm sao? - Ngài chủ tọa phiên tòa thét lên ngắt lời luật sư. - Tôi đang cần làm rõ thêm một điều.

- Tôi phản đối cách hỏi của ngài, thưa ngài chủ tọa.

- Ông không có quyền phản đối, thưa ông luật sư. Người điều khiển cuộc thẩm vấn là tôi!

- Nếu như vậy tôi xin trao trả nhiệm vụ bào chữa

- Tùy ông... Nhưng ông nói nghiêm chỉnh đấy chứ? Bởi vì chính bản thân bị can đã thú nhận.

- Không, xin lỗi. Thưa ngài chủ tọa! Bị can chưa hề thú nhận gì hết. Anh ta chỉ mới nói rằng, theo ý kiến anh ta người có lỗi là bà Phiôrica đã gây chuyện đánh ghen om sòm bên cạnh nhà anh ta.

- Cứ cho là như thế! Nhưng ông lấy lý do gì mà cản trở tôi trong việc thẩm vấn bị can? Tôi muốn hỏi xem anh ta có biết từ trước việc chị vợ anh ta dan díu với ngài sĩ quan hay không?

Trong lúc ấy, rất nhiều người ngồi xem phiên tòa gào lên và làm dấu ra hiệu cho Tarara đừng nói kiêu vừa rồi nữa. Ngài chủ tọa lại nổi nóng và quát yêu cầu mọi người trật tự, dọa nếu không sẽ đuổi tất cả ra ngoài.

- Bị cáo Acgienta, hãy trả lời Tòa, anh đã biết từ trước là vợ anh vẫn dan díu với ngài sĩ quan phải không?

Hoang mang, bối rối, Tarara liếc nhìn viên luật sư rồi đưa mắt bao quát phòng khán giả. Cuối cùng anh lẩm bẩm tự hỏi:

- Tôi phải trả lời là không hay sao?

- Ngu lắm! - Một ông già nông dân ngồi hàng ghế cuối cùng gào lên.

Viên luật sư trẻ tuổi đâm mạnh xuống ghế giận dữ rồi đứng lên, ngồi sang chỗ khác.

- Anh phải khai thật, và như thế chỉ có lợi cho anh! - Ngài chủ tọa phiên tòa hướng về phía Tarara.

- Thưa Tòa, tôi nói trắng ra sự thật, - Tarara lên tiếng là lần này anh đặt cả hai bàn tay lên ngực. Sự thật là thế này: mọi sự vẫn diễn ra và tôi để yên, coi như không biết. Bởi vì đúng là như thế, thưa các ngài thẩm phán. Quan hệ dâm dúi giữa vợ tôi và ngài sĩ quan không ai biết cho nên chẳng ai dám nói vào mặt tôi. Thưa các ngài thẩm phán, tôi nói điều ấy bởi vì tôi chỉ là một thằng nhà quê dốt nát. Một kẻ nghèo khổ như tôi, suốt tuần, từ mờ sáng thứ hai đến tối mịt thứ bảy đổ mồ hôi trên đồng ruộng thì còn hiểu biết được cái gì kia chứ? Chuyện vợ phản bội là chuyện mấy ai tránh được? Tất nhiên nếu có ai ra ngoài đồng, chỗ tôi làm, nói vào tai tôi rằng: “Tarara, con vợ anh ở nhà tăng tị với ông sĩ quan Phiôrica” thì tôi không thể có cách nào khác là vớ lấy cái rìu chạy về nhà bổ vào đầu nó một nhát. Nhưng thưa Tòa, không ai đến báo với tôi như thế. Còn tôi thì mỗi khi có dịp về thăm nhà giữa tuần, tôi đều cẩn thận nhờ người báo trước cho vợ tôi. Thưa Tòa, tôi nói thế để chứng tỏ rằng tôi không định làm phiền ai hết. Đàn ông là đàn ông, thưa Tòa, và đàn bà là đàn bà. Điều đó là rõ ràng. Anh đàn ông nào cũng cần hiểu rằng đàn bà bản tính là như thế. Không thể nào không phản bội chồng được. Kể cả khi chị ta ở liền bên cạnh chồng, ý tôi muốn nói là kể cả khi anh chồng không vắng nhà suốt cả tuần như tôi. Thế nhưng phận sự người đàn bà là phải giữ tiếng cho chồng, đừng để kẻ nào giễu cợt, chê trách chồng. Thưa Tòa, thưa các vị thẩm phán, có những thứ, thưa các ngài thẩm phán kính mến, có những thứ làm nhục anh chồng hơn là những lời đồn đại, đấy là khi sự việc hiển nhiên khiến anh ta không thể nhịn được và cũng không được phép nhịn. Thưa Tòa, thưa các vị thẩm phán, tôi xin thề rằng vợ tôi xưa nay vẫn tôn trọng tôi, vẫn giữ cho tôi không bị mang tiếng, mặc dù cả đời chưa bao giờ tôi làm rụng một sợi tóc của nó. Các ông các bà hàng xóm của tôi có thể chứng nhận cho tôi chuyện ấy. Nhưng thưa các vị, thật bất hạnh cho tôi, bà vợ ngài sĩ quan ấy lại chạy đến và gây chuyện om sòm... Thưa các vị, nếu như các vị cho đời bà ta đến đây, tôi xin có lời với bà ấy! Thưa các vị, đúng những bà lắm mồm là thứ đáng sợ hơn mọi thứ! Giá như tôi được gặp, tôi sẽ bảo bà ấy rằng: “Nếu như ông nhà tăng tị với một mục đàn bà đã có chồng nào đó, thì bà muốn làm om sòm thế nào tùy bà, tôi không có ý kiến gì. Nhưng tại sao bà lại lôi tôi vào cuộc, tôi vốn là kẻ thích yên ổn. Không bao giờ tôi thích dính mũi vào chuyện người khác.

Tôi thích sống mà không nghe thấy gì hết, không nhìn thấy gì hết, chỉ cắm đầu suốt từ mờ sáng đến tối khuya, hết ngày này sang ngày khác, hết tuần này sang tuần khác để kiếm miếng bánh mì...”. Giá như có bà ấy ở đây tôi sẽ nói với bà ấy rằng: “Đối với bà chuyện kia chỉ là trò đùa giỡn. Bà đánh ghen, làm âm ỉ thực ra cũng chỉ để giải sầu. Chỉ hai ngày sau bà lại bỏ qua và lại hòa thuận với ông nhà như chưa có chuyện gì xảy ra hết. Bà không hề nghĩ đến chuyện bà làm cho một thằng chồng phải dính vào. Bà không hề nghĩ rằng một thằng chồng khi kẻ khác cười vào mặt tất phải giữ thể diện và phải tiến hành một biện pháp nào chứ. Giá như bà đến gặp riêng tôi, báo cho tôi biết việc ông nhà đi lại lén lút với vợ tôi, thì tôi sẽ bảo bà ta rằng: “Ôi dào! Đàn ông chúng tôi từ khi lọt lòng mẹ đều có tính thích đi săn rồi! Bà quan tâm làm gì đến một con mụ nhà quê bản thú? Ông sĩ quan chồng bà đã quen ăn thứ bánh mì trắng bột mịn mua ở Pháp, thì thỉnh thoảng ông có thích sai thứ bánh mì đen thô thiển, bột to lổn nhổn cho lạ miệng cũng chẳng đáng để bà để bụng!”. Tôi sẽ nói với bà ta như thế, thừa các vị thẩm phán. Và khi ấy chắc chắn bà ta sẽ nghe ra và chẳng xảy ra cái chuyện vừa rồi. Cho nên tất cả chỉ do lỗi của bà vợ ông sĩ quan.

Ngài chủ tọa phiên tòa lại phải rung chuông, và lần này phải rung dữ dội một lúc lâu mới dẹp yên được công chúng. Họ đón bài diễn văn thú tội của Tarara bằng những tiếng gào thét và những tiếng cười điên cuồng.

- Nghĩa là anh đã thú nhận tội lỗi? Ngài chủ tọa hỏi bị can.

Anh chàng Tarara thở hổn hển, lắc đầu:

- Thưa Tòa, không đâu ạ. Tôi có thú tội gì đâu ạ. Tôi chỉ nói trắng ra sự thật, thưa Ngài.

Vì cái sự nói trắng ra sự thật ấy, Tarara lĩnh án mười ba năm tù.

CHUYẾN VIỄN DU

Adriana mười lăm năm sống cắm cung trong ngôi nhà cũ kỹ và lặng lẽ giống như một tu viện. Nàng vào đây từ khi còn là thiếu nữ mới lớn. Suốt những năm ấy nàng không hề bước chân ra khỏi cửa. Chỉ những khách qua đường hiềm hoi có dịp đi trên con đường dốc trong ngõ hẻm vắng mới nhìn thấy nàng thấp thoáng bên trong cửa sổ; lối đi cỏ mọc kín giữa những tảng đá mập mạp lát đường.

Sống với chồng chưa được bốn năm thì chồng qua đời, thế là nàng bước vào cuộc sống cần cỗi. Bây giờ nàng mới ba mươi năm nhưng đã quanh năm mặc toàn đồ đen, giống như hôm đưa tang chồng. Chiếc khăn lụa đen phủ kín mái tóc dày màu hạt dẻ mà nàng không thiết tết, chỉ rẽ đường ngôi ở giữa và búi lại sau gáy. Nhưng khuôn mặt xanh xao với những đường nét thanh tú của nàng lúc nào cũng như nở một nụ cười dịu dàng và buồn bã.

Thái độ tự giam hãm ấy không hề khiến dân thị trấn ngạc nhiên. Trong cái thị trấn miền núi hẻo lánh trên hòn đảo Xixin này, tập quán ngặt nghèo quy định người đàn bà góa chồng gần như phải theo ông chồng xuống mồ, và mọi người dân ở đây đều theo dõi xít xao, xem có ai dám vượt qua cái tục lệ ấy. Phụ nữ góa bụa có bốn phận phải sống xa lánh mọi người và để tang chồng cho đến ngày chết.

Ngay đàn bà con gái của một số ít những gia đình sung túc có chồng hay chưa, nói chung đều ít lộ mặt ra phố trừ ngày lễ ra nhà thờ hay họa hoàn đến thăm nhau. Nhưng mặt khác, những ngày đó họ lại phục sức hết sức giàu có, mặc toàn áo đặt may tại những hiệu may nổi tiếng nhất ở tận Palécmô hay Catania, đeo toàn đồ trang sức quý, tuy không phải để khoe khoang với ai: ra đường họ đều cúi gằm xuống mà đi, mặt đỏ ửng bên cạnh chồng, cha hay anh. Việc ăn mặc diện gấm như chuyện họ buộc phải làm: đi thăm ai hoặc đến nhà thờ chỉ cách nhà vài bước chân cũng bị coi là chuyện đạo chơi thật sự đối với phụ nữ, và phải được họ chuẩn bị kỹ càng từ chiều

hôm trước. Đây là chuyện danh dự của gia đình, và đàn ông chăm sóc đến trang phục của phụ nữ trong gia đình thậm chí có lẽ còn hơn cả bản thân những người phụ nữ ấy. Bởi vì họ muốn tỏ cho xung quanh biết, họ dám không tiếc tốn kém chi cho phụ nữ và rất am hiểu về phục sức của nữ giới.

Còn phụ nữ thì vốn ngoan ngoãn, nhẫn nhục, bao giờ cũng phục sức theo đúng như đàn ông yêu cầu, cố gắng không làm mất đi uy tín của đàn ông trong nhà. Sau chuyện đi ra ngoài ngăn ngại, họ lại hoàn toàn thanh thản trở về với công việc nội trợ: đàn bà có chồng thì tiếp tục đẻ con, bao nhiêu tùy theo Chúa cho, đây là số kiếp của họ; con gái chưa chồng thì chờ đợi cái ngày mà bố mẹ bảo họ: “Con hãy lấy anh ấy anh nọ”. Họ lấy chồng và hoàn toàn bằng lòng với thái độ phục tùng kiểu nô lệ và không đòi hỏi tình yêu.

Chỉ lòng tin mù quáng vào Thiên đường của Chúa mới giúp cho phụ nữ đủ sức chịu đựng, không rơi vào tâm trạng tuyệt vọng, hoặc nỗi buồn tẻ trước cuộc sống đơn điệu tại một thị trấn miền núi vắng lặng, đến nỗi tưởng như nơi không người. Dưới bầu trời xanh biếc nóng nực là những ngõ ngang dọc, rối rắm, hai bên là những ngôi nhà xây bằng đá thô, mái lợp ngói, có máng để hứng nước mưa.

Nếu ai cứ đi theo mãi một ngõ cho đến tận cùng sẽ thấy mở ra một khoảng trống với những tầng đất cháy xém tẻ nhạt. Đây là mỏ lưu huỳnh. Trên trời như nung, dưới đất cũng như nung. Không gian lặng lẽ, họa chăng chỉ tiếng đàn ruồi vo ve, tiếng giun dế râm ran và từ xa vắng đến một tiếng gà gáy, tiếng chó sủa khuấy động lên đôi chút. Trong không trung sáng đến chói mắt, bốc lên mùi cỏ khô và mùi phân từ các chuồng bò.

Không một nhà nào còn một giọt nước. Trong sân rộng rãi đằng sau các ngôi nhà của tầng lớp chủ, dưới lòng những máng dẫn nước, những bể hứng nước mưa đang chờ lòng thương của Thượng đế. Nhưng nơi đây, ngay giữa mùa đông cũng rất ít mưa. Vì thế mỗi trận mưa là một ngày hội. Phụ nữ đem ra sân đủ mọi thứ có thể đựng được nước: máng ăn của gia súc, thùng, chậu, rồi họ vén váy may bằng thứ len thô lên đứng ở cửa ngậm những dòng nước nhỏ chập lại thành dòng lớn, giống như những con suối chảy xiết, lắng nghe tiếng nước trên mái nhà giọt xuống máng rồi ồng ộc chảy

trong ống, cuối cùng đổ vào bể chứa. Mưa rửa sạch mặt đường, tường nhà và người dân ở đây khoan khoái hít thở không khí thơm ngát chứa đầy hơi nước mát mẽ từ mặt đất ướt át bốc lên.

Đàn ông còn tìm thấy được chút ít thích thú nào đó trong công việc. Họ tham gia vào nhóm này nhóm khác để tranh cử vào Hội đồng thị trấn. Và vào các buổi chiều tối, họ còn có thể ra quán giải khát hoặc tiến đến câu lạc bộ binh sĩ. Đàn bà thì ngay từ nhỏ đã bị người ta dập tắt mọi ý nghĩ phiếm, đến tuổi lấy chồng thì lại bị ép duyên, đã trở thành những kẻ nô tỳ trong nhà, ngày nào cũng làm đúng những công việc giống hệt nhau, bị nỗi buồn chán xâm chiếm, bế đứa con trên tay hoặc lần tràng hạt chờ chồng, người chủ, trở về.

Adriana Bratgi không yêu chồng.

Anh ta nhất gan, suốt ngày chỉ bận khoản lo lắng cho sức khỏe mỏng manh của bản thân. Và suốt bốn năm trời chung sống nàng bị chồng dẫn vật hành hạ, thậm chí ghen cả với ông anh ruột của anh ta. Việc anh ta lấy vợ đã thành tai họa cho ông anh. Có thể nói anh ta đã phản bội ông anh. Tại vùng này vẫn còn tục lệ nhà giàu nào nhiều con trai thì chỉ người con trai trưởng mới được lấy vợ để gia tài sau này khỏi bị phân tán ra nhiều người thừa kế.

Sêđarê Bragi, người anh cả, không hề bao giờ tỏ thái độ khó chịu vì thấy em mình cướp đoạt quyền lợi con trưởng của mình. Có lẽ vì ông bố của họ qua đời trước hôm cưới không lâu, khi từ già cõi đời đã trôi trăn lại là người con trưởng của ông, Sêđarê sẽ thay ông làm chủ gia đình, và cậu em phải phục tùng tuyệt đối tất cả những quyết định của ông anh.

Khi bước chân vào ngôi nhà cổ kính của gia đình Bratgi, Adriana cảm thấy ngay mình bị chịu thân phận thấp kém do ở dưới quyền của ông anh chồng. Hoàn cảnh của nàng lại tăng thêm phần ngột ngạt, khi chồng nàng, trong một cơn nóng giận đã nói hé ra rằng chính ông anh anh ta, Sêđarê cũng có ý định cưới nàng làm vợ. Bây giờ nàng không còn phải biết đối xử thế nào với Sêđarê. Nàng càng khó xử hơn khi thấy ông anh chồng không hề coi nàng là kẻ dưới, trái lại, còn quý mến nàng, coi nàng như em gái thực sự.

Sadarê tỏ ra con người rộng lượng, từ cách nói năng ăn mặc đến thái độ cư xử với bất cứ ai, bất kể người trong nhà hay người ngoài. Lòng cao thượng của anh bằm sinh ra được bộc lộ bất kể trong trường hợp nào, cả khi tiếp xúc với những người dân thường thô thiển, cả trong những công việc anh làm, cả trong thời nhàn hạ kéo dài nhiều tháng mỗi năm do cuộc sống tỉnh nhỏ tạo nên.

Thêm nữa, thường mỗi năm anh lại vắng nhà một vài tuần lễ, có khi cả một tháng. Anh rời khỏi thị trấn phó mặc công việc gia đình. Anh đến Palecmô, hoặc Nêapôn, Rôma hoặc Phlorenxi, Milăng để tìm hiểu thế giới hoặc như cách anh nói, để nếm mùi văn minh. Sau mỗi chuyến đi như thế, anh như trẻ ra, cả thể xác lẫn tâm hồn.

Adriana vốn từ nhỏ chưa bao giờ rời xa quê hương, một lần thấy anh chồng trở về với ngôi nhà cổ kính lúc nào cũng lặng lẽ như nhà mồ, nơi thời gian như ngưng đọng lại, nàng cảm thấy trong lòng trỗi dậy một niềm phản kháng khiến nàng vừa không hiểu rõ vừa hoảng sợ.

Mỗi lần đi xa về, ông anh chồng đem theo về không khí của một thế giới khác mà nàng không thể hình dung nổi.

Niềm phản kháng càng tăng khi nàng nghe thấy tiếng cười gằn của chồng, lúc nghe Sedarê kể trong phòng bên cạnh về những sự việc ly kỳ mà anh có dịp đụng độ trong chuyến ngao du. Tối hôm đó, nàng bỗng cảm thấy phần nộ và ghê tởm, khi thấy chồng nàng nghe xong chuyện của ông anh, quay trở vào phòng ngủ của hai vợ chồng, lại nổi khùng và trút cơn giận dữ lên đầu vợ. Càng khinh, ghét chồng bao nhiêu nàng càng cảm phục ông anh chồng bấy nhiêu.

Khi chồng chết, Adriana lo sợ, không biết sẽ chung sống dưới một mái nhà với ông anh chồng ra sao đây? Thật ra còn có hai đứa con mà nàng sinh trong thời gian bốn năm chung sống với chồng. Nàng đã là người mẹ, nhưng nàng vẫn không cưỡng được cảm giác rụt rè e thẹn trước ông anh chồng như khi nàng còn là đứa con gái thơ ngây. Đúng ra thói e thẹn ấy chưa bao giờ biến thành ác cảm, nhưng bây giờ tình thế đã thay đổi. Lỗi chỉ

là do chồng nàng: khi còn sống quá ghen tuông, luôn hành hạ nàng bằng những con giận dữ, nghi ngờ và thường xuyên bí mật theo dõi vợ.

Sêđarê vốn tế nhị, lập tức mời ngay mẹ của Adriana sang cùng ở với cô con gái đã góa chồng và hai cháu ngoại. Không còn bị chồng hành hạ, lại được có mẹ bên cạnh bệnh vực, Adriana dần dần lấy lại được niềm tự tin. Tuy chưa thể nói đã hoàn toàn thanh thản, nhưng ít nhất nàng cũng không còn phải cảm thấy đau khổ trong lòng nữa. Nàng dồn mọi sức lực và tâm hồn vào việc chăm nom hai đứa con. Bao nhiêu tình cảm bị nén lại thời gian chồng còn sống, bây giờ nàng trút hết cho chúng.

Sêđarê thì vẫn như trước, mỗi năm lại ngao du một chuyến vào đất liền và khi trở về bao giờ cũng mang theo rất nhiều quà cáp, cho em dâu, cho mẹ nàng và tất nhiên cho cả hai đứa cháu mà anh luôn yêu quý như con mình.

Thời gian anh đi vắng, hai người phụ nữ cảm thấy trống trải và sợ hãi, nhất là ban đêm, khi trong nhà thiếu người đàn ông. Riêng Adriana, mặc dù ban ngày, trong không khí tịch mịch này, đặc biệt là sau khi Sêđarê lên đường, vẻ lặng lẽ càng tăng thêm, nàng vẫn cảm thấy một nỗi nguy hiểm nào đó như treo lơ lửng bên ngôi nhà cổ kính này. Chỉ một cơn gió thổi khiến sợi dâu thừng làm rung ống máng trên miệng bể nước mưa cũng làm nàng thấy một hơi lạnh chạy lướt trên da thịt. Nhưng chẳng lẽ chỉ vì hai người đàn bà, và hai đứa trẻ lúc này đã trở thành ruột thịt của Sêđarê mà bắt anh phải từ bỏ chuyến đi hàng năm, ngao du cho thoát khỏi trong ít ngày cuộc sống tẻ nhạt khiến anh mệt mỏi vì những công việc cứ giống hệt nhau? Với lại, do em anh lập gia đình nên anh không có quyền lấy vợ nữa, anh rất có thể không cần quan tâm đến ai hết, tự do sống theo ý thích. Chưa kể, phải thừa nhận trong những tháng ở nhà anh đã dùng tất cả mọi thời gian rảnh rỗi, dù chỉ vài ba tiếng đồng hồ, chăm sóc nhà cửa, chăm sóc hai đứa cháu mồ côi.

Dần dần, nỗi buồn trong lòng Adriana cũng nhẹ đi. Hai thằng con trai lớn lên và nàng rất hài lòng thấy chúng được ông bác dạy dỗ. Nàng dồn mọi sức lực chăm nom con cái đến mức mỗi khi ông anh chồng hay hai đứa trẻ tỏ vẻ không tán thành sự chăm sóc quá đáng của nàng, nàng lấy làm ngạc

nhiên. Nàng không hiểu như thế nào mà sự chăm sóc lại có thể bị coi là quá đáng? Không chăm sóc con thì nàng còn chăm sóc ai nữa?

Cái chết của bà mẹ khiến nàng đau khổ ghê gớm. Bao nhiêu năm nay bà là người duy nhất mà nàng có thể trò chuyện tâm sự. Hơn nữa, khi bà còn sống, Adriana cảm thấy mình vẫn còn trẻ. Nay bà không còn, hai đứa con trai đã lớn: một mười sáu, một mười bốn, nàng bỗng cảm thấy mình đậm thành bà cụ.

Adriana cứ sống như thế cho đến hôm nàng cảm thấy đau trong ngực, như thể có vật gì đè lên xương đòn gánh hoặc lên xương sườn bên trái. Thế rồi đến một lần nàng thấy tim đau nhói, đến mức gần như ngạt thở.

Nàng không nói ra với ai, và bệnh tật của nàng sẽ chưa ai biết đến, nếu như hôm ấy đang bữa ăn tối, nàng không bị một cơn nguy kịch.

Người nhà cho mời bác sĩ, ông vẫn thường chữa cho gia đình này bao nhiêu năm nay. Nghe xong triệu chứng, ông bác sĩ lộ vẻ rất lo lắng. Sau khi khám kỹ, ông hoảng sợ thật sự.

Màng phổi bị tổn thương. Nhưng là bệnh gì? Ông bác sĩ già mời thêm một bạn đồng nghiệp đến, và cả hai cũng chọc hút nhưng không phát hiện thêm được điều gì. Về sau, phát hiện ra hiện tượng cứng tuyến bạch huyết bên trên xương đòn gánh, bác sĩ mới tuyên bố với Sadarê rằng, bệnh nhân cần được chở ngay ra thành phố Palecmô, bởi vì ông nghĩ rằng đây là một khối u ác tính.

Họ chưa thể đi ngay được. Sau mười ba năm cấm cung, Adriana không có lấy được một cái áo dài tươm tất để có thể mặc đi ra khỏi nhà. Đành phải đặt gấp một chiếc ở ngoài Palecmô.

Nàng nhất quyết phản đối, khăng khăng nói với anh chồng và hai con rằng nàng không thấy khó chịu gì mấy trong người. Mới chỉ thoáng nghĩ đến chặng đường dài từ đây đến Palécmô nàng đã thấy hoảng. Chưa kể lúc ngày sắp đến thời gian Sadarê đi ngao du một tháng. Nếu nàng cùng đi với anh, nàng sẽ làm vương chân anh và chuyến đi của Sêdarê sẽ không còn thú

vì gì nữa. Không, nàng nhất định không đi! Và nàng cũng không chịu giao phó nhà cửa con cái cho bất cứ ai. Lý do này nàng tưởng có sức thuyết phục nhất, nhưng Sêđarê và hai con nàng lại phá lên cười, thấy nàng sợ hãi không đâu. Nàng bướng bỉnh quả quyết rằng, nếu đi bệnh tình nàng sẽ nặng thêm cho mà xem. Ôi, lạy Đức mẹ thiêng liêng, chẳng lẽ họ không hiểu được đường sá sẽ vất vả đến mức nào ư? Khủng khiếp ấy chứ! Không! Mong sao họ vì Chúa để nàng được yên!

Khi áo quần, mũ đặt ở Palécmô đã được đem về, hai đứa con nàng khen ngợi hết lời.

Chúng hồ hởi vác những cái hộp to tướng bọc giấy chống ẩm vào phòng mẹ rồi tranh nhau đòi nàng phải mặc thử ngay. Chúng thèm được nhìn thấy mẹ chúng ăn mặc sang trọng và đẹp. Chúng làm náo động cả ngôi nhà và năn nỉ đến nỗi nàng phải đành lòng.

Chiếc áo liền váy tuy màu đen, kiểu tang phục nhưng may bằng vải đắt tiền và được cắt rất khéo. Adriana đã quá lâu không để ý gì đến ăn mặc cho nên hoàn toàn không hiểu gì về kiểu cách áo quần thời trang, thậm chí không biết cách mặc vào người chiếc áo liền váy này như thế nào? Sao mà lăm khuy lăm móc cài đến thế! Lại cái cổ, sao họ để cao đến như vậy? Rồi ống tay áo sao lại bông lên như thế này? Chẳng lẽ một bây giờ là như vậy sao?

Trong khi đó thì tiếng hai đứa con bên ngoài cửa vẫn không ngớt:

- Mẹ mặc xong chưa?

Như thể mẹ chúng đang sửa soạn đi dự vũ hội vậy! Và khi thúc giục nàng chúng quên bằng mất nguyên do nào dẫn đến bộ quần áo sang trọng này. Thật ra ngay đến bản thân nàng lúc này cũng không nghĩ đến bệnh tật.

Khi Adriana mặt đỏ ửng vì xúc động, ngược mắt lên, nhìn vào gương, nàng bỗng thẹn thùng. Tấm áo liền váy ôm chặt hai bắp đùi và ngang lưng, bó bộ ngực của nàng thành những đường cong duyên dáng, nàng bỗng cảm thấy mình trẻ hẳn lại, như thể còn đang tuổi con gái. Lâu nay nàng vẫn nghĩ

mình già nua, nhưng hôm nay cô gái trẻ trung xinh đẹp trong gương đang nhìn nàng.

- Sao thế này? Sao lại thế này được nhỉ? Vô lý thật! - Nàng thốt lên, quay mặt đi, rồi hai tay ôm mặt để khỏi nhìn thấy gì.

Nghe thấy tiếng mẹ kêu lên, hai đứa con đập cửa thành thành bằng cả hai tay lẫn hai chân, chúng gào lên, đòi mẹ phải cho chúng vào xem.

Và hai con nàng dọa sẽ phá cửa nếu nàng không chịu mở.

Cả hai cậu cũng đều sững sốt, không ngờ lại có sự biến hóa kỳ lạ đến như thế. Nàng cố đẩy hai con ra ngoài:

- Ô hay, các con! Để mẹ yên! Đi chơi đi.... Hai đứa điên cả rồi hay sao thế này?

Vừa lúc ấy ông anh chồng bước vào. Lạy Chúa! Adriana hoảng hốt. Ý nghĩ đầu tiên của nàng là chạy trốn, nấp vào chỗ nào đó, bởi vì nàng cảm thấy như bị bắt gặp giữa lúc nàng đang trần truồng. Nhưng hai cậu con trai không cho. Hai con nàng muốn ông bác ngắm xem mẹ của chúng đã biến đổi như thế nào. Còn ông anh chồng thì chế giễu sự xấu hổ của nàng.

- Áo may đẹp đấy, rất vừa với tím! - Cuối cùng anh nói giọng nghiêm túc - Nhưng khoan đã, để anh ngắm tím một cái đã.

Nàng quyết định ngẩng đầu lên.

- Cứ như em sắp sửa đi dự hội hóa trang ấy...

- Không đâu. Tại sao tím lại nghĩ thế? Chiếc áo này tím mặc rất vừa. Quay nghiêng thử xem nào... Thế, để tôi nhìn nghiêng xem sao...

Nàng tuân theo, cố giữ vẻ thản nhiên, nhưng ngực nàng được đường lượn của chiếc áo ôm vừa vặn, cứ phập phồng, theo hơi thở dồn dập khiến nàng không giấu được nỗi ngượng ngập. Thấy Sêradê chăm chú ngắm nghía

với thái độ hết sức nghiêm túc, nàng càng ngượng, nàng biết rằng anh rất thạo về cách phục sức của phụ nữ.

- Đúng là đẹp thật. Còn mũ thì sao?

- Xấu lắm, như cái giỏ đi chợ ấy...

- Bây giờ là một đội mũ rộng và to. Càng to càng tốt.

- Đầu em đội không vừa. Mà nếu đội thì phải chải tóc theo kiểu khác.

Sêđarê lại nhìn cô em dâu rồi mỉm cười bình thản.

- Chứ còn gì nữa. Thím có làn tóc dày như thế kia cơ mà...

- Đúng rồi! Đúng rồi! - Hai đứa con trai nàng hùa theo - Mẹ chúng mình đẹp quá! Nào, mẹ chải đầu lại đi, nhanh lên.

Adriana mỉm cười buồn bã.

- Tại anh hết cả đấy! - Nàng quay sang nói với ông anh chồng.

Việc khởi hành định vào sáng hôm sau.

Và bây giờ thì nàng cùng đi với anh.

Nàng đã bước vào chuyến đi ngao du mà trước kia mỗi lần nghĩ đến nàng đều xấu hổ. Nhưng bây giờ nàng chỉ lo mỗi một điều, làm cách nào Sêđarê không nhận thấy nàng đang xấu hổ, bởi vì anh ngồi đối diện với nàng, luôn chăm sóc nàng, và cũng như mọi khi, thái độ bao giờ cũng bình thản.

Thái độ bình thản hoàn toàn tự nhiên ấy rất có thể làm nàng càng ngượng về nỗi xấu hổ của mình và đỏ mặt lên không biết chừng. May thay, nàng đã tự lừa dối bản thân mà không biết, chỉ cốt để giảm đi nỗi ngượng ngùng, bằng cách đổ tội cho chuyến đi, cho cảnh lạ đường xa, cho những

cảm giác mà trước kia ru rú trong nhà nàng chưa bao giờ được hưởng. Còn nỗi xấu hổ mà nàng cố giấu để ông anh chồng không nhận thấy (mặc dù nỗi xấu hổ ấy cũng chẳng có gì đáng chê trách) thì Adriana lý giải là do nàng không muốn tỏ ra quá thơ ngây và hứng thú quá mức trong chuyến đi. Dù sao anh chồng của nàng cũng là đàn ông, dễ cảm thấy cô em dâu tầm thường. Sêđarê năm nào chẳng đi ngao du như thế này? Đối với anh chẳng có gì lạ lẫm và kích thích lòng tò mò nữa. Liệu hứng thú dọc đường có lộ ra trong cặp mắt trẻ thơ của nàng không? Chẳng gì nàng cũng đã ba mươi lăm tuổi rồi.

Chính vì thế mà nàng cố ghìm nỗi sung sướng hoặc ít nhất thì cũng không để lộ ra niềm vui trong cặp mắt, cố gắng thật ít lắc lư đầu, mặc dù hai bên đường luôn hiện ra đủ thứ quang cảnh kỳ thú nàng mới gặp lần đầu. Nàng cố giấu đi niềm phấn khởi, đẩy cao lòng hiếu kỳ để lấp đi nỗi xấu hổ, khiến thỉnh thoảng làm nàng như chóng mặt. Mà cũng có thể nàng bị say tàu chẳng, do những tiếng đều đặn của bánh xe lăn trên đường ray, hoặc những hàng cây lùi lại nhanh bên ngoài cửa sổ của toa tàu.

Đây là lần đầu tiên nàng đi xe lửa. Nàng cảm thấy mỗi giây phút, thậm chí mỗi vòng quay của bánh xe tàu hỏa lại đưa dần nàng vào một thế giới hoàn toàn mới mẻ. Thế giới này gồm những đồ vật và những hiện tượng hiện đang ở xung quanh nhưng vẫn vô cùng xa lạ đối với nàng. Niềm vui được nhìn thấy nhiều thứ mới lạ kèm theo một nỗi buồn lâng lâng không giải thích nổi trong đáy lòng nàng. Những thứ kia như thể tồn tại bên ngoài cuộc sống của nàng, thậm chí bên ngoài cả sự tưởng tượng của nàng. Chúng vẫn thế từ bao nhiêu năm nay, nhưng đối với chúng nàng vẫn là thứ gì bên ngoài, nàng đi khỏi đây rồi, cuộc sống nơi này vẫn tiếp tục diễn biến theo cái dòng của nó.

Kia lại một làng, với những con đường, những nhà cửa với đầy đủ cả mái, cửa sổ, cửa ra vào, bậc thềm lát đá. Nơi ấy có những con người với những ý nghĩ và công việc của họ. Họ sống như những tên tù bị giam trong mảnh đất thảm hại giữa đất trời bao la, giống như nàng đã từng sống trước đây trong cái thị trấn của mình. Họ không biết đến những gì ngoài tầm mắt của họ. Cuộc đời của họ như một giấc mộng: sinh ra, lớn lên, chết đi vẫn chưa được nhìn thấy những thứ mà bây giờ nàng đang thấy trong chuyến

ngao du này. Mà những gì nàng nhìn thấy cũng lại hết sức nhỏ bé so với cả thế giới, mặc dù đối với nàng thế đã là nhiều lắm rồi.

Lúc quay mặt từ cửa sổ này sang cửa sổ khác, Adriana hay bắt gặp đôi mắt và nụ cười của Sedarê. Mỗi khi ấy anh lại hỏi:

- Thím thấy thế nào?

Nàng gật đầu tiếp:

- Em dễ chịu lắm.

Có lúc anh ngồi xuống cạnh nàng, để trở nàng thấy một cái làng mà anh đã từng đến, một quả núi trông giống như một con vật nào đó, và nói chung tất cả những gì anh cho rằng đáng để nàng quan tâm. Anh không biết rằng, những thứ đối với anh bình thường quen thuộc đều gây cho nàng những cảm giác mới mẻ. Những lời giới thiệu hoặc giải thích của anh không những không tăng thêm mà còn giảm đi mức độ cảm xúc của cô em dâu. Những cảm giác ấy khiến trong lòng nàng thoáng có một nỗi buồn lâng lâng mà nàng không giải thích nổi. Tất cả những cái đó tạo nên một ấn tượng chung về sự vô tận của thế giới lạ lẫm bao quanh.

Giọng nói của Sedarê không làm dịu đi những cảm giác của nàng mà còn kích động thêm nỗi buồn khó hiểu kia. Nàng cảm thấy mình chỉ là con bé ngốc nghếch đến thảm hại. Bỗng nhiên nàng tự giận mình, mãi đến giờ nàng mới được nhìn thấy tất cả những thứ này thì đã quá muộn, những thứ đang tràn ngập lòng nàng.

Đến Palécômô hôm trước thì hôm sau Sedarê dẫn nàng đến khám ông bác sĩ giỏi nhất thành phố này. Và nàng đã hiểu rõ tất cả. Nàng thấy được Sedarê đã phải cố gắng đến mức nào để khỏi lộ ra nỗi buồn rầu, và phải cố gắng tỏ ra xăm xấn yêu cầu ông bác sĩ nhắc lại một lần nữa đơn thuốc. Cả thái độ ông bác sĩ khi trả lời. Nàng hiểu rằng bệnh nàng đã không phương cứu chữa. Và thứ thuốc mà nàng phải uống bao nhiêu giọt ấy trước mỗi bữa ăn kia, vì đó là thuốc độc nên không được dùng quá liều, thật ra chỉ là thứ

trò lừa dối vì lòng thương nàng, một thứ giúp nàng tiếp nhận cái chết cho đỡ đau khổ phần nào.

Tuy vậy, khi Adriana vừa bước khỏi phòng khám bệnh của bác sĩ, mũi vẫn còn phảng phất mùi cồn rất khó chịu và đi qua hành lang tối tăm ra đường phố, đứng trước mặt trời hoàng hôn treo lơ lửng giữa những đám mây đỏ rực bên trên mặt biển hiện ra nơi cuối đường phố Côcxô, khi nàng nhìn thấy những cỗ xe ngựa và những hàng cây, những khuôn mặt và những áo quần ánh lên màu đỏ rực, những tủ kính cửa hàng và tiệm giải khát lấp lánh như ngọc, nàng cảm thấy cuộc sống đang tràn vào thân thể nàng, thấm vào từng bộ phận trong cơ thể khiến nàng ngây ngất. Nàng không hề cảm thấy buồn, không hề nghĩ đến cái chết đã trú ngụ trong ngực, dưới xương đòn gánh bên trái và đang tạo nên những cơn đau nhói. Không! Không! Cần phải sống! Và trong cơn say sưa ngây ngất ấy, một cái gì dâng lên chẹn cổ họng khiến nàng gần như ngạt thở. Đó chính là nỗi buồn man mác lúc nào và giờ đây khiến mắt nàng rung rung.

- Không sao...không sao, - nàng mỉm cười nói với ông anh chồng và cặp mắt ướt của nàng ánh lên niềm vui, khiến mặt nàng rạng rỡ. - Hình như em... Em cũng không biết nữa... Ta đi thôi.

- Về khách sạn nhé?

- Không...không...

- Nếu vậy ta đến hiệu “Salê” ăn bữa tối, cái hiệu ngoài bờ biển gần Phôrô Italicô được không?

- Vâng, tùy anh.

- Vậy thì hay lắm. Ăn xong ta sẽ dạo phố rồi tới rạp Phôrô nghe hòa nhạc.

Thuê xe ngựa, hai anh em đi về hướng mặt trời đang lặn.

Buổi tối hôm ấy, được nghỉ ngơi bên bờ biển nàng thấy tuyệt vời: trăng sáng vàng vạc, rọi ánh sáng xuống tòa nhà Hội chợ, những cỗ xe ngựa trang trọng chạy dọc theo Đại lộ, những khu vườn tỏa mùi hương thơm ngát của hoa Pômêran... Nỗi sung sướng sẽ tràn ngập và xâm chiếm hoàn toàn con người nàng nếu như không bị vướng một cảm giác lạ lùng: nàng cảm thấy hình như tất cả những cái này không có thật, hình như đây không phải nàng. Mọi thứ này như chỉ là giấc mộng, và trong giấc mộng ấy chân trời mở ra bao la.

Cảm giác về sự bao la ấy lại tràn ngập lòng nàng một lần nữa vào buổi sáng hôm sau, lúc hai anh em ngồi trên xe ngựa chạy trên những lối đi trong công viên La Phavôrit. Đến một lúc nào đó nàng hít một hơi dài và trở về với thực tại, để có thể tận hưởng được cùng một lúc cảm giác bao la, đồng thời cả niềm ngây ngất của giấc mộng. Nàng mở to mắt và thấy những cây cỏ thụ đang còn say sưa trong giấc ngủ giữa không trung tịch mịch của buổi sớm mai.

Không hiểu tại sao, nàng bỗng quay sang Sêđarê mỉm một nụ cười biết ơn.

Nhưng nụ cười ấy gợi lên trong lòng nàng một nỗi tự thương mình vô tận. Chẳng bao lâu nữa nàng sẽ chết và cặp mắt đầy thán phục của nàng bây giờ sẽ không được nhìn thấy vẻ đẹp khó tả này, không còn được thấy cuộc sống mà lẽ ra nàng cũng phải được hưởng như mọi người khác.

Nghĩ đến đây nàng bỗng tự hỏi, phải chăng Sêđarê đã làm một việc tàn nhẫn là chỉ ra cho nàng thấy thế giới?

Nhưng rồi cuối cùng cỗ xe ngựa dừng bánh ở cuối lối đi chạy vào sâu trong công viên. Sêđarê đưa tay đỡ Adriana bước ra khỏi để ngắm được kỹ vòi phun nước và pho tượng thần Héc- quyn. Nàng đứng dưới bầu trời tím sẫm gần như đen do màu trắng long lanh của đá cẩm thạch khắc họa thân thể vị thần lực sĩ đứng trên bệ cao giữa đám cây thẳng vút. Adriana cúi xuống nhìn làn nước trong vắt với những chiếc lá và những đám rêu xanh trôi bồng bềnh, rọi bóng đen xuống đáy biển. Và khi nhận thấy, mỗi lần làn nước xao động, mặt lạnh lùng của những con mình thú đầu người canh gác

nơi đây thoáng đượm một vẻ trầm tư, nàng cảm thấy vẻ mát mẻ của mặt nước kéo theo một ý nghĩ lướt nhanh trong đầu óc nàng khiến nàng đờ đẫn, tưởng chừng bao nhiêu thế giới trong vũ trụ bỗng nhiên bùng lên sáng chói, và nàng chợt như thấu hiểu được bản chất của sự vĩnh hằng, thấu hiểu được mọi thứ trên thế gian, thậm chí cả những điều thầm kín sâu sâu trong đáy lòng mỗi con người. Nàng cảm thấy trong khoảnh khắc, hiểu cạn kẽ vạn vật! Và thế là đủ đối với nàng, bởi vì nàng tưởng như mình đã trở thành vĩnh hằng.

Adriana đề nghị ông anh chồng đưa nàng về quê ngay hôm ấy. Nàng nghĩ, đã đến lúc phải giải thoát cho anh. Sêđarê đã mất không bốn ngày liền cho cô em dâu. Rồi còn thêm một ngày nữa để đưa nàng về. Anh cần phải được tiếp tục cuộc ngao du, đi đến những nơi xa lạ, sang tận bên kia biển xanh. Anh có thể yên tâm mà đi, bởi vì trong khoảng một tháng nàng chưa thể chết được.

Những ý nghĩ ấy Adriana không nói ra mà chỉ đề nghị ông anh chồng đưa nàng về.

- Sao lại thế? Thím về làm gì kia chứ? - Sêđarê phản đối. - Thím đã ra đến đây thì đi cùng với tôi thăm phong cảnh thành phố Nêapôn và biết đâu tôi còn kiếm được một bác sĩ giỏi khám cho thím.

- Đừng anh ạ. Cứ cho em về. Khám thêm cũng chẳng để làm gì.

- Sao lại chẳng đề làm gì? Càng tốt chứ sao? Mà biết đâu đây...

- Ông bác sĩ ở đây nói thế còn chưa rõ ràng hay sao? Mà hiện giờ em không thấy đau đớn gì hết. Trong người rất dễ chịu. Anh nhìn thì biết. Rồi em sẽ uống thuốc. Còn cần ở lại thêm làm gì nữa.

Thế là Sêđarê nhìn nàng và nói giọng rất nghiêm nghị.

- Không được. Thím phải nghe tôi.

Nàng không biết nói gì nữa. Vốn sinh trưởng ở quê, nơi nàng đã quen với tập quán tuyệt đối vâng lời người đàn ông trong nhà, nàng đành phục tùng. Tuy vậy nàng vẫn nghĩ rằng, anh ấy muốn giữ mình ở lại đi với anh ấy chỉ cốt để sau này khỏi phải ân hận là đã không chăm nom em dâu đến cùng, chỉ dẫn đến khám một bác sĩ là đã coi như xong. Anh ấy muốn sau này dân thị trấn sẽ khen: “Anh Sêđarê đã làm đủ mọi cách cứu cô ấy, dẫn đi cả Palécmô, cả Nêapôn...” Mà cũng có thể anh ấy hy vọng thật sự là một bác sĩ nào nhiều kinh nghiệm hơn có được cách chữa cho mình khỏi bệnh? Mà cũng lại có thể là...vì nàng cảm thấy nguyên do này đúng hơn cả, biết em dâu không sống được bao lâu nữa, Sêđarê muốn cho nàng hưởng thật nhiều niềm vui để bớt nỗi đau đón trước cái chết tàn khốc.

Nhưng Adriana rất sợ biển, rất sợ. Mới nhìn thấy biển và nghĩ đến chuyện phải đi tàu trên mặt biển nàng đã hoảng rồi, tưởng như phải bơi tay không trên sóng vậy.

- Có gì đáng sợ đâu, rồi thím sẽ thấy, - anh mỉm cười an ủi cô em dâu.- Mùa này đi biển chẳng khác gì đi trên đất liền. Thím nhìn kia, sóng lặng đến thế kia mà. Rồi thím lại thấy con tàu nữa chửa. Ngồi trên ấy cứ như ngồi trong nhà vậy.

Không, nàng không nỡ nói ra hết với ông anh chồng niềm linh cảm của mình khi nhìn ra mặt biển. Nàng có cảm tưởng rằng, nếu rời khỏi bờ, mà đây cũng đã khá xa quê hương rồi, thì nàng sẽ xa hẳn thị trấn thân thiết và sẽ không bao giờ thấy lại quê hương nữa. Chuyến đi cứ mỗi lúc một xa. Mặt biển sao mênh mông đến thế và cũng bí hiểm biết bao. Nàng sẽ không bao giờ trở về nhà, có chăng thì quan tài của nàng được chở về đấy. Nàng gạt điều linh cảm đáng sợ ấy ra khỏi đầu óc, để chính nàng cũng không nghĩ đến nó mà chỉ khẳng khẳng với lý do là nàng sợ đi biển. Ngày trước đã bao giờ nàng thấy biển, vậy mà bây giờ phải đi thuyền vượt nó.

Tối hôm ấy hai anh em xuống tàu sang Nêapôn.

Khi tàu nhổ neo, chạy ra khỏi bến cảng, Adriana, vẫn còn hơi choáng váng vì tiếng người huyên náo ở bến, tiếng sếu và tiếng ngỗng trời kêu inh ỏi, dần dần tỉnh lại. Nàng nhিপ vào bến, thấy bờ biển lùi xa, và mọi thứ cứ

nhỏ dần: đám người trên bến với những chiếc khăn quàng vẫy, những chiếc tàu đậu trong cảng và những ngôi nhà trên bờ. Rồi đến lúc toàn bộ thành phố hòa lẫn vào dải sương mù trắng dưới chân rặng núi hồng nhạt với những đốm sáng mờ mờ đây đó. Nàng cảm thấy lần nữa chìm vào một giấc mơ, giấc mơ giữa lúc đang tỉnh. Đồng thời nàng lại thấy mắt nàng mở to vì sợ hãi, khi con tàu lắc lư theo làn sóng nhấp nhàng xô đẩy, bất chấp tàu to đến như thế. Và có lúc tưởng như còn tàu sắp vỡ tung. Nó đi vào mặt biển mênh mông, hòa lên với chân trời.

Thấy nàng sợ hãi. Sêđarê cười chế giễu rồi cầm tay nàng - giá như trước kia thì không đời nào Adriana cho anh làm thế - dẫn cô em dâu lên boong, đến một chỗ có thể nhìn thấy những luồng nước lấp loáng như những đường cày do chân vịt tạo nên. Nhưng nàng lại càng lúng túng hơn khi thấy bàn tay mình nằm trong bàn tay ông anh chồng, thêm nữa là hơi khói nực mùi dầu máy khiến cho nàng choáng váng, suýt nữa gục xuống đầu anh. Nhưng nàng gượng lại được và kinh hoàng nhận thấy bỗng nhiên mình lại muốn ngã người theo nỗi yếu đuối đang xâm chiếm.

- Thím khó chịu trong người lắm à?

Giọng anh nói đầy vẻ lo lắng.

Adriana lắc đầu. Nàng không đủ sức nói ra thành tiếng. Thế là hai người tay trong tay bước về phía đuôi tàu, ngắm làn sóng lấp loáng ánh lân tinh mà con tàu bỏ lại đằng sau trên mặt biển, lúc này đen sẫm dưới bầu trời đầy sao. Những đợt khói đỏ rực phả ra từ ống khói, lên cao đen lại và bay hướng về những ngôi sao ấy. Phong cảnh càng thêm thần tiên khi mặt trăng bắt đầu nhô lên khỏi mặt biển: lúc đầu là một cái đĩa rất to màu đỏ máu bên trên đường chân trời, như một vị thần hung dữ đang ngắm nhìn đất đai dưới quyền, sau đấy dần dần nhỏ lại và sáng trắng. Mặt biển mênh mông hắt lên ánh phản chiếu màu bạc của những con sóng nhấp nhô. Adriana càng hoảng sợ và thấy không thể cưỡng nổi sự yếu đuối đang đẩy nàng gục hẳn lên ngực người anh chồng.

Chuyện ấy đã xảy ra tại thành phố Nêapôn, lúc hai người bước ra khỏi tiệm ăn có kèm hòa nhạc, nơi họ vừa dùng bữa và nghe âm nhạc. Sêđarê

trong những chuyến ngao du hàng năm đã nhiều lần khoác tay một cô gái nào đấy bước ra khỏi những nhà hàng kiểu thế này. Nhưng lần này, khi theo thói quen chàng đưa tay ra cho Adriana, chàng thấy bên dưới vành mũ rộng có dính chiếc lông công lo ra cặp mắt mở to long lanh nhìn chàng. Và bất giác Sêđarê áp mạnh bàn tay ấy vào ngực mình. Chỉ cần thế là đủ. Đám cháy đã bùng lên.

Trong bóng tối mờ mờ của khoang cỗ xe ngựa đang lăn bánh về phía hướng khách sạn, hai người ôm ghì lấy nhau, hai cặp môi dính chặt vào nhau trong một cái hôn tưởng như không bao giờ thỏa. Và trong vài phút giây ngắn ngủi họ đã kể hết ra mọi điều với nhau: chàng hiểu được toàn bộ cuộc đời nàng, chỉ những đau khổ và chịu đựng âm thầm. Adriana kể cho anh nghe rằng, nàng vẫn thầm yêu anh từ lâu lắm rồi, mặc dù nàng không dám thú nhận ngay với bản thân mình. Còn Sêđarê thì ngay từ thời trẻ đã khao khát nàng, thèm được ôm ấp nàng, được chung sống mãi mãi với nàng! Mãi mãi!

Đây là một sự cuồng nhiệt, một ngọn lửa bùng bùng được cháy bằng lòng thèm khát trong vài ngày ngắn ngủi tận hưởng để bù lại bao nhiêu năm tháng bỏ phí, những năm tháng phải nén nhịn nhưng trong lòng thì khao khát. Lúc này bản ánh tử hình đã đặt trước mắt nàng cho nên họ càng phải tranh thủ; phải cướp lấy tất cả những hạnh phúc mà lẽ ra họ phải được hưởng suốt thời gian qua. Cả hai đều thấy phải quên đi mọi thứ, phải cắt đứt khỏi quá khứ, khỏi mối quan hệ giữa họ trước đây, giữa em chồng và em dâu, thứ quan hệ buộc họ phải giữ vẻ ngoài kính cẩn mà tục lệ của dân trong thị trấn quê hương quy định. Tình yêu giữa Sêđarê và Adriana lúc này cũng như cuộc hôn nhân sắp tới giữa họ, nếu dân thị trấn biết, sẽ coi đấy là một hành động sỉ nhục, một sự nhạo báng mọi người xung quanh.

Hôn nhân ư? Ồ, không đời nào nàng đỡ đẩy anh vào tình thế bị mọi người chê trách. Mà buộc anh vào dây dợ hôn nhân làm gì khi cuộc sống của nàng chẳng còn lâu nữa? Không không! Chỉ cần tình yêu là đủ. Một mối tình mù quáng, điên cuồng, trong thời gian ngắn ngủi của chuyến ngao du này, một chuyến viễn du tình ái chỉ có đi mà không trở lại, một chuyến đi xuyên qua tình yêu để đến với cái chết.

Nàng sẽ không thể về nhà, gặp lại hai đứa con trai. Nàng hiểu rất rõ điều ấy, ngay từ lúc bước xuống con tàu. Nàng biết từ trước rằng sang bờ biển bên kia, nàng sẽ không bao giờ quay trở lại. Giờ đây nàng sẽ đi với Sêdarê; tay cầm tay, đi mãi, đi mãi không ngoái đầu trở lại, không suy nghĩ gì hết, đi thẳng đến cái chết.

Họ thăm thành phố Rôma, Phlorenxơ, rồi Milăng, nhưng họ có thấy được phong cảnh gì đâu. Sự chết đang nấu mình trong cơ thể nàng luôn nhắc nàng nhớ đến sự hiện diện của nó bằng những cơn đau dữ dội và càng thúc đẩy nàng yêu mãnh liệt hơn.

- Không sao, - nàng nói, mỗi khi cơn đau hành hạ. - Không sao...

Và mặc dù cơn đau làm da mặt nàng tái nhợt đi, nàng vẫn chìa môi ra cho anh.

- Em đang đau lắm kia mà, Adriana?

- Không sao! Đau mấy em cũng mặc!

Ngày cuối cùng của thời gian dừng lại ở Milăng, khi họ chuẩn bị đi Vonido, trước khi mặc chiếc áo liền váy để lên đường, Adriana soi vào gương. Đêm hôm đó, ở trên tàu, khi hai người thức dậy sáng sớm và lên boong, trước mắt họ là cảnh tượng lặng lẽ lúc rạng đông, thành phố hiện ra trước mắt họ, trên mặt biển, như trong câu chuyện cổ tích, vừa hùng vĩ, vừa gợi một nỗi buồn man mác, Adriana hiểu được rằng, nàng sẽ không thể đi thêm nữa. Cuộc ngao du với nàng đã sắp kết thúc.

Tuy nhiên, nàng vẫn muốn được thưởng thức phong cảnh Vonido. Và suốt ngày hôm ấy hai người ngồi trên xuồng lướt nhẹ trên những con sông đào chạy ngang dọc chi chít trong thành phố, cho đến tận khuya. Đêm hôm ấy nàng không sao chớp mắt được, thăm ôi lại trong óc những ấn tượng ban ngày. Và ngày hôm ấy nàng thấy như được bọc nhung.

Phải chăng đây là lớp vải nhung bọc ghế trên chiếc xuồng? Hay là nhung của những con sông đào lặng lẽ chạy ngang dọc dưới bóng cây râm

mát? Làm sao biết được! Hoặc nhưng trong quan tài, biết đâu?

Sáng hôm sau, trong lúc Sêđarê ra Bru điện hỏi thư gửi về đảo Xixin, thì Adriana sang phòng của anh. Nàng cầm lên chiếc phong bì đã mở đặt trên bàn, nhận ra bút dạng của đứa con đầu, rồi đưa chiếc phong bì lên môi, hôn khắp mặt giấy. Sau đấy nàng trở về phòng của mình, lấy trong chiếc ví bằng da rất sang cái lọ nhỏ đựng thuốc mà nàng chưa hề đụng đến, đấy là thuốc độc. Nàng nằm xuống chiếc giường còn bề bộn đệm, dốc một hơi cạn hết lọ thuốc.

CHIẾC KHUY ÁO KHOÁC

Họ không la hét cũng không làm âm ỉ. Họ chỉ đơn giản đứng nhìn thẳng vào mặt nhau chửi rất khẽ, gần như thì thầm.

- Đồ hót lẻo!

- Đồ lưu manh!

Họ vươn dài cổ ra như hai con ngỗng sắp sửa mổ nhau, nói liên tiếp một tràng dài không nghỉ “đồ hót lẻo”, “đồ lưu manh”, rồi không muốn im miệng, vẫn tiếp tục và bây giờ mỗi lúc một nhấn mạnh thêm chữ “ẻ” trong từ hót lẻo và người kia thì chữ “a” trong từ lưu manh.

Nhưng cây cối không cao lắm hai bên đường của cái phố hẹp lát đá đường như lấy làm thú vị được thưởng thức cảnh tượng này.

Chẳng là những cây ở bên phải đường mới rồi đã chứng kiến việc anh chàng Mêô Dépaxa leo lên bờ tường, còn hàng cây bên trái phố thì biết rõ nơi ông già Phili- béctô Phiorinnanxi nấp.

Đám chim sẻ, chim liều tiều, chim sâu dường như đã nhận được tín hiệu của những thám tử đầy cảnh giác của chúng, tức là những cây hai bên đường, cũng đua nhau dùng các kiểu tiếng hót, tiếng kêu của chúng phụ họa thêm với những lời chửi nhau giữa hai đối thủ đang đứng chiếu tướng nhau và không ngớt ném vào nhau những lời lãng mạ.

Cả hai người đều không nâng cao giọng thêm mà chỉ kéo dài hơn cách phát âm để nhấn mạnh sự khinh bỉ lẫn nhau.

- Đồ hớ- ơt lẻ- ẻ- ẻ- o!

- Đồ lưu ma- a- anh!

- Đồ hớ- ơt lẻ- ẻ- ẻ- o!

- Đồ lưu ma- a- anh!

Đến khi cả hai bên đều khản đặc cổ lại và đều cần thấy phải in thật sâu vào bộ mặt đáng ghét của đối phương một vết như không bao giờ nhòa (chẳng thể mà họ nhắc đi nhắc lại không biết bao nhiêu lần hai từ “hót lẻo” và “lưu manh”, Mêô Dêpxa ngoắt đi về một phía, và Philibécô Phiôrinannxi ngoắt đi sang phía bên kia.

Nhưng đã rời xa nhau rồi, họ vẫn chưa nguôi cơn giận mắt họ vẫn ánh lên nỗi hằn học. Lại vươn cổ lên thót bụng vào, hai kẻ tử thù lặp lại, lúc này cổ họng họ đã khản đặc, và môi họ run run: “hót lẻo, hót lẻo, hót lẻo” và “lưu manh, lưu manh, lưu manh”.

Đấy là ánh sáng bùng lên của một ngọn đèn sắp tắt. Thế như khi Philibécô Phiôrinannxi vừa bước vào đến nhà mình thì cơn uất giận lại bùng lên với một cường độ mới.

Ông mà là kẻ hót lẻo ư?

Philibécô Phiôrinannxi cảm thấy cái từ hót lẻo ấy làm bản phẩm giá của mình. Thở rất dài, ông cởi áo khoác ngoài ra.

Thế ra một người lương thiện vạch mặt một tên vô lại, đã bao nhiêu năm lừa dối, lừa bịp mọi người mà chưa hề bị trừng phạt, lại là kẻ hót lẻo ư?

Ông chải chiếc áo khoác ngoài rồi treo nó vào trong tủ mà hai tay vẫn run bần bật.

Ông đã hót lẻo thằng cha lưu manh chúa trùm kia bao giờ và với ai kia chứ? Ông không hề mở miệng nói một lời về hấn với ai! Chưa lần nào!

Có chẳng là ông chỉ nhìn chăm chú vào thằng cha Mêô Dêpxa, một cái nhìn tỏ thái độ. Đúng thế. Lúc thằng cha Mêô Dêpxa bản thủ kia nhăn nhở

đến gần ông, nhe răng và nháy mắt một cách trơ trẽn, định vỗ vai ông bằng hai bàn tay lông lá múp míp của nó, ông chỉ nheo mắt nhìn nó tỏ thái độ! Philibécô Phiorinnaxi nghiêm khắc và thẳng thắn xưa nay bao giờ cũng lắng xa hẳn. Cặp mắt nghiêm nghị và lạnh lùng, tái đi vì giận dữ rõ ràng như muốn nói: “Tao đã thấy hết và biết hết!”.

- Thăng lưu manh...thăng lưu manh... - Ông vẫn còn lăm bằm nhắc đi nhắc lại lúc đã cởi bộ vét chỉ còn chiếc somi trên người đang đi đi lại lại trong phòng, hai bàn tay run run đụng hết vật này đến vật kia.

Cuối cùng mệt bã người ông Philibécô ngồi ghé xuống mép giường. Mắt ông ngạc nhiên chăm chú nhìn ngọn nến, đang cháy êm ả trên chiếc bàn nhỏ kê ở đầu giường, như thể giục chủ đi nằm.

Ông không còn nhớ chính mình đã tắt ngọn nến ấy.

Rút cuộc ông cũng cởi quần áo, lên giường, nhưng đêm hôm đó ông không sao chợp mắt được.

Đã có thời ông Philibécô lầm tưởng rằng có thể giải thích rõ ràng mọi hiện tượng. Tóm lại đã có thời ông tưởng hiểu thấu được cơ cấu của thế giới.

Thế rồi ông bước dần, bước dần vào con đường đời. Không thể nói rằng lúc nào ông cũng tự tin. Không. Trong lòng ông lúc nào cũng tồn tại một nỗi sợ bị đòn giáng nào đó đột ngột và tàn nhẫn phá trụ chỉ trong giây phút cái thế đứng yên ổn mà ông đã mất bao công lao để tạo dựng nên.

Đã lâu lắm rồi, cái thời ông thích sôi nổi tranh luận trong các câu lạc bộ và tiệm giải khát. Cũng như trong việc giải quyết những sự việc quan trọng hơn, ông bao giờ cũng tỏ ra một mẫu mực về điềm đạm và công bằng. Hai phẩm chất mẫu mực ấy thể hiện cả trong dáng đi và cách thức ăn mặc của ông. Họa may Trời biết được, ông đã phải chịu đựng như thế nào khi vào những ngày hè nóng nực vẫn cài khuya đến tận cổ chiếc áo khoác ngoài. Đành rằng chiếc áo khoác của ông không còn mới nữa, nhưng mặc áo khoác vẫn làm cho con người ta có một vẻ chững chạc và nghiêm túc biết

bao! Và ông Philibécô Phiorinnanxi phải chịu vất vả bao nhiêu cố giữ cái đầu to đứng thẳng và kiêu hãnh trên cái cổ dài khăng khiu! Nhưng khôn nổi ông không thể làm cái phải giữ cho được đáng vẻ trịnh trọng và sâu sắc.

Ông muốn làm sao trong cặp mắt của ông, vốn trong như gương, luôn có một thái độ nhắc nhở hoặc trách nhẹ người khác khiến người ta hiểu được ông đang khuyên nhủ hay đang khen ngợi họ. Thật ra, do sợ cuộc sống thường ngày bận thiêu làm vẩn đục mặt gương, và một cái hích thô bạo có thể quăng ông ra ngoài rìa, khiến ông không còn giúp đỡ được người khác, ông Philibécô luôn tránh né. Nhưng toàn bộ đáng vẻ của ông lại luôn luôn chứng tỏ rằng ông sắp sửa xông vào cuộc, và tùy theo hoàn cảnh, nếu không phải là dàn hòa hai kẻ đang thù ghét nhau thì cũng đỡ cho người khác một đòn đánh nào đó.

Mỗi khi nhìn thấy ai quên không cài khuy áo vét hoặc để cà vạt lệch lạc trên cổ áo, những ngón tay của ông lại bắt đầu ngứa ngáy. Ông Philibécô chỉ muốn trích trong số lương hưu trí của mình một khoản để trả cho bác thợ sơn để bác sơn lại tấm gỗ dán ở vách của hiệu tạp hóa đối diện với tiệm giải khát. Họ không chịu thay tấm gỗ khác đã đành, nhưng sơn mà họ cũng không chịu sơn lại.

Tối tối ông Philibécô Phiorinnanxi trở về nhà, sau cuộc dạo chơi theo con đường dẫn ra tận cuối xóm, trong lòng đầy bực bội và chán nản. Bởi vì đã bao nhiêu tháng nay rồi, tòa Thị chính vẫn cứ để miếng kính ở chiếc đèn đường cuối cùng vỡ mà không chịu thay. Và như thế số phận của toàn vũ trụ thuộc vào cái miếng kính bị vỡ ấy, ông Philibécô không thể nào thân nhiên được.

Nhìn thấy người nào hồ hững và lười biếng ông cảm thấy mình bị xúc phạm! Và dần dần ông cảm thấy hết sức đau lòng. Tuy nhiên để giữ được bình tĩnh và thái độ vững chãi coi vũ trụ là một thể hợp lý, ông dần dần tìm ra những lý do hiểu được để lý giải cho thái độ hồ hững và thiếu trách nhiệm kia. Rồi cuộc rồi ông cũng tìm được, nhưng phải tốn vào đấy biết bao công sức. Sau tất cả những lý giải kiểu ấy, suy nghĩ của ông đâm không còn dứt khoát nữa. Ông Philibécô đôi khi lại phải củng cố quan niệm, vũ trụ về bản chất là được cấu tạo hợp lý.

Lạy Chúa, bây giờ ông đi đến chỗ lý giải và bênh vực cả tội ăn cắp nữa! Đúng, đúng! Có thể ăn cắp cũng được, nhưng phải có trí tuệ. Phải ăn cắp sao cho những người lương thiện dần dần tôn trọng kẻ cắp và thậm chí cảm phục nữa. Cứ như thế dần dần mọi người sẽ quan niệm rằng, thực ra kẻ cắp không có lỗi bằng kẻ ngu xuẩn không biết giữ của để cho bị mất cắp.

Thế nhưng riêng trường hợp thằng cha Mêô Dêpxa là ngoại lệ. Trong một thời gian rất ngắn, thằng cha lưu manh kia lại đi đến chỗ đòi mọi người phải coi trọng hắn một cách hoàn toàn không xứng đáng với hắn. Thái độ táo tợn của hắn thật là quá quắt. Hắn có khiếu cư xử suồng sã với cả những người, về dòng dõi, tuổi tác, học vấn ăn cướp cao hơn hắn rất nhiều. Đã thế cái người bị thằng cha Mêô Dêpxa ăn cướp trắng trợn lại hoàn toàn không phải loại ngu xuẩn. Trái lại ấy chứ. Ở đây Phóocni ai cũng biết hầu tước Gióocgi Đêcoócpi quản lý rất giỏi những đồn điền bát ngát của Ngài. Thậm chí năm nào học sinh các trường thương mại cũng được thầy giáo dẫn đến đây nghiên cứu tại chỗ cách thức quản lý và khai thác ruộng đất của Hầu tước.

Khoảng ba chục năm về trước, cụ thân sinh của Hầu tước bây giờ đã dám bỏ toàn bộ vốn liếng ra để tiến hành cải tạo vùng đất lầy ở Iécbi. Cụ mất trước khi được nhìn thấy kết quả công việc của cụ. Con trai cụ bây giờ sống ngoài thành phố nhưng thường xuyên nhận được những khoản thu rất lớn do việc cải tạo đất đai đem lại. Đồn điền của Hầu tước bây giờ đã dám bỏ toàn bộ vốn liếng ra để tiến hành cải tạo trở thành vùng to nhất và phì nhiêu nhất của miền Nam nước Italia.

Thật ra, Hầu tước chưa hề đến thăm ruộng đất của Ngài lần nào, nhưng công lao xây dựng một hệ thống quản lý và kinh doanh kiểu mẫu là thuộc về Ngài. Toàn bộ đồn điền được chia ra thành mười khu vực. Mỗi khu vực có một người quản lý đứng đầu và chia ra thành mười khoảnh. Mêô Dêpxa làm một trong số mười viên quản lý khu vực ấy. Tại sao cách quản lý đã hoàn chỉnh đến như thế mà Hầu tước không hề nhận thấy thằng cha Mêô Dêpxa khốn nạn kia thường xuyên ăn cắp của Ngài? Trong khi tất cả mọi người xung quanh đều thấy rõ thói gian xảo của nó. Ngay bản thân hắn, do sự ngu xuẩn của loài thú vật đàn độn, cũng không giấu giếm gì nhiều lắm.

Sáng hôm sau, khi ông Philibécô ngủ dậy, trong tai ông vẫn ù ù mấy tiếng nhục nhã “đồ hớt lẻo”. Cuối cùng, nghiêng răng lại và nắm chặt hai bàn tay, ông quyết định một điều dứt khoát phải hành động! Chúa chúng giám, ông sẽ chấm dứt cái thái độ tồi tệ và hỗn hào quá đáng kia của thằng cha.

Hớt lẻo ư? Ừ, thì cứ cho là ông hớt lẻo. Ông chấp nhận sự khiêu chiến. Ông sẽ viết một lá đơn tố giác theo đúng thể thức, trong đó ông kê ra tất cả những vụ ăn cắp mà tên khốn kiếp kia tiến hành trong năm nay.

Ông Philibécô thảo lá đơn suốt mười ngày trời. Thảo xong, ông cài khuy chiếc áo khoác ngoài thật cẩn thận, kín lên đến tận cổ, cặp chiếc cặp vào nách, ngồi lên xe ngựa và hướng về phía nhà ga xe lửa. Đến đây ông lên tàu ra thành phố.

Từ ga ông đến thẳng văn phòng của ngài Hầu tước Gióocgi Đêcácpì.

Bước vào bên trong tòa nhà ông cảm thấy một nỗi sáng khoái đến mức khi nghe nhân viên văn phòng cho biết gặp được Hầu tước rất khó, ông cũng không hề bực dọc, mà trái lại, ông còn tán thưởng những nguyên tắc ngặt nghèo, miệng luôn luôn mỉm cười, đầu liên tiếp gật, vui vẻ tuân thủ những nguyên tắc ấy.

Đây đúng là nơi ngự trị của trật tự. Văn phòng làm việc với sự chính xác đến từng giây, y hệt một bộ máy đồng hồ. Nhìn vào đâu cũng thấy ngăn nắp, mọi thứ đều bóng lộn. Nhưng người chạy giấy đều mặc đồng phục, các cầu thang đều lát đá hoa cương. Đèn điện chiếu sáng mọi chỗ. Sàn nhà lát gỗ bóng đến mức có thể soi gương được. Những tấm thảm quý giá. Lò sưởi dùng hơi nóng. Và chỗ nào cũng treo biển: “Ban I”, “Ban II”, và cửa nào cũng đề ngoài là bộ phận gì làm việc bên trong.

Ngài Hầu tước chỉ tiếp khách vào những ngày và những giờ quy định, thứ tư và thứ bảy, từ mười đến mười một giờ. Muốn được yết kiến Ngài, phải đăng ký trước hai ngày tại văn phòng bằng đơn viết tay, khai vào bản khai đã in sẵn để tại chiếc bàn ngoài cũng tại phòng thứ hai trong văn phòng riêng của Ngài Hầu tước; tầng hai, ban I, hành lang thứ hai bên tay phải. Ai

có việc cần gấp không thể đợi đến ngày quy định thì phải có đơn đến bộ phận “đặc biệt gấp” cũng trên tầng ba, cũng ban ấy nhưng vào cửa thứ ba trên hành lang đầu tiên về phía tay trái.

- Ô, không, không cần...- Ông Philibécô lấp bắp.

Những điều ông cần báo cho Ngài Hầu tước không đến nỗi gấp gáp, quan trọng gì lắm. Và ông muốn được trao văn kiện tận tay ngài.

- Ông từ Phóocni đến đây chỉ có một việc này phải không ạ? - người đứng đầu bộ phận chạy giấy hỏi.

- Thưa ông, vâng. Tôi từ Phóocni, và chỉ có mỗi việc này.

- Nhưng hôm nay mới là thứ năm.

- Không sao! Ngài Hầu tước đã có quy tắc như vậy tôi xin chờ cho đến thứ bảy.

Thế là người phụ trách bộ phận chạy giấy bảo một cậu bé đưa thư, cũng mặc đồng phục kiểu gia nhân các nhà quan lại.

- Chú chạy lên gác đem bản mẫu in sẵn xuống đây.

Nhưng ông Philibécô Phiorinnaxi nhất định không chịu:

- Ô không, xin lỗi, nhưng không cần phải làm thế? Để tôi tự lên lấy cũng được.

Thế là ông leo lên tầng ba, ngồi xuống điền chữ vào mẫu bản in sẵn đặt trên chiếc bàn ngoài cùng ở phòng thứ hai của văn phòng riêng Ngài Hầu tước, ban I, hành lang thứ hai bên tay phải.

Hai ngày ấy, ông Philibécô Phiorinnaxi khai thác đến cùng mọi trình độ, năng lực của mình để chuẩn bị cho cuộc tiếp kiến Ngài Hầu tước mà ông coi là một thử thách lớn lao. Thoạt tiên nói lời mào đầu, tất nhiên phải

thật ngắn gọn bởi vì Ngài Hầu tước đầu có thời giờ nghe những suy luận trừu tượng. Nhưng Philibécô lại phải giải thích cho rành mạch nguyên nhân và những động cơ thúc đẩy ông viết bản tở giác này. Sau đây ông sẽ trình bày từng điểm một, từng sự việc một. Ông Philibécô Phiorinnanxi rất sung sướng được truyền đạt một cách vô tư tất cả những tin tức mà ông thu lượm được về thằng cha vô lại kia. Hắn dám cứng đầu cứng cổ bất chấp hệ thống pháp luật hiện hành, hệ thống được quy định một cách tuyệt vời.

Sáng thứ bảy, trước giờ quy định mười phút, ông Philibécô đã ngồi trong phòng đợi. Tên ông đứng đầu danh sách và đồng hồ gõ chưa xong mười tiếng, ông đã được mời vào gặp Ngài Hầu tước.

Hầu tước Gióocgi Đêcácpì bé nhỏ, còm rom đến thăm hại. Bộ comple sang trọng trên người càng làm bộ mặt Ngài lộ vẻ cần cội, thô thiển y như bộ mặt một bác nông dân cục mịch. Ngài ngồi trong chiếc ghế bành cổ kính đằng sau bàn giấy. Lưng chiếc ghế nhô lên khỏi đầu Ngài cả một khoảng rộng. Khách cúi rạp đầu chào, nhưng chủ chỉ khẽ gật đầu đáp lại, đồng thời giơ tay mời khách ngồi. Sau đó Ngài chống khuỷu tay vào tay vịn, bàn tay đỡ trán.

- Ông ạ, những thứ này tại sao lại bắt ta phải quan tâm kia chứ? - Ngài thở dài.

Con mắt bằng thủy tinh bất động và mang vẻ đe dọa đằng sau mắt kính một vói chiếc gọng bằng xương không hề liên quan gì đến cái thở dài mệt mỏi kia.

- Những chuyện như thế này, - Ngài nói tiếp, - vượt ra ngoài thẩm quyền của ta!

- Vượt ra ngoài ạ?

- Chứ còn gì nữa? Ta cần theo dõi những hành vi của Dépca với tư cách là người quản lý một khu vực. Vệ mặt ấy anh ta làm tròn bổn phận một cách xuất sắc. Còn đạo đức anh ta ra sao thì ta không cần quan tâm. Thậm chí ta còn có thể nói rằng, chính việc Dépca tư cách bản thủ, tham tiền lại có lợi

cho ta nữa. Ông hãy nghe ta giải thích. Những người quản lý các khu vực khác thường chỉ bằng lòng với lương lậu của họ, không hề tính đến chuyện khai thác thêm ở đất đai để kiếm chác. Kết quả là không người quản lý khu vực nào nộp cho ta nhiều lợi tức như Mêô Dêpxa.

- Nhưng nếu vậy thì... - Ông Philibécô lúng búng hỏi lại.

- Thì sao chứ gì? - Ngài Hầu tước bắt lời, đứng dậy ý muốn bảo khách rằng cuộc tiếp kiến đã kết thúc- Ta cảm ơn ông đã quan tâm đến quyền lợi của ta. Nhưng dù sao... ôi... lạy Chúa...lẽ ra ông phải đoán ra được rằng, với cách khai thác như của ta, ta thừa sức biết được tất cả những chuyện ấy. Thậm chí ta còn biết nhiều chuyện hơn ông, ông đã thấy rồi đấy thôi. Nhưng tuy thế ta vẫn cảm ơn ông. Xin chào ông.

Ông Philibécô ra khỏi phòng tiếp của Ngài Hầu tước mà trong lòng vẫn bàng hoàng. Tâm trạng ông rối tung nếu không nói là ông đã phát điên.

- Nhưng nếu vậy thì....

Cái kết quả cụ thể của cuộc yết kiến, chiếc khuy áo khoác ngoài, ông vẫn còn cầm trong tay. Trong khi nghe ở miệng ngài Hầu tước những điều khó hiểu đến như thế, tay ông xoay mãi chiếc khuy ấy, khiến cuối cùng nó dứt ra và nằm gọn trong bàn tay ông.

Nhưng bây giờ thì cần gì đến cái khuy này nữa?

Từ nay ông hoàn toàn có thể đi ngoài phố vẫn mặc chiếc áo khoác không cài khuy, thậm chí mặc lộn trái và đội chiếc mũ xoay ngược đằng sau ra đằng trước.

Toàn thế giới đột nhiên lộn ngược trong quan niệm của ông Philibécô Phiorinnaxi và mãi mãi nó vẫn giữ cái thế đảo ngược ấy.

NỮ THẦN SỐNG KHỎA THÂN

- Cậu bạn thân mến ơi, kẻ đã chết, mặc dù không còn sống trên cõi đời nữa, vẫn muốn có được ngôi nhà riêng của y. Nếu như kẻ quá cô là người giàu có, y muốn được một nơi nghỉ đẹp đẽ, và thế là đúng! Y sẽ vừa lòng khi nơi nghỉ ấy xây bằng đá cẩm thạch và trang trí sang trọng: nằm trong đó y cảm thấy ấm cúng hơn. Còn nếu như vị khách hàng đã chết của chúng ta không tiếc của, sẵn sàng vung ra bất cứ bao nhiêu thì ông ta còn đòi một thứ gì cao cấp...gọi là gì ấy nhỉ? - à, một hình tượng có ngụ ý triết học. Đúng thế. Ông ta cần một hình ảnh có ngụ ý do bàn tay một họa sĩ điêu khắc nổi tiếng loại như mình tạo nên. Tượng đài đặt trên mộ sẽ phải tuyệt diệu và kèm cả một dòng chữ Latinh hằn hoi: “*Nic Jacet...*”^[1]. Xung quanh là vườn hoa được chăm sóc chu đáo. Ngoài cùng là một hàng rào kiên cố để ngăn ngừa chó và...

- Thôi đi, cậu làm mình điên đầu lên mất thôi- Cônxtantinô Pôliani nổi cáu, quay bộ mặt về phía bạn quát to:

Sirô Côli ngẩng đầu lên, chòm râu xén nhọn hoắt mà thỉnh thoảng anh ta lại rút mạnh lúc này vênh lên như cái móc câu. Anh đưa cặp mắt liếc bên dưới vành mũ chụp xuống sát lông mày, chiếc mũ giống như một cục đường lớn, nhìn bạn rồi dần từng tiếng giọng hết sức thơ ngây.

- Đồ ngu!

Có một lần.

Sirô Côli nửa nằm nửa ngồi trên divăng, dạnh thẳng hai chân ra. Anh đặt bàn chân lên ngay tấm thảm, mà Pôliani vừa mới cất công đập kỹ để rũ hết bụi rồi trải rất cẩn thận trên nền nhà.

Pôliani nổi khùng thấy bạn ngồi ngả ngón, trong lúc anh thì thở hồng hộc thu dọn lại phòng họa cho gọn gàng: xếp những hình thù bằng thạch cao thành từng nhóm tượng đẹp mắt, đặt gọn vào một chỗ những bản phác thảo ó vàng phủ đầy bụi, đã bị trả lại tác giả một cách không vinh quang gì ở những cuộc thi, thân trọng bê anh ra giữa nhà mấy chiếc bàn trên đặt những bức điêu khắc còn phủ giẻ ướt, chuẩn bị để khách đến xem. Và anh càu nhàu:

- Mình hỏi cậu câu cuối cùng, cậu có về đi không nào?

- Không.

- Nếu vậy thì ít nhất cũng đừng ngả ngón trên đivăng. Mình đã mất công dọn rồi đấy! Lạy chúa, mình nói với cậu rồi. Hôm nay mình có khách, mà lại là khách phụ nữ kia đấy!

- Mình không tin.

- Cậu đọc cái thư này đi! Thư của Ngài Tư lệnh Xêranli đây: "*Thưa bạn kính mến, xin báo tin bạn biết, sáng mai, khoảng mười một giờ!*".

- Thế thì đã đến mười một giờ chưa nào?

- Quá rồi ấy chứ!

- Mình vẫn không tin. Nhưng thôi được, cậu cứ sửa soạn đi.

- "...*phu nhân Gôn...sẽ đến thăm bạn theo lời giới thiệu của tôi...*". Rồi ông ta viết ngoáy quá mình không đọc nổi tên bà khách.

- Chắc là Gônphuxiô^[2].

- Không phải! Hình như là Cônxanvi..."*Phu nhân sẽ dẫn con gái đến có việc nhờ bạn. Bạn cứ yên tâm rằng...*" vân vân và vân vân.

- Rất có thể thư ấy do chính tay cậu viết, đúng không? - Sirô Còli hỏi, và anh ta lại gục đầu xuống ngực.

- Ngu xuẩn! - Pôliani gần như phát khóc. Không làm cách nào để đuổi bạn đi được, anh ta đành chỉ còn biết rên rỉ.

Cônli giơ lên ngón tay trỏ, lắc đầu.

- Đừng nói thế, mình tự ái đấy. Cậu thử nói xem, đã có kẻ nào dám bảo mình ngu xuẩn không? Bởi vì với những kẻ như thế, mình chỉ thương hại. Chúng diện áo quần rất sang, đi ủng bóng lộn, thắt cà vạt sặc sỡ, một bông hoa cài trên ve áo, bông hoa gì ấy nhỉ? Hêliôtrôp hay gì nhỉ? Và rồi thêm một chiếc gilê bằng nhung kiểu như gilê của cậu kia kia... Đến khổ! Giá đánh bộ như thế vào, mình sẽ đẹp trai biết bao nhiêu! Nhưng khốn nỗi mình quen cái tính cầu thả mất rồi, không sao sửa được nữa. Nhưng khoan, nghe mình nói đã! Nếu như quả thật phu nhân Cônphixiô và con gái sắp đến thăm xưởng họa của cậu thật thì ta nên kê dọn lại như cũ, kéo phu nhân sẽ có suy nghĩ xấu đối với cậu đấy. Tốt hơn cả là hãy đón họ trong lúc cậu đang xoay tròn ra làm việc, mồ hôi ướt đầm lưng. Nào, đón lấy nắm đất sét này, đập xuống bàn rồi bắt đầu nặn đi! Nặn luôn mình đây này, mình trong cái tư thế nằm ườn thế này. Rồi cậu đặt tên cho bức tượng đó là “Trong cuộc vật lộn”. Tờ cam đoan bức tượng của cậu sẽ được bày trong Viện bảo tàng Mỹ thuật Quốc gia và cậu sẽ nổi tiếng cho mà xem. Đã đành đôi ủng của mình chẳng còn mới nhưng cậu là nhà điêu khắc cậu thừa sức biến nó thành bóng lộn! Bởi vì tớ nói thật, cậu đúng là một thằng cha thợ giày chính cống...

Trong lúc ấy Côngxtantinô Pôliani vẫn tiếp tục treo các bức vẽ lên tường và không thèm nghe bạn nói nữa. Trong thâm tâm, anh cho Cônli là kẻ thất thế, bị cuộc đời xếp xó. Cậu ta thuộc thứ nghệ sĩ đã cổ lỗ, không theo kịp một hôm nay nữa rồi. Ăn mặc thì lôi thôi. Tính tình thì gập chăng hay chớ. Lại nhiễm cái thói lười biếng nữa. Kể ra cũng tiếc, bởi vì Cônli rất có tài. Nếu cậu ta hứng lên thì tác phẩm của anh ta dút khoát vượt xa bất kể một họa sĩ điêu khắc nào, kể cả loại nổi tiếng nhất. Mà chính cậu ta cũng hiểu như thế. Pôliani đã bao nhiêu lần chứng kiến, bức phác thảo của anh loay hoay mãi không hoàn thành, đột nhiên Cônli đến cậu ta chỉ cần đưa

bàn tay thô kệch, vụng về của cậu ra ấn vài cái, thế là thành một bức tượng tuyệt vời. Nhưng cậu ta cũng nên nghiên cứu thêm lịch sử mỹ thuật một chút thì phải, và tập sống cho có nền nếp, săn sóc đến vẻ ngoài thêm ít nữa. Đồng thời phải bỏ cái vẻ mặt lúc nào cũng mơ màng kia đi. Bản thân anh, Pôliani, đã học hết hai năm trường Đại học và rất chú ý đến cách ăn mặc, thế mà kiếm ăn cũng còn khó khăn nữa là.

Hai tiếng gõ nhẹ bên ngoài cánh cửa, Pôliani nhảy vội từ trên ghế băng xuống. Chẳng là anh đang đứng trên đó để treo tranh lên tường.

- Khách đến! Bây giờ cậu định thế nào? - anh quay sang nhìn thẳng vào mặt Cônli vẻ đe dọa.

- Họ vào xong thì mình chuồn thôi, - Cônli đáp, vẫn không thay đổi tư thế. - Cậu làm như sắp tiếp đức Giáo hoàng ấy. Đây là chưa kể đứng ra cậu còn phải giới thiệu mình với khách của cậu kia mà. Chẳng lẽ cậu ích kỷ đến thế kia ư?

Cônxtantinô Pôliani chạy vội ra mở cửa, vừa chạy vừa sửa lại mớ tóc màu hung rất đẹp rủ xuống trán.

Phu nhân Côn-xan-vi bước vào xưởng họa trước. Con gái bà theo sau. Đây là một cô gái trẻ mặc quần áo tang, mặt che mạng đen và dày, tay cầm một cuộn giấy. Bà mẹ thì mặc áo dài màu ghi sáng cắt rất đẹp, vô cùng ăn nhập với khuôn mặt xinh đẹp của bà. Mái tóc hoa râm lộ ra dưới vành mũ trông sao kiều diễm đến thế. Lại thêm mấy bông hoa tím cài trên.

Toàn bộ dáng vẻ bên ngoài của vị mệnh phụ này chứng tỏ bà vẫn cảm thấy mình còn trẻ trung, xinh đẹp, bất chấp tuổi tác. Lát sau cô con gái cũng bỏ mạng che mặt ra. Cô không đẹp bằng mẹ, nhưng khuôn mặt tái nhợt của cô giữ nguyên vẻ nhẫn nhục trước số phận và một vẻ đau thương cố ghìm lại.

Sau những nghi lễ chào hỏi đầu tiên, Pôliani thấy cần phải giới thiệu Cônli với hai vị khách nữ. Lúc này Cônli vẫn đang ngự trên divăng, thọc tay vào túi, miệng ngâm điếu thuốc lá đã tắt, chiếc mũ vẫn chòm hạp trên

đầu, được kéo sụp xuống tận lông mày. Hiển nhiên là anh chưa định ra khỏi đây. Ông là họa sĩ điêu khắc ả? - tiểu thư Côn-xan-vi hỏi, mặt bỗng nhiên đỏ bừng vì e thẹn. - Ông là Côn-li ả? Sô-rô Côn-li phải không ả?

- Chính thế, tôi là Cô-lisirô^[3] - anh ta đứng dậy, vươn vai đáp. Đến lúc này anh mới chịu bỏ mũ ra và người ta mới thấy hai hàng lông mi rất rậm như dính vào nhau và cặp mắt gằn sít lại.- Họa sĩ điêu khắc thì có gì là lạ? Tại sao không được nhỉ? Vâng, thưa cô, tôi chính là họa sĩ điêu khắc.

- Nhưng tôi nghe nói,- tiểu thư Côn-xan-vi hơi vội vã và với vẻ khó chịu, cô tiếp tục nói.- Tôi nghe bảo hiện giờ ông không có mặt ở Rô-ma kia mà?

- Chẳng là thế này, thưa cô, tôi lang thang ngao du đây đó, - Côn-li đáp. - Trước kia tôi thường xuyên trú ngụ ở thủ đô, bây giờ tôi chinh phục được một xứ sở thần tiên, đây là khoản học bổng. Nhưng rồi...”

Tiểu thư Côn-xan-vi liếc nhìn bà mẹ. Phu nhân Côn-xan-vi cười vui vẻ:

- Vậy bây giờ ông thế nào?

- Tôi có phải ra khỏi chỗ này không nhỉ? - Sô-rô Côn-li hỏi.

- Không, không, trái lại thì có, - cô gái vội vã trả lời. - Thậm chí tôi còn đề nghị ông ngồi lại, bởi vì...

- Chà... - bà mẹ buột miệng.- Rồi quay sang Pô-li-ani bà nói. - Nhưng chuyện rắc rối này chắc cũng giải quyết dễ thôi. Bởi vì hai ông là bạn thân của nhau, phải không ả?

- Bạn rất thân, - Pô-li-ani đáp nhanh.

Còn Côn-li thì bổ sung:

- Nói chắc bà không tin, nhưng đúng là trước đây mấy phút, anh ta tìm mọi cách đuổi tôi ra khỏi nơi này.

- Cậu im đi! - Cônxtantinô rít lên qua kẽ răng.- Xin phu nhân và tiểu thư tự nhiên, coi như ở nhà. Tôi có thể giúp gì phu nhân và tiểu thư được ạ?

- Chẳng là thế này, - phu nhân Cônxa-nvi ngồi xuống rồi nói. - Con gái tội nghiệp của tôi vừa gặp chuyện đau thương. Vị hôn phu của nó mới chết đột ngột.

- Ra thế!

- Chà!

- Vâng, đúng là kinh khủng. Bởi vì chuyện bất hạnh xảy ra đúng vào lúc đang chuẩn bị tổ chức đám cưới. Một tai nạn trong sân bắn. Chắc hai ông có đọc thấy trong báo? Tên anh ta là Giuliô Xô-rini.

- A, Xô-rini! Ra thế đấy! - Pô-liani thốt lên. - Nghe bảo khẩu súng bị nổ giữa lúc anh ta đang cầm trên tay, đúng không ạ?

- Vâng, chuyện xảy ra vào đầu tháng trước, à không, phải tháng trước nữa kia. Tóm lại, được gần ba tháng rồi. Anh ấy với tôi có họ hàng xa. Bố anh ấy là anh con cô con cậu với tôi. Ông ta sau khi vợ mất đã bỏ sang Mỹ cách đây khá lâu rồi. Em Giulietta, con gái tôi cũng có tên gần với chồng chưa cưới của nó^[4]....

Pô-liani cúi xuống vẻ cung kính.

- Thế là em Giulietta đây, - bà mẹ nói tiếp. - muốn xây một tượng đài đặt trên mộ vị hôn phu của nó. Hiện giờ thi hài anh ấy vẫn còn đặt trong hầm mộ của gia đình. Con gái tôi muốn tượng đài làm theo đúng ý đồ của nó...Bởi vì em nó từ thuở nhỏ vẫn yêu thích hội họa...

- Không phải thế đâu, mẹ....cô gái e thẹn ngắt lời mẹ, cúi đầu xuống. - Tôi thỉnh thoảng hý hoáy chỉ cốt tiêu khiển thôi.

- Để yên cho mẹ nói đã. Vói lại, nếu không thì sao anh Giuliô ngày chưa bị tai nạn vẫn thường bảo con nên theo học một lớp hội họa cho khỏi phí kia mà?

- Con xin mẹ...- cô gái năn nỉ. - Tình cờ một hôm giờ tạp chí ra xem, tôi bắt gặp một phác thảo đài kỷ niệm trên mộ, bản vẽ của ông đây...tức là ông Cônli, tôi rất thích bản phác thảo ấy, cho nên...

- Đúng thế đấy ạ, - bà mẹ đỡ lời con gái đang lúng túng.

- Cho nên, - tiểu thư Côn-xan-vi nói tiếp.- Tôi nghĩ rằng có thể căn cứ vào bản phác thảo ấy, thay đổi đi chút ít...

- Xin lỗi, nhưng cô định nói đến bản phác thảo nào nhỉ?- Cônli hỏi cho rõ,- Bởi vì tôi vẽ rất nhiều những bản phác thảo kiểu như vậy, cứ tung bừa ra hy vọng ai thích thì đặt làm, nếu không phải người đang sống thì người đã chết đặt cũng được.

- Xin lỗi tiểu thư, - Pôliani chen vào câu chuyện. Anh hơi tự ái thấy mình bỗng nhiên trở thành người thừa.- Tiểu thư muốn đặt làm đài kỷ niệm theo bản phác thảo nào của anh bạn tôi ạ?

- Không phải hoàn toàn theo bản ấy, mà là...- cô gái sôi nổi đáp. - Bởi vì nếu tôi không lầm thì bản phác thảo của ông Cônli miêu tả Thần chết đang rử Nữ thần Sống đi theo mình...

- À, tôi hơi nhớ ra rồi! - Sirô Cônli bật ra. - Một bộ xương khoác tấm vải liệm, có phải đường nét của hắn ta chỉ được đoán thấy đằng sau lớp vải không nào? Hắn ta tóm tay nữ thần Sống là một cô gái xinh đẹp, khỏe mạnh, đầy sinh lực, trong khi cô tay không hay biết gì hết...Đúng thế rồi...Phác thảo ấy rất đẹp, rất hay. Bây giờ thì tôi nhớ ra rồi.

Phu nhân Côn-xan-vi không giấu nổi nụ cười, ngắm nghía vẻ tự mạn ít thấy của con người kỳ quái này.

- Anh bạn tôi khiêm tốn đấy chứ, phải không, thừa phu nhân? Pôliani nói với bà.- Anh ấy xưa nay vẫn là người không giống ai.

- Giulietta con, phu nhân Côn-xan-vi đứng dậy, nói- Hay thế này là tiện nhất, con hãy đưa cho hai ông xem bản vẽ của con?

- Khoan đã, mẹ!- cô gái đáp.- Tôi nghĩ, đầu tiên cần giải thích đầy đủ để ông Pôliani biết. Thật ra, khi thoáng có ý nghĩ làm tượng đài đặt trên mộ anh Giuliô, tôi nghĩ ngay đến ông Côn-li, bởi vì bản phác thảo kia là của ông. Nhưng tôi xin nhắc lại, người ta cho tôi biết rằng ông Côn-li không có ở Rô-ma lúc này. Thế là tôi bèn tự phác ra theo suy nghĩ và tình cảm của tôi. Ông hiểu tôi định nói gì chứ ạ?

- Tôi rất hiểu, thưa tiểu thư. - Pôliani đáp.

- Tôi vẫn giữ hai hình tượng Thần Chết và Nữ thần Sống. - Tiểu thư Côn-xan-vi nói tiếp. - Nhưng tôi vứt đi toàn bộ cái ý về sự bắt cóc kiểu ép buộc như thế. Bây giờ không phải Thần Chết kéo Nữ thần Sống đi theo mình mà Nữ thần Sống tự nguyện tuân theo số mệnh và làm lễ cưới với Thần Chết cầm chiếc nhẫn cưới. Bên cạnh đấy, Nữ thần Sống bình thản và nhẫn nhục chìa tay ra đón chiếc nhẫn ấy trong tay bộ xương, tức là của Thần Chết.

- Tuyệt vời! Hết sảy! Diệu kỳ! Tôi nhìn thấy rồi! - Côn-li thán phục hét lên.- Nhưng đó là một ý hoàn toàn mới. Một ý tuyệt diệu! Khác hoàn toàn ý cũ của tôi! Tuyệt! Chiếc nhẫn...Những ngón tay...Ôi, độc đáo vô cùng!

- Vâng, đúng thế.- Cô gái nói tiếp, mặt đỏ ửng vì lời khen quá nồng nhiệt.- Tôi cũng nghĩ rằng có hơi khác ý của ông đôi chút. Nhưng rõ ràng tôi đã sử dụng bản vẽ của ông phần lớn...

- Xin đừng khách sáo như thế! - Sirô Côn-li thét lên. - Ý của cô hay hơn ý của tôi nhiều. Và nó là của cô! Đây là chưa kể ý đồ của tôi đã chắc của tôi chưa hay tôi thưởng của người nào khác?

Tiểu thư Côn-xan-vi nhún vai rồi cúi nhìn xuống sàn.

- Thú thật.- bà mẹ chen vào, vẻ không vui gì cho lắm.- Tôi không muốn ngăn cản gì con gái tôi, nhưng thú thật, cái ý đó tôi không thích.

- Con xin mẹ để yên, - cô gái năn nỉ, rồi quay sang Pôliani, cô nói tiếp. - Tôi đã đến hỏi ý kiến Ngài Giám binh Xêranli, là người quen thân với gia đình tôi...

- Ông ấy cũng là người lẽ ra sẽ đứng làm chủ hôn cho hai em, chứng kiến việc trao nhẫn cưới và việc ký vào giấy giá thú, - phu nhân Côn-xan-vi thở dài nói thêm vào.

- Và do Ngài Giám binh nhắc đến tên ông,- cô gái nói tiếp.- mẹ tôi và tôi tìm đến gặp ông để...

- Không, không! Xin lỗi tiểu thư, - Pôliani phản đối. - Bởi vì tiểu thư đã gặp được anh bạn của tôi...

- Xin cậu làm ơn để mình yên! - Côn-li buột miệng, rồi giận dữ đứng dậy, bước ra phía cửa.

Pôliani vội túm chặt tay anh bạn lại.

- Khoan, cậu không thấy...Cậu không thấy tiểu thư...Cậu không nghe thấy tiểu thư nói gì lúc nãy à? Tiểu thư đến gặp mình chỉ vì tưởng cậu hiện không có mặt ở Rôma...

- Nhưng có còn gì cái ý ngày trước của mình nữa đâu?- Côn-li quát lên, cổ giẫy khỏi bàn tay nắm chặt của bạn.- Buông ra! Mình không liên can gì đến chuyện này hết! Tiểu thư Côn-xan-vi đến để đặt cậu làm! Xin lỗi tiểu thư, xin lỗi phu nhân, tôi xin phép.

- Nghe đã,- Pôliani không buông, kiên quyết nói. - Mình không đòi nào nhận! Nếu cậu cũng từ chối thì nghĩa là hai thằng đều từ chối

- Xin lỗi hai ông. Thế nếu như cả hai ông cùng làm thì không được ạ? - bà mẹ rụt rè hỏi. - Hai ông có thể làm chung với nhau được không ạ?

- Tôi rất ân hận đã gây chuyện không vui giữa hai ông... - cô gái định nói tiếp rồi lại thôi.

- Không phải thế đâu, thưa tiểu thư! - cả Cônli và Pôliani đều cùng thốt lên giống hệt nhau.

Sau đó Cônli nói thêm:

- Tôi thì không sao, có thể nhận được, thưa tiểu thư! Cô thấy đấy, tôi không có xưởng. Tôi cũng không có khả năng nói gì hết ngoài việc nói lảng nhãng vài câu xỏ xiên người này người khác. Tốt nhất là tiểu thư hãy thuyết phục cậu ta.

- Không được đâu!- Pôliani nhất quyết tuyên bố- Một là hai thằng cùng làm như ý phu nhân Côn-xan-vi đề nghị, hai là mình cũng từ chối.

- Tiểu thư cho phép? - thấy vậy Cônli đưa bàn tay về phía cuộn giấy đang nằm trên đống, bên cạnh cô gái, rồi nói. - Tôi rất nóng lòng ngó qua bản vẽ của tiểu thư. Sau khi xem xong tôi sẽ xin trả lời.

- Vâng, cũng được. Nhưng xin ông đừng nghĩ đây là một thứ gì hoàn hảo! - Tiểu thư Côn-xan-vi tay run lẩy bẩy mở cuộn giấy, miệng lúng búng!- Tôi có biết vẽ đâu. Tôi chỉ vạch tạm ra vài nét để các ông thấy rõ hơn nguyện vọng của tôi...Đây ạ...

- Tiểu thư để Nữ thần Sóng mặc đầy đủ cả quần áo à? - đột nhiên Cônli hét lên như thể bị ai giáng cho một đòn, lúc anh đang ngắm bản vẽ.

- Ông bảo mặc quần áo nghĩa là sao ạ? - Cô gái nhút nhát lo lắng hỏi lại.

- À, không, xin lỗi! - Cônli sôi nổi nói tiếp. - Tiểu thư cho Nữ thần Sóng mặc đầy đủ quần áo! Không được. Đây, tượng trưng cho sự sống phải là

một thiếu nữ khóa thân. Khóa thân! Khóa thân! Nữ thần! Nữ thần của sự sống phải để khóa thân, tiểu thư thân mến ạ. Đúng là như thế!

- Ông tha lỗi! - tiểu thư Côn-xan-vi then thò cúi đầu thì thầm - xin ông nhìn kỹ thêm một chút cho.

- Tôi thấy rõ rồi còn gì, - Sirô Côn-li đáp với giọng sôi nổi hơn. - Tiểu thư muốn diễn tả bản thân tiểu thư, muốn pho tượng nữ thần Sống chép đúng chân dung tiểu thư. Nhưng xin phép nói rằng, tiểu thư đẹp hơn hình trong này nhiều. Có điều đây là đài kỷ niệm đặt trên mộ, đây là tác phẩm nghệ thuật! Hình cô gái ở đây phải tượng trưng cho sự sống. Đó là Nữ thần Sống, kết hôn với Thần Chết. Nếu như Thần Chết là bộ xương khoác tấm vải liệm thì Nữ thần Sống phải là một cô gái đầy sinh lực và tràn trề! Chẳng lẽ tôi lại phải giảng giải cặn kẽ đến thế cô mới hiểu được hay sao? Đúng thế, phải khóa thân và tuyệt đẹp để đối lập với Thần Chết khẳng khiu bọc trong tấm vải liệm! Phải khóa thân! Đúng không, Pô-li-a-ni khóa thân, đúng không, thừa phu nhân? Hoàn toàn khóa thân, không có bất cứ thứ gì trên người hết. Tôi có thể gọi là khóa thân tuyệt đối, từ đỉnh đầu xuống gót chân! Xin lỗi, nếu không như thế thì sẽ thành một cảnh tượng trong bệnh viện quân y, chàng khoác chăn còn nàng mặc áo bô-lu... Đây không phải là một bức điêu khắc bình thường. Chúng ta phải thấy đây là cái gì, dùng để đặt ở đâu, phải xuất phát từ điểm ấy và chỉ xuất phát từ mục đích ấy!

- Không được, không được! - Tiểu thư Côn-xan-vi đứng dậy cùng với bà mẹ. - Về mặt nghệ thuật thì lý lẽ của ông hoàn toàn đúng. Tôi không phản đối. Nhưng điều mà tôi muốn thể hiện thì chỉ có thể diễn tả theo đúng ý như đã diễn tả trong bản vẽ này. Còn nếu ông khăng khăng đòi theo ý ông thì tôi đành thôi không làm nữa.

- Nhưng xin lỗi, tại sao vậy? Tại sao tiểu thư muốn cô gái trong này cứ phải đúng là tiểu thư? Bởi vì đây là tác phẩm nghệ thuật, là ẩn dụ. Tại sao? Bởi vì nếu cô gái ở đây chỉ cần xinh đẹp thì chẳng còn ý nghĩa gì nữa...

Tiểu thư Côn-xan-vi cãi:

- Tôi có cần đẹp đâu. Nhưng tôi muốn đây không phải là biểu tượng gì hết mà chính là tôi, số kiếp của tôi, tình cảm của tôi, nếu không thế thì không được. Chưa kể các ông còn phải nghĩ đến địa điểm đặt bức điêu khắc này. Tóm lại tôi không thể chấp nhận...

Sirô Cônli giơ hai tay lên trời vẽ thất vọng. Đầu anh lại rụt vào giữa hai vai.

- Đây là định kiến! - Anh lắm bằm.

- Nói đúng hơn đây là những tình cảm mà ta cần tôn trọng, - cô gái chữa lại, với nụ cười mỉm dịu dàng và u buồn.

Cuối cùng chủ khách thỏa thuận là sẽ thống nhất mọi thứ với Ngài Giám binh Xêranli. Sau đấy phu nhân Côn-xan-vi và con gái ra về.

Khi khách đã ra khỏi nhà, Sô-rô Cônli nhón gót quay phắt lại rồi xoa hai bàn tay, khẽ hát: “Tralaralerô, tralaralerô!”.

Một tuần sau Côn-x-tan-tinô Pô-li-a-ni đến gặp tiểu thư Côn-xan-vi mời tới xưởng để anh có thể phác họa cái đầu của cô.

Qua lời của Ngài Giám binh Xêranli, bạn quen thân của gia đình phu nhân Côn-xan-vi, anh được biết rằng, anh chàng Giu-li-ô Xô-ri-ni, sau khi bị tai nạn, sống thêm được ba ngày và đã để lại toàn bộ tài sản rất lớn của anh ta cho vợ chưa cưới, tài sản mà anh được hưởng thừa kế của cha. Chính vì thế mà họ quyết định dựng tượng đài trên mộ anh, bất kể tốn kém bao nhiêu. Ngài Giám binh Xêranli than phiền rằng tất cả những công việc xoay quanh vụ tai nạn rất bất hạnh kia đã đổ cả lên đầu ông khiến ông hoàn toàn *épuisé*^[5]. Và cần phải nói rằng, bản chất tính tình của tiểu thư Côn-xan-vi có phần hơi *emporté voild*^[6]. Bây giờ do đau thương, cái tính ấy lại thêm phát triển. Ai chẳng công nhận nàng đáng được thông cảm, nhưng xem chừng bản thân nàng cũng lại thích phóng đại những đau khổ của bản thân lên. Không ai phủ nhận đây là một *choc*^[7] khủng khiếp, một lưỡi sét bổ xuống

giữa lúc trời quang mây tạnh. Khi còn sống anh ta đúng là một chàng trai tuyệt vời, cái anh Xôrini tội nghiệp ấy! Và đẹp mã nữa chứ! Và lại yêu cô ta đến thế!...Tất nhiên, lẽ ra anh ta có thể làm cho cô hạnh phúc vô cùng, cô tiểu thư đáng quý ấy. Không khéo chính vì thế mà anh ta chết...

Nghe như thế thì ra cậu Xôrini kia là một chàng trai rất đáng quý và anh ta chết chỉ cốt để làm khổ Ngài Giám binh Xêranli đáng kính mà thôi.

Và lạ một nỗi là tiểu thư Côn-xan-vi không muốn xa ngôi nhà mà vị hôn phu của cô đã trang bị rất tỉ mỉ, dự tính cả đến những chi tiết nhỏ nhất. Một tổ ấm kỳ diệu, theo cách nói của Ngài Giám binh Xêranli, *au joli rêve de luxe et de bien être* [8]. Nàng ra lệnh chuyển sang đây toàn bộ tài sản giàu có của mình và ở bên đó phần lớn thời gian trong ngày. Nàng không khóc, không! Nhưng nàng tự hành hạ bản thân, thả hồn theo giấc mơ về cuộc sống vợ chồng lẽ ra phải có, nhưng đã bị chặn lại từ lúc nàng chưa kịp bắt đầu hưởng.

Pôliani quả không gặp tiểu thư Côn-xan-vi tại nhà. Chị hầu phòng trao cho anh địa chỉ nơi ở mới của cô gái trên đường phố Po Pinsan. Dọc đường Pôliani suy nghĩ miên mang về niềm hứng thú thích đau khổ và dằn vặt mà cô gái bất hạnh, chưa kịp lấy chồng đã trở thành góa bụa, đang nhăm nháp, tự thả hồn vào những giấc mộng về cuộc sống hạnh phúc bị số kiếp ngăn không cho cô được hưởng.

Đồ đạc bằng gỗ được đôi bạn trẻ sắp cưới chọn lựa tỉ mỉ và bày biện một cách say sưa trong ngôi nhà, đã không được đón chào cặp uyên ương và đem lại cho họ biết bao hạnh phúc!

Cho mộng ước vào trong trap, khóa lại, đến khi mở ra ta sẽ chỉ thấy thất vọng. Nhưng tình hình ấy đã không xảy ra: mọi thứ đều được giữ lại, từ đồ đạc đến cách bày biện, từ mộng ước đến hy vọng và cả những dự định, những lời thề thốt. Và lẽ ra những thứ ấy phải đem lại đau xót cho người phụ nữ bất hạnh kia chứ!

- Mà tất cả những trò điên rồ ấy lại diễn ra trong một ngày đẹp trời như thế này.- Cônxtantinô Pôliani thở dài.

Quả như thế thật! Trong không trung mát mẻ, tinh khiết, đã cảm thấy được hơi hướng của mùa xuân đang tới gần: khí trời ấm áp của tiết nắng đã bắt đầu làm say đắm lòng người.

Nàng tiểu thư Côn-xan-vi tội nghiệp kia đang mơ mộng những gì? Đang tự dẫn vật bản thân về chuyện gì trong ngôi nhà mới với những cửa sổ mở rộng đón ánh mặt trời mùa xuân kia?

Pôliani vào nhà, bắt gặp cô gái đang đứng trước giá vẽ, loay hoay thể hiện chân dung của người yêu đã khuất. Bàn tay lúng túng, nàng hết sức chăm chú đưa từng nét bút chì, cố phóng đại tấm ảnh nhỏ xíu của anh ta. Còn mẹ nàng thì đọc một cuốn tiểu thuyết Pháp lấy trong tủ sách của Ngài Giám binh Xê-ran-li để giết thời giờ.

Nói đúng ra, tiểu thư Côn-xan-vi rất muốn một mình ở trong cái tổ ấm lẻ loi này. Có bà mẹ chỉ vờn cho cô. Nhưng phu nhân Côn-xan-vi lại sợ tính lãng mạng quá trớn có thể dẫn con gái bà đến hành động dại dột nào chẳng. Bởi vậy bà không rời tiểu thư một bước. Tuy vậy bà vẫn giữ im lặng và cố nén những tiếng thở dài lại. Những tiếng thở dài ấy là do mỗi khi bà nghĩ đến thói đỏng đảnh của con gái.

Do góa bụa từ khi còn trẻ, phải tự lo lấy cuộc đời không ai giúp đỡ, không có tiền bạc để sinh sống, với một đứa con trên tay, phu nhân Côn-xan-vi đâu có thể lánh xa cuộc sống, đặt nỗi đau khổ đứng canh ngoài cửa như con gái bà lúc này đang rấp tâm làm.

Phu nhân không hề nghĩ rằng, tiểu thư Giulietta con gái bà không nên than khóc cho số phận tàn nhẫn của nàng. Nhưng như ông bạn thân Giám binh Xê-ran-li dự đoán, con gái bà rất dễ cố tình tăng thêm nỗi đau khổ, được thừa hưởng một gia tài quá lớn sau cái chết của chàng Xô-rini bất hạnh kia, có nhiều triệu chứng tỏ ra rằng, Giulietta dự định sử dụng ưu thế về tiền nong, sẽ đóng kín cửa lại để nhắm nháp nỗi đau khổ khôn cùng này. Là người mẹ, bà rất hiểu những quy luật khắc nghiệt và cay đắng của cuộc đời.

Chưa kịp dụi đi nỗi đau khổ chồng chết, bà đã phải chịu bao nhiêu điều tủ nhục và đã phải đấu tranh vất vả để tồn tại. Chính vì vậy mà số phận buồn thảm của cô con gái, đối với bà chẳng phải thứ gì ghê gớm. Kinh nghiệm đón đau của bản thân khiến bà quan niệm, thái độ của Giulietta chỉ là một sự yếu đuối hoàn toàn có thể thông cảm, tất nhiên với một điều kiện là thái độ ấy không kéo dài quá lâu...- *voilà*^[9], theo lối nói quen thuộc của Ngài Giám binh Xêranli.

Vốn quen sống lý trí, lại trải đời, hiểu nhiều, bà đã thử mấy lần khuyên can con gái nhưng không được! Giulietta bản chất giàu tưởng tượng, nàng đau khổ thực thì ít nhưng tự dẫn mình vào đau khổ thì nhiều, vì cho rằng, mình phải đau khổ đến thế mới đúng. Khó là ở chỗ ấy! Bởi vì nỗi buồn nào dần dần cũng nguôi đi theo quy luật tự nhiên của tình cảm, nhưng ý nghĩ thì lại định hình và dai dẳng hơn nhiều. Chính do ý nghĩ chứ không phải tình cảm đã đẻ ra cái ý định điên rồ kia, xây đài kỷ niệm đặt trên mộ, tạc hình tượng cuộc hôn lễ giữa Cái Sống và Cái Chết (cuộc hôn nhân tuyệt diệu!). Một ý thích khác cũng điên rồ không kém của Giulietta là định giữ nguyên vẹn cách sắp xếp bày biện trong tổ uyên ương này, để có thể đắm mình trong hồi tưởng, trong niềm mơ mộng về cuộc sống lứa đôi với người yêu mà nàng không được hưởng.

Do đây phu nhân Côn-xan-vi vô cùng biết ơn việc Pô-li-ani đã đến đây thăm họ.

Những cửa sổ rộng đón ánh nắng mặt trời, và rặng thông mỹ lệ của biệt thự Bóc-giê-da đang tràn đầy ánh nắng rọi xuống cả lớp cỏ xanh mướt lộn xộn bên dưới. Những cây thông vươn lên cao tỏa mùi hương thơm ngát ra khắp không trung trong suốt.

Tiểu thư Côn-xa-vi đứng dậy, bước nhanh định giấu đi bản vẽ. Nhưng Pô-li-ani đã nhẹ nhàng níu cánh tay nàng lại.

- Sao lại thế? Tiểu thư không muốn cho tôi xem ả?
- Tôi chỉ mới phác qua thôi ấy mà.

- Vậy mà bức vẽ lại rất đẹp! - Anh cúi nhìn vào tờ giấy, reo lên, - Rất đẹp...Anh ấy phải không?...Chà bây giờ nhìn ảnh tôi dần dần nhớ lại hình dáng của anh Xôri ni rồi. Đúng rồi...Vì tôi cũng hơi quen anh ấy...Nhưng anh ấy có để râu đâu nhỉ?

- Vâng, đúng thế, - cô gái vội vã đáp. - Trước khi mất ít lâu anh ấy có cạo đi thật.

- Tôi cũng nhớ là như thế...Anh ấy đẹp trai thật, đẹp như thiên thần ấy...

- Tôi chưa biết làm thế nào - tiểu thư Côn-xan-vi lại nói. - Tấm ảnh chụp này không hoàn toàn giống với hình ảnh anh ấy trong trí óc của tôi.

Côn-xtan-tinô Pô-li-ani bất giác đưa tay lên rìa mép của anh. Anh lại mỉm cười khẳng định:

- Đúng là không cần vẽ rìa mép làm gì thật...

Rồi anh bước đến gần giá vẽ, nói:

- Tiểu thư nhìn đây này. Nếu tiểu thư cho phép, tôi xin phác qua vài nét lên đây... Tiểu thư đừng lo! Chỗ này (tẩy đi nét chì trên giấy đã vẽ)...theo như tôi nhớ lại khuôn mặt anh Xôri ni tội nghiệp ấy thì...

Anh ngồi xuống rồi vừa liếc qua tấm ảnh chụp, vừa phác qua hình cái đầu của Xôri ni. Tiểu thư Côn-xan-vi lo lắng theo dõi nét bút của người họa sĩ. Và cứ sau mỗi nét chì của anh, miệng mở hé của nàng lại khẽ thốt lên: “Đúng rồi...đúng rồi..đúng rồi...”. Những tiếng ấy gây hưng phấn cho người họa sĩ và có thể nói, chúng điều khiển bàn tay anh. Cuối cùng, cô gái không giấu nổi xúc động:

- Đúng rồi! Mẹ nhìn kìa...Đúng là anh ấy...y hệt lúc anh ấy còn sống...Ôi, cảm ơn ông quá...Ông thật là sung sướng có được bàn tay quý như thế...Ông giỏi thật...ông giỏi thật...

- Có gì đâu, chỉ một chút kinh nghiệm, và do quen tay. - Pôliani đứng dậy, nói với vẻ mặt khiêm tốn, nhưng không giấu được niềm thỏa mãn trước những lời tán dương quá mức - với lại tôi chẳng đã nói rồi thôi, tôi cũng hơi quen anh ấy.

Cô gái vẫn không rời mắt khỏi bức vẽ.

- Cái cảm, đúng là cái cảm ấy... Cảm ơn ông, cảm ơn ông!

Đúng lúc ấy tấm ảnh Xôrini dùng làm mẫu trượt từ trên giá vẽ xuống đất, và tiểu thư Côn-xan-vi đang mãi ngắm bức vẽ không buồn cúi xuống nhắc nó lên. Tấm ảnh chụp nhỏ xíu, đã hơi vàng ó nẫm tui phận dưới sàn nhà, và nét mặt Xôrini tội nghiệp trên đó sao buồn bã thế, như thể anh hiểu ra rằng, từ giờ phút này, mọi thứ đối với anh thế là đã hết.

Nhưng Pôliani hào hiệp cúi xuống, nhặt bức ảnh chụp lên.

- Cảm ơn ông, - cô gái nói. - Nhưng từ nay tôi sẽ dùng bức vẽ của ông, chứ tôi không nhìn vào tấm ảnh tồi tệ này nữa.

Nàng ngẩng đầu lên. Và đột nhiên nàng cảm thấy như căn phòng bừng sáng. Niềm cảm phục bừng lên dường như bỗng giải thoát cho nàng hết cảm giác thấy tức ngực, và nàng hít một hơi dài. Toàn cơ thể nàng như được hưởng làn ánh sáng rực rỡ, tươi vui tràn vào qua ô cửa sổ mở toang đón quang cảnh thần tiên của ngôi biệt thự mỹ lệ giữa vẻ đẹp quyến rũ của chúa Xuân.

Cái giây phút có một không hai! Tiểu thư Côn-xan-vi không thể hiểu nổi điều gì đã xảy ra trong lòng nàng. Đưa mắt nhìn bao quát tất cả những sự vật, mới mẻ nhưng đã trở thành quen thuộc đối với nàng, tiểu thư cảm thấy bản thân mình đã đổi khác. Đổi mới và được giải thoát khỏi cơn ác mộng vẫn đè lên nàng cho đến giờ phút này. Một làn gió rất nhẹ lướt qua cửa sổ vào phòng thức tỉnh, rung chuyển trái tim nàng. Tưởng chừng có một sức mạnh nào đã thổi linh hồn vào tất cả những đồ đạc kia, những đồ đạc mà nàng, Giulietta đã trút mất cái quyền được sống, giam chúng vào cảnh của

những đồ vật chết, không cho ai động đến chúng, buộc chúng phải cùng với nàng chịu cái cảnh tồn tại trong một giấc ngủ chết chóc.

Nàng lắng nghe người họa sĩ trẻ tuổi, lịch thiệp giọng ngọt ngào ca ngợi phong cảnh nơi đây tươi đẹp, rồi chàng lễ phép trò chuyện với mẹ nàng. Bà mời chàng tham quan các gian phòng khác trong biệt thự. Và nàng hồi hộp không hiểu tại sao, theo dõi hai người, như thể chàng trai trẻ kia đến nơi này chỉ cốt để đánh tan giấc ngủ chết chóc và đưa nàng trở lại cuộc sống.

Cái cảm giác ấy mạnh mẽ đến nỗi nàng quyết định bước qua ngưỡng cửa của phòng ngủ. Và khi nhìn thấy chàng trai kia cùng mẹ nàng đang đưa mắt nhìn nhau buồn bã, nàng không ghìm được nữa, òa lên khóc nức nở.

Giulietta thôn thức mãi về điều nàng đã nhiều lần khóc về nó. Nhưng nàng cảm thấy lờ mờ rằng những giọt nước mắt lúc này khác những giọt trước đây, bởi vì chúng không còn gọi lên trong lòng nàng nỗi đau khổ ngày trước, không gọi lên trong óc nàng những hình ảnh trước đây vẫn thường hiện ra trước mắt nàng. Và nàng cảm thấy điều đó đặc biệt rõ, khi mẹ nàng chạy đến dỗ dành con gái, cũng bằng những lời lẽ an ủi và khuyên can như nhiều lần trước đây. Những lời lẽ ấy lần này Giulietta không chịu đựng nổi. Nàng dùng một sự cố gắng phi thường để thôi không khóc nữa. Và nàng vô cùng biết ơn người họa sĩ điêu khắc trẻ tuổi kia đã giúp nàng bằng cách hướng nàng vào công việc khác. Chàng đề nghị nàng cho xem tập tranh nàng đã vẽ đang nằm trên giá.

Những lời khen ngợi, khen có chừng mực và chân thành kèm theo đôi khi một lời chê nhỏ, một lời khuyên, hoặc một câu hỏi buộc nàng phải trả lời, và sau hết là lời thúc giục nàng nên học, nên phát triển lòng yêu thích hội họa, đừng bỏ, phải tạo điều kiện cho năng khiếu tuy lúc này còn ít ỏi được nảy nở! Nếu không làm như thế tức là có tội, có tội thực sự! Nàng chưa bao giờ thử vẽ màu ư? Chưa bao giờ à? Nhưng tại sao? Không! Dùng màu không khó khăn chút nào hết với khả năng sẵn có của nàng, với lòng say mê của nàng hiện giờ....

Trong thời gian đầu, Cônxtantinô Pôliani tự nguyện đích thân giúp đỡ nàng. Tiểu thư Côn-xan-vi trả lời đồng ý. Và sẽ bắt đầu ngay từ ngày mai,

ngay tại đây, trong ngôi nhà này, ngôi nhà mới mẻ đang tràn đầy sự khêu gợi và chờ đợi.

Hai tháng sau, trong xưởng họa của Pôliani, bức tượng để đặt trên mộ đã đứng sừng sững, tuy mới chỉ phác lên tạm thời. Sirô Cônli trong chiếc áo bờlu cũ kỹ nằm trên divăng đang hút tẩu thuốc. Trước mắt anh là bộ xương người mượn tạm của ông bác sĩ quen, treo lên làm mẫu. Chàng họa sĩ điêu khắc nói với bộ xương một đoạn độc thoại kỳ quái.

Anh chụp chiếc mũ giấy của anh lên đầu bộ xương, lệch sang một bên. Và bộ xương, giống như một chiến binh, đứng nghiêm chăm chú lắng nghe huấn thị của Sirô Cônli, viên hạ sĩ họa sĩ, tuyên đọc giữa hai hơi thuốc là:

- Nhưng tại sao mi lại thèm sẵn bắn đến thế? Mi đã thấy bị biến dạng thành như thế nào rồi chứ? Đẹp lắm... Hai chân như hai cái que củi... Người thì khô đét lại... Thú thật, chẳng lẽ mi cho rằng cuộc hôn lễ ấy sẽ thành sự thật ư? Mi chịu khó nhìn thử Nữ thần Sóng xem, anh bạn yêu quý... cô gái tuyệt diệu kia đã tụt khỏi tay của tớ mà không hề sây sát gì hết! Chẳng lẽ mi tin chắc cô ta vẫn còn muốn kết hôn với mi chẳng? Nhìn kia, cô nàng đang đứng cạnh mi, rụt rè và nhẫn nhục, nước mắt chảy như suối từ hai con mắt cô... Đúng thế, nhưng còn chiếc nhẫn cưới... thì mi hãy quẳng mẹ nó ra khỏi đầu óc cái ý nghĩ về nó đi! Duy có điều, tiền thì chia ra cho mau! ...Mi đã cho cô ta được hưởng quyền thừa kế toàn bộ tài sản của mi chứ gì? Nếu vậy thì mi còn đòi gì ở tớ nữa? Tớ xin nói thật rằng ngay từ đầu tớ đã không tin vào cái chuyện hôn nhân ấy rồi! Kẻ nào ngu xuẩn mới tin là như thế! Cô ta là Nữ thần Sóng, là sự Sóng! Cô ta đang học vẽ, mà mi có biết kẻ nào dạy cô ta không? Cônxtantinô Pôliani. Tớ ở vào địa vị mi, tớ quyết thách đố sủng với thằng cha. Sáng nay mi có nghe thấy hấn ra lệnh cho tớ thế nào không? Hấn cấm tớ không được tạc Nữ thần Sóng trần truồng. Nhưng khôn nổi thằng cha ngu xuẩn ấy cũng là họa sĩ điêu khắc và hấn biết rất rõ: Muốn tạc pho tượng mặc quần áo thì trước tiên phải tạc nó khỏa thân đã... Nhưng tớ nói với mi toàn bộ sự thật cho mà nghe: Hấn không muốn pho tượng khỏa thân này có cái mặt xinh đẹp của cô gái đáng yêu kia... Trong cơn giận dữ, thằng cha đã bước đến cạnh pho tượng và, mi đã nhìn thấy rồi chứ? Hấp, hấp! Hai cú gậy đã đập vỡ tan công trình của tớ...

Mi có thể giải thích nguyên nhân nào khiến thằng cha có hành động phũ phàng như thế không? Hả, cậu chiến binh trung thành của tớ? Tớ quát hẳn: “Khoan đã! Ngay bây giờ mình sẽ mặc quần áo vào cho pho tượng! Ngay bây giờ thôi, chỉ nháy mắt là xong!”. Nhưng có ăn thua gì! Bây giờ thì còn gì nữa đâu mà mặc quần với áo? Hiện giờ thì cả hai cô cậu đều muốn nhìn thấy Thần Sóng...khỏa thân, trần truồng, không có chút gì trên người hết, đúng hết như bản thân cô ta ấy, cậu bạn thân mến ạ! Hai anh chị lại muốn quay về bản phác thảo ban đầu của tớ, quay về cách xử lý tượng trưng không cần phải giống ai hết! Mi sẽ túm lấy tay Nữ thần Sóng trong khi Nàng không hề ngờ đến...Chà, sẵn với bắn làm cái gì kia chứ? Mi nói thử tớ nghe nào?

HÃY SUY NGHĨ ĐI, GIACÔMÔ!

Mới ba ngày hôm nay, trong nhà giá sư Agôxtinô Tôti, mất đi không khí vui tươi và thanh thản mà ông nghĩ rằng ông hoàn toàn có quyền được hưởng.

Giáo sư đã gần bảy chục tuổi, và ai thiện chí đèn máy cũng không thể bảo rằng ông đẹp: thấp như người lùn, thân mình của ông lại vạm vỡ, cổ ngắn tịt, đặt trên hai chân khẳng khiu như chân nhện và cuối cùng là cái đầu hói to tướng... Đúng như thế! Giáo sư Tôti hiểu rất rõ bản thân và không hề có ảo tưởng gì hết: làm sao cô vợ trẻ Mađalênina xinh đẹp, chưa đầu hai mươi sáu tuổi có thể yêu được ông kia chứ?

Thật ra ông lấy cô chỉ vì thấy cô là con gái nhà nghèo ông muốn nâng cô lên vị trí của ông. Con gái một việc chức quen ở trường tiểu học trở thành vợ một giáo sư giảng dạy môn khoa học tự nhiên tại một trường Trung học, chỉ còn mấy tháng nữa sẽ về hưu và hưởng một khoản lương hưu trí đặc biệt rất lớn. Thêm vào đó, hai năm trước đây ông bỗng nhiên được thừa hưởng một gia tài, giống như từ trên trời rơi xuống: anh của giáo sư Tôti đã bỏ nước sang sinh sống ở Rumania từ nhiều năm nay, vừa mới qua đời, không có vợ con, đã trao quyền thừa kế cho em một tài sản rất lớn: gần hai trăm ngàn lia.

Tuy nhiên giáo sư Tôti cho rằng, không phải thứ đó khiến ông có quyền được hưởng niềm vui và yên tĩnh tuổi già. Ông là triết gia và hiểu rất rõ ràng, chỉ riêng tài sản vật chất chưa đủ đem lại hạnh phúc cho một người phụ nữ trẻ và xinh đẹp.

Giá như số tài sản được thừa kế kia ông nhận được trước khi cưới, thì có lẽ ông đã yêu cầu cô Mađalênina chịu khó kiên nhẫn thêm ít lâu, nghĩa là chịu khó đợi cho đến khi ông chết, vì cũng chẳng còn bao lâu nữa, chứ không phải thực hiện một sự hy sinh là lấy ông. Nhưng đáng tiếc món tài sản thừa kế ấy ông lại được nhận quá chậm, hai năm sau khi cưới... đúng

lúc giáo sư Tôti triết gia kịp nhận thức ra rằng, khoản lương hưu trí mà ông sẽ để lại cho vợ chưa đủ xứng đáng với sự hy sinh của nàng cho ông.

Từ lâu giáo sư đã vui lòng chấp nhận tất cả những thứ đó và ông cho rằng, nhờ vào số tài sản to lớn được thừa kế kia, hơn bao giờ hết, ông có quyền được hưởng những ngày tháng cuối cùng thanh thản và tươi vui ngay trong ngôi nhà của ông. Hơn nữa, vốn là con người hiểu biết, tinh táo và luôn mong muốn điều tốt cho cả... Chính thế! Anh ta tên là Giacôminô, một chàng trai tuyệt diệu, một trong những học trò yêu của ông, tính tình khiêm nhường, đúng đắn, tế nhị, đồng thời đẹp trai, có làn tóc mềm mại, lượn sóng vàng óng, trông như thiên thần vậy.

Chắc chắn là như thế! Ông đã làm tất cả những chuyện ấy, chăm lo tất cả những điều ấy, ông giáo sư già Agôxtônô Tôti! Anh chàng Giacôminô đang chưa có công việc gì để làm. Thấy sự rối rắm làm anh ta vừa buồn bã vừa tủi thân, ông đã xoay xở cho anh một chỗ làm tại nhà băng Địa chính, nơi ông gửi số tiền hai trăm ngàn lia được thừa kế.

Trong nhà bây giờ có một đứa trẻ, một tiểu thiên thần hai tuổi rưỡi. Và ông giáo sư già gắn bó với nó bằng cả tâm hồn, chẳng khác gì tên nô lệ gắn bó với ông chủ mà y tôn kính và yêu mến. Ngày nào cũng vậy, hết giờ lên lớp ở trường là ông vội về nhà và cúc cung phục vụ những ý thích oái oăm của thằng bé, một bạo chúa tí hon. Thật ra mà nói, bây giờ được hưởng khoản thừa kế rồi, ông rất có thể khước từ khoản lương hưu kénch sù kia, thôi không đi làm nữa để hoàn toàn rảnh rang ở nhà chơi với đứa bé. Nhưng không! Làm như thế là không tốt. Ông thấy có phận sự phải vác cây thánh giá cho đến cùng, dù có nặng nề đến mấy! Bởi vì ông lấy vợ chỉ nhằm mục đích duy nhất là làm điều tốt cho vợ, trong khi cuộc hôn nhân ấy đem lại cho ông bao nhiêu nỗi khổ tâm.

Đúng vậy. Ông giáo sư lấy cô gái trẻ kia chỉ với một ý nghĩ: làm điều tốt cho nàng. Ông yêu Mađalênina không phải với tình cảm người chồng mà là tình cảm người cha, nhất là từ ngày nàng sinh thằng bé này. Giá nó gọi ông là “ông” chứ không phải là “bố” thì ông còn sung sướng hơn biết bao nhiêu! Điều dối trá một cách vô ý thức thốt ra từ cái miệng trong trắng, vô tội kia chỉ làm ông khổ tâm. Ông cảm thấy dường như sự dối trá ấy xúc

phạm tình vạm của ông đối với đứa trẻ. Nhưng biết làm sao được? Kèm theo cái hôn, từ cái miệng xinh xắn kia thốt ra tiếng “bố” làm cho những kẻ xấu bụng nhếch nụ cười giễu cợt. Họ không thể hiểu nổi tình cảm của ông đối với đứa trẻ thơ ngây kia. Họ cũng không hiểu được hạnh phúc của ông khi thấy mình đem lại hạnh phúc và sẽ tiếp tục đem lại những điều tốt lành cho cô gái trẻ, cho chàng trai tuyệt diệu, cho đứa bé và cho cả bản thân ông nữa. Đúng thế! Cho cả chính ngay bản thân ông, tất nhiên rồi. Còn hạnh phúc nào bằng được sống những năm tháng cuối cùng trong không khí vui tươi, giữa những người thân thiết bằng được dần bước đến nơi an nghỉ cuối cùng cảm thấy lọt trong bàn tay bản thân một bàn tay nhỏ xíu ấm áp của một tiểu thiên thần.

Tuy vậy, những kẻ độc ác, xấu bụng chê cười ông, giễu cợt nhạo báng ông! Lão khom già ngu ngốc thật đáng thương! Sao số kiếp lão thảm hại đến như thế! Nghe tiếng cười của họ, ông thấy sao họ tòi tệ và ngu xuẩn đến như vậy! Nhưng thôi, cũng chỉ vì họ chưa hiểu... Họ làm sao tự đặt họ vào hoàn cảnh của ông, họ làm sao thấu hiểu được mặt lối bịch trong hoàn cảnh của ông, họ làm sao thấy hiểu được những ý nghĩ, những cảm xúc thầm kín trong đáy lòng của ông?... Nhưng ông quan tâm làm gì đến họ! Ông hạnh phúc đến thế còn gì!

Chỉ mới trong vòng ba ngày hôm nay...

Nhưng chuyện gì đã xảy ra vậy? Vợ ông mất sung mọng, đỏ hoe. Cô kêu váng đầu và suốt ngày không chịu ra khỏi phòng riêng.

- Chà, tuổi trẻ!... Tuổi trẻ! - ông giáo sư thở dài, lắc đầu, trên môi ông nở một nụ cười buồn bã và thấu hiểu. - Chắc hai anh chị lại giận đối nhau chứ gì? Con giận thoáng qua ấy mà, rồi lại đâu vào đấy thôi...

Rồi cùng với thằng bé Nini ông lang thang trong nhà ngoài sân, buồn bã lo lắng, thậm chí hơi bực bội tý chút, bởi vì... nói cho đúng ra cô vợ ông cũng như cậu Giacômônô lẽ ra không nên đối xử với ông như thế. Họ còn trẻ, họ chưa hiểu đối với người già mỗi ngày đều quý giá, và đều cần phải được tươi vui yên tĩnh. Mất một ngày phải chịu buồn bã là một mất mát lớn đối với những người già như ông.

Vì suốt ba ngày nay, do thái độ của cô vợ mà ông băn khoăn lo lắng. Cô Madalênina không còn hát cho ông nghe bằng cái giọng trong trẻo những bản tình ca và không còn săn sóc ông như ông vẫn quen được hưởng nữa.

Thằng bé Nini cũng trầm ngâm và cau có, như thể nó hiểu được rằng mẹ nó không quan tâm gì đến con nữa. Giáo sư dắt thằng bé hết phòng này sang phòng khác, và ông không phải cúi xuống lần nào, đủ biết vóc người ông quá thấp. Ông nhắc nó lên đàn piano, gõ lảng nhãng vài phím, thở hỏn hển, ngáp, rồi ngồi xuống, đặt thằng bé lên đầu gối, cho nó lắc lư. Nhưng sau đấy ông lại đứng ngay dậy vì cảm thấy trong lòng không yên. Đã năm sáu lần ông bảo cô vợ trẻ kể xem chuyện gì đã xảy ra nhưng đều không kết quả.

- Đầu vẫn váng à? Vẫn khó chịu lắm phải không?

Madalênina vẫn nín thinh, nhất định không chịu thổ lộ điều gì, chỉ lặng lẽ khóc thút thít, rồi nhờ ông khép cánh cửa sổ lại và dắt con nàng ra ngoài. Cô muốn được nghỉ ngơi một mình, trong bóng tối.

- Đầu vẫn váng lắm à? Có phải không?...

Tội nghiệp, chắc cô ấy váng đầu lắm!... Chắc hẳn hai đứa giận đối nhau chuyện gì lớn lắm đây!

Ông giáo sư Tôti xuống bếp gọi chuyện chị người làm, xem có biết thêm được điều gì không, nhưng khốn nỗi ông không biết cách bắt chuyện bởi vì chị ta rất ghét ông. Chị ta cũng giống như những người khác, chuyện nói xấu ông và đặt chuyện để chế nhạo ông với hàng xóm. Rốt cuộc ông chẳng moi được gì ở chị người làm ngu xuẩn và nông cạn kia.

Ông giáo sư đành thực hiện một hành động táo bạo. Ông bế thằng Nini vào phòng mẹ nó và yêu cầu cô mặc thêm áo ấm cho con.

- Để làm gì kia chứ? - Madalênina hỏi.

- Tôi đưa thằng bé đi dạo, - ông giáo sư đáp. - Hôm nay chủ nhật bắt nó ở nhà cũng tội.

Mađalênina không muốn cho con ra đường, vì biết rằng mỗi khi nhìn thấy ông già với thằng bé con, dân phố bao giờ cũng cười cợt, nhạo báng. Cô còn biết rõ rằng, đã có lần một thằng cha thô lỗ, ác khẩu dám nói toạc vào mặt ông chồng của cô: “Sao mà thằng bé giống ông đến như thế, ông giáo sư?”

Thế nhưng thằng bé Nini khăng khăng đòi:

- Không, con muốn đi dạo. Nhất định hai bố con sẽ đi dạo.

Thế là ông giáo sư cùng với thằng bé đến nhà Giacôminô Đêlidi. Anh ta sống cùng bà chị độc thân và bà chăm sóc anh như mẹ chăm con. Xưa nay bà Ataga này rất biết ơn ông giáo sư Tôti bởi vì thấy quá rõ những động cơ tốt của ông. Nhưng bây giờ người phụ nữ đạo đức giả ấy quay ngược lại thái độ, coi ông như quỷ sứ dưới địa ngục chui lên, đã đẩy em trai của bà vào tội lỗi chết người.

Giáo sư kéo chuông, và phải đợi khá lâu cửa mới mở. Chẳng là bà Agala rón rén đến cạnh cửa, nhìn qua khe cửa ra ngoài rồi chạy vào báo cho em biết, bây giờ mới quay ra để trả lời Giacôminô không có nhà.

Bà ấy đẩy. Mặc bộ áo liền váy màu đen, gầy gò, cau có, mặt vàng nhợt như nặn bằng sáp, mắt thâm quầng. Vừa mở cửa ra bà đã run lên vì giận dữ, trách cứ ngay khách:

- Thì ra là ông... Khổ thân thằng em tôi. Muốn được yên, người ta cũng không để nó yên? Mà ông đem cả thằng bé đến đây nữa. Ra ông đem cả thằng bé theo nữa...

Ông giáo sư Tôti không ngờ lại được đón tiếp kiểu này. Ông sừng sốt rồi ngược mắt nhìn bà Agata, sau đấy nhìn thằng bé, lúng túng gượng cười và đáp lí nhí:

- Thưa bà, có chuyện gì vậy?... Bà cho tôi gặp... cho tôi gặp...

- Em nó không có nhà! - bà Agala sẵng giọng đáp cộc lốc.- Cậu Giacôminô không có nhà.

- Tốt lắm, - Giáo sư Tôti gật đầu. - Nhưng thưa bà... Xin bà tha lỗi, hôm nay bà tiếp tôi quá... tôi chưa hiểu tại sao! Tôi nghĩ có làm điều gì xấu cho bà hay cho em trai của bà đâu nhỉ?

- Thưa ông giáo sư. - bà Agala nói giọng đã bớt phần gay gắt. - Chúng tôi... chúng tôi rất biết ơn ông, nhưng ông cũng phải hiểu ra rằng...

Giáo sư chau mày, lại mỉm cười, rồi giơ tay, trở vào ngực mình vài ba lần, như thể định nói rằng, ai không hiểu chứ ông thì rất hiểu.

- Tôi đã già rồi, thưa bà, - ông nói. - tôi hiểu nhiều điều, tôi hiểu chứ! Nhưng trước tiên tôi nghĩ rằng, không bao giờ nên tức giận... Và mỗi khi xảy ra chuyện hiểu lầm, ta nên nói thẳng với nhau... đúng thế, nên nói thẳng, thưa bà không úp mở gì hết và cũng đừng nóng nảy... Có phải như thế không nhỉ?

- Đã đành rồi... - bà Agata bối rối tán thành.

- Chính vì thế, - giáo sư Tôti nói tiếp. - Bà cho phép tôi vào nhà và bà hãy mời cậu Giacôminô ra đây gặp tôi.

- Nhưng em nó đi vắng.

- Bà lại vẫn cứ thế! Bà bảo tôi cậu ấy đi vắng để làm gì? Cậu Giacôminô có nhà và bà phải gọi cậu ấy ra gặp tôi. Hai chúng tôi sẽ từ tốn trò chuyện! Tôi đã già rồi và tôi rất hiểu, bởi vì tôi cũng đã từng có lúc trẻ trung, thưa bà. Tôi sẽ nói chuyện từ tốn với cậu ấy. Bà nói với cậu ấy như vậy. Và bây giờ thì bà để chúng tôi vào nhà.

Trong gian phòng tiếp khách đơn sơ, giáo sư Tôti ngồi xuống một chiếc ghế tựa và đặt thẳng bé Nini lên đầu gối. Ông phải chờ rất lâu trong khi bà

Agala cố thuyết phục cậu em.

- Con ngồi yên, Nini... ngoan nhé! - ông giáo sư già thỉnh thoảng nhắc thằng bé, nó chỉ chực đứng xuống sàn, chạy đến chiếc bàn nhỏ bày các thứ đồ chơi bằng sứ bóng loáng. Trong lúc đó ông giáo sư cố đoán xem chuyện xích mích gì, chắc là khá lớn đã xảy ra ở nhà ông mà ông không thể ngờ tới được? Cô Madalênina hiền lành đến như thế! Cô ấy làm chuyện gì sai trái được nhỉ? Tại sao bà Agala lại tỏ vẻ giận dữ đến như thế?

Giáo sư Tôti, trước đây chỉ đoán là chuyện giận dỗi nhau bình thường giữa đôi trẻ, lúc này bỗng lo lắng thực sự.

Giacôminô kia rồi! Lạy Chúa, sao nét mặt anh ta căng thẳng đến thế kia? Giận dữ nữa chứ! Thế nghĩ là sao nhỉ? Sao anh ta dám có thái độ như thế kia với mình? Thằng Nini chạy đến với anh ta, anh ta phũ phàng gạt ra, trong khi nó chìa hai bàn tay bé xíu: “Giami! Giami!”

- Anh Giacôminô! - Giáo sư Tôti bị thương tổn đến tận đáy lòng, hét lên.

- Ông muốn nói gì với tôi, ông giáo sư? - Giacôminô hỏi rất nhanh, cố tránh luồng mắt của ông già. - Tôi không được khỏe... Tôi đang nằm nghỉ... Tôi không thể nói chuyện gì được. Và lúc này tôi không muốn tiếp ai...

- Nhưng đứa trẻ thì sao anh nữa...

- À, phải rồi... - Giacôminô sực nhớ, cúi xuống hôn thằng bé.

- Anh thấy trong người khó chịu à? - giáo sư nói tiếp, trong lòng hơi yên tâm sau khi thấy anh ta hôn đứa trẻ. - Tôi cũng đoán thấy thế cho nên tự tìm đến đây. Anh váng đầu à? Ngồi xuống đây, ngồi xuống đi... Ta nói chuyện với nhau một chút. Lại đây, Nini... Con thấy chú Giamô ốm rồi chứ? Chú váng đầu... Con phải ngoan, lát nữa về thôi. Tôi đến hỏi anh một câu, - ông già quay sang anh chàng Giacôminô, - ông giám đốc ngân hàng Địa chính đã nói gì với anh chưa?

- Chưa, nhưng chuyện gì thế ạ? - Giacôminô lo lắng hỏi.

- Có chuyện này thôi. Hôm qua tôi có gặp ông ta và bàn về chuyện của anh, - giáo sư Tôti mỉm cười vẻ bí mật đáp. - Lương anh không cao gì lắm. Và anh thừa biết, tôi chỉ cần nói một tiếng...

Giacôminô ngồi trên ghế, nắm chặt hai bàn tay lại như muốn bóp nát một vật gì.

- Thưa giáo sư, tôi rất biết ơn giáo sư, - anh ta nói, - nhưng tôi van giáo sư hãy vì Chúa, đừng lo lắng thêm điều gì cho tôi nữa. Tôi van giáo sư đây!

- Ra thế! - giáo sư Tôti tiếp tục nói, miệng vẫn mỉm cười. - Hay lắm, nghĩa là tôi và anh, ta không cần gì đến nhau nữa chứ gì? Nhưng nếu đặt vấn đề cách khác, tức là tôi làm mọi việc ấy là nhằm thỏa mãn thích thú riêng của tôi thì sao? Anh bạn trẻ thân mến ơi, nếu vậy anh hãy mách cho tôi, có ai khác ngoài anh đáng cho tôi quan tâm giúp đỡ nữa? Tôi đã già rồi, Giacôminô ạ. Mà người già thì, tất nhiên họ không phải kẻ ích kỷ, những người già mà cả cuộc đời đời nghèo, vất vả khốn khổ mới tạo dựng được vị trí như hiện nay, họ nhìn thấy những bạn trẻ đang gặp khó khăn, họ rất muốn giúp đỡ. Những người già như tôi rất thèm được chia sẻ niềm vui cho học trò của mình, chia sẻ những mong ước và hy vọng. Họ rất vui sướng được nhìn thấy đám hậu sinh dần dần từng bước chiếm lĩnh những vị trí xứng đáng trong xã hội. Riêng đối với anh, anh thừa biết thái độ tôi đối với anh như thế nào rồi. Tôi coi anh như con trai... Anh làm sao thế? Anh khóc à?

Giacôminô quả đang úp hai bàn tay lên mặt và cả người anh rung lên trong tiếng nức nở mà anh không sao nén lại được.

Thằng bé Nini sợ hãi nhìn, rồi quay sang bảo ông giáo sư”

- Giami nè, bố ạ.

Ông già đứng dậy, định đặt bàn tay lên vai Giacôminô nhưng anh bật đứng dậy như thể ghê tởm. Mặt anh đột nhiên méo xệch và anh thét lên như điên:

- Đứng! Giáo sư đừng đến gần tôi! Giáo sư hãy về đi! Tôi van giáo sư! Do giáo sư mà tôi phải chịu bao nhiêu nỗi đau vật khủng khiếp. Tôi không xứng đáng được giáo sư quan tâm và cũng không muốn! Giáo sư nghe tôi nói gì rồi chứ, tôi không muốn!... Mời giáo sư về đi và dẫn cả thằng bé nữa. Xin giáo sư quên tôi đi! Hãy coi như không có tôi trên cõi đời này nữa!

Giáo sư Tôti kinh ngạc. Ông băn khoăn hỏi:

- Nhưng tại sao kia chứ?

- Tôi xin nói ngay bây giờ! - Giacôminô hét lên. - Tôi đã đính hôn, thưa giáo sư, tôi đã đính hôn, giáo sư hiểu chứ?

Giáo sư Tôti loạng choạng, như thể bị ai giáng một đòn vào giữa đỉnh đầu. Giơ cao hai tay, ông lảo đảo:

- Anh ấy ư? Anh đã đính hôn ấy ư?

- Vâng, thưa giáo sư. - Giacôminô đáp. - Chính vì thế mà quan hệ giữ giáo sư với tôi không còn gì nữa, không bao giờ còn gì nữa! Bây giờ thì chắc giáo sư đã hiểu, tại sao tôi không thể gặp... gặp các người được nữa...

- Anh đuổi tôi? - ông già thốt lên, rất thấp giọng.

- Không phải thế. - Giacôminô cay đắng trả lời. - Nhưng có điều giáo sư nên ra khỏi cái nhà này...

Ra khỏi ư? Giáo sư Agôxtinô Tôti ngã phịch xuống ghế. Hai chân ông khụy xuống. Ông ôm đầu rên rĩ:

- Lạy Chúa! Ra tai họa đến như thế này! Ra sự thể là như vậy! Khốn khổ thân tôi! Khốn khổ thân tôi! Nhưng chuyện này xảy ra từ bao giờ? Xảy

ra như thế nào? Không ai nói với tôi cả! Anh đính hôn với cô nào vậy?

- Thưa giáo sư... đã khá lâu rồi... - Giacôminô lúng túng. - Cô ấy mở
côi và rất nghèo, cũng gần như tôi... và quen với chị của tôi!

Giáo sư chăm chăm nhìn anh bằng cặp mắt không nhìn thấy gì. Miệng
ông thốt lên những lời rời rạc:

- Anh vứt bỏ mọi thứ... dễ dàng... đến thế kia... ư? Anh hoàn toàn...
không... băn khoăn gì... về ai hết... và không... suy tính...

Giacôminô lại hiểu đó là lời trách anh vô ơn, anh bèn phản đối:

- Xin lỗi... nhưng giáo sư định coi tôi là kẻ nô lệ của giáo sư hay sao?

- Tôi mà coi anh là nô lệ? - giáo sư không cầm được nước mắt, ông nói
trong tiếng nức nở. Tôi ấy ư? Anh nở mở miệng nói những lời ấy ư? Bởi vì
tôi đã thực sự biến anh thành ông chủ tại ngay cái nhà của tôi! Còn gì vô ơn
bằng câu anh vừa nói? Hay anh nghĩ rằng tôi làm điều tốt cho anh để mong
được hưởng lợi lộc gì? Và thực tế tôi đã được cái gì lời, hay chỉ chuốc lấy
bao lời dị nghị chê cười nhạo báng của thiên hạ? Những kẻ ngu xuẩn không
có khả năng hiểu được những tình cảm đẹp của một ông già bất hạnh. Bây
giờ tôi lại thấy chính anh cũng không hiểu nổi. Anh không đáng giá được
những tình cảm của một ông già bất hạnh, đang chuẩn bị cho việc rời khỏi
cõi đời, đang cảm thấy trong lòng thanh thản và vui mừng, thấy sau khi
mình chết, mọi sự đều đâu vào đấy, cái gia đình nhỏ bé của ông ta không
phải chịu thiếu thốn, mà sẽ hạnh phúc! Tôi đã bảy mươi tuổi. Chỉ nay mai
là tôi đi, Giacôminô ạ. Tại sao bỗng nhiên anh lại có những ý nghĩ kỳ quái
ấy? Tôi không biết và cũng không muốn biết anh đã đính ước với ai. Nếu
anh đã chọn, nghĩa là cô ấy đáng giá, bởi vì bản thân anh cũng là người
tốt... nhưng anh nên nghĩ lại... không thể như vậy được, Giacôminô. Anh
không thể tìm được cô gái nào hơn là... về tất cả mọi phương diện... Ý tôi
không phải chỉ nói về mặt vật chất... Với lại anh đã có gia đình riêng rồi
còn gì? Chỉ mỗi tôi là người thừa, nhưng cũng chẳng phải đợi bao lâu
nữa... Và tôi cũng không muốn len vào đó... Hay tôi làm phiền cho anh?
Nhưng anh vẫn coi tôi như cha kia mà... thậm chí tôi có thể... tôi có thể...

nếu như làm như thế anh dễ chịu hơn... Nhưng anh hãy nói cho tôi biết, đã xảy ra chuyện gì? Đầu đuôi như thế nào? Tại sao bỗng nhiên anh lại thay đổi hẳn thái độ như vậy?... Nói cho tôi biết đi, Giacôminô.

Giáo sư Tôti bước đến gần Giacôminô, định thân mật vỗ vai anh, nhưng anh ta co rúm người lại, như khiếp sợ và lùi lại.

- Thưa giáo sư! - anh ta hét lên. - Tại sao ông không hiểu, tại sao ông không thấy là toàn bộ lòng tốt của giáo sư...

- Làm sao?

- Xin giáo sư hãy để tôi yên! Đừng buộc tôi phải nói! Tại sao giáo sư không hiểu rằng, tất cả những chuyện giữa chúng ta chỉ có thể tiến hành một cách hoàn toàn bí mật? Thế nhưng bây giờ giáo sư thấy rồi đấy, mọi người xung quanh chế nhạo, nói xấu, chê cười chúng ta, thì tôi không chịu nổi.

- Ôi, thì ra anh sợ dư luận, anh hoảng hốt trước những lời đàm tiếu? - Giáo sư Tôti quát. - Và anh...

- Xin giáo sư để tôi yên! - Giacôminô lặp lại. giận dữ vung mạnh hai tay. - Giáo sư thử nhìn ra ngoài xem! Xung quanh giáo sư còn biết bao thanh niên khác cũng cần đến giáo sư giúp đỡ!

Giáo sư Tôti cảm thấy những lời của người học trò yêu thốt ra như những mũi dao nhọn đâm thẳng vào giữa tim ông. Vì những lời ấy chứa đựng cả sự lăng nhục cô vợ trẻ của ông. Mặt ông tái nhợt và người run lên, ông gào to:

- Mađalênina còn trẻ trung nhưng hoàn toàn trong sạch, trong cách xử sự của cô ấy không hề có một vết nhơ. Và anh cũng thừa biết như thế! Nếu biết những chuyện này, cô ấy rất có thể không sống nổi, bởi vì lần này cô ấy đang ốm, mà bệnh lại nằm trong trái tim... Đúng là như thế đấy, hỡi con người vô ơn kia ơi! Và anh lại còn dám nói đến những thanh niên nào khác nữa ư? Đồ vô liêm sỉ! Anh không thấy lương tâm dần vật gì ư? Anh còn

dám nhìn vào mặt tôi nữa à? Anh dám nói những lời lẽ đốn mạt như thế vào giữa mặt tôi sao? Anh cho rằng cô Madalênina có thể chuyển từ tay thằng này sang tay thằng khác được hay sao? Cô ấy, mẹ của thằng bé này? Anh nói những gì vậy? Sao anh dám mở miệng nói những câu như thế?

Giacôminô tái mặt, sừng sốt ngược nhìn ông già.

- Tôi thấy ả? - anh ta lúng túng. - Người phải hỏi chính là tôi kia chứ? Nhưng thưa giáo sư, sao giáo sưỡ mắng mỗ tôi như thế? Giáo sư nghĩ như thế thật sao?

Giáo sư Tôti úp hai bàn tay lên mặt, hai mi mắt ông rung rung đầu ông cúi gục và ông đang nức nở khóc. Nini thấy vậy cũng òa lên khóc âm ỉ. Ông già nghe thấy tiếng khóc của đứa trẻ, nhắc bổng nó lên rồi ôm ghì vào ngực.

- Ôi, con yêu quý của ta... ôi, tội nghiệp Nini! Rồi mẹ con sẽ ra sao đây? Và cả số phận cuộc đời của con sau này nữa chứ? Bởi vì mẹ con quá non nớt, làm sao sống nổi nếu thiếu nơi dựa dẫm... Ôi, khổ cả ta nữa! Ta thương các người biết chừng nào!

Ông ngẩng đầu lên và qua hàng lệ ngược nhìn Giacôminô

- Tôi khóc, - ông nói tiếp. - Và lương tâm của tôi cắn rứt: chính ta đã che chở anh, đã đưa anh vào gia đình, nói với anh toàn những lời tốt đẹp... ta đã phá tan mọi nỗi nghi ngại cản trở cô ấy yêu anh... và đến bây giờ, cô ấy gạt đi được mọi nỗi băn khoăn, đã yêu anh và đã sinh thằng bé này... thì anh...

Ông ngừng lại, rồi giận dữ dần từng tiếng:

- Cẩn thận đấy, Giacôminô! Ta đủ sức dẫn thằng bé này đến nhà cô vợ chưa cưới nào đó của anh!

Nghe những câu nói lộn xộn và nước mắt của giáo sư khiến Giacôminô hoang mang bối rối cực độ. Bây giờ nghe ông già đe dọa như vậy, anh vội chắp hai tay năn nỉ:

- Thừa giáo sư, giáo sư định biến thành trò cười cho khắp mọi người sao?

- Trò cười ư? - giáo sư thét lên. - Tôi sợ gì tiếng cười, khi tôi nhìn thấy anh tàn phá cuộc đời của một người phụ nữ bất hạnh, phá hủy cuộc đời của bản thân anh và của thằng bé này? Ta về thôi, Nini, ta về thôi!

Giacôminô lao chạy theo:

- Xin giáo sư đừng làm thế!

- Không được. Nhất định ta sẽ làm! - giáo sư tuyên bố với giọng kiên quyết. - Và để phá đám cưới của anh tôi sẽ còn yêu cầu nhà ngân hàng sa thải anh! Tôi cho anh ba ngày để suy nghĩ.

Dắt tay đứa bé, ông già bước ra phía cửa. Đến cửa, ông quay đầu lại đe dọa thêm lần nữa:

- Hãy suy nghĩ đi, Giacôminô! Hãy suy nghĩ cho thật kỹ vào.

ĐÊM TÂN HÔN

Bốn cái áo somi

bốn chiếc khăn trải giường

bốn cái váy

tóm lại, mỗi thứ bốn. Như con nhện kiên nhẫn chăng từng sợi tơ, bà mẹ dành dụm hôm nay một xu, mai một xu, tạo nên được cho cô con gái hồi môn mà bà không ngớt đem khoe với láng giềng.

- Ít ỏi thôi nhưng mà chu tất.

Hai bàn tay nhẵn nhụi của bà xanh lợt, co quắp, cả đời chỉ làm những công việc nặng nhọc, lồi từ trong chiếc hòm cũ kỹ hẹp và dài như chiếc áo quan, những đồ đạc xinh đẹp. Nâng niu như trong buổi rước thánh thể bà lấy ra, đem bày trên giường nào khăn voan, nào áo dài, một chiếc để con gái mặc trong lễ cưới, cổ thêu và gấu viền lụa, ba chiếc kia may bằng vải len nhưng không diện bằng. Ngắm nghía những thứ đó, miệng nở nụ cười thỏa mãn bà lẩm bẩm: “Hồi môn ít thôi, nhưng mà chu tất” : Niềm vui làm hai bàn tay bà run run và giọng nói đứt quãng:

- Các bác biết rồi đấy, tôi góa bụa, - bà nói. - Hai bàn tay này đã làm đủ thứ việc nặng nhọc cho nên bây giờ đã tê dại. Tôi đã vất vả ngày mưa cũng như ngày nắng, hết giặt giũ dưới sông lại ngoài suối. Nào bóc hạnh nhân, nào hái ôliu. Trong vùng này không có làng nào tôi không đến làm thuê, không nhận gánh nước hay quét dọn... Mà việc gì phải kể ra kia chứ? Họa chỉ Đức Chúa Trời mới biết tôi đã đổ bao nhiêu nước mắt, tôi đã cực khổ đến mức nào. Chắc vì thương tình nên Ngài đã ban cho tôi sức lực và tránh cho tôi bệnh tật. Nhưng tôi làm lụng đã không phí công. Bây giờ thì tôi có thể yên tâm mà nhắm mắt được rồi. Chồng tôi lúc này đang đợi tôi trên Thiên đường, nếu như khi ấy có hỏi về đứa con gái của chúng tôi, thì tôi có

thể thanh thản trả lời: “Mình yên tâm, không phải lo lắng gì hết. Tôi đã thu xếp cho con một chỗ chắc chắn rồi. Con nó không phải chịu khổ cực gì nữa, bởi vì khi ở dưới trần, tôi đã chịu đủ khổ cực cho cả hai xuất rồi”. Tôi khóc vì vui đầy thôi, các bác đừng lưu tâm làm gì.

Rồi bà Antô đưa góc tấm khăn choàng màu đen lên lau nước mắt, tấm khăn bà chít lại dưới cằm.

Mặc vào người toàn những thứ mới may, hôm ấy trông bà khác hẳn, và lời bà nói bỗng nhiên gọi cho người nghe một cảm giác không giống mọi khi.

Bà con láng giềng thi nhau ca ngợi và phụ họa thêm giọng đồng cảm. Cô con gái bà tên là Maraxtela đã mặc chiếc áo cưới bằng gấm màu tro (trông sang trọng hẳn lên!), tấm khăn lụa màu xanh da trời quàng cổ, đang tự ngấm vuốt cẩn thận trước cái sự kiện trọng đại đến như vậy trong cuộc đời cô. Thấy mẹ khóc, cô cũng thổn thức.

- Maraxtela, cô làm sao thế?

Bà con hàng xóm xúm xúm quanh cô gái, ai cũng cố tìm cách khuyên giải.

- Phải vui lên chứ! Sao lại khóc thế? Ngày hôm nay mà lại khóc à?... Tục ngữ có câu, dù trong lòng có buồn đến mấy thì hôm nay cũng hãy thấy bồn phận là phải vui!

- Cháu nhớ đến bố cháu! - Maraxtela đưa hai bàn tay lên che mặt khẽ nói.

Cách đây bảy năm cha cô qua đời chỉ vì một tai nạn. Bấy giờ ông đang làm ở Phòng hải quan ngoài Cảng, đêm nào cũng ngồi trên xuồng máy đi tuần tra. Một lần chiếc xuồng bị lật lúc đang chạy gần mỏm Due Riviera, thế là chìm xuống đáy biển, dìm chết cả ba người ngồi trong đó.

Dân ven biển vẫn nhớ rất rõ sự việc hôm ấy. Họ còn nhớ rằng, cô Maraxtela cùng với mẹ vừa gào khóc vừa chạy ra mỏm đá gần cảng mới,

nơi ba xác người thiệt mạng còn nằm ở đó. Người ta phải mò suốt hai ngày trời mới tìm được ba cái xác ấy. Hai mẹ con đứng lại đau đớn đến tuyệt vọng, hai tay giơ lên trời, không để ý thấy gió thổi mạnh và nước biển bắn lên lạnh buốt. Sau đấy, đáng lẽ quỳ xuống trước thi hài cha thì cô Maraxtela lại đứng lặng đi trước thi hài một người khác, hai tay ôm ngực rên rỉ:

- Anh yêu quý! Anh yêu quý của em! Sao anh nỡ bỏ em lại một mình!...

Bà Antô, họ hàng của người bị nạn và tất cả những ai có mặt trên bờ biển lúc đó sững sốt nghe lời thú nhận bất ngờ kia. Riêng bà mẹ chàng trai xấu số (tên anh ta là Tinô Xpacti, vốn là một chàng trai đáng quý vô cùng), khi nghe thấy Maraxtela gào lên như thế, đã ôm chầm lấy cô gái, ghì chặt cô vào ngực mình, rồi như tỏ sự thân tình giữa cô và bà ta cũng như con trai bà vừa thiệt mạng, bà đã nói rất to, cho tất cả mọi người đều nghe thấy:

- Con thân yêu của mẹ! Con thân yêu của mẹ.

Chính vì vậy mà hôm nay, khi nghe thấy cô gái Maraxtela nói rằng “Cháu nhớ đến bố cháu”, hàng xóm đều đưa mắt nhìn nhau và trong bụng ai cũng thương cho cô. Không phải cô ấy nhớ đến cha đâu, tội nghiệp! Mà cũng có thể là cô ấy nghĩ đến bố, bởi vì nếu ông ta còn sống, không đời nào ông ta chịu gả con gái cho đám này, cái đám mà bà vợ ông do góa bụa và nghèo túng coi là một đám rất hời.

Bà Antô đã phải đấu tranh gay gắt đến mức nào để buộc con gái phải chấp thuận cái đám ấy!

- Mày thử nhìn tao xem! Tao đã già rồi, sắp xuống lỗ rồi. Không lấy chồng đi, đợi tao chết mày sẽ dựa vào ai mà sống?

Mà bà mẹ nói thế là đúng. Nhưng cô Maraxtela đưa ra những lý lẽ cùng rất vững chắc để bác lại. Cô thừa nhận ông Lidi Kiricô mà bà mẹ bắt cô lấy là người danh giá. Nhưng quá nhiều tuổi, lại đã có một đời vợ. Vợ ông mới chết cách đây chưa đầy một năm, và bây giờ ông đi bước nữa là do cần người chứ đâu phải vì tình yêu. Ông đang cần người trông nom nhà cửa, lo cơm nước, chính vì vậy mà ông lấy vợ kế.

- Thế thì đã sao? - Bà mẹ vặn lại con gái. - Mà cần phải lấy người nào hiểu biết để làm chỗ dựa. Ông ấy nhiều tuổi ư? Đã làm gì đến bốn chục? Lấy ông ấy mà không bao giờ sợ thiếu thốn tiền bạc. Ông ấy có chỗ làm tốt, lương lại cao. Mỗi ngày những năm lia, bằng cả gia tài của người khác.

- Đúng là chỗ làm tốt thật!

Chính đây là trở ngại lớn nhất! Thoạt nghe, bà Antô đã hiểu ngay con gái định ám chỉ cái gì. Toàn bộ vấn đề là ở chỗ làm của Ngài Kiricô.

Và thế là vào một ngày đẹp trời tháng Năm, người phụ nữ bất hạnh ấy rủ một vài bạn gái dạo chơi đến đó, lên đỉnh quả đồi cao nhất trong vùng.

Ông Lidi Kiricô nhìn thấy đám phụ nữ thấp thoáng bên kia hàng rào sơn trắng của nghĩa trang nằm trên sườn đồi, bèn mời họ vào chơi.

- Thế nào? Mà nghĩ sao, hả? Sao mà lấm hoa thế, chỗ nào cũng hoa, chẳng kém gì ở vườn hoa... - bà Antô bảo cô Maraxtela lúc họ trên đường trở về nhà - mà hoa ở đây không bao giờ héo. Xung quang là đồng ruộng mênh mang. Mà chỉ cần ngó qua cái hàng rào ấy xuống dưới, sẽ nhìn thấy quang cảnh cả làng mình, nghe rõ cả mọi tiếng động dưới đó... Mà có thấy, có để ý căn phòng không? Đúng là tuyệt vời: vôi quét trắng tinh, sạch sẽ, rộng rãi. Buổi tối mà chỉ cần khép cửa lại, cả cửa ra vào lẫn cửa sổ rồi thấp đèn lên, thế là mà cảm thấy ấm cúng ngay. Không thua gì người khác. Mà còn suy tính gì nữa chứ?

Đám láng giềng cũng hùa theo:

- Đúng thế! Đúng như thế! Vội lại cái gì rồi cũng quen đi tất. Chỉ ở đây vài ngày là cô không còn để ý thấy gì nữa hết. Rồi cô xem. Vội lại, cháu ạ, người đã chết không làm hại ai được. Sợ là sợ người sống ấy chứ. Cháu ít tuổi hơn chúng tôi, tất cả chúng tôi rồi sẽ lần lượt đến đây với cháu. Dinh cơ lớn thế này mà cháu được làm chủ tất cả.

Cô gái trẻ vẫn còn đang sục sục thì ông Lidi Kiricô đã bước vào nhà, cắp dưới nách hai hộp to tướng. Trông ông hôm nay khác hẳn mọi khi.

- Lạy Đức bà Maria! - bà Antô kêu lên. - Sao ông vất vả làm vậy?

- Tôi ấy ư? À, đây là... Râu chứ gì... - Ngài Lidi Kiricô lúng búng cặp môi dày và nhợt nhạt.

Hôm nay ông không chỉ cạo râu mà cạo luôn cả nhiều chỗ không có râu. Bộ râu của ông tua tủa và cắm chặt vào da thịt đến nỗi lúc này trông ông như vừa bị tróc da.

- Tôi đây. Tôi bắt anh ấy cạo bộ râu đi. - Bà em gái chú rể vội vã đỡ lời ông anh. Đây là bà Nêla, béo phị nhưng nhanh nhẹn lạ lùng.

Ôm mấy chai rượu vang bọc trong tấm khăn choàng, bà vừa thở hổn hển vừa bước qua ngưỡng cửa. Vạt áo dài lụa màu xanh lá cây sột soạt như tiếng suối chảy và chiếm phần lớn không gian của căn phòng.

Chồng bà gầy khảnh khiu giống như ông Lidi Kiricô, đi theo sau vợ.

- Nhưng tôi làm thế là đúng chứ? - bà Nêla quăng cái khăn ra. - Để cô dâu cho ý kiến xem thế nào? Nhưng cô dâu đâu rồi? Anh Lidi ạ, em đã bảo rồi mà. Cô ấy đang khóc. Mà cô ấy khóc là đúng. Chúng tôi đến chậm quá. Tại anh Lidi đây. Cứ loay hoay, không biết có nên cạo râu đi hay không. Suốt hai tiếng đồng hồ mà chưa quyết định được. Có phải bây giờ trông anh ấy trẻ hẳn ra không nào? Chú rể đến đám cưới ai lại mang theo bộ râu kia chứ?

- Cưới xong, tôi sẽ lại để râu như cũ. - Kiricô ngắt lời cô em gái rồi buồn bã nhìn cô dâu trẻ măng. - Cạo râu đi, tôi cũng không trẻ thêm được tý nào mà lại còn khó coi hơn trước nhiều.

- Anh ngốc lắm! Đàn ông cần đẹp làm gì! - Bà Nêla giận dữ lên giọng răn dạy ông anh. - Và đừng có quên anh đang mặc bộ quần áo mới! Anh sắp làm nhàu nó bây giờ.

Bà vội vã phủi bột bánh rây trên ống tay áo của ông anh, bột bánh rơi từ trong hai chiếc hộp ông Kiricô vẫn đang cặp ở nách.

Đã muộn rồi. Trước hết phải ra Tòa Thị chính để Ngài Thư ký thị chính khỏi phải chờ lâu. Sau đấy ra nhà thờ. Đám cưới phải làm xong trước khi trời tối. Ông Kiricô đòi phải tiến hành đúng như thế, bởi vì ông rất thận trọng trong công vụ. Lúc ngồi ở bàn tiệc, ông cứ nhấp nhồm sốt ruột, đặc biệt tại bà em gái, có thói hễ ăn uống no say là rất thích ba hoa và nô giỡn.

- Nhạc đâu? Sao đám cưới mà lại không có dàn nhạc gì cả thế này? Ta nhảy nào! Cử ai đi mời ông Xidôrô mù mau... Đem đàn lại đây, cả măngđôlin, ghita nữa!

Bà Nele hét dữ dội đến nỗi ông anh phải kéo bà em ra một góc:

- Có im đi không nào, Nela? Cô phải biết là tôi không thích đàn hát nhảy nhót gì hết chứ?

Bà em tròn tròn mắt nhìn ông anh:

- Sao vậy? Tại sao lại thế?

Ông Kiricô cau mày thờ dãi:

- Thì cô cũng phải hiểu chứ. Chị vừa mới mất chưa được một năm...

- Thế ra anh vẫn còn nghĩ đến chị ta kia à? - Bà Nela ngắt lời ông anh với nụ cười mỉa mai trên môi. - Vậy mà anh đã lấy cô vợ khác rồi? Tội nghiệp bà chị dâu Nunxiata!

- Đúng thế, tôi lấy vợ khác. - Ngài Kiricô tái mặt, cúi gằm đáp. - Nhưng tôi không muốn đám cưới lại có cả dàn nhạc, nhảy nhót. Bụng dạ tôi không chịu nổi những cái trò ấy.

Mặt trời sắp lặn, ông đứng dậy sửa soạn ra về và bảo mẹ vợ sắp các thứ để cô dâu đem theo về nhà chồng.

- Bà biết đấy, tôi còn phải kéo chuông buổi cầu kinh chiều, ở trên kia.

Trước khi bước ra khỏi nhà, cô Maraxtela ôm ghì lấy cổ bà mẹ rồi lại khóc nức nở, cô khóc như không bao giờ ngừng lại được. Cô gái tội nghiệp kia rất không muốn một mình theo đi con người lạ lẫm ấy về nhà ông ta.

- Mẹ đưa con đi kia mà, đừng khóc nữa. - bà Antô an ủi con gái. - Đừng khóc nữa, con!

Nhưng rồi chính bà cũng không cầm được nước mắt, và khách khứa cũng khóc theo họ.

Một cuộc tiễn đưa không vui vẻ gì!

Riêng bà Nela, em gái ông Kiricô thì mặt đỏ ửng hơn cả lúc bình thường, không hề xúc động gì hết. Theo bà nói thì bà đã đi dự mười hai đám cưới nhưng chưa hề khóc và cũng chưa hề thấy vui thú gì.

- Con gái chia tay mẹ khóc, mẹ chia tay con gái cũng khóc. Đây là chuyện bình thường. Bây giờ mỗi người ta nốc thêm một ly rượu nữa rồi biến mau khỏi đây cho nhanh, nếu như anh Liđi tôi đang vội.

Họ lên đường. Đám cưới giống như đám tang. Thấy cảnh tượng buồn bã đến như vậy, dân làng đứng hết ra cửa nhìn, hoặc thò đầu ra ngoài cửa sổ, hoặc đứng lại trên đường xem và thở dài: “Tội nghiệp cô dâu”.

Trên đồi, ở trên cái sân nhỏ trước cổng và nghĩa trang mọi người đi tiễn đứng lại, để chia tay với cô dâu Maraxtela khích lệ cô và nói thêm vài lời nhắc nhở. Mặt trời đã lặn. Chân trời đỏ rực, và mặt biển cũng đỏ rực. Từ dưới làng vọng lên tiếng ì ầm như tiếng vọng của sấm rền nơi xa. Những âm thanh náo nhiệt ấy đập vào bức tường trắng tinh và câm lặng của nghĩa trang.

Hồi chuông trong vắt, ngân lên báo buổi cầu kinh chiều do ngài Lidi kéo, như nhắc họ rằng đã đến lúc họ phải trở về làng. Tiếng chuông ngân làm những bức tường của nghĩa trang như càng trắng hơn mọi khi. Cũng có thể do bóng tối bao quanh khiến họ có cảm giác như thế. Trời đã tối. Phải quay về thôi. Mọi người vội vã chào cô dâu và chúc cô hạnh phúc.

Riêng bà mẹ và hai cô bạn thân vẫn đứng không nhúc nhích bên cạnh cô dâu hoang mang. Những đám mây chiều, mới rồi còn đỏ rực, giờ đã chuyển sang màu đen và như được phủ bằng làn khói dày đặc.

- Hay bà với các cô hãy vào nhà đã. - Ngài Kiricô hỏi mấy phụ nữ vẫn còn chần chừ đứng lại bên cạnh cổng.

Nhưng bà Antô ra dấu khẽ với chú rể, ý bảo đừng nói gì và đợi thêm một chút. Maraxtela nước mắt lưng tròng van nài bà mẹ cho cô quay về làng.

- Vì Chúa, mẹ ơi! Vì đức Chúa lòng lành mẹ ơi! - cô lạy van.

Cô không gào thét mà nói rất khẽ, giọng run rẩy, khiến tim bà mẹ như vỡ tung. Tất nhiên rồi, con gái bà hoảng sợ nhìn những cây thập tự kia và cả bóng đêm đang len lỏi giữa những ngôi mộ.

Ông Lidi Kiricô vào châm ngọn đèn trong căn phòng nhỏ bên trái cổng. Ông soát lại mọi thứ xem có đâu vào đấy không, rồi đứng dừng lại lúng túng. Nên vào nhà hay đợi bà mẹ vợ khuyen được con gái để cô chịu vào.

Kiricô rất hiểu và rất thương hại cô. Ông thừa biết rằng một người đàn ông nhiều tuổi và hình dạng xấu xí như ngài làm sao có thể khiến cho một cô gái trẻ yêu mến và tin cậy được. Và chính bản thân ông cũng thấy trong lòng trào lên một nỗi buồn.

Tối hôm qua ông đã quỳ xuống trước một ngôi mộ khiêm nhường có cây thánh giá nhỏ cũng nằm trong nghĩa trang này. Và giống như một đứa trẻ con, ông đã khóc thôn thức, chia tay cùng người vợ trước. Từ đây, ông không có quyền nghĩ đến bà nữa. Ông sắp phải đóng vai cả chồng lẫn cha

cho cô gái trẻ sẽ về sẽ về sống với mình. Nhưng bận bịu về người vợ trẻ đến đâu, ông cũng không có quyền coi nhẹ bổn phận mà đã bao nhiêu năm nay ông nhận được trước những người nằm kia, dù quen hay lạ, những người đang nằm thanh thản bên trong cái hàng rào này. Đêm qua ông đã long trọng thề với tất cả những cây thánh giá kia như vậy, lúc ông đi dạo quanh nghĩa trang.

Cuối cùng Maraxtela đành vâng lời mẹ, đi vào nhà. Bà Antô vội khép cánh cửa lại, như để con gái khỏi hoảng sợ khi nhìn ra bên ngoài. Mà đúng thế. Nhìn thấy những đồ đạc quen thuộc cô gái dần dần trấn tĩnh trở lại.

- Con cởi khăn quàng ra. - bà Antô bảo con gái. - Mà thôi, để mẹ cởi cho. Bây giờ thì con đã ở nhà của con rồi...

- Và cô ấy là chủ thực sự của cái nhà này. - ông Kiricô rụt rè nói, môi nở một nụ cười buồn bã và triu mến.

- Con nghe thấy chồng con vừa nói gì không? - bà mẹ của Maraxtela bắt luôn câu nói kia như để khuyến khích chàng rể tiếp tục nói thêm nữa.

- Đúng thế! Cô sẽ là chủ của tôi và của tất cả mọi thứ ở đây. - Ông Kiricô nói tiếp. - Cô hãy nhớ cho kỹ điều ấy. Cô sẽ sống cùng với người yên mến cô; chăm sóc cô như mẹ cô ở nhà chăm sóc cô vậy. Và cô đừng sợ hãi gì hết.

- Đã đành rồi. Ở đây có cái gì mà sợ nào? - bà Antô khẳng định thêm. - Với lại còn bé bỏng nữa đâu! Có gì đáng sợ kia chứ? Và lại thì giờ đâu, bao nhiêu công việc con phải làm... Đúng không nào?

Maraxtela chốc chốc lại gật đầu. Nhưng khi bà mẹ và hai cô bạn thân sửa soạn ra về thì Maraxtela lại òa lên khóc nức nở, ôm chầm lấy mẹ, ôm chặt cổ bà như nhất định không chịu buông. Bà mẹ nhẹ nhàng nhưng kiên quyết gỡ tay con ra, lần cuối cùng nhắc con phải tin cậy vào chồng và giao phó cuộc đời cho Chúa. Xong rồi, bà cùng hai cô gái bạn của con bước ra. Hai cô cũng lau nước mắt.

Maraxtela đứng sững như pho tượng bên cạnh cửa, nơi bà mẹ khi đi ra đã không khép chặt. Cô ôm hai tay lên mặt, cố đè xuống những tiếng nấc cứ chọt bùng lên. Trong khi đó, một làn gió nhẹ đẩy cánh cửa mở toang.

Lúc đầu do hai bàn tay che kín mặt, cô không nhìn thấy. Bỗng nhiên, cô chợt linh cảm, không biết do đâu, một nỗi trống rỗng dễ chịu giống như cô thường thấy trong giấc mơ: tiếng đé kêu từ xa vẳng tới, mùi hoa thơm ngát tỏa vào phòng. Cô buông hai bàn tay ra và nhìn thấy bên ngoài nghĩa trang ánh trăng đang tỏa sáng. Ánh trăng như quyện vào mặt đất khiến mọi vật đều nổi lên, bất động và rõ ràng.

Ông Lidi Kiricô bước vào định đóng cửa lại. Bỗng nhiên Maraxtela hoảng sợ run lên bần bật, nép vội vào một góc, hét toáng lên:

- Đứng, em van ông! Đứng đừng đụng vào người em!

Sửng sốt trước tiếng hét đầy vẻ ghê tởm, ông Kiricô đứng sững lại.

- Tôi đã đụng vào người em đâu nào? - ông lẩm bẩm. - Tôi chỉ định ra đóng cửa.

- Đứng! Đứng! - Maraxtela vội vã nói rất nhanh, cố tránh cho xa khỏi chồng. - Cứ để mở cũng được. Em không sợ nữa đâu.

- Thế bây giờ chúng ta làm gì?... - ông Kiricô lắp bắp cảm thấy hai tay rã rời.

Đột nhiên không khí vắng lặng hẳn đi. Từ rất xa vẳng đến tiếng hát vui vẻ của một bác nông dân nào trên đường về nhà dưới ánh trăng. Từ dưới chân đồi đưa đến mùi cỏ khô mới cắt hăng hắc, đêm khuya càng hắc hơn.

- Nếu em cho phép tôi đi ngang qua em, tôi sẽ ra đóng cánh cửa ngoài kia lại. Hình như cổng vẫn còn để mở. - ông Kiricô nói giọng buồn bã và nhịn nhục.

Maraxtela vẫn đứng nép ở góc phòng, bất động. Ông Lidi từ từ bước ra phía cổng. Đóng xong, ông sắp quay vào bỗng nhìn thấy cô gái chạy như bay ra.

- Bố em nằm ở đâu? Ông chỉ cho em đi! Mộ bố em ở chỗ nào?

- Được thôi. Em làm thế là đúng. Tôi sẽ dẫn em ra đây. - Kiricô đáp giọng khàn đặc lại. - Tối nào trước khi đi ngủ tôi cũng đi một vòng khắp các ngôi mộ. Nhiệm vụ của tôi mà. Riêng hôm nay tôi đã định bỏ một buổi vì em. Nào ta đi. Không cần mang theo đèn làm gì. Trăng sáng lắm!

Họ bước trên những lối đi trải sỏi, giữa những bụi cây đầy hoa.

Dưới ánh trăng, những ngôi mộ nhà giàu trắng toát. Những cây thánh giá bằng sắt của những ngôi mộ nhà nghèo đen đũi, khiến người ta có cảm giác như những cây thánh giá ấy nằm ngang trên mặt đất.

Tiếng dế từ dưới chân đôi vọng lên nghe càng rõ, và tiếng sóng biển vọng lại cũng vậy.

- Đây rồi, - Kiricô nói, trở ngôi mộ khiêm nhường và thấp trên có phiến đá khắc câu chuyện không may đã làm mấy người thiệt mạng. - Dưới này chôn cả cậu Xpácti, - ông Kiricô nói thêm, khi nhìn thấy Maraxtela quỳ xuống trước ngôi mộ. - Em ngồi khóc một lát, tôi phải đi tiếp đến đằng kia nữa.

Mặt trăng thản nhiên rọi sáng xuống nghĩa trang nhỏ bé. Và chỉ mỗi vầng trăng nhìn thấy trong cái đêm tháng Năm tuyệt diệu này hai bóng đen trên nền sỏi vàng bên cạnh hai ngôi mộ.

Ông Kiricô, cúi xuống ngôi mộ người vợ thứ nhất, khóc thổn thức:

- Nunxia, Nunxia, em có nghe thấy tiếng anh gọi không?!

THÔI CŨNG ĐƯỢC!

Chương 1 **BẢN LÝ LỊCH**

(Cho đến ngày 5 tháng 3 năm 1904)

Tại thị trấn Xorientô, cậu Côdomô Antônio Coocvara Amidêi ra đời trong đêm 12 rạng 13 tháng hai năm 1861, bố là Coocvara Phransexô Aorêliô, mẹ là Florida Amidêi. Ngay khi mới ra đời, cậu đã bị người ta đón tiếp một cách cực kỳ phũ phàng. Cậu bị phát mạnh vào giữa rốn. Bà đỡ túm hai chân cậu nhấc lên, và cậu bị treo ngược, đầu lủng lẳng ở dưới trong vòng mấy phút đồng hồ liền. Cậu suýt bị chết ngạt trong bụng mẹ do những cơn đau quặn của bà và khi ra ngoài cõi đời, cậu không hề thốt lên một tiếng nào.

Người ta cứ đợi cậu oe lên một tiếng mà không thấy.

Bởi vì ai ra chào đời chẳng phải hét lên.

Từ ngày 13 tháng Hai năm 1861 đến ngày 15 tháng Ba năm 1862, người ta phải thay năm người vú để nuôi cậu. Người vú thứ nhất và cả người vú thứ hai đều bị đuổi chỉ vì cả hai đều không có sữa. Người vú thứ ba bị đuổi vì một buổi sáng, khi tắm cho cậu, bà ta quên không pha thêm nước nguội vào chậu, nên đã nhúng thẳng bé vào nước nóng bỏng. Bị bỏng độ hai. Cậu ta đã tưởng chết nhưng Chúa trời lòng lành lại không chịu. Thay vì cậu bé, Chúa đã tiếp nhận linh hồn của bà mẹ cậu. Người vú thứ tư đứng ba lần, không hơn không kém, đánh ngã cậu từ trên giường xuống. Và một lần, chỉ đúng một lần thôi, đang bế cậu bà ta trượt chân và cả hai lẫn lông lóc trên cầu thang. Vài thương tật không đáng kể, trong số đáng kể nhất chỉ có chiếc mũi bị giập.

Năm lên chín tuổi, sau bao nhiêu trận ốm và đủ thứ bệnh khởi đầu từ lúc sơ sinh, giống như sau bao nhiêu bậc thang, cậu được sự trợ giúp của ông bác sĩ một bên, ông dược sĩ một bên, đã leo lên được đến tuổi thiếu niên. Năm lên chín, tràn đầy lòng thành kính trong tim, Côdomô Antôniô Coocvara Amidêi bước vào Trường dòng.

Trước khi nhập học, theo đúng văn bản của một trong bảy điều răn chính yếu của người tu hành, cậu cởi bộ áo quần mới may rất diện mà bố cậu đem từ thành phố Nêôpôn về cho con trai, mặc vào cho thằng bé nhà nghèo chuyên môn trần truồng ngoài bãi biển, rồi trở về nhà trên người không có quần áo gì, chỉ đội mỗi chiếc mũ vải không có lưỡi trai. Để thưởng công cho thằng con trai, ông bố cậu đã tặng cậu những tính từ rất đặc sắc: ngu đần như con lừa, dở hơi, mất trí và sau đó ông đã vuốt ve đôi tai của cậu đến mức đáng ngạc nhiên là sao hai cái tai ấy không bị đứt và rơi ra.

Trong Trường dòng cậu Côdomô Antôniô Coocvara Amidêi vô cùng chăm chỉ học các môn kiến thức và đặc biệt cần cù học môn “nghĩ thức” tức là môn khoa học về cách tiến hành các nghi thức trong cúng lễ ở nhà thờ. Cậu lao vào học dữ tợn đến mức bệnh lao đe dọa dính vào cậu. Nhưng đúng lúc ấy thì đột nhiên, bấy giờ là sau khi cậu đã tiến hành lễ Tự hiến dâng linh hồn, cậu bỗng bắt gặp được một ý trong bản luận văn “Bàn về lòng khoan dung”:

“Si quis dixerit gratian perseverantiae non esse gratis datam, anathema sit”^[10].

Bởi chúng, theo lý luận thần học của đạo Thiên chúa, thì con người ta phải biết chịu đựng, nếu như Chúa trời tha thứ cho kẻ mà Người muốn cứu giúp mặc dù hẳn chẳng xứng đáng chút nào.

“Deus Libere movet”^[11] - Thánh Phôma đã dạy như thế.

Cậu Cômô Antônô Cocvara Amidêi trong suốt mấy tuần lễ đã suy nghĩ rất thấu đáo về điều này. Và kết quả là một đêm, người ta phát hiện ra rằng, cậu chỉ mặc mỗi chiếc áo lót, tay cầm cây nến, mặt đỏ bừng, hai mắt long lên sòng sọc, đi đi lại lại trong phòng ngủ cố tìm chìa khóa.

Chìa khóa gì?

Chìa khóa để mở lòng nhân nhục.

Đầu óc của cậu có dần được lý trí. Rất may là ngay khi đó cậu bị chứng viêm màng não. Cậu thôi học trường dòng. Một tháng trời cậu đứng giữa cái sống và cái chết.

Đến khi bệnh bắt đầu thuyên giảm thì cậu nhận ra rằng cậu đã mất long Tin. Hình như cùng với lòng Tin, cậu còn mất luôn cả nhiều thứ khác: mất bộ tóc chẳng hạn, rồi mất giọng nói, mất khả năng nhìn, thật ra không đến nỗi mất hoàn toàn. Cậu không còn nhớ bất kỳ thứ gì nữa. Suốt gần một năm trời cậu ngồi đờ đẫn như kẻ vừa bị ai phang cho một búa xuống giữa đỉnh đầu, vẫn còn choáng váng. Người ta rỏ nước lạnh xuống lưng cậu dần dần làm cậu tỉnh lại. Nhờ đấy mà đến năm hai mươi hai tuổi, cậu đã có thể dự kỳ thi trung học và được lĩnh tấm bằng tốt nghiệp. Sau đó, đầu hói không còn một sợi tóc, mắt thông manh hầu như không nhìn thấy gì, cậu ra thành phố Nêapôn để xin vào trường Đại học, mong tốt nghiệp khóa học và lãnh tấm bằng tiến sĩ triết học và ngữ văn.

Tháng Mười năm 1887, sau khi dự kỳ thi tuyển, cậu đỗ chức Giám thị chính thức của trường Sơ học thị trấn Xátxari. Học trò thì bây giờ chẳng tinh nghịch. Thầy thì đã hình dung cổ quái lại mắt không nhìn thấy gì. Và thế là bắt đầu một cuộc sống quá vui vẻ. Đến mức cuối cùng ông Hiệu trưởng trường Sơ học phải suốt ngày khiển trách cấp dưới không quản lý nổi trật tự trong trường. Thậm chí ở ngoài đường phố của thị trấn Xátxari, thầy giám thị Cômô Antônô Cocvara Amidêi cũng không thể đi nổi với đám học trò ma quỷ. May nhờ có người bạn đồng nghiệp là Đônphô Đônphi, giáo viên dạy khoa học tự nhiên, thầy Cômô Antônô Cocvara Amidêi mới đi được. Người bạn đồng nghiệp kia nhận bảo trợ cậu cả trong

trường cũng như ngoài phố, và sau đây còn nhận hơn thế nữa: tình nguyện đến ở chung nhà với cậu (tháng Mười một năm 1888).

Đônphô Đônphi vào nghề sư phạm khá muộn, không hề có bằng cấp gì trong tay cũng không dự kỳ thi nào, mà nhờ sự bảo trợ của một vị dân biểu có thần thế. Trước đó ông làm chân nghiên cứu về Phi châu, rồi làm chân viết báo khá lâu ở Thành phố cảng Giêơn, đã khoảng một chục lần vướng vào các vụ ẩu đả, từng bị người ta đánh và cũng từng đánh người ta, đánh người ta nhiều hơn là bị người ta đánh. Ông là người có quan điểm tự do, và đang nuôi một đứa con gái ngoài giá thú, mà ông đặt cho một cái tên khá diêm dúa: Xatanina^[12]

Tưởng có được người bảo trợ giỏi giang như vậy, Côdomô Antôniô Coocvara Amidêi hẳn phải được sống yên ổn và thoải mái! Ai ngờ không phải như thế. Vị bảo trợ kia không để cậu được yên ổn lấy một phút. Ông ta bắt cậu nghe đủ thứ chuyện về những cuộc đấu súng các kiểu của ông ta. Ông ta còn chia sẻ với cậu các chiến công có thật và tưởng tượng của ông. Và sau hết, còn bắt cậu phải thảo luận với ông về các vấn đề triết học và tôn giáo nữa. Tóm lại đây là một kẻ đã ngu dốt lại huênh hoang, lúc nào cũng ưỡn ngực lên. (*Chú thích.* Ngay từ khi lọt lòng, da mặt ông Đônphô Đônphi đã phủ đầy mụn nhỏ, và ngày nay mỗi khi nói chuyện với ai, ông đều cầu những cái mụn nhỏ ấy, trong khi hai chân thì xạng ra). Côdomô Antôniô Coocvara mỗi ngày một thu nhỏ thêm trong khi sự dối trá của ông kia thì cứ trắng trợn thêm. Cậu liên tiếp đồng ý, không hề cãi một lời. Mà làm sao dám cãi với ông ấy kia chứ? Bởi vì muốn nói gì thì nói, cậu cũng đang núp dưới sự che chở mạnh mẽ của ông ấy kia mà? Bọn học sinh trung học và đám trẻ con ngoài phố biết rằng, xảy chuyện gì sẽ có ông Đônphô can thiệp, nên chúng sợ không dám trêu chọc cậu. Nhưng đồng thời cậu cũng không còn làm chủ được bản thân, thời gian của mình và đồng lương nhà giáo ba cọc ba đồng mà cậu lĩnh ở trường tiểu học. Mỗi khi cần một thứ vật vãnh nào quá, cậu buộc phải vay cô Xatanina, và cô gái tuy mới mười lăm tuổi nhưng đã ra dáng bà mẹ, vừa đưa cậu tiền vừa mắng mỏ cậu y hệt như một bà mẹ thật, chỉ cốt để cậu khỏi lộ chuyện ra với ông bố. Bởi vì nếu biết chuyện này, ông ta cũng lại đòi phần của mình để tiêu vào những trò tiêu

khiển vụn vạt thoáng qua. Và như thế rồi sẽ ra sao, xin hỏi? Sẽ dẫn họ đến tình trạng như thế nào?

Cô bé Xatanina đáng quý giá, cô tốt bụng đến mức cậu Côdomô Antônio Coocvara Amidei sẵn sàng gọi cô bằng cái tên ngắn gọn và duyên dáng Nina, hoặc nghe êm tai hơn nữa, Ninétta. Khốn nhưng ông Đônphô Đônphi không bằng lòng.

- Sao lại gọi nó là Nina? Rồi lại còn Ninetta nữa! Nó là con quý, phải gọi đúng tên nó, Xatanina, hoặc đúng hơn là Xatan^[13] mới thật đúng:

Ta chào mi, hỡi quý Xatăng.

Kẻ chuyên cảm dỗ

Tên hung thần của sự hằn thù

Những khối óc bừng binh.

Cứ thế ba năm liền đã trôi qua.

Mọi người đều hỏi giáo sư Coocvara Amidei, làm sao ông có thể hợp được với con người hung tợn như giông bão là thầy giáo tiểu học Đônphô Đônphi kai được? Cậu chỉ co mình lại, đưa hai bàn tay lên trời rồi nhắm hai mắt lại, miệng nở một nụ cười tội nghiệp, bởi vì dù ngóc đến đâu, cậu cũng hiểu được rằng người ta đưa ra câu hỏi ấy nhằm buộc cậu phải nhận ra được sự khờ dại của mình.

Mà... bản thân cậu Côdomô Coocvara Amidei nói chung cũng sẵn sàng thừa nhận mình dại khờ, mặc dù cậu chưa hoàn toàn tin là như thế, bởi vì nếu suy nghĩ chín chắn một chút sẽ thấy rằng rất có thể bản thân cuộc sống còn khờ dại hơn cậu. Đúng thế đấy. Mà đã như thế thì đáng gì phải thận trọng, hoặc phải làm ra vẻ như mình luôn luôn giữ thế, một khi gần như cuộc sống cứ nhằn nại liên tiếp chỉ ra cho ta thấy rằng nó vô cùng kiên trì. Nó đã tính sẽ giáng một đòn lên đầu cậu và chỉ cần cậu vô ý một chút là nó

phang luôn. Cho nên tốt hơn hết là cứ để mặc, ý nói cuộc sống, cứ để mặc cho nó trôi chảy, bởi vì rất có thể nó đang hướng tới một mục tiêu nào đó mà chúng ta không biết, còn nếu như không có mục tiêu nào hết thì lại đâm không còn gì nữa, điều này thì quý vị hãy tin chắc là đúng như thế.

Cái sự không còn gì, cái kết thúc kia cuối cùng vẫn cứ xảy ra một lần và đột ngột. Không phải cho cậu, thật đáng tiếc, mà là cho ông giáo Đônphô Đônphi. Một đòn xuất huyết não, giống như một đòn sét đánh, quật ngã ông giữa giờ lên lớp (ngày 16 tháng Ba năm 1891).

Cậu Côdomô Antôniô Coocvara Amidêi choáng váng. Cậu không thể ngờ lại như thế được! Cậu cảm thấy như thể ngôi nhà bỗng nhiên hoang vắng, hoang vắng một cách kỳ dị. Chắc bởi vì mỗi đồ đạc ở đây đều không thấm một chút hồn nào của cậu. Trái lại chúng mỗi thứ một nơi, như thể đang co rúm lại chờ đợi kẻ đã không bao giờ trở lại nữa.

Xatanina khóc không ngớt. Thời gian đầu cậu lo nghĩ đến chuyện an ủi cô bé, vì cậu hiểu rằng có nói gì cũng chẳng đưa lại kết quả. Nhưng đột nhiên ông Hiệu trưởng trường Trung học và các thầy giáo đồng nghiệp hỏi cậu xem cậu định xử sự thế nào với đứa trẻ mồ côi kia, bởi vì cô bé không có tài sản gì, coi như bị quẳng ra ngoài đường: không có quyền hưởng lương hưu của bố, không có ai là họ hàng thân thích. Giáo sư Coocvara Amidêi vội đáp rằng, tất nhiên cô bé sẽ ở lại với cậu, việc rõ ràng quá đi rồi. Cậu sẽ làm thay vai trò của ông bố cô. Nhưng nghe thấy thế, cả thầy Hiệu trưởng, cả các nhà giáo đồng nghiệp đều nhún vai, cúi đầu xuống, thờ dãi. Sao vậy? Họ không tán thành ư? Họ cho cách giải quyết như thế là không đúng ư? Giáo sư Amidêi hết sức bối rối. Cậu kể lại chuyện ấy với cô bé Xatanina và cậu vô cùng ngạc nhiên thấy cô cũng bảo rằng giải quyết như thế không được, rằng cô không thể ở lại đây với cậu, rằng tốt nhất là cô nên đi hẳn khỏi đây, càng sớm càng tốt, mà không, tốt nhất là ngay bây giờ cô sửa soạn hành trang và ra đi.

- Nhưng đi đâu?

- Đi thật xa.

- Tại sao lại phải như thế?

Tại sao ư? Mãi sau này các thầy giáo bè bạn mới giảng giải được cho cậu hiểu. Giáo sư Coocvara Amidêi đã trên ba chục tuổi một chút, đúng không nào? Mà cô Xatanina thì rõ ràng đã mười tám. Có nghĩa cậu chưa đủ già để làm cha cô và cô cũng không còn đủ bé bỏng để làm con gái cậu. Bây giờ thì cậu hiểu rồi chứ? Nhưng giáo sư Coocvara Amidêi thoát đầu nhìn xuống mũi giày của mình, sau nhìn lên những đầu ngón tay, cổ nuốt nước mắt. Phải chăng các bạn đồng nghiệp ý muốn nói rằng đáng lẽ cậu phải cưới Xatanina? Ý nghĩ ấy vừa thoáng qua trong óc khiến cậu suýt ngất xỉu, sau đấy cậu mỉm cười chua chát. Thôi đi, họ nói đùa vậy thôi. Cậu cảm thấy hình như cần phải nói thêm với Xatanina: cần thuyết phục để nàng hiểu rằng nàng sắp làm một chuyện điên rồ, một sự điên rồ lớn lao, nếu đúng như lời nàng nói, là sẽ đi đâu xa lắc. Cậu nói. Và Xatanina đáp lại một cách bóng gió, dường như nàng chỉ có thể ở lại đây với một điều kiện, đúng thế thừa quý vị, với điều kiện nàng trở thành vợ của cậu.

Côdomô Antônio Coocvara Amidêi sợ không khéo mình phát điên lên mất, hoặc giả chỉ là do mọi người đều bàn tính với nhau nhằm chơi sỏ cậu. Chàng không thể tưởng tượng được một cô gái trẻ trung như vậy lại thực sự cảm thấy cần phải làm vợ cậu! Nếu không, việc chung sống với cậu dưới một mái nhà sẽ gây tai tiếng. Mà biết đâu cô cũng cảm thấy cái sự cần thiết kia thật hài hước, thậm chí nếu nói thẳng ra là đáng tởm nữa? Chàng bước đến trước gương soi và cảm thấy mặt mình càng xấu xí hơn so với sự thật: nước da vàng vọt do ăn uống thiếu thốn, người gầy guộc, tóc rụng gần hết, mắt hấp háy. Cậu nghĩ đến Xatanina, trẻ trung, tươi tắn, rạng rỡ và cậu cảm thấy chóng cả mặt. Nàng mà làm vợ cậu ư? Chẳng lẽ như thế như vậy được sao? Cậu bước đến gần cô, lấp bắp hỏi lại lần nữa, xem cậu hiểu cô như thế đã thật đúng chưa? Và Xatanina, đúng như thế đấy thừa quý vị, cô không hề ngưng ngưng, đáp ngay rằng chính là như vậy. Cô còn nói rằng, nếu như cậu bằng lòng lấy cô làm vợ, cô sẽ biết ơn cậu cho đến khi chết.

Nghe đến đấy, Côdomô Antônio Coocvara Amidêi cảm động quá, khóc thút thít như một đứa trẻ con, đưa bàn tay lên đề nghị cô hãy vì tất cả những gì thiêng liêng nhất, thôi đừng nói nữa! Cô mà lại phải biết ơn cậu ư? Nghĩa

là số phận đã ban cho cậu một hạnh phúc quá lớn? Trong suốt những ngày tiếp theo, giáo sư Coocvara Amidêi không đủ sức thốt lên một lời nào nữa.

Hôn lễ cần phải tiến hành vội vã, bởi lẽ, một là cô dâu và chú rể đã chung sống dưới một mái nhà, hai là ông Hiệu trưởng trường trung học rất mong việc lấy vợ sẽ giúp cho thầy giáo Coocvara Amidêi thoát ra khỏi tình trạng u mê trí óc mà thời gian gần đây cậu bị rơi vào. Nhưng niềm hy vọng của ông hiệu trưởng đã không trở thành sự thật. Sau đám cưới, thật ra là sau khi làm thủ tục kết hôn (ngày 14 tháng Ba năm 1892), do những sự việc trong quá khứ, giáo sư Coocvara Amidêi không dám làm phép cưới ở Nhà thờ, tật trí óc mù mẫm của cậu lại tăng thêm chứ không giảm.

Cái điều mà bao nhiêu năm bất hạnh không tạo dựng được thì niềm vui lại hoàn tất rất nhanh. Do đắm mình trong hạnh phúc cậu Côdomô Antônio Coocvara Amidêi vứt bỏ mất môn ngữ pháp Latinh, quên sạch mọi thứ và trở nên hoàn toàn lãnh đạm với mọi việc. Cậu chỉ nhìn thấy mỗi cô Xatanina, chỉ nghĩ đến mình Xatanina, mơ màng mỗi nàng, Xatanina. Cậu quên cả ăn nếu như đích thân cô Xatanina không ép cậu ăn. Cậu chỉ cần cô một thứ, là nhìn thấy cô trước mặt, nghe thấy cô cười khanh khách lúc ngón ngấu hết món ăn này đến món khác. Thậm chí, cậu sẵn sàng đem tấm thân gầy gò thết cô nếu như cô muốn nhai nó.

Trong khi đó thì lại không còn ông Đônphô Đônphi để ngăn chặn bọn học trò và trẻ con ngoài phố, khiến bây giờ chúng tha hồ hoành hành. Cả trong trường lẫn ngoài phố, bọn chúng hành hạ cậu đến mức chỉ còn cách gọi cảnh sát túc trực gần bên cậu. Ông Hiệu trưởng suốt ngày gằm thét. Ông tiến hành cả những hình phạt mà cương vị của ông không được làm, nhưng vẫn chẳng đem lại kết quả gì. Thầy giáo Coocvara Amidêi nhìn ông ta, miệng mỉm cười, coi như tất cả những chuyện đó không hề liên quan gì đến cậu. Cô Xatanina rất cuộc đành phải ngồi viết lá thư gửi cho ông nghị sĩ, người bạn thân thiết và vị thần hộ mệnh cho cha cô trước kia, van nài ông sử dụng toàn bộ uy tín đang mỗi ngày mỗi tăng của ông để giải thoát ngay cho giáo sư Coocvara khỏi công việc dạy học và kiếm cho cậu một công việc gì yên tĩnh hơn, tại một thư viện nào đó hoặc trong cơ quan của Bộ giáo dục.

Kết quả là sau hai tháng, Cômô Antônô Coocvara Amidêi dọn đến Rôma để trình diện ở cơ quan Bộ giáo dục theo như kế hoạch. Điều này làm học sinh, vốn rất yêu mến cậu, vô cùng buồn bã, và làm cho ông Hiệu trưởng nhẹ cả người, Xatanina đang có thai và chuyến đò biển này đối với cô quá vất vả. Nhưng chỉ cần đặt chân lên bến Sivitavêkia, mọi khổ não tan biến sạch, bởi vì cô hết sức vui sướng được trở về đất liền, được sắp sửa đến thành phố Rôma, chẳng còn mấy đường đất nữa.

Ôi, thật không ngờ, máu lại sôi lên trong huyết quản cô, dòng máu cô tiếp nhận của ông bố, vốn là người ham thích giang hồ.

Ở Bộ, giáo sư Coocvara Amidêi được phân về một phòng cùng với đám nhân viên văn thư. Cậu làm chân sửa bài. Nhưng cậu không sửa cái gì hết. Những nhân viên thẩm hại này đều đầu óc nông cạn và chỉ làm được mỗi một việc là nện gót giày. Họ đánh hơi thấy ngay con người mới về kia là loại nào. Giá như cậu là một tên móc túi sành sỏi và nổi tiếng gian ngoan thì họ vi nể ngay. Đằng này việc gì phải kính sợ một con người chẳng có gì đặc biệt, thậm chí còn khờ khạo và còi cọc đến như thế? Với lại, cứ nguyên không bị họ trêu chọc gì cũng đã là may mắn rồi. Thỉnh thoảng, vào những lúc rỗi rãi, chẳng có công vụ gì, cũng chẳng có giấy tờ gì phải sao chép, họ có thể đùa cợt cậu một chút, gọi là để giết thời giờ. Thêm nữa, mỗi khi bọn họ phạm một lỗi sai sót gì trong việc sao chép giấy tờ, trách nhiệm đều do thầy giáo Coocvara Amidêi hứng chịu.

- Tôi van các ông, hãy để tôi xem lại những bản viết của các ông. Các ông hãy thận trọng cho! Tôi chỉ dám van xin các ông, các ông làm ơn cho tôi nhờ. Từ “lý trí” viết “tr” chứ không phải “ch” đâu.

- Ôi, thưa giáo sư, về chuyện lý trí thì có lẽ ông có thừa đấy.

- Thôi cũng được! - Giáo sư Coocvara Amidêi thở dài, khẽ nhún vai, vươn cổ lên và hạ hàng mi trên xuống đằng sau cặp kính cận hai lớp, dày như chôn chai.

Đám nhân viên sao chép giấy tờ mỗi khi nghe thế cậu thốt lên ba tiếng “*Thôi cũng được!*”! đều cười khúc khích. Sao lại như thế nhỉ? Giáo sư

Coocvara Amidêi không chú ý đến tiếng cười của họ. Và hể tiện mồm cậu lại thốt lên “Thôi cũng được!”, nhiều khi chẳng ăn nhập gì vào hoàn cảnh. Và từ đây đám nhân viên đặt biệt danh cho cậu là *Giáo sư Thôi cũng được*.

Khi biết biệt danh mọi người đặt cho mình, cậu nhăn mặt, nhún vai rồi mỉm cười, vươn dài cái cổ ra, hạ hàng mi trên xuống và suýt nữa buột miệng thốt lên... À phải rồi... nghĩa là như vậy là đúng, tất nhiên rồi: cậu đã quen với thái độ nhẫn nhục từ bao giờ, sẵn sàng chấp thuận mọi đòn đánh của số phận hẩm hiu, nhưng bây giờ thì cậu được đền bù lại tất cả những gì cậu đã phải chịu, đền bù lại tất cả những gì cậu đã phải chịu, đền bù lại cả những gì mà rất có thể trong tương lai cậu sẽ còn phải chịu. Cho nên bây giờ cậu coi thường mọi thứ. Nếu thích, họ cứ việc nhạo báng cậu, tất cả mọi nhân viên sao chép trên thế giới này! Họ muốn gọi cậu là gì cũng được, thẳng cha *Thôi cũng được*, *Thôi cũng xong* hay gì gì nữa. Bây giờ cậu đã có nàng Xatanina, cậu bất chấp mọi thứ. Ngồi trong văn phòng Bộ, toàn bộ trí óc cậu hướng về nàng, cậu như nhìn thấy rõ nàng đang đi lại trong những căn phòng tại ngôi nhà đơn sơ trên đường phố Thánh Nicô lô đa Tôlentinô, nơi cậu thuê một căn hộ nhỏ.

Ngày 15 tháng Tám năm 1893, Xatanina sinh thằng con trai đặt tên của ông ngoại là Đônphinô. Giữa những niềm vui náo nhiệt thời gian đó, nảy sinh một phiền toái nhỏ: Xatanina không muốn tự cho con bú. đành gửi thằng bé cho vú nuôi ở tận xóm Xabiua xa lắc. Nhưng cũng không sao! Cậu sẽ cai thuốc lá, cà phê và bỏ đi một vài thói quen khác để lấy tiền trả công cho bà vú.

Khi người nghệ sĩ xiếc đứng giữa đám công chúng đang nín thở và trầm trồ theo dõi, bắt anh hề xanh xao, gầy còm *làm việc* thì ông ta gào lên thế nào? “Thưa quý vị khán giả, sắp tới quý vị sẽ được thưởng thức một tiết mục tuyệt diệu! Xin các quý vị nhìn xem, một tiết mục nguy hiểm chết người đã bắt đầu!”.

Ngay từ khi mới lọt lòng, Coocvara Amidêi đã bị nhà nghệ sĩ xiếc tức là số phận hẩm hiu buộc phải làm việc, giống như anh hề thảm hại kia! Nhưng số phận vẫn chưa đẩy cậu đến tiết mục gay go nhất, trong khi cái ngày 20 tháng Ba năm 1894 kia chưa tới.

Cặp dưới nách gói bánh ngọt, thứ bánh Mêranh mà Xatanina rất thích, giáo sư Coocvara Amidêi trên đường trở về nhà, hôm ấy cũng giống như thường lệ, vào 18 giờ rưỡi. Cậu leo lên cầu thang dài dằng dặc tưởng như không bao giờ hết, lấy chìa khóa ra, sờ soạng tìm ổ khóa, nhét chìa vào, quay một vòng, mở cửa bước vào. Không thấy Xatanina. Nàng đi đâu nhỉ? Nàng không bao giờ đi đâu khỏi nhà vào giờ này. Đúng có chuyện gì rồi. Trên bàn chưa thấy dọn cơm nước gì cả. Dưới bếp cũng lạnh tanh. Trong nhà thì mọi thứ vẫn y nguyên, theo đúng trật tự lúc mười hai giờ trưa tức là lúc cô phục vụ ra về - hai vợ chồng thuê một chị phục vụ làm nửa ngày, quét dọn nhà cửa và đi chợ. Nhưng chuyện gì có thể xảy ra được? Hay bà vú nuôi thằng Đônphinô gọi đến có việc gì gấp? Và nàng do vội vã đã để mặc mọi thứ đi ngay, không kịp ghé qua Bộ báo cho chồng biết? Cậu xuống thang gác, xuống mãi xuống mãi đến tận tầng cuối cùng hỏi bác gác cổng xem có biết gì không? Rồi cậu lại ghé vào quầy bán tạp hóa gần nhà hỏi ông bà chủ quầy, hỏi chị hầu phòng của những căn nhà đầy đủ tiện nghi cạnh đấy, nhưng không ai biết gì hết. Cậu đành quay về nhà, trong lòng rối bời. Ba căn phòng nhỏ vắng lặng như thể chúng cùng với đồ đạc trong đó cũng đang nín thinh chờ đợi ai đến khuấy động, để chúng lại tiếp tục cuộc sống theo như trình tự mọi ngày. Ngồi nhà một lúc không chịu nổi, cậu ra đường, đi tìm vợ. Lúc đầu cậu loay hoay không biết tìm ở đâu, theo hướng nào. Sau đấy cậu bèn rẽ vào bưu điện, đánh bức điện khẩn trả cả tiền hồi âm cho bà vú nuôi thằng Đônphinô. Rồi cậu lại đi mà không biết mình đang đi đâu. Tai cậu ù ù như có cái cối xay gió đang quay bên trong. Đến khi tính toán thấy sắp hết giờ nhận được điện trả lời, cậu quay về nhà, thầm hy vọng khi mở cửa ra đã thấy Xatanina ở trong đó. Nhưng chỉ một câu trả lời của bác gác cổng đủ đánh tan niềm hy vọng ấy. Thế là bỗng nhiên cậu thấy rời rã chân tay, hình như không còn đủ sức leo những bậc thang bắt tận kia lên đến căn hộ của mình nữa. May thay rồi cậu cũng leo được đến nơi. Cậu mò mẫm bước vào, mò mẫm lần đèn phòng ngủ, rồi vẫn không thắp đèn, cậu ngồi vào ghế bành, thu hình lại và đợi.

Lát sau đột nhiên cậu cảm thấy như trong óc mình văng vẳng có tiếng ù ù. Tiếng lao xao, đồ vỡ vang lên trong tai, xuống bụng, xuống đến tận gót chân, vang lên cả trong hai đầu gối, khiến mọi ý nghĩ xáo trộn. Rồi những tâm trạng rối bời, cậu lần ra cửa sổ, ngó xuống đường, khao khát thấy người

đưa thư đứng ngoài cửa nhà. Lúc này chàng nhận ra tiếng ù ù kia là từ ngọn đèn điện ngoài đường. Sao nó rú lên cứ như kẻ điên thế!

Mờ sáng thì cậu nhận được điện trả lời của bà vú báo là bà không biết gì hết. Thế là mọi hy vọng mỏng manh cuối cùng đã tan tành.

Mấy tiếng đồng hồ sau, chị phục vụ đến để đi chợ và quét dọn nhà cửa như thường lệ. Chị quê ở Tôxcan, dáng người thấp béo, nhưng nhanh nhẹn, mặt khó đăm đăm nhưng miệng thì lại liến thoắng.

- Chào ông chủ!

- Nhà tôi không có nhà... - mặt tái nhợt như xác chết, mắt thần thờ cậu báo tin cho chị biết. - Nhà tôi đi đâu từ hôm qua chưa thấy về.

- Lạy Chúa tôi! Ông nói cái gì vậy?

Thầy giáo Coocvara Amidêi dang hai tay bắt lực. Rồi ngồi xuống, lọt thỏm trong chiếc ghế tựa, dính chặt xuống đất trong tư thế bất động. Cậu không nói gì, một phút sau mới lên tiếng:

- Cả đêm qua không thấy về.

- Bà chủ đi đâu được nhỉ?

Giáo sư Coocvara Amidêi lại đưa hai tay lên trời.

- Hay thế này, ông chủ thử đến - chị phục vụ gợi ý - chủ thử đến cái chỗ những người từ khắp các nước đến ấy, chỗ tranh vẽ, chỗ hình như có cái ông vẽ chân dung cho bà chủ ấy.

Thầy giáo Coocvara Amidêi bưng tỉnh, nhìn chị phục vụ:

- Người ta vẽ chân dung cho nhà tôi à? Bao giờ thế?

- Ôi, thế cháu tưởng ông chủ biết rồi? Ra ông không biết gì ạ? Sáng nào bà chủ cũng đến chỗ ông ta. Buổi trưa về ăn cơm rồi lại chạy ra đây.

Cậu há học miệng, rồi lại lặng lẽ dùng mấy ngón tay xương xẩu xoa đầu gối.

- Hay để cháu chạy đến đây xem sao, phải không ông chủ? Ông có muốn cháu chạy đến đây xem thế nào không? Cháu sẽ đi thật nhanh rồi sẽ quay về ngay... Cháu biết ông ta, ông ta là một họa sĩ người Pháp.

Nhưng hình như cậu không nghe thấy gì hết. Chị phục vụ bèn tự quyết định lấy. Chị chạy ngay ra khỏi phòng. Chỉ vài phút sau chị đã quay về, mặt đỏ bừng, hơi thở hỗn hển, vừa lấy hơi chị vừa tuôn ra một tràng:

- Cháu đoán đúng mà, ông ta không có ở đây, cũng đi nơi khác rồi. Mới đi hôm qua. Nghĩa là hai việc trùng hợp nhau.

Giáo sư Coocvara Amidêi vẫn ngồi lặng lẽ như cũ, nét mặt đờ đẫn như của người mắc bệnh tâm thần, chỉ mỗi hai bàn tay vẫn xoa đầu gối tiếp.

Chị hầu phòng chăm chú nhìn ông chủ, tràn một niềm thương hại, và một phút sau, không ghìm được, chị sụt sịt, nói như với bản thân, ám chỉ bà chủ:

- Sao đại dột thế không biết? Đang sống yên ổn đầy đủ, được chồng chiều chuộng, một ông chồng hiếm có đến như thế, cần cù, hiền lành, chịu đựng, y hệt như một con rùa vậy. Nhưng thôi, cũng chẳng nên buồn nữa làm gì, ông chủ ạ! Gạt chuyện ấy đi và đừng ngồi thần mặt ra như thế. Ông còn phải sống chứ. Cháu nói thật với ông, chứ bà ta chẳng đạt được cái gì đâu. Tình yêu nó thế đấy. Mà ông có hiểu tình yêu là cái gì không đã? Nó giống như sữa khi bắc lên bếp ấy. Mới đầu thì dâng lên rồi sôi và thế là trào ra ngoài mát sạch... Ông buồn làm cái gì. Chính bây giờ là lúc ông phải thật tỉnh táo, cố quên đi và thế là dễ chịu thôi... và đừng ngồi thần ra như thế... ông chủ ạ, đừng ngồi như thế.

Nhưng đáp lại những lời khuyên giải mộc mạc chân tình ấy giáo sư Coocvara Amidêi chỉ khẽ lắc đầu mà không nói một lời nào. Cậu không khóc bởi vì cậu chẳng cần tỏ ra vẻ đau khổ với ai làm gì. Cậu không cần ai thương hại, không cần ai an ủi. Cậu chỉ ngạc nhiên sao mình không cảm thấy cái nỗi đau khổ mà trước đây cậu nghĩ mình sẽ phải hứng chịu, nếu như có chuyện gì đó xảy ra, hoặc Xatanina đột nhiên không còn, hoặc tình yêu của nàng không còn. Nhưng bây giờ sao lại thế này? Cậu không thấy đau khổ gì mấy. Trước kia cậu định ninh rằng, nếu như một chuyện kiểu như thế này xảy ra, cậu sẽ thấy như trời sập, hoặc ít ra thì bản thân cậu sụp đổ. Thế nhưng chẳng sao cả. Chẳng làm sao hết. Chẳng hạn lúc này cậu có thể ngay lập tức cảm ơn chị phục vụ, bảo chị rằng thôi không thuê chị nữa và trả đủ số tiền công của chị tính cho đến hết tháng, và khi chị ra về, có an ủi ông chủ một lần nữa thì cậu có thể trả lời bằng giọng bình thản:

- Thôi cũng được... cũng được...

Chị phục vụ quay đi rồi, cậu lại ngồi xuống ghế tựa và đột nhiên hiểu ra rằng, ngay đến nhúc nhắc ngón tay cậu cũng không thiết và như thế có nghĩa, đối với cậu thế giới vẫn sụp đổ thật, nhưng cảm giác ấy sao không rõ rệt và khó tin thế nào ấy. Những cái ghế ở chỗ nào nay vẫn ở chỗ ấy, cái tủ cũng vậy, giường cũng vậy... Chỉ có điều cậu không biết bây giờ sử dụng chúng để làm gì?

Cậu bắt đầu xoa đầu gối mạnh hơn đôi chút và làm động tác ấy một cách bất giác, bởi vì cậu cảm thấy như có một luồng khí lạnh buốt chạy trong các ống xương, qua toàn thân cậu. Nhưng cậu vẫn không rời chỗ, miệng lầm bầm nhắc lại mấy nhóm từ trong câu nói của chị phục vụ lúc nãy: "*Bức chân dung... Họa sĩ người Pháp... Sáng nào bà chủ cũng đến đấy...*" Bây giờ thì hai hàm răng cậu bắt đầu đánh lập cập. Cậu càng xoa đầu gối mạnh hơn. Hai đầu gối rung lên như theo tiếng nhạc. Ba ý nghĩ, về bức chân dung cô ta, về người họa sĩ Pháp, về chuyện sáng nào cô ta cũng đến đây như bám chặt vào óc cậu, giống như ba mảnh giấy vụn đang bị gió tung lên cao và quay cuồng, quay cuồng... Mắt cậu tối sầm lại. Người cậu run lên bần bật. Cậu ngã lăn xuống đất và nằm bất động dưới sàn như một xác chết.

Và bây giờ là tháng Ba năm 1904. Đã chín năm chín tháng trôi qua. Giáo sư Coocvara Amidêi đã quên cái lần ông suýt thở hơi cuối cùng sau khi làm xong “*tiết mục nguy hiểm chết người*” kia. Ông được sống là nhờ cái ý nghĩ rằng, ở nơi nào đó, trong cái xóm Xabina xa xôi kia, con trai ông đang còn ở đó. Bây giờ ông không lúc nào rời thằng Đônphinô. Đứa trẻ đã lên mười và có lẽ nó không thể nào sống được đến tuổi đó nếu như không có bố bên cạnh. Những chăm sóc tỉ mỉ, kiên nhẫn của ông đã kéo thằng bé đến cái tuổi này. Tuy nhiên điều đáng buồn là vẫn còn nguy cơ, số phận đứa trẻ bất hạnh kia cũng sẽ giống hết số phận bố nó, mặc dù vẫn còn đôi chút hy vọng tình thế có thể thay đổi. Điều quan trọng là thằng bé tặng người yếu ớt có cơ sẽ mắc đúng căn bệnh đã đe dọa bố nó thời ông còn học ở trường dòng.

Cho đến năm lên tám Đônphinô vẫn đinh ninh mẹ nó đã chết từ khi nó mới lọt lòng. Nhưng cách đây hai năm, một hôm, giữa lúc bố nó làm ở sở, một bà sang trọng bước vào nhà. Bà ăn bận rất lạ, mặt trát bột phấn, môi son đỏ chót, nước mắt đầm đìa vui vẻ báo nó biết rằng, mẹ nó còn sống, rằng chỉ mỗi mẹ nó yêu nó, yêu vô cùng! Và bà muốn lúc nào cũng được bên cạnh con để chăm sóc cả đêm lẫn ngày, được vuốt ve nó như bà đang vuốt ve bây giờ đứa con thân yêu của mình.

Nhưng vừa lúc ấy bà vú ngày xưa đã từng nuôi đứa trẻ, bây giờ góa chồng, sống một mình, vẫn hay đến thăm và hiện giờ đang ở lại đây với hai bố con nó, đảm nhiệm vai trò nội trợ, đúng lúc này lại đi chợ về. Tay xách các làn các bị đầy ắp thức ăn, bà vú nhìn thấy, vội vã chạy lại lôi đứa trẻ ra khỏi tay bà sang trọng kia. Và thằng bé Đônphinô tội nghiệp, hoảng sợ hết sức, nghe thấy bà vú văng này văng nọ ra với cái bà lúc nãy tự xưng là mẹ nó, rồi hai người đánh nhau. Quang cảnh thật khủng khiếp, khủng khiếp đến nỗi sau đấy nó phải nằm xuống, bởi vì người nó nóng ran, một cơn sốt dữ dội bắt đầu.

Ngay sau đấy ông Côdomô Antônô Coocvara Amidêi ra đồn cảnh sát khai báo về người phụ nữ bất lương kia, gây đau khổ cho chồng chưa đủ, bây giờ lại định gây thêm cho ai nữa kia chứ? Cho một đứa trẻ vô tội.

Xatanina, con người năm mươi tám tuổi, sau khi cha qua đời đã tính bỏ đi nơi nào xa lắc, rồi sau đó ít lâu bỏ trốn theo người họa sĩ Pháp đã vẽ chân dung cho mình, sống ở thành phố Pari bốn năm, rồi chuyển sang ở thành phố Nixer, rồi ở Turin, Milăng và cứ mỗi năm một sa sút. Ông nhìn thấy nàng sau khi nàng đã trở về Rôma vài ngày, và mặc dù ông đã thôi không nghĩ đến nàng, không hình dung xem nàng lúc này ra sao, nhưng khi nhìn thấy nàng bằng xương bằng thịt trước mắt, đang ở giữa phố mà ông cũng choáng váng. Khách đi đường dìu ông đến hiệu thuốc gần nhất.

Trước khi chuyện này xảy ra, ông đã rơi vào bàn tay của một vị linh mục nào đó quê ở Xácđennhơ mà ông quen từ ngày ở Xaxari, tên là Menkiôre Xpanu. Vị linh mục này cố tin rằng có bốn phận phải đưa con cừu lạc bầy từ lâu trở về với đàn cừu. Vị đem đến cho ông nhiều sách thánh, rất nhiều, để ông đọc trong những giờ khắc dài dằng dặc tại công sở. Vị linh mục chứng minh cho ông thấy, qua những tấm gương hiển nhiên rằng, nguyên do duy nhất của tất cả mọi tai họa rơi xuống đầu ông là vì hồi trẻ ông chưa xử sự chính đáng với Đức Thánh bà, với Tôn giáo và tất nhiên Chúa đã tình sẽ gọi đứa con trai bé nhỏ yêu quý của ông, thằng bé nhu mì Đônphinô về với Thánh thần và những linh hồn tinh khiết. Tóm lại nỗi nguy cơ của ông, giáo sư Coocvara Amidêi kẻ phạm lỗi với Chúa chính là từ trên trời. Rằng, lúc nào ngồi một mình, ông không nên cân nhắc gì nhiều, mà hãy tìm đến Tu viện “Ba giếng phun” ở thị trấn Trappe chẳng hạn. Một nơi Thánh địa, thiêng liêng, đúng là thứ đang cần cho ai muốn sám hối.

Trong khi nghe vị linh mục nói, ông co rùm người lại, nhún vai, vươn cổ lên, neho mắt lại rồi nói vẫn cái câu muôn thuở:

- Thôi cũng được!

Nhiều hôm, sau giờ làm việc, bước trong cơ quan Bộ ra, ông nhìn thấy hai người đã đứng chờ ông: một bên là linh mục Menkiôre Xpanu, đứng trên bậc thềm của nhà thờ Thánh bà Maria đela Minécva, một bên là vợ ông, trình trọng chống khuỷu tay lên lan can của ngôi nhà Pantêôn. Đứng quay mặt vào nhau, hai người đưa nhanh mắt cho nhau, hai cặp mắt tóe lửa. Vị linh mục thì xoa cằm và má lồm chồm râu cứng. Vợ ông thì nhếch cặp môi son đỏ chót.

Chiều nào cũng vậy, hễ bước chân vào quảng trường, giáo sư Coocvara Amidêi lại liếc nhanh về phía lan can, nơi vợ ông đang cúi nhìn xuống đất, và ông lập tức quay ngay đầu về phía vị linh mục, bởi ông biết rằng, khi ông đi đến phố Pie đi Mácmô thế nào người phụ nữ kia cũng đuổi kịp ông và xin tiền, điều mà ông không đủ sức từ chối, nhất là ông từ chối không nhận tha thứ cho nàng đã nhiều lần quá rồi... Sau mỗi lần như vậy, nàng chạy đến gặp ông, ông đều thấy cần chặn trước sự mắng mỏ của vị linh mục bằng cách bước đến gần ngài, vừa thở dài vừa xoa hai bàn tay, miệng nhả nhó khẽ nói:

- Thôi cũng được!

Trong khi ấy thì mùa xuân sắp tới gần, đó là mùa tệ hại nhất đối với những ai yếu phổi. Bác sĩ đã yêu cầu giáo sư Coocvara Amidêi đưa thằng bé Đônphinô đi nghỉ ở đâu ít nhất cũng trong một tháng đầu tiên, khi thời tiết ở Rôma quá tệ hại đối với nó.

Và thế là giáo sư Coocvara Amidêi đệ đơn xin nghỉ phép một tháng, và ngày 5 tháng Ba năm 1901 ông đáp xe lửa đến thị trấn Néttunô định thuê một căn hộ trông ra biển.

Chương 2 **QUẢ THÔNG**

Một tháng nghỉ ngơi cũng vẫn không hứa hẹn được điều gì tốt đẹp hơn. Mưa tầm tã suốt cho đến ngày cuối cùng. Mãi hôm nay thời tiết mới khô ráo, lần đầu tiên mặt trời tháng Ba hiện ra. Như thể mùa xuân lên tiếng!

- Ta đã đến đây rồi.

Mà đúng như thế thật. Nép mình vào cửa sổ của toa tàu, giáo sư Coocvara Amidêi cảm thấy mình đã nhìn thấy mùa xuân ngay từ lúc đoàn tàu rời khỏi nhà ga: Mùa xuân hiện ra ở Cổng vào thành phố Rôma dưới vẻ

hồng hào, lung linh của những khu vườn cây giữa đám màu xanh lục dịu hiền. Đây là những cây gì vậy?... Chắc là mấy cây đào nở hoa. Thì đúng như thế rồi: kia lại đào nữa, giống như thế và kia nữa. Mùa xuân! Ôi, đã lâu lắm rồi ông không được nhìn thấy Mùa xuân tươi đẹp như thế này. Mùa xuân ngay từ lúc bắt đầu, với những nụ hoa đào màu hồng nhạt chúm chím!

Ông hít thật mạnh khí trời vào ngực và cảm thấy ngậy ngát trước làn không khí mới mẻ và không quen thuộc này. Nỗi ngậy ngát dễ chịu khiến ông muốn khóc. Quang cảnh diệu kỳ này ông cảm thấy như một ân huệ của số kiếp phũ phàng cuộc đời ông, khiến ông thực sự sung sướng và ông bỗng không giải thích được, tại sao lúc này ông lại hưởng niềm vui sướng mà ông đã quên hẳn mất. Cái niềm vui sướng mà ông được hưởng tràn đầy trong những năm vô tư lự thờ thiếu thời ở thị trấn quê hương.

Và trong một khoảnh khắc, ông quên bẵng mọi nỗi gian truân trong quá khứ cũng như hiện tại, quên cả bệnh tật trầm trọng của đứa con trai, quên cả vị linh mục luôn dẫn dắt ông, quên cả những khoản tốn kém vượt quá khả năng đồng lương ít ỏi của ông mà ông buộc phải dấn thân vào với niềm hy vọng, niềm hy vọng rất có thể không thành sự thật, là chuyến đi sẽ có lợi cho thằng Đônphinô. Ông quên cả nỗi buồn cay đắng, u tối, cả thân phận cuộc đời ông quá nặng nề, tưởng như không thể chịu đựng nổi. Lúc này màu xanh của những cánh đồng cỏ, màu da trời và vẻ tươi mát bao trùm trong không trung, làn khí mát mẻ của mùa xuân như đối lập với tâm trạng u sầu tích tụ trong lòng ông.

Đúng, cuộc đời có thể diệu kỳ, nhưng chỉ ở nơi đây, giữa màu xanh của cây cỏ này, trên những cánh đồng bát ngát kia. Nơi đây số phận độc địa không dám đuổi theo ông, truy ép ông phũ phàng như trong thành phố. Những tai họa mà số phận, giáng xuống đầu ông trên những đường phố, lúc này bỗng hiện lên rõ rệt tưởng như có thể sờ nắm được. Ông như nghe thấy tiếng chân vợ ông lén lút đuổi theo ông như một bóng ma, buộc ông lúc nào cũng phải còng lưng xuống, co ro dúm dọ bước chân trên đường phố, thỉnh thoảng lại ngoái nhìn phía sau lưng.

Ông lập tức gạt ra khỏi đầu óc cái hình ảnh ấy, vừa mới đột nhiên xuất hiện đã làm lu mờ quang cảnh thiên nhiên tươi đẹp và lại tiếp tục chiêm

ngưỡng. Kia là dải núi Anbani, cao vút lên trời và tỏa hơi như cũng đang hít thở. Chúng nhẹ nhõm như thể không phải bằng đá. Và kia là ngọn núi Cavê. Rừng tùng trên đỉnh núi tạo thành như một thứ vòng hoa tết. Và tu viện cổ kính. Và rừng lá bạc tạo thành một đường vòng chạy ngang lưng chừng như chiếc thắt lưng. Xa xa là thị trấn Phraxcati, tràn trề ánh nắng mặt trời. Tiếng bánh xe chạy trên đường ray làm đàn chim sẻ hoảng sợ bay vút lên. Một con chim sáo đậu trên mô đất đang dang đôi cánh óng ánh, hót líu lo. Giáo sư Coocvara Amidêi bỗng nhớ lại câu đầu tiên trong bài ngữ pháp tiếng Latinh mà đã bao nhiêu năm nay ông không được giảng dạy cho học sinh:

“*Alaudaest laeta*”^[14] và ông lắc đầu. Lúc này hồi tưởng lại quá khứ, ông nhớ đến những năm đầu tiên mới bước chân vào nghề giáo, ông cũng khá khốn khổ, cho đến tận khi cùng sống chung một mái nhà với con người kia, ông mới tạm yên thân đôi chút...

- Thôi cũng được! - Ông lại thở dài, buồn bã.

Nhưng không lâu. Lúc tàu ra khỏi ga Crôsettô, ông nghĩ thấy đã có mùi biển, và lòng ông lại rộng mở, vui tươi nghĩ đến chỉ lát nữa thôi, biển bát ngát sẽ trải rộng trước mắt ông. Ôi, biển cả! Đã lâu lắm rồi ông không được thấy biển. Và lúc này sao ông thèm, ông khao khát được gặp lại biển đến thế! Nhưng biển kia rồi thôi! Đúng là biển rồi! Đã đến rồi ư? Biển kia! Biển! Biển! Giáo sư Coocvara Amidêi đứng phắt dậy. Cảm động làm ông run lên. Ông thò đầu ra ngoài cửa sổ, hít thật mạnh làm gió biển một cách vội vã và khoan khoái. Đầu ông choáng váng. Ông ngồi phịch xuống ghế và ôm lấy mặt.

Đoàn tàu chỉ dừng lại ở ga Anxiô có mấy phút, và giáo sư Coocvara Amidêi chưa hề bao giờ được đặt chân đến thị trấn tuyệt diệu này. Ông mở to mắt cố ngắm cho thật nhiều tất cả những gì mà đứng ở ga có thể nhìn thấy. Lát sau chính ông cũng bước ra khỏi đoàn tàu, xuống ga Néttunô, đầu óc vẫn đang ngây ngất, xáo động sau cuộc tái ngộ với biển cả. Bởi vì lúc mới nhìn thấy biển ông đã hít thật mạnh, cho đầy lồng ngực. Lâu lắm rồi ông mới được hít thở như thế.

Thư từ qua lại hồi làm ở Bộ đã giúp ông hình dung được đôi chút về thị trấn này. Ông đi ra quảng trường trung tâm và hỏi xem có thể thuê ở đâu được với giá rẻ một căn hộ giản dị trông ra biển. Người ta chỉ cho ông đi xuống phía dưới quảng trường rồi rẽ tay phải, đến một ngôi nhà nhỏ nằm ngay sát biển. Thật ra tiền thuê nhà có hơi cao quá so với khả năng tài chính của ông, nhưng biết làm sao được! Cửa sổ căn phòng nhỏ nằm sát hiên nhà trông ra một bãi nhỏ trước doanh trại pháo binh. Toán lính pháo thủ đứng thành hàng ngũ đang đi ra trường bắn. Cửa sổ này không cao. Còn cửa sổ của phòng thứ hai thì trông ra biển và cao ngang tầm gác hai: biển như chỉ chực lao qua cửa sổ vào phòng. Ngồi trong nhìn ra chỉ thấy mỗi biển, không thấy gì khác nữa. Giáo sư Coocvara Amidêi trả chủ nhà tiền đặt cọc và bảo sáng mai sẽ dọn đến. Sau đấy ông ra bãi tắm.

Đối diện với ngôi nhà, về hướng Tây là lâu đài Xanxôvinô cổ kính trang nghiêm, tường sạm đen vì lâu đời. Lâu đài chạy ra đến mép biển, nằm trên một ngọn núi đá thấp. Giáo sư Coocvara Amidêi leo lên những bậc đá dưới chân lâu đài, rồi sững sờ trước phong cảnh hiện ra trước mắt. Ông ngồi xuống ngắm suốt hơn một tiếng đồng hồ. Ông nhìn thấy hòn đảo Siecselô xanh biếc như bồng bênh trên mặt nước, ẩn hiện giữa không trung. Gần hơn, ngay trên bờ biển là lâu đài Xtura. Ông lại nhìn thấy ngay bên cạnh, phía tay phải, cảng Anxiô với những con tàu đang đậu trong bến. Cảng đen bụi than, đây là nơi buôn bán than. Xa xa là mặt nước mênh mông, lấp lánh dưới ánh nắng mặt trời. Mặt nước êm ả. Sóng trên bãi tắm chạy lên cát lặng lẽ hầu như không có tiếng động. Cuối cùng ông quyết định dứt khỏi phong cảnh mê hồn, tính ăn một chút rồi đi xuống phía dưới. Sau đấy, do biết phải sau năm giờ mới có chuyến tàu đi Rôma, ông định dùng ba tiếng đồng hồ còn lại để ngắm phong cảnh công viên Boocghêđa nổi tiếng, nằm giữa hai thị trấn Anxiô và Néttunô.

Ông không nhớ trong cuộc đời đã có lần nào được hưởng một ngày sung sướng hơn hôm nay. Ông đê mê giữa khí trời ấm áp ngọt ngào đầu xuân. Một bên là biển đang ì oạp dưới chân bức vách thẳng đứng. Một bên là rừng và đồng cỏ xanh mướt. Cổng vào công viên mở rộng. Sau khi ngắm nhìn thỏa thích, giáo sư Coocvara Amidêi đã định cất bước trên con đường thoai thoải thì có tiếng ai gọi. Ông quay lại, nhìn thấy một phụ nữ người lùn chạy lạch bạch như vẹt bầu, miệng thét:

- Ê! Ê! Vào công viên phải trả tiền đấy! Ông chưa mua vé.

Năm Xonđi. Ông trả tiền, mặc dù đã tự thề với mình là hết sức dè sẻn. Rồi ông đi tiếp, lang thang trong những lối đi vắng vẻ râm mát, mỗi lúc lại vào sâu thêm, giống như trong một giấc mộng. Và đúng thế, hình như chỉ trong giấc mộng mới có những cây cổ thụ to lớn, đứng trang nghiêm trong không khí tịch mịch, đến nỗi tiếng chim hót líu lo cũng không khuấy động lên được, trái lại còn làm tăng thêm vẻ tịch mịch và huyền bí. Ông nghe kể rằng trong cái công viên bỏ hoang đã lâu này rất nhiều họa mi. Ông lắng tai nghe, và hình như tận sâu trong rừng có một tiếng họa mi hót. Ông bèn đi về phía đó. Đi mãi mới đến một cánh rừng thông tuyệt đẹp. Những thân cây cao thẳng vút giống như những chiếc cột ở một ngôi đền khổng lồ. Những tán lá trên ngọn sát liền nhau che kín bầu trời. Trong cánh rừng này không khí ẩm ướt như đặc quánh lại giống không khí dưới vòm mái trong các nhà thờ.

Giáo sư Coocvara Amidêi không thể đi thêm đâu nữa. Với một động tác như bản năng, ông bỏ mũ ra, ngồi xuống và sau đấy ngả lưng nằm.

Sau bao nhiêu năm thảng sống trong khổ hạnh, những tai họa cứ theo nhau liên tiếp giáng xuống, óc ông như cần cỗi đi. Bao lo lắng vất vả lâu nay ngăn trở tâm hồn ông bay cao, khiến ông không còn lúc nào nghĩ đến những vấn đề khiến ông băn khoăn hồi trẻ. Óc ông đâm ra mù mẫm và lòng tin gần như mất hẳn. Nhưng lúc này đây, trong cái ngẫu dừng bước ngăn ngui này, khi ông có dịp giương cặp mắt cận thì nhìn ra xung quanh, thấy được cuộc sống lẽ ra mình được hưởng. Ông cảm thấy tràn ngập một niềm yêu đời thực sự. Ông lại thấy trời dậy trong lòng niềm khao khát đi sâu vào những vấn đề hóc búa của những suy luận miên man ngày xưa. Và ông tự hỏi, tại sao chưa hề bao giờ làm hại ai, không hề thủ đoạn với kẻ nào, mà ông lại biến thành cái bia để số phận bắn vào đủ thứ mũi tên độc ác? Đúng thế, xưa nay bao giờ ông cũng muốn làm điều tốt cho mọi người, kể từ cái việc ông cởi chiếc áo trùng linh mục, chính vì thấy lôgich tư duy của mình khác hẳn logic của các đấng bề trên trong Giáo hội mà ông buộc phải tuân theo. Cho đến việc lấy vợ, cũng là vì ông không nỡ bỏ đói một cô gái mồ côi, trong khi cô nhất định không ăn miếng bánh của ông nếu ông không

cười cô. Bây giờ ông không hề có mưu đồ gì, mà làm việc ấy hoàn toàn chỉ để cô nhận miếng ăn của ông. Và bây giờ nữa, chưa nói đến sự phản bội đê hèn và cuộc bỏ trốn khỏi nhà của người đàn bà vô lương tâm kia, đã đập tan cuộc đời ông. Giờ đây, tuy vẫn thấy sẽ còn phải chịu bao nhiêu nỗi khổ nữa, khi thấy đứa con trai, đứa con duy nhất cứ mỗi ngày một suy sụp, ông cố gắng cứu vãn niềm hạnh phúc duy nhất còn lại này, ông sẵn sàng chịu thêm bao nhiêu cay đắng nữa. Tại sao như thế? Chúa đâu? Chẳng lẽ Chúa lại muốn như vậy ư? Không, Chúa không thể muốn thế. Bởi vì nếu như có Chúa thì Chúa tất phải đối xử tốt với những người tốt. Nghĩ về Chúa như vậy liệu ông có phạm thượng không? Nhưng như thế này thì ai là kẻ điều khiển cõi thế gian bất hạnh này của chúng ta?

Một quả thông. Cái gì? Cái gì? Đúng rồi, một quả thông rụng. Đúng lúc ấy một quả thông từ trên cành cao rơi xuống giữa đỉnh đầu giáo sư Coocvara Amidêi như một lời giải đáp chớp nhoáng.

Ông giáo tội nghiệp nằm đấy, cứ nằm đấy mãi, duỗi thẳng người, lặng lẽ, bất tỉnh, như một lưỡi sét giáng cho chết giắc. Lúc tỉnh dậy ông thấy mình nằm trong một vũng máu. Dù sao cũng còn là may, bởi vì tuy máu vẫn tiếp tục chảy nhưng chỉ còn là một tia nhỏ từ vết thương sâu hoắm trên đỉnh đầu, chảy vòng qua sau tai, xuống gáy. Không còn cách nào khác, ông gắng đứng dậy, lê bước ra cổng. Người phụ nữ lùn gác cổng, nhìn thấy ông khách với bộ mặt đầy máu, hoảng hốt rít lên:

- Lạy Chúa Giêsu! Ông làm cái trò gì thế này?

Ông giơ cánh tay run rẩy trở lên cao rồi nhăn mặt vì đau vừa vì nụ cười cay đắng.

- Quả thông... - ông lắp bắp, - quả thông điều khiển thế gian. Than ôi, đúng là như thế.

- Ông này điên! - người phụ nữ lùn thoáng nghĩ, rồi sợ hãi, bác ta vội vã chạy đi tìm anh chăn bò ở trại nuôi bò sữa gần đấy, bên cạnh công viên, để anh ta cùng với một trong những người phu sửa chữa quãng đường sắt chạy ngang qua bên cạnh cổng công viên dìu người bị nạn tội nghiệp kia

đến nhà an dưỡng bệnh nhân lao gần đây “Giúp người ta một chút, các bác ạ”.

Đến nhà an dưỡng, đầu tiên giáo sư Coocvara Amidêi bị người ta cạo trọc đầu, rồi dán sáu miếng cao và cuối cùng băng bó lại. Ông ta vội, chỉ lo trễ tàu. Khi biết chuyện bệnh nhân lại còn định đi đâu xa, vị bác sĩ quyết định tăng cường biện pháp phòng ngừa, bằng cách quấn thêm lên đầu ông một kiểu như khăn xếp bên ngoài lượt băng để mũ không tụt xuống. Xong xuôi mọi thứ, giáo sư Coocvara Amidêi nhún vai, thận trọng thử vươn cổ, rồi khẽ nhắm mắt lại, thở dài thốt lên:

- Thôi cũng được!

Chương 3

GIÓ

“Chúa Xuân thân mến, tôi không thể hiểu tại sao năm nay Ngài lại cần thiết phải đến sớm hơn so với cái ngày ng ta vẫn ghi trong lịch là ngày bắt đầu của mùa xuân? Và mùa Đông năm nay cũng lành hiền, uể oải thế nào ấy, để mãi đến cuối mới bùng lên, như ngọn đèn trước khi tắt? Phải chăng đây là quy luật? Giả sử nếu như bà chúa Đông có đề nghị Ngài chậm cho đôi chút thời gian đủ cho bà ấy phả ra hai đợt gió lạnh dạng âm ách trong bụng bà ấy. Nhưng nếu Ngài không vui lòng chấp nhận vì sợ lúc đi đến đây một cách huy hoàng, đôi chân Ngài sẽ bị lấm láp, bởi vì thành thị làng mạc vẫn còn đang ngập bùn, thì bà chúa Đông sẽ sai người đến báo cho Ngài biết rằng, về chuyện ấy Ngài hoàn toàn yên tâm. Bà chúa Đông già nua kia sẽ bị gió bắc đánh cho tan tác chứ có phải không đâu. Và nếu như không còn cách nào khác thì nguyên cái chuyện đó cũng sẽ làm Ngài, mùa Xuân, thêm oai hùng. Gió sẽ thổi tan đám sương mù dày đặc và quét sạch những rác rưởi bụi bặm mà bà chúa Đông đã trải ra khắp nơi. Như thế Ngài vẫn giúp được bà chúa Đông mà lại giúp được cả cho ta, bởi vì Ngài chưa biết ta đâu, ta đang không tiếc sức mình che chở cho một con người đáng quý từ

lúc anh ta lọt lòng mẹ cho đến bây giờ. Nhân tiện ta sẽ kể Ngài nghe một trong vô vàn chuyện đã xảy ra: hôm qua, trong lúc anh chàng được ta che chở đang nằm duỗi chân tay khoan khoái hít thở không khí tươi mát trong cánh rừng thông, ngay gần đây có một cánh rừng thông tuyệt vời trong một công viên cũng tuyệt diệu, ta đang vui nên muốn đùa anh ta một cái, ta để cho một quả thông tuyệt đẹp rơi xuống đầu anh ta, một quả thông to, rắn. Tất nhiên một quả thông như thế có thể làm anh ta chết ngay, nhưng ta không muốn thế. Ngài là Chúa Xuân, Ngài thừa biết rằng, huy hiệu của ta mang hình con mèo đuổi theo con chuột, nó chỉ giỡn con chuột thôi chứ có thịt đâu”.

Như thể dẫn ra đoạn văn trên trong một cuốn sách cổ nào đó, và như để trong đoạn văn vừa dẫn kia, sự tàn nhẫn được thêm vẻ tinh tế, ông thầm đọc đi đọc lại liên tục trong suốt hai tuần lễ cái lời lẽ mà ông cho rằng số phận phúc hậu của ông đã nói với Chúa Xuân và chắc chắn Chúa Xuân đã chiều theo lời đề nghị ấy. Trên đầu ông tẩm khăn xếp vẫn ngự trị như trước. Và ông ngồi tựa vào thành giường của thằng Đônphinô. Từ lúc ông bước ra khỏi toa tàu ở ga Néttunô, ngay từ cái giây phút ấy thằng bé cứ như co lại dần trước mắt ông, do một cơn sốt dai dẳng huỷ hoại nó, cơn sốt kéo dài suốt đêm, sáng hôm sau vẫn không chịu lui. Ngày trước, khi còn ở Rôma, ít ra thì ban đêm sốt mấy, ban ngày thằng bé cũng được dễ chịu.

Và gió nữa chứ! Suốt hai tuần lễ liền gió không lúc nào ngớt, ngày cũng như đêm. Liên tục gào rú, rít lên bằng các giọng cao thấp khác nhau, thỉnh thoảng có những đợt gió đặc biệt khủng khiếp, làm rung chuyển các ngôi nhà, tưởng chừng như cả cái nhà sắp vỡ tung và bay theo gió. Nhưng đây là cảm giác, thật ra gió chỉ cuốn đi ít ngói, giật đổ một cây to hay một cột dây điện báo và đập vỡ kính ở một cửa sổ. Sau đấy gió còn trêu chọc biển khiến mặt biển dâng lên, ngập cả bãi tắm và với một sức mạnh không gì ngăn cản nổi, sóng biển đập vào tường những ngôi nhà nằm ở sát bờ, làm sập hàng dãy, tạo nên tiếng vang động khủng khiếp.

Giáo sư Coocvara tưởng như mình đang ngồi trên con tàu giữa biển gặp bão tố, nghiêng ngả, chồm lên rồi lại hạ xuống. Thằng bé Đônphinô tội nghiệp hoảng sợ đến chết, và ông không có cách nào an ủi được con, bởi vì có nói gì thì tiếng gió gào rú cũng át đi. Thậm chí tiếng gió còn vang âm

hơn cả tiếng sóng biển đang sôi động. Không phải chỉ tiếng nói của ông bị lấn át, mà cả tinh thần của ông cũng bị dồn ép. Ruột gan ông rối bời và ông không còn biết làm gì nữa. Ông rơi vào một trạng thái sầu não, u mê, chỉ thỉnh thoảng sức tỉnh để săn sóc cho bà vú. Như để bức tranh thêm hoàn chỉnh, bà cũng mắc chứng viêm họng và cũng phải nằm tại giường.

- Ông chủ nhẹ tay một chút cho! - Bà vú năn nỉ khi thấy ông bước vào cửa phòng như bóng ma, một tay cầm lọ thuốc axit cacbôníc, tay kia cầm cái chổi nhỏ để bôi thuốc vào họng cho bà. - Nhẹ tay một chút, ông chủ!

Bà vú ngồi dậy, ngửa đầu, há miệng, và hơi thở của bà phả ra nóng rực như hơi nóng trong lò than đang cháy.

Giáo sư Coocvara Amidêi không muốn bôi mạnh, nhưng mỗi lần khi một cơn gió quất mạnh vào cửa sổ, tay ông lại bật lên và ấn mạnh khiến thật là lạ sao hai mắt bà vú không bật ra khỏi ông.

- Nhỏ đi! Nhỏ đi!

Và cơn giận vẫn chưa nguôi trong ánh mắt, ông lúi lại, lúi sang phòng của thằng bé Đônphinô, riêng lọ axit cacbôníc vẫn run rẩy trên bàn tay ông. Cacbôníc là một thứ thuốc độc... nhưng chỗ này quá ít, quá ít, lại bị pha loãng nữa... Chắc chắn không đủ để... Vói lại chẳng lẽ phó mặc thằng Đônphinô ở lại trong tình trạng này hay sao? Không, không! Không được. Kể ra thì thoát được cũng rất hay. Cái cơn gió kia đã làm ông mất trí.

“Yên nghỉ thôi”! - ông khẽ lẩm bầm.

Nửa tháng đã trôi qua. Tiền nhà phải trả vượt quá mức dự tính, rồi sự thiếu thốn mọi tiện nghi, căn bệnh của bà vú nữa, đó là tất cả những gì ông phải chuốc lấy tại nơi này. Và thêm vào đó - quý vị đừng vội vã, còn bao nhiêu thứ ấy chứ - ông phải tự tay làm lấy mọi việc. Tự mình nhóm lò, tự mình đi chợ, tự mình dọn bữa ăn... Và không một ngày nào ông đem đứa trẻ ra hiên được. Ngồi trong ba căn phòng nhỏ này không khác gì ngồi trong nha tà, bị ép chặt, một bên là gió và một bên là sóng biển.

Hơi nhiều quá, phải không quý vị?

“*Cạch - cạch - cạch*” - tiếng gõ rất khẽ vào cánh cửa.

“Ai?”.

Còn ai vào đây nữa? Chỉ là Xatanina! Nàng phi ngựa trong gió bão, Xatanina - người mẹ nồng cháy. Người mẹ yêu con đến điên cuồng. Người mẹ không nề hà bất cứ khó khăn nào, quyết tâm bằng mọi cách nhìn thấy được đứa con đang ốm đau.

Nàng bước vào, lao tới trước mặt người giáo viên, quỳ xuống khiến ông bị bất ngờ, lùi lại loạng choạng. Nàng túm lấy hai vạt áo vét của ông, người run lấy bầy, gào lên:

- Anh Côdomô! Anh Côdomô! Hãy vì Chúa, vì tất cả những gì thiêng liêng nhất! Cho em được ngó thẳng Đônphinô, ngó giọt máu của em! Hãy tha tội cho em! Hãy cứu vớt em! Hãy thương xót em!

Vừa nói nàng vừa trào nước mắt, khóc nức nở, và phải nói rằng nàng khóc thật, rõ những giọt nước mắt thật, khóc như mưa như gió, khóc sùi sụt khiến toàn thân nàng rung lên. Nàng không đứng dậy, gục mặt vào lòng bàn tay và miệng không ngừng van nài:

- Em sẽ hôn, em sẽ hôn mảnh đất nơi anh đặt chân lên! Anh Côdomô, hãy tha thứ cho em, hãy thương xót em! Em không thể chịu nổi nữa rồi! Em muốn được làm mẹ đứa con em đẻ ra. Em muốn hoàn toàn thuộc về nó! Hãy cho phép em được ở bên nó, được chăm sóc nó, em van anh!

Ông Côdomô Antônio Coocvara Amidêi ngồi phịch xuống chiếc ghế tựa và cũng gục mặt vào lòng bàn tay, mặc dù thật ra không ai thấy rõ, bởi vì trời đã tối, bóng đêm đã tràn vào phòng. Tiếng chuông nhà thờ vẳng đến, chuông thánh thót bài “*Avê Maria*”.

- Ave Maria... - bà vú cố tình nói to rồi đọc bản kinh buổi tối để nhắc ông chủ hãy tỉnh táo.

Và thằng bé Đônphinô không biết chuyện gì đang diễn ra ở đây bỗng lên tiếng trong phòng bên cạnh.

- Cha ơi... cha ơi...

Xatanina như con thú bị quất một roi, vùng dậy lao về phía đứa con.

Giáo sư Coocvara Amidêi vẫn ngồi như bị đóng đinh xuống mặt ghế. Từ trong phòng của thằng bé đưa ra những lời lẽ dịu dàng trìu mến của Xatanina nựng con trai. Ông nghe rõ cả tiếng hôn chùn chụt mà nàng liên tiếp đặt lên hai má thằng bé. Ông bỗng cảm thấy thế gian đột nhiên lặng lẽ hẳn đi, ngoài phố cũng như trong phòng mọi tiếng động đều ngưng lại. Ông buông tay ra để lắng nghe. Chỉ thấy tiếng kính vỡ loảng xoảng trên cửa sổ. Thì ra thế. Gió đã ngừng lại rồi ư? Vô lý. Không thể như thế được... Ông bước ra cửa sổ, nhìn xuống đường phố được chiếu sáng chạy dài bên kia khu vườn của ngôi nhà sĩ quan. Nghe rõ tiếng cười nói vui vẻ của những sĩ quan đang bước trong nhà ăn ra. Bên phòng thằng Đônphinô vẫn chưa tắt đèn, và nó đang mỗi một mình trong đó cùng với mẹ kia... Thế là thầy giáo Coocvara Amidêi bước về phía đó để tắt đèn.

- Đứng, em tắt lấy cũng được! - Xatanina vội vã lên tiếng ngăn lại. - Nén anh để ở đâu? Ngoài ấy à?

Và nàng nhanh nhẹn chạy ra lấy nến.

- Cha ơi, - đúng lúc ấy ông nghe thấy tiếng thằng bé, - Cha ơi, chúng ta cần gì đến cái bà này? Mùi nước hoa sặc sụa...

- Đừng nói nữa con. Đừng nói nữa...

- Cha ơi, thế cha ngủ ở đâu? Bởi vì nhà làm gì con giường nào thừa?... Cha sang ngủ chung với con vậy, cha nhé?

- Được thôi, con à! Được thôi, nhưng coi nói khê chứ...

Im lặng. Nhưng tại sao mãi không thấy tiếng Xatanina? Cô ta không tìm thấy nển chãng? Cô ta đang làm cái gì? Giáo sư Coovara Amidêi đột nhiên cảm thấy một luồng khí chạy lạnh dọc theo hai ống chân ông, giống như trong phòng bên ai vừa mở cửa sổ. Chẳng lẽ lại như thế?

Ông đứng dậy khỏi giường, và lần mò trong bóng tối bước tới cửa thông sang phòng của con trai, bên ấy chiếc cửa sổ rất thấp trông sang trại lính. Ông đứng lại lắng tai nghe. Xatanina đang thò hẳn đầu ra ngoài cửa sổ nói chuyện với ai đó đứng dưới đường. Thì ra thế! Nhưng ai đấy nhỉ? Con mụ đã thoã! Vẫn giờ cái thói cũ ra à? Ông Côdomô Antônô Amidêi thu mình lại, rồi rón rén như con mèo, cố không gây tiếng động, bước tới gần, và nghe thấy tiếng mụ ta nói với viên sĩ quan đứng bên ngoài cửa sổ: *“Không, anh Gitginô, không được. Hôm nay chưa được; em chưa thể bứt ra được. Ngày mai, anh nghe rõ chứ, ... ngày mai thì nhất định được...”* Ông bước đến nắm hai chân mụ hất mạnh mụ ra ngoài cửa sổ, và hét về phía dưới đường:

- Ngài trung úy, hãy đỡ lấy mụ ta!

Bên dưới có hai tiếng người cùng đáp một lúc. Viên sĩ quan kêu lên. Mụ ta rơi xuống cũng thét lên. Ông Coocvara rùng mình lùi lại rồi run lên bần bật. Toàn thân ông lẩy bẩy đến mức ông cố khép cửa sổ lại mà không sao khép nổi, bởi vì dưới đường mỗi lúc một thêm những tiếng người chạy đến. Loạng choạng chân nam đá chân chiêu, ông lần mãi mới đến được phòng ngủ của thằng Đônphinô. Dọc đường, ông đằng hắng một tiếng giận dữ với bà vú. Nghe thấy ông chủ có giọng lạ, bà bật dậy khỏi giường, vẫn chỉ chiếc áo lót trên người, ngăn ông lại, hỏi xem vừa có chuyện gì, vừa làm cái gì.

- Không có chuyện gì hết... - ông đáp bà vú. Bà thấy ông hỗn hển vì xúc động, đang áp đầu vào thằng bé Đônphinô nằm trên giường, ôm ghì lấy nó. - Không có gì đâu... Vú đừng sợ... Chỉ là một hòn ngói rơi xuống đầu viên trung úy nào ấy.

Tiếng cửa đập thình thình. Bà vú vội vã mặc váy áo, chạy ra mở. Cả một làn sóng người ủa vào: binh lính, sĩ quan chỉ huy hai đơn vị pháo thủ và viên đội cảnh sát khu vực. Cả căn nhà vang âm tiếng người, tiếng vũ khí va

vào nhau. Không khí náo động khác hẳn mới trước đây mấy phút còn vắng lặng đến thế.

- Các ông khoan cho một chút, để tôi thấp nền... - bà vú sợ hãi run rẩy nói.

Ông Côdomô Antôniô Coocvara Amidêi bằng hai tay ôm chặt lấy thằng Đônphinô lúc này đã quỳ trên giường.

- Sửa soạn đi rồi theo tôi! - viên đội cảnh sát bảo ông.

Ông Côdomô Antôniô Coocvara Amidêi quay phắt đầu nhìn chăm chú viên đội. Khuôn mặt ông tái nhợt như xác chết dưới vành khăn băng bó trên đầu cùng với cặp kính cận trên mũi khiến đám người hoảng sợ. Họ đã đứng chặt căn phòng.

- Tôi phải đi đâu? - Ông hỏi.

- Đi theo tôi! Ông đừng giả vờ ngu ngốc nữa! - Viên đội đặt bàn tay lên vai ông, quát giọng hách dịch.

- Thôi cũng được. Nhưng còn thằng bé? - Coocvara Amidêi lại hỏi. - Cháu đang ốm. Tôi biết giao nó cho ai bây giờ? Thưa ông đội cảnh sát...

- Đi, đi đi! - Viên đội quát. Không để giáo sư nói hết câu. - Con ông sẽ được đưa vào nhà an dưỡng. Còn ông thì theo tôi.

Giáo sư Coocvara Amidêi lại đặt thằng bé Đônphinô nằm xuống giường. Đứa trẻ hoảng sợ run bần bật. Ông khẽ khàng dỗ dành yên ủi con, rằng không có chuyện gì đâu, rằng ông sẽ quay về ngay ấy mà. Và nước mắt đầm đìa, cứ mau mỗi lời, ông lại hôn thằng bé. Một lính pháo thủ sút ruột túm lấy cánh tay ông.

- Lại phải còng nữa kia à? - Giáo sư Coocvara Amidêi ngạc nhiên.

Tay đã bị còng rồi, ông vẫn cúi xuống nói với con trai:

- Con! Cái kính...

- Cha bảo gì ạ?... - Người vẫn run bần bật, thằng bé Đônphinô hỏi lại cha.

- Con gỡ cặp kính ra khỏi mắt hộ cha... Được rồi... Con thông minh lắm! Bây giờ thì cha không còn nhìn thấy gì nữa...

Ông quay đầu ra phía đám người, mắt nheo lại, mặt nhăn nhó và nở một nụ cười để lộ hàm răng vàng khè. Ông co rúm người lại, vươn cổ lên, nhưng nổi sần nảo chẹn cổ họng khiến câu ông định nói lần này không thoát ra khỏi miệng được:

- Thôi cũng được!

ANH CHỒNG CỦA VỢ TÔI

Ngựa và bò - một lần tôi đọc thấy bài nói về hai con vật ấy trong cuốn sách tên là gì và tác giả là ai tôi không nhớ, - *Ngựa và bò*... Nhưng có thể khoan nói đến bò vôi, tôi chỉ trích đoạn nói về ngựa, như sau:

“Ngựa là giống không biết rằng nó sẽ chết cho nên không biết tới phép siêu hình. Nhưng nếu con ngựa biết rằng nó sẽ phải chết, thì vấn đề cái chết đối với nó sẽ quan trọng hơn vấn đề cái sống rất nhiều.

Kiểm cỏ khô cũng như tươi tạt nhiên là công việc cực kỳ quan trọng. Nhưng tiếp theo đó còn nảy ra vấn đề khác: sau khi vất vả vài ba chục năm để có được cỏ ăn liên tục, tại sao lại cứ nhất thiết phải chết, và như vậy thì sống để làm gì?

Con ngựa không biết rằng nó sẽ phải chết cho nên không băn khoăn gì những chuyện ấy. Nhưng con người ta - theo định nghĩa của Sôpenhaor^[15] - là một động vật siêu hình (nghĩa là con vật biết trước rằng mình sẽ phải chết), thì câu hỏi kia được đặt ra một cách day dứt”.

Qua những lời trên, nếu tôi không lầm, ta phải rút ra kết luận rằng tất cả mọi người đứng ra đều phải ghen với loài ngựa. Nhất là những động vật siêu hình kiểu như tôi, nghĩa là đang đau ốm, biết rằng trước chẳng còn bao lâu nữa mình sẽ chết đã đành, nhưng biết cả những gì sẽ xảy ra sau khi mình chết, vậy mà không có cả đến cái quyền được phẫn nộ.

Đã là cận thì có bao giờ lại trong suốt. Càng gần đến ngày chết, sinh lực trong thân thể tôi càng cạn dần và trở nên chua. Thế là tôi muốn tuôn ra giấy cho nhẹ đi nỗi chua xót, để kiếm chút thú vị sau này (nỗi thú vị mà tôi sẽ không được hưởng): Tôi muốn vợ tôi sau khi tôi chết, đọc những dòng chữ này và hiểu rằng tôi đã nhìn thấy trước mọi thứ.

Ý nghĩ này nảy sinh trong óc tôi vào sáng hôm nay. Nó nảy sinh bởi vì vợ tôi bắt quả tang tôi đang đứng ngoài hành lang, cúi người nhòm qua lỗ khoá vào phòng riêng của cô ta.

- Tưởng anh không có máu ghen kia mà. - cô ta hét lên với tôi, - sao anh lại làm như thế? Lại bỏ cả giày ra để không có tiếng động nữa kia.

Tôi ngó xuống chân. Đúng là tôi đi chân đất thật! Vừa lúc ấy vợ tôi cười phá lên. Tôi biết trả lời thế nào đây? Tôi đành lúng búng vài câu thanh minh ngu xuẩn nhất. Đại khái là tôi không định nhòm trộm, tôi làm thế chỉ thuần túy do tò mò. Bởi vì tôi không nghe thấy tiếng đàn pianô nữa, và cũng không nhìn thấy ông thầy dạy nhạc về, thế là tôi... Nhưng tôi thề rằng giày thì tôi cởi trước đây khá lâu, không phải để rình mò. Chỉ đơn giản là lúc nãy tôi thấy đau chân. Cô ta, nàng Ophemia yêu quý của tôi, người vừa phát hiện là tôi đi chân đất, đúng ra phải hiểu được tại sao tôi lại đau chân, và đừng có cười chuyện ấy, ít nhất cũng đừng cười ngay trước mặt tôi. Chân tôi thỉnh thoảng bị phù, và vì rối rĩ tôi tần mẩn sờ vào đó, ấn ngón tay mạnh xuống, rồi chờ một lúc cho chỗ lõm dần dần đầy lại.

Nhưng như thế hoàn toàn không có nghĩa là tôi đã phạm một điều ngu xuẩn không thể tha thứ được.

Bởi vì tôi vẫn biết, và hiện giờ cũng biết rằng vợ tôi không ưa tý gì cái lão ấy - tức là ông thầy dạy nhạc cho vợ tôi. Hơn nữa, tôi tin chắc, tin hoàn toàn rằng trong khi tôi còn sống, vợ tôi chưa phản bội tôi. Ngần ấy năm trời cô ta không phản bội tôi, vậy tại sao trong có một thời gian ngắn vài tháng, thì cứ cho là bốn tháng, sáu tháng đi nữa, cô ta lại phản bội kia chứ? Mà không, tôi tin chắc rằng vợ tôi đủ kiên nhẫn chờ đợi, cho dù tôi kéo dài thêm một năm nữa mới chết.

Rồi lại còn vì tôi biết rất rõ anh ta, anh chồng (tương lai) của vợ tôi. Và tôi dám đem cái đầu tôi ra đánh cược rằng anh ta sẽ không làm gì khiến tôi phải phiền lòng, trong khi tôi vẫn còn ngắc ngoải.

Anh ta chính là bạn thân của tôi. Một chàng trai tuyệt diệu.

Thật ra anh ta cũng không trẻ trung gì lắm. Bốn chục tuổi, nghĩa là suýt soát tuổi tôi. Chỉ có điều trông tôi già khòm như đã một trăm tuổi, còn anh ta thì vạm vỡ, đi đứng trong cuộc đời vững chãi giống như một cây sến trong khu rừng vậy. Ngoài ra anh ta lại còn được trời phú cho, nói theo như các cụ già, đủ thứ phẩm hạnh khiến người đàn ông trở thành kiểu mẫu: “Cử chỉ thanh lịch, tính tình rộng rãi và cao thượng”.

Bộc lộ rõ nhất là trong thái độ anh ta chăm sóc tôi.

Chẳng hạn, hầu như sáng nào cũng thế, anh ta đi xe ngựa đến đón tôi để tôi thở hít khí trời bên ngoài. Anh ta xốc nách tôi, dìu tôi đi chậm chậm xuống thang gác, đến mỗi chỗ ngoặt lại bắt tôi phải nghỉ để thở. Anh ta đếm đến một trăm rồi sờ mạch tôi xem có chạy quá nhanh hay không, rồi nhìn vào mắt tôi, anh dịu dàng hỏi:

- Đi tiếp chứ?

- Đi tiếp.

Và cứ từ tốn như thế cho đến tận tầng dưới cùng. Đạo chơi xong anh đặt tôi vào chiếc ghế bành, rồi đích thân đứng một bên, bên kia là bác gác cổng toà nhà, hai người khiêng tôi lên gác.

Tôi cố phản đối nhưng không nổi. Thật ra tôi cũng không thể leo một mạch bảy tầng liền mà không thở hồng hộc. Nhưng tôi không muốn để bạn tôi phải vất vả phục dịch tôi như thế. Tôi muốn bác gác cổng kiếm thêm một người nào khác làm cái công việc ấy... Nhưng không được, bởi vì nếu như Phlorestanô đủ sức khoẻ thì anh ta sẵn sàng một mình vác tôi lên, không cần nhờ ai giúp. Thôi cũng được, bởi vì tôi cũng chẳng nặng nề gì (chỉ khoảng bốn mươi lăm kilô kể cả quần áo) với lại tôi thầm nghĩ, anh ta muốn lập công với tôi như vậy để sau này hưởng hạnh phúc với vợ tôi khỏi phải áy náy. Cứ để anh ta vất vả một chút cũng không sao?

Mặt khác, ngay cả vợ tôi, cô Ophemia cũng thích thú được vất vả vì tôi. Thậm chí cô ta còn muốn vất vả, khổ sở vì tôi nhiều hơn nữa để sau này có hưởng sung sướng lương tâm cô cũng không phải day dứt. Cái quyền được

hưởng một cách hợp pháp, sự đền công một cách hợp pháp khiến cả cuộc đời cả lương tâm đều không thể từ chối cô, và bản thân tôi cũng không lý gì hờn giận.

Tuy nhiên cũng phải thú thật rằng có những giây phút tôi thèm nhìn thấy họ lộ nguyên hình là những kẻ khốn nạn. Những ý nghĩ cao thượng, những tình cảm tinh tế của họ nhiều lúc tôi cảm thấy chỉ là những trò nhân tâm vô cùng. Bởi vì tôi không có khả năng phản ứng quyết liệt đối với những gì sẽ xảy ra sau khi tôi chết, điều ấy đã rõ ràng, cho nên tôi luôn cảm thấy có bồn phận phải gọi thằng con trai độc nhất của tôi đến đặt nó đứng giữa hai đầu gối của tôi, để căn dặn nó phải yêu mến và kính trọng theo tư cách đứa con đối với người chẳng bao lâu sẽ trở thành bố thứ hai của nó, để nó không bao giờ được làm điều gì khiến Phlorestanô phải phiền lòng. Tôi bảo con trai tôi:

- Cáclusô yêu quý. Hai bàn tay của con bẩn rồi kìa. Hôm qua bác Phlorestanô đã nói với con như thế nào lúc bác nhìn thấy mũi con giây mực? Bác ấy đã bảo rằng: “Chùi sạch cái mũi bẩn đi, Cáclusô, kéo bác bỏ cháu vào tù bây giờ. Tất nhiên bác Phlorestanô nói đùa thế thôi. Thời bây giờ không ai bỏ tù kẻ khác chỉ vì bàn tay bẩn bẩn. Nhưng con vẫn cứ phải đi rửa tay” bởi vì bác Phlorestanô yêu những đứa trẻ sạch sẽ. Bác ấy tốt bụng và rất yêu con, Cáclusô ạ, và con cũng phải rất yêu bác ấy. Và phải nhớ vâng lời bác, để bác luôn luôn hài lòng về con. Con hiểu chứ, con yêu của bố?

Rồi tôi ca ngợi tất cả những quà cáp đồ chơi mà anh bạn đem đến cho thằng con trai tôi để lấy lòng Ophemia. Thằng con tội nghiệp của tôi theo đúng lời tôi khuyên bảo và đã tỏ ra quán quýt Phlorestanô. Chẳng hạn, cách đây ít ngày anh bạn tôi đưa thằng bé đi chơi phố, đến khi về nhà, anh ta vui vẻ kể với tôi rằng, trong lúc hai bác cháu đi ngang qua bãi rộng dưới trời nắng, con trai tôi đột nhiên đứng dừng lại, hét lên rồi buồn bã hỏi anh ta:

- Cháu làm bác đau lắm phải không, thưa bác Phlorestanô?

- Không, Cáclusô ạ. Nhưng tại sao cháu lại hỏi bác như thế?

Con trai tôi đã ngây thơ đáp:

- Tại cháu vô ý giẫm lên bóng của bác.

Ôi, nhưng đến như thế thì quá, con trai tội nghiệp của tôi ơi! Con đúng là chẳng hiểu gì hết. Giẫm vào bóng thì có sao đâu. Bác Phlorestanô và mẹ của con đến một ngày nào đó sẽ giẫm chân lên bóng của bố con đây, mà họ đều tin chắc rằng bố con không đau đớn chút nào, bởi vì khi bố còn sống, họ đã cố giữ để không giẫm lên, ít nhất thì cũng là giẫm lên bàn chân của bố.

Giữa ba chúng tôi diễn ra một cuộc thi xem kẻ nào lịch sự hơn! Nhưng trong khi ấy thì một nỗi khổ tâm tự nguyện cũng lớn lao không kém. Tôi là kẻ ốm đau thảm hại, tôi rất thèm được buông thả theo dòng, nhưng tôi lại buộc phải giữ nghị lực, cố không làm điều gì khiến vợ tôi và bạn tôi phải phiền lòng, nếu không thì họ sẽ lại tăng thêm sự ân cần săn sóc tôi. Đôi khi sự săn sóc quá đáng ấy khiến tôi ghê tởm, thậm chí sợ hãi nữa. Có thể là tôi nghĩ sai. Nhưng nhìn thấy vẻ lịch sự, chiêu đãi ân cần trong khi tôi sắp chết khiến nhiều khi tôi cảm thấy như mình đang xem một vở hài kịch tởm lợm. Tôi thấy rõ hai người ấy đeo găng tay màu vàng, vừa khúm núm lễ phép quá đáng vừa đẩy tôi đến cửa địa ngục. Và tôi cảm thấy như họ cúi rất thấp chào tôi và mỉm hai nụ cười rất tươi rồi bảo:

- Anh bước qua cái cửa ấy đi. Chúc anh mọi điều như ý! Và xin anh hãy tin rằng chúng tôi không bao giờ quên anh, một con người tốt bụng, biết điều và đúng đắn vô cùng!

Hai người ấy luôn luôn nói với tôi rằng phải thành thật. Thành thật ư? Nhưng đối với tôi lúc này thành thật chỉ có một nghĩa, đó là *giết*. Mong Chúa tha cho tôi cái ý nghĩ ấy! Cái gì đã giữ tay tôi lại?

Ta thử bàn bạc nghiêm túc xem. Nếu tôi không phải tín đồ, nếu tôi không tin Chúa một cách thật sự và tôi tin rằng chết là hết, kể cả linh hồn cũng không tan biến, rằng sau đây không còn gì nữa, thì các vị nghĩ rằng tôi sẽ không giết Phlorestanô chẵn?

Vào những đêm khó ngủ, tôi tưởng tượng cảnh hấn ta nằm vào giường của tôi, chiếm chỗ của tôi, hưởng tất cả những quyền của tôi đối với vợ cũng như đồ đạc. Tôi nghĩ đến chuyện ở phòng bên cạnh, con tôi đang ngủ bỗng thét lên, khóc nức nở gọi mẹ, nhưng hấn ta rất có thể sẽ bảo với vợ tôi, nếu như vợ tôi định nhòm dậy để sang với con xem thử có chuyện gì: *“Mặc cho nó khóc, em yêu quý, đừng dậy làm gì, rất có thể em bị cảm lạnh mắt!”*. Nhưng khi nghĩ đến chuyện ấy, xin thề với quý vị, tôi muốn giết Phlorestanô ngay lập tức.

Thế nhưng tôi không làm gì hết. Đêm nào tôi cũng chỉ ngồi lặng lẽ bên cửa sổ, nhìn ra bầu trời rất lâu. Có một ngôi sao nhỏ lấp lánh mà tôi nhìn mãi không chán, và tôi thường nói với ngôi sao ấy:

- Hãy chờ tôi và tôi sẽ đến.

Còn với Ophêmia, vốn bố cô là người theo tư tưởng tự do, cô thường tự hào là không tin Chúa. Với cô., tôi luôn bảo:

- Em ngốc lắm, hãy tin ở Chúa. Và hãy biết ơn, hãy tạ ơn Chúa.

Ophêmia nhìn tôi, hình như cô ta sững sốt thấy tôi, Luca Lêusi mà lại có thể thốt ra những lời lẽ như thế. Bởi vì cô cho rằng tôi làm sao có thể tin ở Chúa được, khi Chúa đối xử với tôi tàn nhẫn đến như vậy: bắt tôi phải chết trẻ. Nhưng nếu cô ta thật sự yêu Phlorestanô, thì khi được đọc những dòng này cô sẽ phải cảm tạ Chúa.

Tôi hiểu rất rõ rằng, tôi sẽ phải chết càng sớm càng tốt. Đôi lúc tôi bắt gặp Phlorestanô đưa mắt nhìn vợ tôi và thở dài. Những lúc ấy tôi thấy rõ hấn ta đang sốt ruột đến độ nào. Và tôi tưởng tượng đến lúc vợ tôi, mệt mỏi ngả cái đầu có mái tóc vàng xinh đẹp lên bộ ngực vạm vỡ của thằng cha, dịu dàng vuốt ve hàng ria mép oai vệ của hấn, rồi dùng hai ngón tay khẽ vạch thành hai chòm ria màu hung khá dài ấy!... Ôi, sao mà hạnh phúc đến thế! Chịu khó đợi ít lâu nữa, Ophêmia! Và khi ấy những lời lẽ mà đêm khuya cô thì thầm vào tai tôi lúc ôm tôi, cô sẽ lặp lại với hấn, mà không nhận ra rằng cô đang lặp lại những câu đã từng nói với tôi:

- Niềm vui sướng của em... Anh thân yêu của em..., đúng thế! Ôi, anh thân yêu!...

Tôi bắt đầu cười vang, cười không sao ghìm lại được. Thế là cả hắn, cả vợ tôi đều ngạc nhiên hỏi, tôi cười chuyện gì. Tôi lắng bằng một câu đùa, thế là thằng cha Phlorestanô nhận xét:

- Lêusi thân mến ạ, có *đến già* cậu vẫn không bỏ được cái thói bõn cợt kiểu như hề ấy.

Nhưng thường tôi không đạt được việc làm trò hề như hắn ta nói. Trái với ý muốn, những lời đùa bõn của tôi đâm ra thành chua chát, và những khi đó, ngồi bên cạnh tôi trong xe ngựa, Phlorestanô khó chịu. Tôi bảo hắn ta:

- Phlorestanô ạ, mình sẽ đề nghị cậu đứng vào địa vị mình nếu như cái địa vị ấy không đến nỗi tệ như thế này. Mình tin chắc rằng nếu cậu ở địa vị mình, cậu sẽ thấy một cảm giác kỳ lạ, khi cậu tin rằng cậu sống chẳng được bao lâu nữa và cậu hình dung đến khi cậu chết mọi người sẽ cư xử ra sao?

Tôi giải thích rất rõ ràng, nhưng Phlorestanô làm bộ như không hiểu gì hết. Tôi vẫn tiếp tục:

- Phlorestanô ạ, chẳng hạn mình biết rất rõ rằng, khi người ta chôn mình, cậu sẽ đặt lên mộ mình thứ hoa nào bằng sứ!

Phlorestanô lên tiếng phản đối và thế là tôi không nói nữa. Tôi ngồi yên lặng, gầy gò, xanh xao và buồn bã, trong cỗ xe ngựa chạy chậm chậm trên con đường rộng thênh thang ở Gianicôlô, nhìn ra quang cảnh thanh bình lúc mặt trời đang lặn. Phải chăng chuyện những kẻ khác sẽ hưởng cuộc đời ra sao thì có gì quan trọng đối với tôi? Anh chàng vạm vỡ vai rộng ngồi cạnh tôi đang thờ dài. Vợ tôi ngồi ở nhà cũng đang thờ dài. Lại đến đứa con trai của tôi (sau khi tôi chết), chẳng mấy lúc sẽ quên hoàn toàn mặt mũi tôi.

- Bố ơi...

Khi đó Phlorestanô sẽ quay mặt lại, lo ngại hỏi nó:

- Con làm sao thế? Cáclusô ạ, chồng của mẹ con đâu phải là bố thật của con. Con có hiểu không?

Nhưng, dù thế nào đi nữa, Cáclusô, cuộc sống vẫn đẹp vô cùng... vẫn đầy đặn nữa.

NGƯỜI ĐANG SỐNG VÀ NGƯỜI ĐÃ CHẾT

Con tàu Táctana mà bác Ninô Mô đặt tên cho là “Philippa” để kỷ niệm người vợ thứ nhất, đang vào bến Empêđocle. Hoàng hôn đỏ rực, hoàng hôn diễm lệ của biển Địa Trung Hải. Trong vẻ huy hoàng của ánh sáng và màu sắc, những làn sóng biển lăn tăn cũng lấp lánh chuyển sắc màu theo. Trên cửa sổ những ngôi nhà đủ màu sắc các ô kính cũng ánh lên đỏ rực. Cao nguyên Mécghen lấp loáng. Bãi cát ven biển cũng như được mạ vàng. Điểm đen duy nhất nằm ngay cạnh đê chắn sóng là hình thù buồn tẻ của toà lâu đài cổ.

Lúc tàu chạy lọt vào giữa hai hàng đá ngầm, các thuỷ thủ nhìn thấy rặng, khắp bên cảng, từ toà lâu đài cổ cho đến cây đèn biển bằng đá trắng, chỗ nào cũng nhung nhúc người. Họ la hét, vẫy mũ nồi và khăn quàng phụ nữ.

Tất nhiên, cả bác Ninô lẫn các thuỷ thủ đều không hề biết rằng, họ được đón tiếp nồng nhiệt đến thế, mặc dù những tiếng gào thét và những cánh tay có vẻ như hướng về phía họ. Họ yên trí rằng, đây là một đơn vị tàu chở ngư lôi nào đó cũng đang vào bến. Họ sắp sửa thả neo và dân chúng chào đón họ, bởi vì không phải ngày nào cũng có tàu quân sự loại lớn như thế cập bến.

Bác Ninô cẩn thận cứ ra lệnh hạ buồm xuống để chờ chiếc tàu từ trong bến ra kéo chiếc “Philippa” của bác vào cảng.

Các cánh buồm đều đã được hạ xuống. Con tàu từ từ lướt giữa hai dãy đá ngầm, trên làn nước biển xanh như ngọc. Và những thuỷ thủ trẻ hiền kỳ giống như những con sóc leo lên những sợi dây thừng, những cột buồm, thậm chí cả trục buồm nữa.

Kia rồi tàu, ra kéo, theo sau nó là vô số thuyền nhỏ. Tàu kéo chạy rất nhanh. Và những thuyền nhỏ, chiếc nào cũng đầy ắp người, đều như chực

chìm. Người trên các con thuyền đều reo hò, vẫy tay và tỏ cái gì ấy.

Có nghĩa đúng là họ ra đón ta? Bao nhiêu là người? Mà sao ầm ĩ đến thế? Hay họ nghĩ chúng ta đã suýt bị đắm ngoài khơi?

Đám thủy thủ chạy ủa ra đằng mũi tàu, đón những chiếc thuyền nhỏ, để hỏi xem tại sao mà ồn ào đến như thế, nghe xem mọi người gào thét những gì. Từ nãy đến giờ họ mới chỉ nghe rõ mỗi một từ.

- Philippa! Philippa!

Bác Ninô bình thân đứng tránh sang một bên. Là người duy nhất không bị kích động bởi thói hiếu kỳ, bác không rời khỏi chỗ vẫn đang đứng, và vẫn thân nhiên nheo mắt bên trái, dưới trước mũ nồi kéo thấp như lệ thường. Con mắt này lác. Cuối cùng bác rút trong miệng ra chiếc tẩu bằng gộc cật, nhổ nước miếng rồi lấy mu bàn tay vuốt bộ ria mép cứng, màu hung và chòm râu cằm nhọn hoắt, quay ngoắt sang chú lính thủy trẻ, ra lệnh kéo chuông báo tin đến giờ đọc kinh chiều.

Từ nhỏ tuổi đã lăn lộn trên sóng nước, bác tin hoàn toàn vào bàn tay của Chúa, nhẫn nhục chịu đựng mọi tai họa của số phận, và bao giờ cũng khó chịu khi nghe thấy dân chúng gào thét.

Tiếng chuông đầu tiên, bác bỏ mũ nồi, để lộ ra chiếc đầu hói, chỉ được phủ bằng một lượt tóc thưa thớt màu hung. Bác làm dấu và đã sắp sửa đọc kinh thì bỗng nhìn thấy đám thủy thủ chạy đến và gào lên như điên:

- Bác Ni! Bác Ni! Bác gái! Bác Philippa! Còn sống! Bác gái đã trở về!

Bác Ni kinh ngạc. Bác hoảng sợ đưa mắt nhìn họ và hiểu ra rằng đây là sự thật chứ không phải ma quỷ hiện hồn. Trên khuôn mặt bác lần lượt thay nhau bốn hình thái tâm trạng: đầu tiên là nhăn nhó ngờ vực, rồi không tin hoàn toàn, rồi hoảng sợ và cuối cùng là mừng rỡ. Bác bỗng như nổi điên, gạt các thủy thủ đang sấn đến, túm ngực một người, lay mạnh và quát:

- Cái gì? Cái gì? - Rồi giơ tay lên như phòng bị một cuộc tấn công, bác lao đến mũi con tàu, nhìn những người ra đón. Họ gào thét và vẫy tay với bác. Bác lùi lại như sợ sự việc mới xảy đến (mà cũng có thể bác muốn lao đầu xuống biển chẳng?) rồi lại quay về phái các thủy thủ, như cầu xin sự giúp đỡ, sự viện trợ. Bà ấy còn sống ư? Sao lại còn sống được kia chứ? Bà ta đã trở về? Đi đâu mà trở về? Bác không thốt lên được thành lời, chỉ đưa tay ra hiệu thả thang dây xuống cho nhanh. Thủy thủ thả xong, bác hét lên:

- Nào, giữ chặt nhé! - Rồi bám lấy dây, nhanh nhẹn như con vượn, bác leo sang con tàu kéo và mọi người bên đó đỡ lấy bác.

Đám thủy thủ trên tàu “Philippa” thất vọng và giận giữ nhìn theo người thuyền trưởng. Rồi, dường như sợ bỏ qua mất cảnh tượng hiếm hoi, họ lại gào ầm lên, để người ta chọn dây thừng buộc con tàu này vào với tàu kéo. Không ai chú ý đến họ. Tất cả những chiếc xuồng đã bơi theo tàu kéo. Trên chiếc tàu này bác Ninô Mô đang bối rối theo những lời kể rời rạc lộn xộn về chuyện bà vợ thứ nhất của bác hồi sinh. Trước đây ba năm bác gái đi Tunix^[16] thăm bà mẹ sắp chết, và mọi người đều tưởng bác đã chết cùng với các hành khách khác trên con tàu đắm. Nhưng bây giờ mới biết, thì ra riêng bác gái thoát chết: suốt một ngày lênh đênh trên mặt sóng, bám vào một mảnh gỗ và cuối cùng được một con tàu Nga vớt lên. Trên đường sang Mỹ, vì quá hoảng sợ bác gái phát điên, và nằm hai năm tám tháng trong bệnh viện tâm thần ở Niu Yooc. Sau đấy bác khỏi bệnh, tìm đến cơ quan lãnh sự. Ba ngày sau bác lên tàu về đây, qua đường Ghênoa.

Bác Ninô Mô bị cả một trận mưa những chi tiết lộn xộn về những vụ việc ấy đổ xuống đầu, bác chỉ nhấp nháy cặp mắt lác. Mi mắt trái máy liên hồi và mặt bác méo xệnh như bị ai đâm cái trâm nhọn vào.

Trên một chiếc xuồng có tiếng thét: “Thế là có hai vợ, sướng thế!” và tiếng cười rộ lên thô bỉ. Bác lắc người như để tỉnh lại, khinh bỉ và khó chịu lờm đờm họ xa dần rồi chìm mất dưới đường chân trời. Và bây giờ họ lũ lượt kéo đến đây! Để chờ đợi cái gì kia chứ? Họ chen lấn nhau, gào thét như lũ người điên. Họ muốn được xem một người có hai cô vợ ra đón. Họ thú vị lắm đấy! Nhưng bản thân bác thì sao? Bởi vì hai vợ của bác lại là chị

em ruột. Và hai chị em ấy yêu quý nhau biết chừng nào! Chị, tức Philippa đã bao nhiêu năm nuôi nấng em, tức là Rôda, chăm sóc em thay mẹ. Sau khi lấy chồng chị vẫn không chịu xa em, đem cô về ở cùng và coi như con. Cho nên ngay từ khi cưới chị, Rôda đã cùng ở một nhà với bác. Cũng vì thế, khi Philippa bị nạn đắm tàu, tưởng không còn sống nữa, bác suy tính: “Kiếm ai chăm sóc thằng con trai cho chu đáo được bây giờ?” Thế là bác lấy luôn Rôda, nhất cử lưỡng tiện. Nhưng bây giờ thì sao? Bây giờ làm cách nào đây. Từ khi nghe tin Philippa thiệt mạng, và Rôda trở thành vợ bác, đến nay cô đã có thai đến tháng thứ tư rồi. Có gì đâu mà đám người kia thích thú kia chứ? Bác có hai vợ, mà đều là chị em với nhau, cả hai đều có con! Kia rồi, Philippa đứng trên bến đang đợi! Đúng là cô ấy rồi. Đúng là Philippa! Và còn đang sống! Đang vẫy tay chào bác, rõ ràng cô không hề bực bội gì mà còn muốn động viên chồng. Một tay vẫy chồng, một tay ôm ngang lưng em. Còn Rôda thì khóc, người run lẩy bẩy, đau khổ và xấu hổ. Trong lúc ấy mọi người xung quanh cười đùa thích thú, vỗ tay reo hò và vẫy mũ. Họ cũng đang chờ bác.

Bác Ninô Mô run lên vì giận dữ. Giá mà nhảy tót xuống biển cho chết đuối ngay được nhỉ? Bác đã tính, hay ra lệnh cho thủy thủ quay ngược con tàu ra khơi trở lại! Trốn đi nơi nào thật xa và không trở về đất này nữa. Ngay lúc ấy, bác hiểu ra rằng, không thể đương đầu nổi với sức mạnh thù địch của đám người đông đúc kia. Đột nhiên ruột gan bác như đứt đôi, tai ù và mắt tối xầm lại. Lát sau bác Ninô thấy đầu mình đã ngả trên ngực người vợ vừa mới hồi sinh. Bác gái Philippa cao hơn chồng hẳn một cái đầu: người cao, gầy, da mặt rám nắng, nghiêm nghị. Bác dáng đàn ông, từ cử chỉ, giọng nói đến cách đi đứng. Buông chồng ra là bác đẩy bác trai đến với cô em, ngay trước mặt tất cả mọi người để chồng ôm hôn cả Rôda nữa. Còn cô em gái, vợ thứ hai thì vẫn chăm chú nhìn chồng không chớp cặp mắt trong vắt giống như mặt hồ đầy nước mắt. Bị tiếng hò reo của đám đông làm cho bối rối, bác Ninô cảm thấy vừa xấu hổ vừa đau đớn. Bác cố nén tiếng khóc cứ chực bật ra, cúi xuống thằng con trai lên ba, bác nhấc bổng lên rồi điên cuồng rảo bước trên lối đi, miệng quát:

- Về nhà! Về nhà!

Hai người phụ nữ bước theo bác và đám đông, chen chúc hai bên thậm chí cả đằng sau, bám sát họ. Bác gái Philippa ôm Rôda dẫn đi, che chở cô. Bác Philippa cứ luôn luôn phải ngoái đầu lại, đối đáp với những câu trêu chọc. Thỉnh thoảng bác cúi đầu về phía em gái nói rất to:

- Đừng khóc nữa! Khóc lắm có hại cho cái thai đấy! Đúng rồi, thế là rất tốt! Mà việc gì phải khóc kia chứ? Mọi sự đều là do ý Chúa. Rồi sẽ yên ổn cả thôi. Kia, chị bảo đừng khóc nữa kia mà! Đâu khắc vào đấy tất. Chúa không bỏ rơi chị em mình đâu.

Sau đấy bác gái quay lại phía sau, quát hết người này đến người khác:

- Ô hay! Có chuyện gì lạ đâu chứ? Các ông các bà thấy rồi đấy: Hai chị em chúng tôi có đánh chửi nhau đâu nào? Chị em tôi là người lành hiền.

Khi họ đi đến lâu đài cổ, ánh hoàng hôn đã tắt, đám mây tím đỏ chỉ còn thừa sót và nhiều người đi xem đã bỏ về nhà. Họ thắp đèn bão lên rồi đi ra phía đường cái, trở về phía thành phố. Nhưng đa số vẫn cố bám theo mấy vợ chồng bác Ninô. Đám người đi dọc bờ biển, qua những xóm chài ra đến bãi Balatê, nơi bác Ninô ở. Đến trước cửa ngôi nhà, mọi người đứng lại chờ xem ba vợ chồng xử sự ra sao. Họ làm tưởng chuyện rắc rối này có thể ngã ngũ được ngay.

Ngôi nhà của bác Ninô mái rất thấp, tuyệt nhiên không có cửa sổ. Thêm đám đông tò mò che mắt cửa ra vào, nên trong nhà càng tối tăm và ngột ngạt. Nhưng cả bác Ninô cũng như cô vợ đang có thai của bác không thể nói gì được. Đám đông như một thứ bóng đen che phủ khiến tâm hồn hai vợ chồng tối sầm lại và họ không nghĩ ra được cách gì thoát nổi. Mỗi mình bác Philippa xoay trở mọi việc. Bác thắp đèn, đặt đèn lên bàn lúc này đã bày sẵn bữa ăn tối, rồi bước ra cửa.

- Lại kéo đến tận đây nữa! - bác gái thét lên - Các ông các bà đứng đây làm gì? Đã được bữa cười giễu cho sướng dạ rồi thì phải thôi mà về nhà đi chứ. Việc gia đình chúng tôi, chúng tôi khắc tự lo lấy. Thôi, các ông các bà về nhà đi cho!

Một số người bắt đầu tản ra. Trước khi về họ còn buồn thêm vài câu dí dỏm. Thật ra khá nhiều người đứng lại ngoài bờ biển, trong bóng tối, đợi xem biết đâu sẽ xảy ra chuyện gì ghê gớm.

Họ thêm đợi xem vì họ biết rất rõ bác Ninô cũng như hai chị em vợ bác xưa nay rất trung thực, sợ Chúa và bao giờ cũng tốt bụng.

Vào lúc này phẩm chất đạo đức ấy của họ cũng lại bộc lộ ra không chút vẩn đục. Suốt đêm cửa ra vào để ngỏ. Bờ biển đen ngòm một cách buồn tẻ, thỉnh thoảng lại bị ngắt quãng bởi một vũng nhỏ ăn sâu vào. Mặt nước sẫm màu trông quánh lại. Những mô đá đen xì nhô cao phía dưới bị sóng đánh lồm vào và phủ đầy rong biển. Thỉnh thoảng một ngọn sóng đánh tràn qua rồi rút xuống rất nhanh tạo thành một dòng thác nhỏ đổ xuống. Suốt đêm ánh sáng vàng khè của ngọn đèn vẫn hắt qua cửa ra bên ngoài. Ai đi ngang qua cũng có thể nhìn thấy rõ những gì diễn ra bên trong. Thoạt đầu cả bốn người: ông chồng, hai bà vợ và thằng con trai nhỏ, cùng ngồi vào bàn ăn bữa tối. Sau đó hai chị em Philippa và Rôda quỳ xuống trước tượng Chúa đọc kinh, bác trai thì ngồi ở bàn, tay chống má cũng đọc kinh. Rồi thằng con trai bé lên giường bố mẹ, co quắp ngủ. Cô vợ thứ hai có thai thì ngồi ngay dưới sàn nhà, gục đầu lên tấm nệm. Hai người kia, bác Ninô và bác gái Philippa ngồi hai bên bàn trò chuyện. Lát sau họ ra ngồi trên bậu cửa tiếp tục thì thầm nói chuyện trong bóng đêm, chỉ có ánh sáng yếu ớt của các vì sao chiếu vào họ và tiếng sóng biển vỗ đê mê theo.

Sáng hôm sau bác trai Ninô và bác gái Philippa, không nói với ai một lời, lặng lẽ đi tìm thêm chỗ ở. Họ thuê một túp lều ở cuối xóm, bên cạnh lối ra nghĩa trang và nằm lưng chừng núi. Họ chõ giường, bàn, hai cái ghế và đến gần tối thì họ chõ Rôda tới. Cô vợ đang có thai vào, đóng cửa lại. Hai vợ chồng bác Ninô quay về nhà ở bãi Balatê.

Cả vùng thương xót hộ Rôda. Chồng với bà chị làm như thế là nhẫn tâm, nữ đuôi một phụ nữ đang có thai ra khỏi nhà, bắt phải sống một mình! Sao họ đang tâm làm như thế nhỉ! Cô Rôda ấy có lỗi gì đâu? Tất nhiên luật pháp quy định... nhưng luật pháp nào? Sao có thứ luật pháp kiểu Thổ Nhĩ Kỳ như vậy? Không được! Xin Chúa chứng giám, làm như thế là không thể được! Là vô lương tâm.

Nhiều người kéo đến có ý kiến ngay với bác Ninô. Bác đang bước chân trên bến cảng, xem xét việc lấy hàng (tàu của bác sửa soạn ra khơi). Mặt bác khó đăm đăm, âu sầu hơn mọi khi nhiều.

Bác không đứng lại, thậm chí không ngoái nhìn người đến gặp mình, mà chỉ kéo chiếc mũ nồi xuống sát mắt (một mắt mở, một nhắm) rồi vẫn không bỏ chiếc tàu trong miệng ra, chặn đứng mọi lời yêu cầu hay lên án:

- Không phải việc của các ông, các bà!

Bác lạnh nhạt với cả những người mà bác gọi là “bề trên” như mấy ông môi giới, nhà buôn, chủ tiệm. Nói cho đúng ra, khi nói với họ bác có điệu giọng đi đôi chút:

- Mỗi người sống một cách, ông chủ ạ, - bác nói, - Đây là việc trong nhà. Những chuyện như thế này chỉ Chúa mới hiểu và phán xử được cho tôi.

Hai ngày sau bác theo tàu ra khơi, nhưng với thủy thủ bác cũng không hé răng thổ lộ điều gì.

Trong thời gian, bác trai đi vắng, hai chị em về ở chung với nhau trong ngôi nhà cũ kỹ. Họ sống hoà thuận, yên ổn, cùng trông nom đứa trẻ và lo toan việc nhà. Ai hỏi, họ chỉ gơ tay, ngược mắt nhìn lên trời rồi mỉm cười buồn bã:

- Chúng tôi tuân theo ý Chúa thôi, bà ạ.

- Chúng tôi tuân theo ý Chúa thôi, ông ạ.

Hai chị em cùng ra bến đón con tàu. Đứa trẻ đi ở giữa. Lần này số người hiếu kỳ giảm hẳn đi. Trên tàu bước xuống, bác Ninô chào cả hai chị em, lặng lẽ hôn thẳng con trai, nhắc nó lên rồi bế về nhà. Hai bà vợ đi theo đằng sau. Nhưng lần này chỉ có cô vợ thứ hai Rôda đang có thai vào nhà. Còn bác gái Philippa thì bế con trai sang túp lều thuê ở lối ra ngoài nghĩa trang.

Đến lúc này cả vùng đều hiểu được ra rằng, không việc gì phải thương xót hộ Rôda. Không ai xúc phạm đến cô. Dân trong vùng đều phần nộ. Họ phần nộ vì cách giải quyết vụ này quá đơn giản! Thật ra lúc mới phát hiện, sự việc rắc rối được ba vợ chồng nhà này xử lý một cách đơn giản đến thế, mọi người chỉ sững sốt. Rồi họ phì cười. Nhưng khi đã cười chán, ai cũng thấy cách giải quyết như thế này là hay nhất, bởi vì cả hai người vợ không ai có lỗi. Cũng chẳng phải chị hoặc em lừa dối hay làm điều gì sai trái. Cả hai đều là vợ chính thức của bác Ninô trước Chúa cũng như trước pháp luật, trước dư luận. Khốn nỗi dân chúng lại uất ức trước sự thanh thản, hoà thuận nhanh đến như thế của hai chị em. Họ đâm ghen tức. Hai chị em không căm ghét gì nhau. Ờ thì Rôda chẳng có lý do gì để ghen với bà chị. Từ thuở bé cô đã chịu ơn của Philippa. Còn bây giờ, muốn nói thế nào thì nói, cô đã lấy chồng của chị. Nhưng Philippa lại là chuyện khác. Ờ thì bác ta chẳng có lý do gì để trách cứ cô em. Nhưng có nên vui vẻ ngay như thế không? Như thế này nghĩa là cả hai chị em đều tôn trọng và tuân thủ sự thiêng liêng của hôn nhân, đều trung thành với bổn phận người làm vợ trước ông chồng. Mà cũng cần nói thêm rằng, chồng của họ, bác Ninô hầu như quanh năm vắng nhà. Về được vài ba ngày lại đi biệt, lần nào cũng vậy.

Chuyện chẳng có gì đáng nói. Họ đều làm đúng bổn phận... Tuy thế, tuy họ hoà thuận thật nhưng vẫn cứ có một cái gì đó không thật ổn.

Lần thứ hai, sau chuyến đi biển, vừa về đến nhà, bác Ninô bị nhà chức trách sở tại gọi lên và bảo rằng, tội lấy hai vợ là vi phạm luật pháp, sẽ bị trừng trị.

Trước khi lên gặp nhà chức trách, bác Ninô đã hỏi ý kiến một luật sư, cho nên lúc này nghe lời đe dọa của nhà chức trách bác rất bình thản. Bác phản đối. Bác bảo trong chuyện này không làm gì có chuyện cưới hai vợ. Bởi vì theo đúng như trong giấy tờ văn bản thì vợ thứ nhất của bác đã chết rồi. Theo đúng pháp luật thì bác chỉ có một vợ và đó là Rôda. “Nhưng cao hơn cả luật pháp của con người làm ra, - bác kết luận, - còn có luật pháp của Chúa, và tôi không thể làm trái cái luật pháp ấy”.

Bác còn gặp rắc rối cả tại toà Thị chính. Chẳng là sau đó, cứ năm tháng một lần đều đặn bác ra đây khai sinh cho một đứa con mới ra đời. Đứa này là con của bà vợ đã chết, và đứa này là con của bà vợ đang sống.

Hôm lần đầu tiên ra khai cho đứa con của Rôda, mọi chuyện đều êm thấm. Philippa mới trở về nên vẫn được coi là người đã chết rồi. Nhưng lần thứ hai, khi bác Ninô ra toà Thị chính làm thủ tục khai sinh cho đứa con của Philippa ra đời sau đứa trước năm tháng thì đâm lòi thối. Bởi vì theo đúng giấy tờ thì Philippa đã chết. Vậy đứa con này là không chính thức? Nếu nó là con chính thức thì đứa khai sinh năm tháng trước đó phải là không chính thức.

Bác Ninô Mô gãi gáy, kéo chiếc mũ nồi xuống sát mắt, nói với viên thư ký toà Thị chính:

- Hay là... xin ông cứ đăng ký, coi như đứa trẻ này là con của vợ thứ hai của tôi?

Người viên chức ngạc nhiên nhìn thẳng vào mắt đương sự:

- Sao lại thế được? Mới trước đây năm tháng đã khai một đứa là con bà thứ hai của bác rồi kia mà?

- Đúng thế. Đúng thế. - Bác Ninô vẫn tiếp tục gãi gáy, đáp. - Vậy làm thế nào bây giờ?

- Còn làm thế nào được? - viên thư ký toà Thị chính nổi xung. - Bác còn hỏi tôi làm thế nào ư? Vậy bác là gì? Là ông vua phương Đông có hàng chục vợ hay sao? Bác là thứ người gì đấy? Lẽ ra bác phải suy tính từ trước kia chứ? Bây giờ bác làm tôi khó nghĩ đến mức này! Đến khổ!

Bác Ninô lùi ra xa, rồi trở tay vào ngực mình:

- Tôi ấy à? - bác quát to. - Tôi còn làm cách nào được? Chuyện này là do ý Chúa cả, đúng không nào?

Viên thư ký toà Thị chính cũng nổi nóng:

- Chúa! Chúa! Chúa! Lúc nào cũng viện Chúa! Ai chết thì bảo do Chúa đòi! Không chết thì bảo Chúa thương tình! Để con ra thì bảo Chúa ban cho! Lấy hai vợ cũng đổ tại Chúa! Bác đừng có mà lôi Chúa ra như thế! Từ rày cứ chín tháng hãy ra đây một lần, tôi sẽ làm khai sinh cho bác đầy đủ hợp pháp. Và đứa con nào của bác cũng sẽ là con chính thức hết!

Bác Ninô bình thản lắng nghe ông ta nói. Rồi bảo:

- Nhưng chuyện ấy có tùy thuộc ở tôi đâu kia chứ? Ông muốn làm thế nào tùy ở ông nhưng tôi thì tôi đã làm tròn phận sự của tôi. Xin chào ông.

Và cứ năm tháng một lần, bác lại ra Toà thị chính để làm tròn phận sự, với niềm tin chắc chắn rằng đấy hoàn toàn là do ý Chúa.

CON RÙA

Thật là lạ, nhưng ngay đến ở Mỹ cũng có những người tin rằng loài rùa đem lại may mắn. Tuy nhiên có thể nói một cách hoàn toàn quả quyết rằng, bản thân những con rùa không hề ngờ rằng chúng lại mang đến cho ai hạnh phúc.

Ông Miscâu có một người bạn hoàn toàn tin chuyện ấy. Ông bạn này chuyên đầu cơ chứng khoán. Và buổi sáng, trước khi ra sở chứng khoán, ông đều đặt con rùa của ông trước một cái thang nhỏ. Nếu con rùa cố leo lên thang, ông tin tưởng chắc chắn rằng, những tờ chứng khoán mà ông định kiếm chác hôm nay sẽ tăng giá. Nếu con rùa rụt cổ lại, thu chân vào dưới cái mai thì những tờ chứng khoán sẽ giữ nguyên giá. Nếu con rùa quay đầu đi chỗ khác, giá chứng khoán chắc chắn sẽ hạ. không bao giờ sai.

Một lần, sau khi khoe với ông Miscâu như vậy, ông ta rẽ vào cửa hàng bán động vật, mua một con rùa, ấn vào tay bạn:

- Bạn cứ thử sẽ thấy ngay.

Miscâu là người rất nhạy cảm. Trên đường về nhà (khôn khở!), con người tròn xoe và năng động kia run lên, có thể là do thích thú, nhưng cũng có thể do ông hơi ngại ngại ghê ghê. Ông hoàn toàn không để ý đến những người đi ngược chiều ngạc nhiên ngoái đầu lại nhìn con rùa trên tay ông. Ông run rẩy khi nghĩ nghĩ rằng, con vật trông giống như hòn đá bất động và lạnh lẽo kia lại hoàn toàn không phải hòn đá. Dưới cái vẻ ngoài ấy, là một con vật bí hiểm, bất cứ lúc nào cũng có thể, thò bốn cái chân sần sùi cong queo trên bàn tay ông và cả cái đầu nhăn nhúm giống như đầu của bà tu sĩ già. Chúng ta hy vọng con rùa sẽ không làm cái trò ấy. Ông Miscâu rất có thể sẽ quăng ngay con vật xuống đất và run bắn người lên.

Không thể bảo rằng cô Elen và cậu Giôn thích thú gì đặc biệt khi thấy bố đặt con rùa giống như một hòn đá lên tấm thảm trải ngoài phòng tiếp

khách.

Thật khó mà tưởng tượng được hai cặp mắt của hai đứa con ông Miscâu lại có vẻ già nua đến như thế nếu đem so với cặp mắt của ông bố.

Hai đứa trẻ ném một cái nhìn cau có của hai cặp mắt màu chì nhìn con rùa nằm bất động như một viên đá trên tấm thảm. Sau đấy chúng nhìn sang ông bố, tin tưởng tuyệt đối rằng ông không thể kiếm được một lời giải thích lọt tai về cái vật quái gở kia. Sau khi đặt con vật lên tấm thảm trải ngoài phòng khách, ngay đến ông Miscâu tội nghiệp cũng sa sầm mặt mũi, đưa hai bàn tay lên một cách tuyệt vọng, miệng nở một nụ cười lúng túng và tự an ủi rằng, nói cho cùng thì đây cũng chỉ là một con vật hoàn toàn vô hại, ít nhất cũng có thể nuôi để chơi.

Như để chứng tỏ rằng bao giờ ông cũng vẫn là một đứa trẻ hồn nhiên, tinh nghịch, ông chống hai tay xuống thảm, thận trọng đẩy nhẹ con vật từ phía đuôi, bắt nó phải thò bốn bàn chân và cái đầu ra để bò. Khốn nỗi, lạy Chúa tôi, quả thật cũng đáng tốn công sức để tự thuyết phục mình rằng, cái ngôi nhà đẹp đẽ chỗ nào cũng toàn những kính và gương, ngôi nhà mà ông đem con vật kia về, mới vui vẻ làm sao. Bỗng nhiên cậu con trai Giôn của ông tìm được một cách, tuy không được tế nhị lắm nhưng hiệu nghiệm hơn, buộc con rùa phải từ bỏ tư thế hòn đá mà nó cứ khăng khăng giữ lấy cho đến giờ. Cậu dùng mũi giày hất ngửa con vật, và thế là nó đành ngoe nguẩy bốn chân, cố sức ngẩng cái đầu lên để quay lại tư thế tự nhiên quen thuộc của nó.

Nhìn thấy thế, cô Elen, cặp mắt vẫn không thay đổi, giữ nguyên vẻ già nua cũ, phá lên cười, tiếng cười giống như tiếng nghiền của cục sắt han gỉ trong bộ cần kéo nước ngoài giếng, lúc chiếc gầu bị buông cho rơi mạnh xuống.

Chuyện rùa đem lại may mắn không hề gây ấn tượng gì cho mấy đứa con, điều ấy cũng dễ thấy. Ngược lại, thái độ của chúng rõ ràng chứng tỏ rằng, chúng có thể chịu được sự có mặt của con rùa ở cái nhà này chỉ vì một lý do: chúng có thể tha hồ dùng mũi giày hất ngược hất xuôi coi như như hất một thứ đồ chơi tầm thường nhất. Nhưng thái độ ấy lại làm ông Miscâu

hết sức khó chịu. Ông đưa mắt nhìn con rùa, lúc này đã trở về được tư thế tự nhiên và lại bắt đầu giữ nguyên dáng hình của một hòn đá như cũ. Ông nhìn vào mắt các con và đột nhiên khám phá ra sự giống nhau thầm kín giữa vẻ già nua trong những cặp mắt chúng với vẻ bất động vốn có của con vật nằm trên thảm. Ông hoảng sợ thấy sao mình đa cảm một cách thơ ngây đến như vậy trong cái thế giới này, cái thế giới đang thú nhận là nó già nua, qua việc bộc lộ ra sự giống nhau kỳ lạ và bất ngờ giữa những sự vật và hiện tượng. Ông hoảng sợ nhận thấy rằng, mình đang chờ đón một điều gì đó không bao giờ xảy ra được, chờ đón mà không biết, bởi vì trên cái thế gian này, trẻ con lọt khỏi lòng mẹ đã già nua không khác gì con rùa kia.

Ông lại cố gượng một nụ cười bối rối, một nụ cười chưa bao giờ nhợt nhạt đến như thế. Và ông không đủ dũng cảm thú nhận nguyên nhân nào đã khiến người bạn tặng ông con rùa.

Ông Miscâu ít hiểu đời đến mức khó tưởng tượng nổi. Đối với ông, cuộc đời là thứ gì hết sức mờ ảo và những điều ai cũng biết không hề có ý nghĩa gì đối với ông. Với ông, rất có thể xảy ra hiện tượng như thế này: một buổi sáng đẹp trời nào đó, cởi hết áo quần ra để tắm, vừa thò một chân vào bồn nước, ông bỗng sững sốt nhìn bóng mình hiện ra trên mặt nước, thì ra suốt bốn mươi năm ông không hề nhìn thấy dáng hình của ông! Đó là lần đầu tiên ông nhìn thấy bản thân mình. Thân thể con người, cầu Chúa tha tội, là thứ không thể phơi bày ra dưới hình dạng trần truồng, dù chỉ là trước mắt của bản thân người đó. Tốt nhất và lịch sự nhất là không nhìn thấy thân thể mình trần truồng bao giờ. Nhưng lúc này ông Miscâu phát hiện ra một điều cực kỳ quan trọng mà trước kia ông không hề nhận ra, đó là ông đã mang tấm thân trần truồng kia, tất nhiên được che đậy bằng đủ kiểu áo quần, đi lại trong cuộc đời suốt bốn mươi hai năm trời nay. Không! Không! Không hiểu tại đâu, không hiểu thế nào, nhưng không thể như thế này được. Biết đâu đấy, rất có thể, ông vẫn di chuyển từ vật thể này sang vật thể khác thì sao? Bởi vì từ thuở nhỏ đến giờ ông đã đụng chạm với bao nhiêu vật thể. Mà ngay thuở nhỏ, thân thể ông cũng hoàn toàn khác như hiện giờ. Mà quả thật ông thấy đau khổ, thậm chí có phần sợ hãi, thấy mình không giải thích nổi nguyên do gì khiến thân xác mình lại cứ phải thế này mà không thể khác? Tốt nhất là đừng nghĩ đến chuyện ấy. Bây giờ, trong lúc đang tắm, ông lại cố nở một nụ cười bối rối, quên rằng mình đã ngồi thu lu trong bồn từ khá

lâu rồi. Chà, tấm màn che cửa sổ bằng sa mỏng mới trong suốt làm sao! Nó tung bay nhẹ nhàng và duyên dáng quá. Làn gió nhẹ thổi vào khiến nó như bay lướt từ trên những ngọn cây ngoài vườn xuống. Ông đang dùng khăn lau khô tấm thân không lấy gì làm mỹ miều. Tuy vậy ông vẫn phải thừa nhận cuộc đời là đẹp. Ông hoàn toàn có thể hưởng thụ cuộc sống, cho dù phải nấp trong cái vỏ thân xác này, cái thân xác đã chấp nhận nỗi sợ gần gũi thân tình với một người đàn bà khó hiểu đến như bà Miscâu, vợ ông.

Lập gia đình đã chín năm rồi nhưng cho đến nay ông vẫn không tìm ra nguyên nhân nào khiến ông lại có thể làm chồng bà Miscâu. Cuộc hôn nhân thật không thể tưởng tượng nổi.

Chưa bao giờ ông dám di chuyển bất cứ theo hướng nào mà không cảm thấy rụt rè trong mỗi bước đi, tiến một bước lại hồ nghi có nên tiến thêm một bước nữa không? Cuối cùng ông thấy da thịt như kiến bò. Ông vừa ngạc nhiên vừa sợ hãi, sao mình vẫn cứ nhích lên mặc dù đã chậm chạp và thận trọng như thế. Cần phải suy nghĩ thật kỹ xem như thế nghĩa là sao?

Và rồi, vào một ngày đẹp trời, mặc dù bản thân chưa tin ông vẫn thấy mình là chồng của bà Miscâu.

Bà ta, ngay cả bây giờ, sau khi cưới đã chín năm, vẫn là một pho tượng bằng sứ xinh đẹp, vẫn sống tách biệt, cô đơn và khép kín trong cái lớp men bọc ngoài, khiến người khác không sao hiểu nổi. Ông ngạc nhiên sao một phụ nữ như thế lại có thể gắn bó cuộc đời với một người bằng xương bằng thịt như ông. Nhưng chính vì thế mà không có gì lạ, khi cuộc hôn phối giữa hai người đã sinh ra những đứa trẻ cần cỗi đến như vậy. Phải chăng nếu khi còn là bào thai, không phải sống trong bụng một con búp bê bằng sứ trắng men như vậy mà trong bụng của ông, mấy đứa trẻ ấy sẽ khác đi chăng? Nhưng người mang chúng trong bụng lại chính là bà Miscâu, mỗi đứa chín tháng! Thế rồi, ngay khi lọt lòng, những đứa con ấy đã tỏ ra cần cỗi, như thể qua thời gian nằm trong bụng pho tượng bằng sứ kia, chúng đã già đi mất rồi, già đi trước khi ra khỏi bụng mẹ.

Trong suốt chín năm chung sống, điều dễ hiểu là ông luôn luôn trong tình trạng hoảng hốt, lỡ một câu nói vụng về hay một cử chỉ thiếu chín chắn

có thể bị bà Miscâu kiểm soát đòi ly hôn chẳng? Ngày đầu tiên sau khi cưới là ngày khủng khiếp nhất đối với ông Miscâu. Ông hoàn toàn chưa tin bà Miscâu biết được rằng ông phải làm gì để trở thành người chồng thật sự. May thay bà Miscâu biết. Nhưng rồi bà không lần nào để lộ ra cho ông hiểu rằng bà còn nhớ cái đêm đầu tiên ấy. Bà luôn làm ra vẻ như bà không chủ động gì hết. Và mặc dù ông đã chiếm được thân thể bà, bà cũng chẳng nhớ lại chuyện ấy làm gì. Nhưng rồi đứa trẻ thứ nhất, con bé Elen ra đời. Sau đến đứa trẻ thứ hai là con trai, thằng Giôn. Nhưng họ cũng chẳng nói với nhau điều gì hết. Không hề báo gì cho chồng biết. Cả hai lần bà đều lặng lẽ tự đến nhà hộ sinh, rồi sau đấy tháng rưỡi bà về nhà. Lần đầu với đứa con gái sơ sinh và lần sau với đứa con trai. Cả hai đứa đều có bộ mặt già nua, không đứa nào thua đứa nào. Đành chịu vậy thôi. Cả hai lần bà đều dứt khoát cấm ông không được vào nhà hộ sinh. Cho nên cả hai lần ông đều không biết gì hết, không biết bà vợ có thai cũng như không chứng kiến lúc bà sinh con. Rốt cuộc trong nhà vẫn có thêm hai sinh vật, như thể hai con chó bà nhặt được ở đâu đem về. Thậm chí ông cũng không hoàn toàn chắc chắn rằng hai đứa trẻ ấy do bà đẻ ra và chúng là con ông.

Tuy nhiên có một điều ông Miscâu không hề hồ nghi, thậm chí còn tin tưởng chắc chắn, đó là sự xuất hiện của hai đứa trẻ chứng tỏ hai lần rằng, trong cuộc chung sống với ông, bà Miscâu đã hưởng một sự đền bù nào đó, về việc đã phải chịu nỗi đau đớn khi sinh hai đứa con.

Bởi vậy khi vợ ông đến thăm mẹ của bà ấy nghỉ ngoài khách sạn và đang sửa soạn trở về nước Anh, lúc quay về nhà, bắt gặp chồng đang chống hai tay xuống thảm, trước con rùa và dưới ánh mắt giễu cợt, lạnh lùng của hai đứa trẻ, bà không hề nói một lời, quay gót trở lại ngay khách sạn với mẹ, rồi một tiếng đồng hồ sau đấy, gửi đến cho ông một mảnh giấy với lời lẽ giống như kiểu tối hậu thư: Một là ông giữ con rùa ở nhà, hai là bà sẽ theo mẹ về nước Anh sau đấy ba ngày. Tất cả những tình hình ấy làm ông choáng váng.

Đến khi hoàn hồn, lấy lại được khả năng tư duy, ông hiểu ra ngay rằng, con rùa trong trường hợp này chỉ là cái cớ. Nhưng là cái cớ thô thiển, độc ác. Nhưng chính vì thế mà yêu sách của bà khó từ chối hơn cả so với việc

giả sử bà đòi ông thay đổi hình dạng bên ngoài, chẳng hạn vớt cái mũi đi thay bằng cái mũi khác hợp với quan niệm thẩm mỹ của bà hơn.

Nhưng ông không muốn mất vợ. Ông đáp lại rằng bà cứ yên tâm trở về nhà, còn con rùa thì ông sẽ tìm được cho nó một chỗ khác, thích hợp với nó hơn. Ông nhắc con rùa lên, bởi vì bạn ông bảo nó đem lại hạnh phúc, đem lại may mắn. Nhưng ông nghĩ, mình không trẻ trung gì nữa, lại có người vợ như bà Miscâu, thêm hai đứa con như thế kia thì ông còn cần tìm hạnh phúc làm gì nữa?

Thế là ông bước ra đường phố, con rùa lại nằm trên tay. Ông tính sẽ đặt con vật tội nghiệp ở một chỗ nào đó thích hợp với nó hơn là ở nhà ông. Trời đã bắt đầu tối. Ông ngạc nhiên, sao bây giờ mình mới nhận ra như thế. Mặc dù đã quen với quang cảnh của cái thành phố quái đản và to lớn này nhưng ông vẫn giữ được khả năng mỗi lần lại ngạc nhiên, kèm theo một cảm giác u buồn, bởi vì tất cả những công trình kiến trúc đồ sộ bền vững đang nhô lên từ bốn phía kia, thực ra chỉ là những trang trí nhất thời cho một đám hội rộng lớn với thứ ánh sáng sặc sỡ và bất động của hàng hà sa số những ngọn đèn đủ màu sắc gợi ông một nỗi buồn man mác, nỗi buồn khi con người cứ đi mãi trong đó, giữa những vật thể di chuyển nhanh và yếu mạnh đến như vậy.

Bước chân trên đường phố, ông quên bằng là mình đang ôm con rùa. Nhưng rồi đột nhiên ông nhớ ra và ông nghĩ, tốt nhất là thả nó ngay ở vườn hoa gần nhà, chẳng mất công đến tận cái cửa hàng bán động vật, nơi bạn ông đã mua nó, cửa hàng hình như ở phố số 49 thì phải.

Nhưng ông vẫn cứ đi, trong bụng tin chắc rằng vào giờ này cửa hàng kia chắc chắn đã đóng cửa. Nhưng nỗi u buồn và mệt mỏi như thể buộc ông phải đi đến tận nơi để nhìn thấy cánh cửa đã đóng chặt.

Bây giờ ông đã đến. Cửa hàng đóng cửa thật. Và ông hét nhìn lên cánh cửa lại nhìn con rùa trong cánh tay. Làm thế nào bây giờ? Một chiếc xe taxi chạy ngang qua, ông bước lên. Gặp chỗ nào thuận tiện ông sẽ bảo tài xế đỗ rồi ông bước ra để mặc con rùa nằm lại trong xe.

Đáng tiếc con vật lúc nào cũng thu mình lại trong cái vỏ cứng, chẳng có chút đầu óc tưởng tượng gì hết. Nếu không chắc chắn nó phải thấy thú vị: Một con rùa được ngồi xe ô tô dạo chơi khắp đường phố của Niu Yooc.

Không, không được. Ông Miscâu thấy hồi hận. Làm như vậy độc ác quá. Ông bước ra khỏi xe. Quảng đường gần đến Đại lộ Pac Avonny, nơi có những bồn hoa chạy liên tiếp ở giữa bao quanh là hàng rào thấp. Ông định đặt con rùa trong một bồn. Nhưng ông vừa đặt xuống đất thì bỗng từ trong bóng tối hiện ra hình dáng của người cảnh sát trông coi trật tự tại góc đường phố 50, dưới bốt gác to tướng bên cạnh toà nhà Uônđooc Axtôri. Viên cảnh sát muốn biết ông Miscâu định đặt cái gì vào trong bụi cây. Một trái bom chăng? Mà không phải là bom. Ông Miscâu bèn mỉm cười giải thích cho viên cảnh sát biết rằng ông đâu có gan làm cái chuyện tày đình ấy. Chỉ là một con rùa. Nhưng viên cảnh sát ra lệnh ông phải đem con rùa đi khỏi đây ngay. Có lệnh cấm không được thả súc vật trong các bồn hoa. Nhưng khôn nổi đây có phải súc vật đâu? Nó chỉ giống như một hòn đá, ông Miscâu cố gắng trình bày. Con rùa ở đây sẽ không ảnh hưởng gì hết. Với lại, gia đình ông không muốn giữ con vật này ở nhà. Nhưng đến giờ thì viên cảnh sát lại nghĩ ông khách này giễu cợt mình. Thế là anh ta chuyển sang giọng thô bỉ. Ông Miscâu vội vã nhắc con rùa ra khỏi khóm cây, lúc này nó vẫn bất động như hòn đá.

- Nghe bảo rùa đem lại hạnh phúc, - ông mỉm cười gượng gạo nói. - Hay ông cảnh sát muốn đem về nuôi không? Tôi xin biếu ông.

Viên cảnh sát giận dữ nhún vai và yêu cầu ông khách rời khỏi chỗ này ngay.

Con rùa lại nằm trên tay Miscâu và ông hoang mang đến cực độ. Lạy Chúa tôi, tại sao mình không đặt nó ngay giữa đường này, ông nghĩ bụng, ngay sau khi đi khuất khỏi tầm mắt của viên cảnh sát. Anh ta giờ giọng thô bỉ với mình bởi vì anh ta không tin vào lời mình nói về hoàn cảnh gia đình. Đến đây đột nhiên ông Miscâu nảy ra một ý nghĩ. Tất nhiên chuyện con rùa chỉ là cái cớ vợ ông viện ra. Mất cớ này bà ta sẽ kiếm ra cớ khác. Nhưng bà ta khó tìm ra cái cớ nào vô lý và khó chấp nhận được bằng cái cớ này. Toà án cũng như tất cả mọi người đều sẽ chỉ nhìn rõ bà ta hơn. Tại sao ông

không khai thác luôn cơ hội này nhỉ? Thế là rốt cuộc ông ôm con rùa về nhà.

Ông thấy bà đang ở ngoài phòng khách. Không nói một lời, ông cúi người, đặt con rùa vẫn bất động như một hòn đá, xuống thảm ngay trước mặt vợ. Bà Miscâu nhảy lên, bước về phòng riêng của bà rồi từ đó bước ra, đã đội mũ.

- Tôi sẽ kể với Toà rằng ông thích sống với rùa hơn với vợ.

Rồi bà bước ra khỏi nhà.

Như thể hiểu được lời của bà chủ, con rùa đột nhiên ruỗi bốn chân ra khỏi cái mai, rồi đến đuôi và đầu. Cuối cùng nó vừa lắc lư như múa vừa bò quanh phòng khách.

Ông Miscâu không còn biết làm gì khác, ngoài việc lấy làm thích thú trước thái độ của con vật, mặc dù niềm thích thú của ông còn dè dặt. Ông khẽ vỗ tay, rồi mắt nhìn con rùa, ông thấy phải thừa nhận một điều, mặc dù chưa thật tin vào đây hoàn toàn.

- Hạnh phúc đấy chứ còn gì nữa!

HƠI THỞI

/

Đôi khi có những tin tức nào đó đến với chúng ta đột ngột đến nỗi chúng ta sững sốt và chúng ta bất giác thốt ra một lời thô bỉ, hoặc một câu tục tĩu nhất. Chẳng hạn như khi anh chàng Canveti, thư ký của bạn tôi tên là Bécnađô, nói rằng ông cụ thân sinh ra cô Maxari, mới ngồi ăn lót dạ với tôi và Bécnađô, thế mà bỗng dưng chết đột ngột, thì tôi bất giác thốt lên: “Chà, cuộc đời mỏng manh thế đấy! Chỉ một hơi thổi nhẹ là tan biến ngay!”. Và tôi chụm ngón tay trở vào với ngón tay cái, như thể giữ một cái lông vũ nào đó rất mảnh, rồi thổi “phù” một cái vào đó.

Tôi vừa mới làm cái động tác ấy xong thì lập tức anh chàng Canveti mặt mũi tái nhợt đi, cúi gập người xuống tay ôm ngực, như bị một cơn đau nào đó từ bên trong. Tôi cũng chẳng quan tâm đến chuyện ấy lắm, bởi vì chẳng lẽ một câu thốt ra thô lỗ và một cử chỉ kèm theo để giải thích cái câu ấy mà lại có thể làm anh chàng kia đau đớn bộ phận nào đó trong ngực. Tôi chỉ cho rằng, anh ta làm sao đó trong tim, hoặc gan, hoặc thận và lát nữa thôi cơn đau sẽ hết và anh chàng sẽ lại bình thường. Ai ngờ ngay chiều hôm ấy, Bécnađô hoảng hốt chạy đến tìm tôi và báo tin:

- Này, thằng cha Canveti làm thư ký cho mình chết rồi!
- Chết bao giờ?
- Mới lúc nãy. Chết đột ngột.
- Sáng hôm nay cậu ta còn đến nhà mình kia mà. Khoan đã, cậu ta đến lúc mấy giờ nhỉ? Hình như là ba giờ thì phải.
- Thì ba rưỡi cậu ta chết.

- Nghĩa là sau lúc gặp mình nửa giờ?

- Đúng thế.

Tôi bực tức nhìn anh bạn. Hai chữ “đúng thế” như thể khẳng định có một mối liên quan nào (mà liên quan nào được kia chứ?) giữa việc cậu chàng Canveti kia đến tôi và việc cậu ta chết đột ngột. Một bản năng nào đó cố gạt cái mối liên quan ấy ra khỏi óc tôi; dù chỉ là ngẫu nhiên, hay là... Tôi sợ phải áy náy lương tâm. Tôi muốn giải thích cái chết của Canveti bằng cách nào khác cũng được, miễn không liên quan gì đến việc cậu ta đến nhà tôi. Thế là tôi kể cho Bécnađô về chuyện Canveti đột ngột lên cơn đau lúc đang ngồi ở nhà tôi.

- À, ra thế? Cậu ta khó chịu lúc ấy à?

- Chà, cuộc đời mỏng manh thế đấy! Chỉ một hơi thổi nhẹ là tan biến ngay.

Và tôi bất giác lặp lại đúng cái động tác ấy, chụm hai ngón tay trở và cái lại với nhau, đưa lên miệng. Xin thề, tôi không hề có ý định thử lại cái cử chỉ ấy, mà chỉ đơn giản là tôi muốn tự nói đùa với mình. Tôi rất có thể làm động tác đó một mình, không để ai nhìn thấy bởi vì có phải tôi định pha trò với ai đâu. Và khi hai ngón tay chụm lại đưa đến sát môi, tôi thổi nhẹ một cái lên đó.

Mặt Bécnađô bỗng tái đi, tôi hiểu rằng anh ta rất thương tiếc cậu thư ký Canveti, bởi vì anh ta rất quý cậu ấy. Anh bạn tôi người to béo, da dẻ đỏ ong, cổ rụt. Và tôi đã nhiều lần nhận thấy, chỉ cần chạy một quãng ngắn, thậm chí rảo bước một chút, anh ta đã ôm lấy ngực để lấy lại bình tĩnh và thở hổn hển. Lúc này, khi anh ta làm cái động tác đưa tay lên ngực và bảo rằng anh ta khó thở, chóng mặt liệu tôi có thể nào nghĩ đến một điều gì nguy kịch, xin Chúa chứng giám?

Mặc dù đang bối rối chưa biết ra sao, tôi cũng vội chạy lại, dìu anh ta ngồi phịch xuống ghế bành, thở dồn dập. Nhưng anh giận dữ đẩy tôi ra. Tôi không hiểu thế nghĩa là sao. Tôi đứng ngây ra nhìn anh ta quần quai trong

chiếc ghế bọc da đỏ giống như thắm đầy máu. Anh quần quai như một con thú bị thương, hơi thở mỗi lúc dồn dập hơn. Khuôn mặt đỏ ửng cứ xạm dần gần như đen. Một chân anh ta đạp xuống sàn, như thể cố đứng dậy, nhưng chỉ lát sau anh ta gần như kiệt sức. Y hết như trong cơn ác mộng, tôi nhìn thấy chỗ thắm dưới chân anh ta bị đẩy ra và cuộn tròn lại. Chân kia anh vắt ngang qua tay ghế, làm ống quần vén lên, để lộ ra chiếc tất lục màu xanh nhạt có sọc màu hồng.

Xin độc giả đừng kết án tôi khắc nghiệt quá: vì lúc ấy bao nhiêu nỗi lo ngại của tôi tan biến sạch. Tôi có thói quen gạt đi mọi nỗi lo lắng hay sợ hãi bằng cách ngược mắt nhìn lên những bức hoạ quý quái treo trên tường, hoặc tập trung trí óc nhìn chăm chú vào chiếc tất xanh nhạt sọc hồng kia. Nhưng đột nhiên tôi giật mình, hốt hoảng nhớ ra rằng, bạn đang đau đớn thể kia ai lại lãng đi như thế. Tôi bèn gọi người ở, ra lệnh anh ta đi tìm ngay xe ngựa, rồi cùng với tôi chở Bécnadô về nhà hoặc đến bệnh viện. Có lẽ về nhà anh ta thì hơn vì nhà anh ta rất gần đây. Bécnadô không sống một mình mà cùng với bà chị, không biết là goá chồng hay không có chồng, coi sóc nhà cửa cho ông em với một kiểu cách đến chực. Người phụ nữ tội nghiệp ấy mặt không còn giọt máu, hai tay ôm lấy đầu: “Lạy Chúa, sao thế này? Có chuyện gì vậy?”. Và bà kể ngay dao vào cổ tôi bắt tôi phải kể xem đầu đuôi câu chuyện thế nào, tôi chứ không phải ai hết, và phải kể ngay lập tức, ngay bây giờ, trong lúc tôi thì rã rời sau khi vừa lúi vừa đỡ tấm thân đồ sộ nặng nề của anh bạn leo lên gác. “Đặt lên giường! Đặt lên giường!” Bà chị Bécnadô cuống lên, tìm mãi không thấy giường đâu. Trong lúc tôi đặt anh ta lên giường, anh ta vẫn thở hổn hển (và chính tôi cũng hổn hển nữa). Xong xuôi, người tôi rũ ra, tôi vội đứng tựa vào tường và tự nhiên hai chân khụy xuống. May người ta đỡ và diu vào ghế bành chứ nếu không tôi đã nằm lăn quay dưới sàn rồi. Tuy rã rời, tôi vẫn cố gào lên với anh người ở: “Mời bác sĩ! Mời bác sĩ ngay!” Nói xong hai tay tôi buông thõng xuống nghĩ đến sắp tới tôi sẽ ngồi trong phòng này với người đàn bà kia và ba ta sẽ căn vặn tôi đủ điều. May thay, một sự im ắng tuyệt đối xuất hiện trong căn phòng. Tiếng thở hổn hển không còn nữa. Trong khoảng khắc tôi có cảm giác như tất cả mọi thứ trên thế gian này đã ngừng lại. Mà đúng là như thế đối với anh bạn Bécnadô tội nghiệp, đang nằm trên giường, không còn nghe thấy gì, không còn hay biết gì nữa. Liền sau đó là tiếng thét đau đớn của bà chị... Tôi hoảng hốt. Làm sao có thể tưởng tượng nổi? Và nhất là

làm sao có thể tin rằng tại hoạ quái đản kia lại có thể xảy ra được? Trí óc tôi hoang mang đến cực độ. Thế nhưng mặc dù hết sức kinh ngạc, tôi vẫn thấy ngộ nghĩnh một cách bất giác, khi nghe thấy người phụ nữ tội nghiệp kia, xưa nay vẫn gọi em là Giuliô thì lúc này luôn miệng nhắc lại “Giuliettô! Giuliettô!”^[17] cách gọi nựng ấy hoàn toàn không thích hợp với tấm thân phì nộn to béo, nặng nề và bất động của cậu em chút nào. Phút đồng hồ tiếp theo, tôi vùng đứng phắt dậy. Cái xác chết hình như bực tức với lời gọi “Giuliettô! Giuliettô!” đang phản ứng lại bằng những tiếng sôi réo trong bụng. Bây giờ thì đến lượt tôi phải đỡ lấy bà chị của anh ta, nếu không bà ấy ngã lăn xuống sàn mất. Tôi vừa đụng vào thì bà ta ngất xỉu luôn và tôi phải đỡ bà trên hai tay. Trong khi ấy Bécnadô đã chết vẫn nằm trên giường. Tôi không còn biết phải làm gì và nghĩ gì. Một cơn điên đại rung chuyển người tôi và tôi bèn lay một cách không nương nhẹ bà chị để bà tỉnh lại. Dù sao thì cơn ngất như thế cũng quá đáng. Khi tỉnh lại, bà nhất định không tin rằng em bà đã chết: “Cậu không nghe thấy à? Nó còn sống! Không thể có chuyện nó chết được!” Cuối cùng bác sĩ đến, xác nhận cái chết và chỉ bảo rằng tiếng sôi réo trong bụng chỉ là hiện tượng không quan trọng, hơi trong bụng người chết vẫn còn và người nào khi chết cũng thế. Nghe nói vậy, người phụ nữ tinh khiết và tự chủ kia rất nguợng. Bà lấy tay che mặt, như thể ông bác sĩ nói như trên có nghĩa sau này, khi bà chết, bụng bà cũng sôi réo như vậy.

Bác sĩ là một chàng trai trẻ tuổi, và hói đầu. Anh ta thuộc loại người nhìn kẻ khác bằng con mắt khinh khỉnh, như thể kiêu hãnh về cái đầu hói quá sớm của mình. Đầu anh ta rất lạ, trên đỉnh nhẵn thín nhưng xung quanh tóc lại rậm rì và quăn tít. Cặp mắt cận thị của anh ta long lanh như men sứ đằng sau cặp kính rất dày. Anh ta cao lớn, khá mập mạp, nhưng rắn chắc. Dưới chiếc mũi ngắn mọc lên mấy túm ria được cắt xén tỹ mỹ. Cặp môi dày màu đỏ tươi nổi bật lên như thể bôi son. Anh ta xử sự với người đàn bà tội nghiệp và dốt nát theo cách giễu cợt và khinh thường, nói về cái chết bằng giọng nhõn nhơ đến khó chịu, như thể do thường xuyên tiếp xúc với nó khiến anh ta chưa thấy có sự hoài nghi hoặc đáng phải xem xét lại bao giờ. Nghe anh ta nói, rốt cuộc tôi hắt ra một tiếng cười ngắn mĩa mai. Trong lúc anh chàng bác sĩ kia thao thao, tôi tình cờ nhìn vào tấm gương ở tủ áo, kinh ngạc thấy cặp mắt tôi sao độc ác và lạnh lùng đến thế, cặp mắt được phản

chiếu trong gương đang nhìn lại tôi. Và hai ngón tay của tôi, ngón trỏ và ngón cái ấn chặt vào với nhau như bị một cơn co quắp nào. Khi nghe thấy tiếng tôi cười, anh chàng bác sĩ quay đầu lại. Tôi bàn tiến sát anh ta, nhếch môi giễu cợt. Tôi cảm thấy da tôi tái đi, và tôi thì thầm.

- Ông nhìn đây này, - tôi đưa lên hai ngón tay, - thế đấy! Ông thông báo về cái sống và cái chết, vậy ông thử thổi nhẹ lên hai ngón tay này và sẽ thấy rằng ông có thể làm tôi chết ngay lập tức.

Anh chàng lùi lại, trợn mắt nhìn tôi, hình như anh ta cho là tôi đã mất trí. Nhưng tôi lại tiến thêm mấy bước, đến sát người anh ta:

- Chỉ cần thổi nhẹ một cái là đủ. Ông cứ thử mà xem! Chỉ thổi rất nhẹ!

Sau đấy tôi rời khỏi anh ta, bước đến bà chị của Bécnađô cầm lấy tay chị:

- Chị cũng thử làm xem! Làm như thế này này! - Tôi cầm tay bà đưa lên sát môi bà: - Chạm ngón trỏ với ngón cái lại rồi thổi nhẹ lên đó! - Người phụ nữ tội nghiệp hoảng sợ trợn to cặp mắt, người run lẩy bẩy. Còn anh chàng bác sĩ thì quên cả đang có người chết nằm cạnh, phá lên cười vui vẻ. - Tôi thì không thích làm như thế thêm nữa. Ngày hôm nay đối với tôi thế là đủ rồi. Tôi đã làm chết một người, cộng với cậu Canveti nữa là hai! Cho nên tôi phải chạy cho nhanh ra khỏi đây, chạy cho thật nhanh!

Thế là tôi chạy như bay khỏi căn phòng này, không khác gì thằng điên.

Ra đến ngoài phố, cơn điên như được xô lỏng. Trời sắp tối. Đường phố đông đúc. Các toà nhà lần lượt hiện ra mỗi khi chủ nhà thắp đèn lên. Mọi người bên ngoài thì chạy vội vã như bị những ngọn đèn ấy, những tủ kính, những bảng quảng cáo lấp lánh xua đuổi. Họ chạy như để trốn khỏi những sự nghi ngờ của ai đó. Chưa phải chỉ có thế. Trước mặt tôi, nổi bật lên giữa đám đông một khuôn mặt phụ nữ rạng rỡ trong ánh phản chiếu của ngọn đèn đỏ hồng. Kia lại là một đứa nhỏ đang cười trên cánh tay của một ông già, trước tủ kính, mặt sau là gương, ở một cửa hiệu, phản chiếu những luồng ánh sáng xanh đỏ. Tôi rẽ đám đông, hai ngón tay vẫn chụm lại đặt

trước môi, thổi vào tất cả những khuôn mặt đang lướt qua bên cạnh, để thử xem liệu họ có bị gì ở sau lưng tôi, giống như hai người trong ngày đã bị. Mà nếu chỉ vì hơi thổi của tôi mà họ bị thiệt mạng thì ai dám buộc tội tôi đã giết họ? Chẳng lẽ tôi không có quyền chụm hai ngón tay vào nhau rồi thổi nhẹ lên đó chỉ để tiêu khiển một cách lương thiện hay sao? Ai có thể tin rằng trong hai ngón tay chụm lại và hơi thổi nhẹ lên đó có chứa một sức mạnh khủng khiếp chưa từng thấy? Thật hài hước nếu ai tin được vào chuyện ấy, họa chăng chỉ có đứa trẻ đùa giỡn mà nói như vậy. Thì tôi cũng chỉ đùa giỡn. Lưỡi tôi đã tê cứng lại vì tôi thổi mạnh mẽ và quá nhiều. Lúc đi đến cuối phố thì hơi thổi của tôi đã rất yếu. Nếu như hai hiện tượng hôm nay mà có thật thì vừa rồi tôi đã giết chết ít ra cũng phải trên một ngàn người! Khiếp thật! Thật là quái quỷ biết bao, nếu như ngày hôm sau, mọi người được tin có nạn dịch. Cả thành phố sẽ phải kinh hoàng. Ấy thế mà chuyện ấy đã xảy ra thật. Mọi người đều biết. Tất cả các báo chí ra ngày hôm sau đều đăng tin và bình luận chật kín các cột. Dân trong thành phố buổi sáng thức dậy cảm thấy họ đang bị một cơn ác mộng khủng khiếp ám ảnh. Một bệnh dịch đang lan nhanh mà không có biện pháp nào ngăn chặn. Trong mỗi một đêm, chín trăm mười sáu người đã bị chết. Các nghĩa trang không còn chỗ để chôn. Các bác sĩ khám thấy trong tất cả các trường hợp những triệu chứng đều giống hệt nhau. Thoạt đầu là một cảm giác mệt nhọc, sau đó là ngạt thở. Mổ tử thi thì không phát hiện thêm được biểu hiện gì của căn bệnh gây nên tử vong đột ngột như vậy.

Đọc các báo, tôi có một cảm giác mê mẩn, giống như sau khi uống rất nhiều rượu: những hình ảnh không rõ ràng quyện với nhau như những đám mây đen cuốn tôi theo, vào một trận cuồng phong. Rồi một nỗi bồn chồn khó hiểu, giống như cơn sốt cao đang vật lộn trong đầu óc tôi cùng với một vật gì đen ngòm và bất động. Óc tôi lúc tỉnh lúc mê cố cưỡng lại. Nhưng bản thân tôi cũng không hiểu tôi định nói lên ý gì, trong khi miệng tôi cứ lặp bập lặp đi lặp lại: “Đấy là mình tưởng tượng thôi! Tưởng tượng thôi!” Tôi chỉ biết một điều là những câu nói vô nghĩa ấy đã cứu thoát tôi đã như ánh chớp xuyên qua đám mây đen, khiến trong khoảnh khắc, tôi thấy trong người nhẹ nhõm và thoải mái. “Tất cả chỉ là mê sảng, - tôi nghĩ thầm. - Mình bị những thứ ấy ám ảnh chỉ do mình làm cái động tác ngu xuẩn ấy đúng vào lúc trước khi một nạn dịch bùng lên trong thành phố. Chính do những ngẫu nhiên trùng hợp như vậy mà sinh ra các trò mê tín xuẩn ngoác

nhất, các thứ ý nghĩ ám ảnh dai dẳng nhất. Bây giờ muốn gạt đi những ý nghĩ ấy ra khỏi đầu óc, mình chỉ cần đợi vài hôm, và trong thời gian ấy thôi không làm cái động tác kia nữa. Nếu đây là nạn dịch thật, mà chắc chắn như thế, thì nạn dịch ấy sẽ tiếp diễn chứ không ngưng lại đột ngột như kiểu nó đã bùng lên vừa rồi”.

Thôi được. Tôi bèn đợi ba ngày, năm ngày, một tuần. Báo chí không đưa thêm một trường hợp mắc bệnh nữa. Nạn dịch đã đột nhiên dừng lại.

Ồ, không đâu! Tôi không mất trí, xin lỗi quý vị! Không thể tiếp tục sống kiểu này được: lúc nào cũng băn khoăn không biết mình mê hay tỉnh. Mà lại một kiểu mê tít không ai tin nổi! Không thể như thế được. Nỗi ám ảnh này phải gạt đi càng sớm càng tốt. Nhưng bằng cách nào? Thối vào hai ngón tay ư? Nhưng đây là chuyện chết người kia mà. Tôi cần phải tin rằng, cái động tác của tôi hoàn toàn vô tội, chỉ là một trò đùa con trẻ. Nếu như người ta chết thì đấy không phải lỗi tại tôi. Tất nhiên tôi vẫn tin rằng, sau hai tuần gián đoạn, nạn dịch sẽ lại nổ ra tiếp, bởi vì nghĩ cho cùng thì không thể nào bảo người ta chết là do tôi. Nhưng trong lúc ấy, một sự cảm dỗ ma quỷ xúi giục tôi cứ kiểm tra thêm một lần nữa. Sự cảm dỗ này còn mạnh hơn nỗi sợ mất trí. Tôi thèm được biết, phải chăng tôi có một quyền phép kỳ lạ. Sự cảm dỗ này tôi không thể gạt đi được.

//

Tôi thấy có bốn phận phải cho phép bản thân làm một cuộc thí nghiệm nữa, tuy làm một cách dè dặt, thận trọng. Một cuộc thí nghiệm “chính đáng” hơn, có lẽ thế. Cái chết có bao giờ là chính đáng. Nhưng thứ gì đã phụ thuộc vào tôi thì phải chính đáng (nếu như nó phụ thuộc vào tôi thật).

Tôi biết một cô gái, lúc nào cũng chơi búp bê. Cô hay mơ mộng. Những giấc mơ của cô liên tiếp và không giống nhau chút nào. Có giấc mơ đưa cô đến một bản làng miền núi, giấc mơ sau dẫn cô ra bãi biển. Giấc mơ tiếp theo đem cô đến một xứ sở xa lắc, nơi có những con người lạ lẫm và họ nói với nhau bằng thứ tiếng cô không hiểu. Rồi đến một hôm cô tỉnh hẳn,

không mơ màng nữa. Tuy cô vẫn là cô bé, nhưng đã hai mươi tuổi. Bên cạnh cô là con người đã hiện lên trong giấc mơ cuối cùng của cô và khi cô tỉnh dậy thì anh ta biến thành một tên đàn ông thô bỉ, to lớn, cao hai mét đàn độn, lười biếng và độc ác. Trên cánh tay cô, lúc này không phải con búp bê mà là một đứa trẻ thảm hại, tuy không phải quái thai mà khuôn mặt nó giống như của thiên thần vào những khoảnh khắc ít ỏi, khi những cơn co giật không hành hạ, không làm mặt mũi nó méo xệch. “Bệnh ấy đấy”. Tôi không nhớ được cái tên ông bác sĩ người nước ngoài, đâu như người Ănglê hay Mỹ gì đó. Hình như bệnh Pôt, nếu như tôi viết đúng (thật khó khăn khi phải gọi đúng tên của thứ bệnh oái ăm đó). Bệnh Pôt có thể trầm trọng nhất và không thể chữa khỏi được. Đứa bé không đi được, không nói được, ngay đến hai bàn tay gầy guộc và co quắp cũng không thể sử dụng được. Nhưng nó có thể sống được nhiều năm nữa. Năm nay nó mới lên ba. Nó có thể sống được đến năm lên mười. Một điều khó ngờ được, là nếu như nó được nằm trong một cánh tay biết cách bế ẵm, thí dụ như của bố nó, con người cao hai mét kia, thì đứa bé tội nghiệp bỗng ngừng co giật và khuôn mặt nhỏ xíu nở một nụ cười rạng rỡ như thiên thần, khiến người xung quanh quên đi những cơn co giật hành hạ đứa bé, quên đi nỗi sợ hãi và mắt họ trở nên đăm lẹ. Điều nữa cũng lạ, là các bác sĩ không sao giải thích được nụ cười của nó hàm ý mong muốn gì. Hoặc giả họ hiểu được, bởi vì một người trong bọn họ có lần đã bảo rằng ông ta sẽ thực hiện ngay cái điều đứa trẻ mong muốn nếu như pháp luật cho phép và nếu cha mẹ nó bằng lòng. Luật pháp là luật pháp, có thể tàn nhẫn và thường là nhẫn tâm nhưng nó không thể thương hại. Luật pháp không có quyền thương hại cho nên nó mới là luật pháp.

Thế là tôi bèn tìm đến người mẹ trẻ ấy.

Căn phòng nơi cô gái tiếp tôi rất tối. Mãi cuối phòng, mới có ánh sáng lọt vào qua hai cửa sổ đã buông rèm kín. Người mẹ ngồi trong ghế bành bên cạnh giường nhỏ, tay bế đứa con đang trong cơn co giật. Tôi cúi xuống phía họ, không nói một lời, chụm hai ngón tay đưa lên môi. Người mẹ vốn đã quen lên gân tay để giữ đứa con co giật, nay bỗng cảm thấy thân thể nhỏ nhoi của đứa bé mềm nhũn và ngưng lại trong vòng tay cô. Cô ghì một tiếng thét, ngẩng đầu lên, ngược nhìn tôi rồi nhìn đứa trẻ:

- Lạy Chúa, ông vừa làm gì vậy?

- Tôi làm gì đâu? Cô chẳng thấy là gì, tôi chỉ thổi nhẹ một cái.

- Nhưng đứa bé đã chết!

- Như thế lại tốt cho nó.

Tôi đỡ đứa bé trong tay cô rồi đặt tấm thân nhỏ bé, yên lặng xuống chiếc giường con. Trên môi nó vẫn còn in nụ cười thiên thần.

- Chồng cô đâu? Trong kia à? Tôi sẽ giúp cô thoát khỏi cậu ta nữa. Không để hắn hành hạ cô thêm nữa. Và cô sẽ lại được tiếp tục mơ mộng, cô gái xinh xắn ạ. Bởi vì cô thấy rồi đấy, tỉnh lại khỏi những giấc mơ, cô đã phải chịu những gì rồi?

Tôi không mất công mấy để tìm được anh chồng. Anh ta đứng trên ngưỡng cửa, to lớn như pho tượng gỗ. Nhưng lúc này tôi đang kiêu hãnh, thấy được quyền lực ghê gớm của bản thân tôi nên tôi cảm thấy đứng trên cả anh ta.

- Cuộc đời có là thứ gì đâu? Chỉ một hơi thổi nhẹ cũng đủ tan biết rồi! - Tôi thổi vào mặt thằng cha rồi bước ra khỏi nhà, cảm thấy mình đã là một đấng khổng lồ.

Đấy là ta, đấy là ta! Thần Chết chính là ta. Ta nắm sự chết chóc tại đây, trong hai ngón tay chụm vào nhau này và trong hơi thổi. Bây giờ tôi có thể giết bất cứ ai. Phải chăng lúc này tôi cần phải giết tất cả mọi người để công bằng đối với những người đã chết vì tôi lúc trước? Tôi chẳng phải làm gì hết, chỉ cần sử dụng hơi thở là đủ. Tôi làm như thế không phải vì căm ghét. Bởi vì tôi có biết ai đâu? Cũng như cái chết đã quen biết ai. Thổi một cái thế là xong. Đã bao nhiêu kẻ bị hơi thổi của tôi đem đi. Họ đã sống trước những kẻ lúc này như những cái bóng đang lướt qua bên cạnh tôi? Nhưng liệu tôi có thể giết hết cả nhân loại được chẳng? Để không còn ai trong mọi căn nhà, trên phố xá của mọi thành phố? Và ngoài các cánh đồng, trên các triền núi, ngoài các biển cả? Để trái đất không còn người nào ở nữa? Không! Làm như thế không thể được. Đã vậy thì nói chung đừng làm.

Đừng đụng đến ai, đến bất cứ ai nữa. Hay ta đem chặt hai ngón tay đi? Những lỗ không phải do hai ngón mà chỉ do hơi thổi? Ta thử một cái chãng? Không, không! Thế là đủ rồi! Chỉ mới nghĩ đến chuyện ấy người tôi đã run lên vì khiếp sợ. Nếu như chỉ do hơi thổi? Làm cách nào mà ngăn được sự thở? Làm thế nào chặn được sự cảm dỗ? Bịt miệng lại chãng? Nhưng lúc nào cũng ôm chặt lấy miệng sao?

Mãi suy nghĩ điên cuồng như thế, tôi đứng trước cửa bệnh viện lúc nao không biết. Cánh cửa mở rộng. Những nhân viên y tế trực ở bộ phận “cấp cứu” đang tán chuyện ở giữa cửa với hai nhân viên cảnh sát và ông già gác cổng. Anh chàng bác sĩ trẻ tuổi tôi đã gặp hôm Bécnadô chết đứng giữa cổng, mặc áo choàng y tế, hai tay chống háng, nhìn ra ngoài phố. Lúc tôi đi ngang qua, anh ta nhận ra tôi, bèn toét miệng cười, chắc vì thấy tôi vung vẩy tay như thằng điên. Thái độ ấy làm tôi không chịu nổi. Tôi đứng lại, gọi hắn:

- Anh đừng chọc tức tôi bằng cái nụ cười ngu xuẩn ấy! Chính là tôi. Chính là tôi. Quyền lực đang nằm ở chỗ này này... - Tôi chụm hai ngón tay lại, cho hắn ta thấy. - Mà rất có thể chỉ cần một hơi thổi là đủ! Anh có muốn tôi thử không? Ngay trước mặt mấy vị kia?

Các nhân viên y tế, nhân viên cảnh sát và ông già gác cổng ngạc nhiên và tò mò tiến lại gần. Vẫn nụ cười toác ra trên cặp môi đỏ như bôi son, hai tay vẫn chống háng như cũ, thằng cha khốn kiếp không chỉ suy nghĩ mà táo tợn bảo tôi, vừa nhún vai vừa nói:

- Ông mất trí rồi!

- Mất rồi ư? - Tôi sấn lại gần hắn ta. - Bệnh dịch dừng lại cách đây đã hai tuần lễ. Anh có muốn tôi làm cho nó lại bùng lên và dữ dội hơn trước nữa không?

- Bằng cách thổi vào hai ngón tay ấy à?

Mọi người cười rộ lên khi nghe câu trả lời của thằng cha bác sĩ. Thế là tôi đâm lung lay. Lúc này tôi đã thề sẽ không bị động với sự giận dữ, không

để ý đến những câu châm chọc người khác thốt ra khi nhìn thấy hai ngón tay chụm lại của tôi. Ngoài tôi ra không ai tin vào những hậu quả khủng khiếp của cái động tác ấy. Nhưng lúc này tôi quá giận, tưởng chừng tôi có một vết thương chưa kín miệng mà kẻ nào dám châm lửa đốt nó: tôi cảm thấy thần Chết chia sẻ quyền lực với tôi nhưng lại tạo cho tôi phải chịu đựng sự giàu có. Đã thế, thằng cha bác sĩ còn chọc thêm một câu:

- Căn cứ vào đâu mà ông dám bảo vụ dịch đã chấm dứt?

Tôi tái người đi:

- Chứ còn gì nữa? - Tôi cảm thấy hai má tôi nóng bừng lên vì xấu hổ. - Báo chí không hề đưa ra thêm một vụ nào nữa.

Thằng cha phản đối:

- Báo chí chứ không phải chúng tôi, các bệnh viện.

- Thế gần đây vẫn có người nhiễm bệnh ấy à?

- Mỗi ngày chừng ba bốn trường hợp được đem đến.

- Tất nhiên là đúng như thế, thưa ông. Chúng tôi sắp tìm ra nguyên nhân rồi. Cho nên xin ông đừng tốn hơi thở vô ích.

Những người đứng đó lại phá lên cười.

- Thôi được, - tôi nói. - Nếu vậy thì đúng là tôi đã mất trí, và ông sẵn sàng cho tôi thử lại cái thí nghiệm kia? Vậy ông hãy chịu trách nhiệm hộ cho năm vị này.

Thấy tôi có vẻ quả quyết, thằng cha bác sĩ đã ngậy người ra, thoáng có chút bối rối, nhưng rồi hấn lại cười vang và quay sang năm người kia:

- Các ông hiểu chứ? Ông này cho rằng chỉ cần ông thổi nhẹ vào mấy ngón tay là chúng ta sẽ chết! Tất cả số người đứng ở đây. Vậy các ông có

tán thành để ông ấy thử không? Riêng tôi thì đồng ý.

Cả năm người kia đều vừa cười vừa đồng thanh trả lời tôi:

- Tất nhiên rồi. Mời ông cứ thử. Chúng tôi tán thành. Chúng tôi đang đứng trước mặt ông đây! - Nói xong, họ đứng dàn hàng ngang nhìn thẳng vào mắt tôi.

Cảnh tượng giống như trong một vở kịch, ngay tại đây, giữa cổng bệnh viện, bên dưới ngọn đèn đỏ “Cấp cứu”. Họ tin chắc chắn rằng tôi là kẻ mất trí. Tôi không thể lùi được nữa.

- Nghĩa là nếu bây giờ nạn dịch tiếp tục thì tôi cũng không có lỗi gì nữa?
- Và lấy dáng trịnh trọng, tôi chụm hai ngón tay lại, đưa lên môi!

Tôi vừa thối xong thì cả sáu người đều biến đổi diện mạo. Họ lần lượt gập người xuống, tay ôm ngực, nhìn nhau bằng cặp mắt lơ đãng. Rồi một trong hai nhân viên cảnh sát lao tới định túm lấy tay tôi. Nhưng hấn ta đã tắc thở, hai chân loạng choạng, ngã lăn quay ra mặt đất. Số còn lại, người thì lảm bảm câu gì đó kiểu như mê sảng, người thì chơi vơi hai tay, người thì đứng lặng đi như tượng, mồm há hốc. Như do bản năng, tôi chìa tay ra định đỡ người bác sĩ trẻ tuổi, nhưng giống như Bécnadô hôm trước, anh ta đẩy mạnh tôi ra rồi loạng choạng ngã xuống đất. Giữa lúc đó, dân chúng kéo đến trước cổng bệnh viện. Họ hỏi tôi, vì họ tin rằng tôi biết đầu đuôi, chẳng thế mặt tôi lại vẫn thản nhiên, không hề biểu lộ nỗi lo lắng hay sợ hãi gì hết. Tôi không biết lúc ấy trông hình dạng tôi ra sao. Tôi cảm thấy mình như một kẻ du đảng bị đàn chó chồm tới. Tôi không còn cách nào khác ngoài cái động tác rất trẻ con mà tôi đã quen thuộc. Chắc là lúc ấy mặt tôi lộ vẻ hoảng sợ và thương hại với những kẻ đã ngã xuống cũng như tất cả những người đứng quanh đấy. Cũng có thể tôi còn mỉm cười nói với từng người để họ tránh ra cho tôi đi.

- Chỉ cần thối một cái như thế này... như thế này...

Người bác sĩ trẻ tuổi, cố cưỡng lại, tuy nằm dưới đất rồi và chân tay co quắp, vẫn gào lên:

- Dịch! Dịch!

Thế là tất cả mọi người co căng chạy. Trong một khoảng thời gian sau đấy, tôi vẫn còn thấy tôi đang đi, chân bước chậm chậm, lảo đảo một mình như kẻ say rượu. Rồi không hiểu sao tôi đứng trước tấm gương soi ở một cửa hiệu, hai ngón tay vẫn chụm lại đặt trước môi và miệng tôi vẫn đang thổi vào chúng: “Như thế này... như thế này...” Có thể tôi làm động tác ấy để chứng minh rằng nó là vô tội, bằng cách hướng vào ngay chính bản thân tôi. Trong khoảnh khắc tôi còn nhìn thấy bóng tôi trong gương, mặc dù tôi vẫn không hiểu, tại sao mắt tôi lại nhìn thấy được như thế, bởi vì bóng tôi trong gương tái dần đi, hai mắt trũng xuống. Rồi không hiểu do chóng mặt hay thế nào mà sau đấy tôi không nhìn thấy bóng mình trong gương nữa. Tôi sờ vào người mình, nắn đầu, nắn vai. Thân thể tôi vẫn nguyên vẹn, nhưng hình phản chiếu của tôi trong gương không còn nữa. Mà tôi có bị mù đâu? Tôi vẫn nhìn thấy mọi vật xung quanh: đường phố, người đi lại, nhà cửa, tấm gương soi. Tôi bèn bước đến sát tấm gương, ép cả người vào. Vẫn không thấy bóng của tôi trong đó mặc dù những ngón tay của tôi sờ thấy mặt gương lạnh lạnh. Tôi bỗng thêm lao chạy đi tìm cái bóng của tôi đã bị tiêu huỷ do hơi thổi của chính tôi. Tôi cứ đứng như thế, áp người vào tấm gương cho đến khi một người từ trong cửa hiệu đi ra đụng vào người tôi và hoảng hốt nhảy ra, miệng há hốc kiêu như muốn kêu mà không ra tiếng. Vậy là ông ta đã va phải một người nào đó. Nghĩa là đã có người nào đứng ở chỗ ấy, nhưng không thấy ai. Lúc đó tôi rất muốn bảo ông ta rằng, chính tôi đang đứng ở đây. Như thế không khí nói với ông ta bằng cái giọng của tôi. Tôi thổi vào mặt ông ta: “Dịch!” rồi đẩy mạnh một cái khiến ông ta ngã lăn ra đất. Xung quanh náo động. Người kéo đến chật cả đường phố. Những người lúc nãy bỏ chạy vì sợ hãi bây giờ quay trở lại, mặt mũi trợn trừng, vây lấy tôi. Người tiếp tục kéo đến, từ đâu ra mà lăm thế. Đường phố dày đặc và màu sắc loang lổ như khói đặc, phả vào người tôi làm tôi ngột ngạt, rồi bay lượn xung quanh tôi như trong một cơn ác mộng. Nhưng đám người đông đến mấy, ép vào tôi đến mấy tôi vẫn lách để đi ra được, miệng vẫn tiếp tục thổi vào hai ngón tay tưởng tượng. “Dịch! Dịch!” Không còn tôi nữa. Bây giờ rốt cuộc tôi mới hiểu được ra: chính tôi là bệnh dịch và những sinh mạng chỉ là những hình bóng bị hơi thổi của tôi cuốn đi. Cơn ác mộng này kéo dài trong bao lâu? Suốt đêm hôm đó và buổi sáng hôm sau tôi vật

lộn với đám đông, cố thoát ra ngoài. Cuối cùng tôi lọt ra được, thoát ra khỏi những phố xá chật chội của cái thành phố khủng khiếp kia, và cảm thấy tôi chính là không khí bên trong làn không khí ngoài đồng rộng. Mọi vật đều vàng rực dưới tia nắng mặt trời. Tôi không còn thân thể, không còn hình bóng. Cây cối xanh mơn mớn, tưởng như chúng do lòng khao khát sự mới mẻ của tôi tạo ra. Và tôi hoà vào với chúng đến mức tôi cảm thấy rõ cả sự run rẩy của một nhánh cỏ trĩu xuống dưới sức nặng của con cánh cam. Tôi muốn rời khỏi mặt đất, thế là tôi bay lên cao, dưới dáng hình của một mảnh giấy, bắt chước điệu bay ân ái của đôi bướm trắng. Bây giờ thì tôi đùa thật. Chỉ một hơi thổi và chúng không còn nữa. Và kia, những cánh bướm đã tan tác bay lượn giữa không trung rồi rơi xuống thành những mẩu giấy vụn. Xa xa, trên chiếc ghế dài dưới gốc cây trúc đào một cô gái trẻ mặc tấm áo mỏng màu xanh dao trời và đội mũ rơm rộng vành cài hoa tầm xuân đang ngồi. Hàng mi của cô run rẩy. Cô đang mơ mộng và mỉm một nụ cười. Nụ cười xa lạ đối với tôi vô cùng, xa lạ như bóng hình tuổi trai trẻ của tôi ngày xưa. Mà biết đâu cô chính là hình bóng của tất cả những gì đã tồn tại nơi đây ngày trước, và bây giờ cô còn lại trên trái đất chỉ mỗi một mình, đơn độc. Nhưng chỉ cần thổi một cái là cô sẽ biến mất! Còn tôi, xúc động mạnh mẽ trước vẻ thủy mị bất tận của nàng, tôi đứng xa nhìn cô, vẫn vô hình như trước, cô tự ghì mình lại, nén thở. Luồng mắt của tôi chính là làn không khí đang vuốt ve nàng, nhưng nàng không hề cảm thấy sự đụng chạm ấy.

[1] “Nơi đây yên nghỉ”....(tiếng Latinh trong nguyên bản) N.D

[2] Gần với Cônphuxiux (Không phụ tử). Một cách giấu cợt (N.D)

[3] Cách nói đùa bằng chơi chữ. Còli Sirô đọc trệch ra thành tên một thứ nước giải khát (N.D).

[4] Giuliô và Giulietta cùng là biến âm của tên Thánh Giuyn (N.D).

[5] Rã rời. (tiếng Pháp). (N.D)

[6] Bốc đồng (tiếng Pháp). (N.D)

[7] Đòn giáng (tiếng Pháp). (N.D)

[8] Một giấc mộng dệt bằng sang quý và đầy đủ tiện nghi (tiếng Pháp). (N.D)

[9] Như thế đấy (tiếng Pháp) (N.D).

[10] “Kẻ nào bảo rằng lòng nhẫn nhục không phải là ơn của Chúa trời ban cho, thì kẻ đó bị nguyên rủa là kẻ phản Chúa” (Tiếng Latinh trong nguyên bản).

[11] Chúa trời có toàn quyền xử sự cách nào Chúa cho là phải” (Tiếng Latinh trong nguyên bản).

[12] Với nghĩa là Quỷ cái (Xatan là con quỷ) (N.D)

[13] Con quỷ? (N.D)

[14] Con chim sơn ca vui vẻ (Tiếng La tinh trong nguyên bản) (ND)

[15] Triết gia Đức (1788 - 1860)

[16] Thủ đô nước Tuynidi ở Bắc Phi (N.D)

[17] Cách gọi âu yếm tên Giuliô (N.D).